

THƯ MỤC QUỐC GIA THÁNG 01 NĂM 2026

THÔNG TIN HỌC VÀ TÁC PHẨM TỔNG QUÁT

1. Bách khoa tri thức dành cho trẻ em : Dành cho trẻ em từ 5 tuổi trở lên / Felicity Brooks, Fiona Chandler, Phillip Clarke... ; Minh họa: David Hancock ; Thanh Hương dịch. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Thế giới, 2025. - 320 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 29 cm. - (Tủ sách Bách khoa tri thức). - 330000đ. - 1000b s617158

2. Danh mục sách xuất bản (1945 - 2025) / B.s.: Nguyễn Hữu Việt, Đỗ Phương Mai, Vũ Xuân Cảnh... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật. - 24 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật

T.1: 1945 - 2000. - 2025. - 411 tr. s617493

3. Danh mục sách xuất bản (1945 - 2025) / B.s.: Nguyễn Hữu Việt, Đỗ Phương Mai, Vũ Xuân Cảnh... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật. - 24 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật

T.2: 2001 - 2014. - 2025. - 571 tr. s617494

4. Danh mục sách xuất bản (1945 - 2025) / B.s.: Nguyễn Hữu Việt, Đỗ Phương Mai, Vũ Xuân Cảnh... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật. - 24 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật

T.3: 2015 - 2025. - 2025. - 479 tr. s617495

5. Lưu Phan. Chuyện báo Sài Gòn : Thăng trầm làng báo Sài Gòn từ 1975 đến nay / Lưu Phan, Đinh Hiệp. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 315 tr. ; 21 cm. - 196000đ. - 1000b s617213

6. Nguyễn Hữu Cương. Cẩm nang Viết và xuất bản bài báo quốc tế / Nguyễn Hữu Cương. - Tái bản lần thứ 1, có sửa chữa, bổ sung. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 192 tr. ; 19 cm. - 90000đ. - 500b

Thư mục: tr. 130-142. - Phụ lục: 143-192 s616032

7. Nguyễn Quang Thạch. Bước chân gọi trái tim người mẹ / Nguyễn Quang Thạch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 255 tr. : ảnh ; 21 cm. - 140000đ. - 1000b s617765

8. Van Doren, Charles. Thú đọc sách = The joy of reading : Đến với các tác gia & tác phẩm kinh điển cùng một người hướng dẫn nhiệt tình / Charles Van Doren ; Phan Quang Định dịch ; Trần Đức Tài h.đ., giới thiệu. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 546 tr. ; 24 cm. - 395000đ. - 1500b s616748

TIN HỌC, TRI THỨC VÀ HỆ THỐNG

9. Bostrom, Nick. Siêu trí tuệ = Superintelligence : AI trỗi dậy và chiến lược ứng phó của loài người trong kỷ nguyên số / Nick Bostrom ; Dịch: Phạm Hồng Anh, Nguyễn Duy Anh. - H. : Thế giới, 2025. - 434 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 249000đ. - 3000b s617149

10. Bùi Thị Hòa. Bài giảng Tin học : Dùng cho sinh viên Trường Cao đẳng nghề Bách khoa Hà Nội / Bùi Thị Hòa. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 167 tr. : minh họa ; 27 cm. - 58000đ. - 2500b

Phụ lục: tr. 158-166. - Thư mục: tr. 167 s616173

11. Bước vào thế giới AI - AI Qwerty : Biến công nghệ thành đôi cánh của bạn / Nguyễn Lê Chí Quyết (ch.b.), Trịnh Huy Hoàng, Phạm Tiến Kha, Phạm Thành Trung. - Tp. Hồ Chí

- Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 178 tr. : bảng, tranh vẽ ; 24 cm. - 135000đ.
- 1000b
Phụ lục: tr. 165-178 s616610
12. ChatGPT từ A đến Z trong 1 ngày / Prompt Creator ; Nana dịch. - H. : Hồng Đức, 2025.
- 267 tr. : minh họa ; 27 cm. - 252000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Hàn: 된다! 하루 만에 끝내는 챗 GPT 활용법; Tên sách tiếng Anh:
Gotcha! How to use ChatGPT that ends in a day s616252
13. Dagger, Neil. Kỹ thuật đặt câu lệnh cho ChatGPT / Neil Dagger ; Diệp Ngân dịch. -
H. : Công Thương, 2025. - 279 tr. : tranh vẽ ; 19 cm. - (Tủ sách AI). - 179000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Anh: The ChatGPT millionaire: Making money online has never been this
easy s616416
14. Đặng Minh Dũng. 10 vạn câu hỏi vì sao / Đặng Minh Dũng b.s. - Tái bản lần thứ 8. -
H. : Phụ nữ Việt Nam. - 21 cm. - (Tri thức bách khoa dành cho thiếu nhi). - 55000đ. - 2000b
T.1. - 2025. - 203 tr. : minh họa s617712
15. Đặng Minh Dũng. 10 vạn câu hỏi vì sao / Đặng Minh Dũng b.s. - Tái bản lần thứ 8. -
H. : Phụ nữ Việt Nam. - 21 cm. - (Tri thức bách khoa dành cho thiếu nhi). - 55000đ. - 2000b
T.2. - 2025. - 203 tr. : minh họa s617713
16. Đinh Trung Hiếu. ChatGPT - Bí quyết thành công cho cán bộ nhà nước trong thời đại
số / Đinh Trung Hiếu. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 287 tr. ;
20 cm. - 150000đ. - 1000b s617209
17. Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học : Dành cho bậc trình độ đại học và sau
đại học các ngành thuộc lĩnh vực khoa học công nghệ hóa học, thực phẩm, sinh học và kinh tế
/ Đỗ Hữu Hải, Đặng Xuân Cường (ch.b.), Phạm Thế Trịnh... - H. : Khoa học Tự nhiên và Công
nghệ, 2025. - 367 tr. : bảng ; 24 cm. - 250000đ. - 230b
Thư mục: tr. 335. - Phụ lục: tr. 336-367 s617059
18. Hồ Văn Canh. Mật mã và an toàn thông tin: Lý thuyết và ứng dụng / Hồ Văn Canh
(ch.b.), Lê Danh Cường. - Tái bản lần 1. - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 281 tr. : hình
vẽ, bảng ; 24 cm. - 129000đ. - 500b
Thư mục: tr. 277-281 s617517
19. Knafllic, Cole Nussbaumer. Kể chuyện thông qua dữ liệu = Storytelling with data :
Cuốn cẩm nang hướng dẫn trực quan hóa dữ liệu / Cole Nussbaumer Knafllic ; Hồ Vũ Thanh
Phong dịch. - Tái bản. - H. : Thế giới, 2025. - 269 tr. : minh họa ; 23 cm. - 319000đ. - 3000b
Thư mục cuối chính văn s617155
20. Kỹ yếu Hội thảo khoa học: Công nghệ thông tin - Tin học ứng dụng trong chuyển đổi
số lần thứ I (2025) / Lê Phê Đô, Nguyễn Văn Tiến, Nguyễn Xuân Thanh... ; B.s.: Nguyễn Thị
Huyền Châu... - H. : Lao động, 2025. - 291 tr. : hình vẽ, bảng ; 25 cm. - 30b
ĐTTS ghi: Trường Đại học Thăng Long. - Thư mục cuối mỗi bài s616141
21. Lê Khánh. Làm chủ ChatGPT - Khai phá sức mạnh của các cuộc trò chuyện AI :
Hướng dẫn toàn diện về cách sử dụng ChatGPT: Nâng cao cuộc sống và công việc của bạn / Lê
Khánh, Lê Vũ. - Tái bản lần thứ 1, có bổ sung và chỉnh lý. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp
Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 252 tr. : bảng ; 23 cm. - 140000đ. - 1000b s617232
22. Nguyễn Đức Long. Sổ tay Thực hành AI - 30 ngày thành công cùng Gen AI : Hiệu
quả - Bảo mật - Thực tiễn / Nguyễn Đức Long, Nguyễn Tiệp. - H. : Thông tin và Truyền thông,
2025. - 299 tr. : minh họa ; 24 cm. - 250000đ. - 1500b
Phụ lục: tr. 267-296 s617528

23. Nguyễn Thanh Hòa. Thu thập xử lý phân tích thông tin nguồn mở / Nguyễn Thanh Hòa, Nguyễn Lam Hồng. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 222 tr. ; 21 cm. - 150000đ. - 1000b s617212
24. Nguyễn Thế Lộc. Giáo trình Mạng máy tính / Nguyễn Thế Lộc. - In lần thứ 3. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 272 tr. : minh họa ; 24 cm. - 95000đ. - 500b
Thư mục: tr. 272 s616541
25. Tatler - Nhà tập tinh hoa / Sade Ho, Quang Thắng, Hong Dang... - H. : Thông tấn. - 31 cm. - 299000đ. - 1500b
Vol. 7. - 2025. - 174 tr. : ảnh màu s616185
26. Tăng cường Tin học quốc tế IC3 GS6 - Level 1 : Digital literacy : Sử dụng Windows 10 & Microsoft Office 365. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 104 tr. : minh họa ; 28 cm. - 82000đ. - 4000b
ĐTTS ghi: IIG Việt Nam s616351
27. Tăng cường Tin học quốc tế IC3 GS6 - Level 3 : Digital literacy : Sử dụng Windows 10 & Microsoft office 365. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 56 tr. : minh họa ; 28 cm. - 60000đ. - 1000b
ĐTTS ghi: IIG Việt Nam s616353
28. Tăng cường Tin học quốc tế IC3 GS6 - Level 3 : Digital literacy : Sử dụng Windows 10 & Microsoft Office 365. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 103 tr. : minh họa ; 28 cm. - 82000đ. - 2500b
ĐTTS ghi: IIG Việt Nam s616352
29. Tăng tốc luyện đề thi đánh giá năng lực : Theo cấu trúc đề thi của Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh : Phiên bản mới nhất / Hồ Lộc Thuận, Nguyễn Hoài Nam, Vương Thuý Hằng... - H. : Công Thương, 2025. - 287 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 350000đ. - 5000b s616372
30. Tin học 6 / Lê Đức Long, Huỳnh Phạm Thanh Trúc. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 92 tr. : minh họa ; 27 cm. - 56000đ. - 1000b s616377
31. Tin học 7 / Lê Đức Long, Nguyễn Thị Thiên Lý. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 92 tr. : minh họa ; 27 cm. - 56000đ. - 1000b s616378
32. Tin học 8 / Lê Đức Long, Nguyễn Thị Thiên Lý. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 92 tr. : minh họa ; 27 cm. - 56000đ. - 1000b s616379
33. Tin học 9 / Lê Đức Long, Nguyễn Thị Thiên Lý. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 92 tr. : minh họa ; 27 cm. - 56000đ. - 1000b s616380
34. Trần Thông Quế. Bài tập lập trình với ngôn ngữ C++ - Từ cơ bản đến nâng cao / Trần Thông Quế. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Thông tin và Truyền thông. - 24 cm. - 120000đ. - 500b
T.2. - 2025. - 255 tr. : hình vẽ. - Thư mục: tr. 253 s617532
35. Trần Thông Quế. Bài tập lập trình với ngôn ngữ Python - Từ cơ bản đến nâng cao / Trần Thông Quế. - Tái bản lần 1. - H. : Thông tin và Truyền thông. - 24 cm. - 198000đ. - 500b
T.1. - 2025. - 228 tr. : hình vẽ, bảng. - Thư mục cuối mỗi bài s617516
36. Trương Xuân Hồng. Kiểm tiền cùng ChatGPT - Data analysis - Phân tích dữ liệu / Trương Xuân Hồng ; Lê Tiên Thành dịch. - H. : Hồng Đức, 2025. - 206 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 198000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Trung: 利用CHATGPT進行数据分析 s616251

TRIẾT HỌC

37. Adler, Alfred. Khoa học về lối sống = The science of living / Alfred Adler ; Thế Anh dịch. - H. : Lao động, 2025. - 203 tr. ; 22 cm. - 248000đ. - 700b s617384

38. Bé hiểu lễ nghĩa : Kỹ năng cho trẻ từ 3 - 8 tuổi / Lam Phương b.s. - H. : Văn học, 2025. - 95 tr. : tranh màu ; 24 cm. - 92000đ. - 3000b s616945

39. Bùi Gia Hiều. Quản trị cuộc đời : Làm chủ số phận hay bị cuốn theo dòng đời? / Bùi Gia Hiều. - H. : Thế giới, 2025. - 489 tr. : minh họa ; 24 cm. - 450000đ. - 1000b s617129

40. Bùi Oanh Happygirl. Khám phá năng lượng ý nghĩa của các con số / Bùi Oanh Happygirl. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 38 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 129600đ. - 1000b s616792

41. Bùi Quốc Tuấn. Trả lại tính nữ cho em - Trả lại tính nam cho anh : Bí mật trở thành cặp đôi hạnh phúc bền vững. Tìm về đúng sức mạnh tạo hóa ban tặng / Bùi Quốc Tuấn, Bùi Oanh Happygirl. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 159 tr. : ảnh ; 20 cm. - (Bộ sách "Về nhà hạnh phúc"). - 389000đ. - 1000b s617223

42. Bunning, Joan. Giải mã Tarot ngược : Hướng dẫn thực hành, luận giải thông điệp và giải phóng năng lượng tiềm ẩn trong từng lá bài / Joan Bunning ; Trần Thu Uyên dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 334 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 179000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Upside down tarot : How reversals add depth to your reading s617250

43. Cao Lâm. Giữa thế gian muôn màu tôi chọn vẽ chính tôi / Cao Lâm ; Tuyết Mai biên dịch. - H. : Văn học, 2025. - 511 tr. ; 21 cm. - 195000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Trung: 不被定义 s616896

44. Carnegie, Dale. Đắc nhân tâm = How to win friends and influence people / Dale Carnegie ; Trần Cẩm dịch. - Tái bản. - H. : Văn học, 2025. - 367 tr. ; 21 cm. - 86000đ. - 70000b s616993

45. Chatterjee, S. Dẫn luận triết học Ấn Độ / S. Chatterjee, DH. Datta ; Thích Nguyên Hiệp dịch. - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2025. - 514 tr. ; 21 cm. - 200000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 491-497 s617575

46. Coué, Émile. Bí mật và thực tế về tự kỷ ám thị : Chữa lành bản thân. Sự kỳ diệu đến từ tự thôi miên / Émile Coué ; Lương Xuân Bách dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 20 cm. - 99000đ. - 2000b

Ph.2: Simple self-healing - Sức mạnh kỳ diệu của tiềm thức. - 2025. - 222 tr. : hình vẽ s617710

47. Covey, Sean. 7 thói quen của bạn trẻ thành đạt = Daily reflections for highly effective teens / Sean Covey ; Dịch: Vũ Thị Thu Nhi, Nguyễn Thành Nhân. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 335 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 148000đ. - 3000b s617225

48. Cruz, Camilo. Ngày xưa có một con bò... : Câu chuyện ngụ ngôn sẽ tạo bước đột phá cho cuộc sống của chúng ta / Camilo Cruz ; Nguyễn Hoàng Yến Phương dịch. - In lần thứ 36. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 147 tr. ; 20 cm. - 70000đ. - 5000b

Tên sách tiếng Anh: Once upon a cow : Eliminating excuses and setting for nothing but success s616732

49. Dispenza, Joe. Bạn là nhà giả dược = You are the placebo : Khai phá sức mạnh của tiềm thức / Joe Dispenza ; Dịch: Thái Phạm... - Tái bản. - H. : Thế giới, 2025. - 374 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Phát triển bản thân). - 349000đ. - 1000b s617152

50. Dương Thu Ái. Chí tiến thủ / B.s.: Dương Thu Ái, Nguyễn Kim Hanh. - H. : Lao động, 2025. - 323 tr. : tranh vẽ ; 19 cm. - (Đạo lý cổ nhân). - 179000đ. - 2000b
Tên thật tác giả: Dương Văn Thụ s615897

51. Đào Ngọc Cường. Giáo dục nhân cách và lòng biết ơn : Những câu chuyện làm thay đổi hàng triệu học sinh / Đào Ngọc Cường. - H. : Lao động, 2025. - 295 tr. : hình vẽ, ảnh ; 21 cm. - 360000đ. - 1000b s617402

52. Đặng Minh Tâm. Hạnh phúc đủ đầy = A simple life : 10 nguyên tắc cho cuộc sống đơn giản mà đầy màu sắc / Đặng Minh Tâm. - H. : Lao động, 2025. - 179 tr. : hình vẽ, ảnh ; 24 cm. - 189000đ. - 1000b
Phụ lục: tr. 158-173 s617397

53. Giải mã kiểu gắn bó của bạn : Để không lặp lại mối quan hệ độc hại và xây dựng tình yêu lâu bền / LearnWell Books ; Hoàng Phương Dung dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 183 tr. ; 21 cm. - 155000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: How attachment styles work: Discover the cause of your relationship patterns & learn to build love that lasts s617100

54. Giang Đình. Sổ tay chữa lành: Đánh thức sự tự tin bên trong bạn: Tái sinh - Renewal / Giang Đình. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 187 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 149000đ. - 1000b s617715

55. Goleman, Daniel. Đi tìm vùng tối ưu : Cách duy trì sự xuất sắc cho cá nhân và tổ chức mỗi ngày / Daniel Goleman, Cary Cherniss ; Trịnh Huy Nam dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 322 tr. ; 24 cm. - 229000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Optimal : How to sustain personal and organizational excellence every day s617122

56. Gompertz, Will. Nghĩ như một nghệ sĩ và sống cuộc đời hiệu quả, sáng tạo hơn / Will Gompertz ; Nguyễn Mỹ Ngọc dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 206 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 20 cm. - 122000đ. - 1000b s616710

57. Hiểu Linh Đinh Đăng. Để trưởng thành mạnh mẽ! - Tự lập để trưởng thành : Kỹ năng quản lý bản thân / Hiểu Linh Đinh Đăng ; Lê Quyên dịch. - Tái bản. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 208 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Rèn luyện kỹ năng sống cho trẻ). - 75000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: 非常成长书-不再麻烦好妈妈 s617743

58. Hill, Napoleon. Chiến thắng con quỷ trong bạn = Outwitting the devil : Một cuộc đấu trí giành lấy bí mật của tự do và thành công : Phiên bản mới / Napoleon Hill ; Xuân Huy dịch. - Tái bản. - H. : Văn học, 2025. - 266 tr. : ảnh ; 21 cm. - 138000đ. - 20000b s616992

59. Hoa Lê Finan. Từ tự thiết lập đến việc chinh phục mọi mục tiêu / Hoa Lê Finan. - H. : Tri thức, 2025. - 81 tr. ; 18 cm. - 139000đ. - 2000b

Tên thật tác giả: Lê Thị Thanh Hoa s616034

60. Hoàng Khải Đoàn. Thay đổi một suy nghĩ, thay đổi cả cuộc đời : Người khác đối xử thế nào với bạn là do bạn dạy / Hoàng Khải Đoàn ; Phương Linh dịch. - Tái bản lần 7. - H. : Văn học, 2025. - 399 tr. : hình vẽ ; 23 cm. - 160000đ. - 2000b s617032

61. Hồng Thanh. Thân tình trong mộng / Hồng Thanh. - H. : Thế giới, 2025. - 141 tr. ; 21 cm. - 146000đ. - 500b

Tên thật tác giả: Võ Văn Hậu s616509

62. Huỳnh Liên Từ. Xem quẻ bài thần / Huỳnh Liên Từ. - H. : Tri thức, 2025. - 95 tr. : hình vẽ ; 19 cm. - 68000đ. - 5000b s615945
63. Jay, Meg. Tuổi 20 những năm tháng quyết định cuộc đời bạn = The defining decade / Meg Jay ; Ngọc Bích dịch. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Văn học, 2025. - 266 tr. : bìa ; 21 cm. - 109000đ. - 5000b s616976
64. Jung, Carl Gustav. "Cái tôi" chưa khai phá : Vấn đề đặt ra đối với cá nhân trong xã hội hiện đại / Carl Gustav Jung ; Lương Xuân Bách dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 135 tr. : hình vẽ ; 20 cm. - 93000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Anh: The undiscovered self s617711
65. Khoai Tây yêu tiếng Trung. Dẫu bình thường, bạn vẫn là "phiên bản giới hạn" = 虽然平凡,你仍然是限量版 : Trích dẫn song ngữ Trung - Việt có phiên âm / Khoai Tây yêu tiếng Trung b.s. - Tái bản. - H. : Lao động, 2025. - 119 tr. ; 19 cm. - 79000đ. - 2000b s615890
66. Khoai Tây yêu tiếng Trung. Hôm nay nhiều mây, mai trời sẽ lại nắng = 今日多云, 明日天晴 : Trích dẫn song ngữ Trung - Việt có phiên âm / Khoai Tây yêu tiếng Trung b.s. - H. : Lao động, 2025. - 109 tr. : tranh vẽ ; 19 cm. - 99000đ. - 2000b s615898
67. Khôi Bùi. Mọi nỗ lực không bao giờ là muộn / Khôi Bùi. - H. : Văn học, 2025. - 208 tr. ; 21 cm. - 115000đ. - 1000b s616903
68. Không câu nào nói yêu nhưng tất cả đều là yêu : Sổ chép tay nuôi dưỡng cảm xúc. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 95 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 68000đ. - 2000b s617774
69. Kỹ năng giao tiếp / Phòng Đọc sách ; Dương Thục Quân dịch. - H. : Văn học, 2025. - 159 tr. : tranh vẽ ; 23 cm. - (Rèn kỹ năng sống cho học sinh). - 60000đ. - 3000b s616944
70. Kỹ năng quản lí cảm xúc / Phòng Đọc sách ; Dương Thục Quân dịch. - H. : Văn học, 2025. - 159 tr. : tranh vẽ ; 23 cm. - (Rèn kỹ năng sống cho học sinh). - 60000đ. - 3000b s616946
71. Kim Chính Hạo. Bạn lo lắng đâu có nghĩa là bạn đang cố gắng / Kim Chính Hạo ; Thu Phương dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 219 tr. ; 21 cm. - 109000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Trung: 体焦虑,不代表竹努力 s617098
72. Krishnamurti, J. Nhận thức không chọn lựa : Vượt qua rào cản ý nghĩa và ngôn từ / J. Krishnamurti ; Quách Trọng dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 238 tr. ; 21 cm. - (Tủ sách Hiểu thực tại). - 150000đ. - 500b
Thư mục: tr. 237-238 s617700
73. Krishnamurti, J. Soi chiếu mối quan hệ : Tình yêu, tình dục và khiết tịnh / J. Krishnamurti ; Quách Trọng dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 247 tr. ; 21 cm. - (Tủ sách Hiểu thực tại). - 160000đ. - 1000b
Thư mục: tr. 246-247 s617699
74. Krishnamurti, Jiddu. Ánh sáng trong chính mình - Thiền định thật sự = This light in oneself - True meditation / Jiddu Krishnamurti ; Dịch: Hồ Khắc Quang, Võ Thị Minh Phụng. - Huế : Nxb. Thuận Hoá, 2025. - 327 tr. ; 21 cm. - 400000đ. - 200b
Thư mục: tr. 323-325 s616625
75. Levitin, Daniel J. Tư duy có tổ chức : Phương pháp hiệu quả trong điều hướng dòng chảy thông tin... / Daniel J. Levitin ; Hoàng Việt dịch. - Tái bản lần thứ 3, có chỉnh sửa. - H. : Tài chính, 2025. - 504 tr. : minh họa ; 24 cm. - 249000đ. - 3000b
Tên sách tiếng Anh: The organized mind. - Phụ lục: tr. 492-504 s617184

76. Lê Hiền EQ. Sách thực hành chú ý và tập trung : Một cuốn sách về các hoạt động giúp trẻ rèn luyện khả năng chú ý, tập trung và bình tĩnh trong từng khoảnh khắc / Lê Hiền EQ. - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 158 tr. : minh họa ; 21 cm. - 95000đ. - 1000b s617531

77. Lê Văn Thịnh. Thôi miên hồi quy tiền kiếp : Dựa trên nền tảng khoa học tâm lý / Lê Văn Thịnh, An Thị Thu, Nguyễn Thị Lê. - H. : Thế giới, 2025. - 245 tr. ; 24 cm. - 499000đ. - 1000b s617116

78. Liêu Trí Phong. Mỗi lần vấp ngã là một lần trưởng thành / Liêu Trí Phong ; Trần Yên dịch. - In lần thứ 2. - H. : Văn học, 2025. - 375 tr. ; 21 cm. - 120000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: 每一次受伤, 都是一种成长 s616979

79. Mai Khôi. Người phụ nữ toàn vẹn / Mai Khôi. - H. : Thế giới, 2025. - 206 tr. : minh họa ; 21 cm. - 125000đ. - 1500b s617109

80. Martin, Ryan. Thu phục người nóng giận = How to deal with angry people : 10 mẹo tâm lý hóa giải cơn giận trong cuộc sống / Ryan Martin ; Châu Sa dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 357 tr. ; 21 cm. - 180000đ. - 2500b

Thư mục: tr. 345-354 s617772

81. Mặc Am. Quý Cốc Tử - Trí tuệ xử thế / Mặc Am dịch, b.s. - Tái bản. - H. : Văn học, 2025. - 274 tr. ; 21 cm. - 118000đ. - 10000b s616986

82. McLaren, Karla. Tiếng lòng : Những điều cảm xúc đang cố nói với bạn / Karla McLaren ; Hà Trang dịch. - H. : Công Thương, 2025. - 666 tr. ; 24 cm. - 339000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: The language of emotions : What your feelings are trying to tell you. - Thư mục: tr. 657-664 s616434

83. Miêu Công Tử. 999 lá thư gửi cho chính mình : Phiên bản tô chữ tiếng Trung / Miêu Công Tử ; Quỳnh Nhi dịch. - H. : Lao động, 2025. - 103 tr. ; 21 cm. - 69000đ. - 1000b

Tên sách nguyên bản: 愿你成为最好的自己 : 写给自己的999封信 s617365

84. Miêu Công Tử. Trở thành phiên bản điềm tĩnh hơn : Phiên bản song ngữ Trung - Việt / Miêu Công Tử ; Nguyễn Thanh Hương dịch. - H. : Lao động, 2025. - 159 tr. ; 18 cm. - 119000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Trung: 一日禅:心有欢喜,万事可期 s615959

85. Monet. Một trái tim nhạy cảm, một cái đầu nghĩ nhiều / Monet. - H. : Thế giới, 2025. - 232 tr. ; 20 cm. - 95000đ. - 500b

Thư mục: tr. 229 s617138

86. Moon. Bí mật trí tuệ Do Thái - Những cách phát triển trí tuệ của người Do Thái / Moon b.s. - Tái bản. - H. : Lao động, 2025. - 127 tr. ; 19 cm. - 129000đ. - 2000b s615967

87. Murphy, Joseph. Sức mạnh tiềm thức = The power of your subconscious mind / Joseph Murphy ; Dịch: Bùi Thanh Châu, Mai Sơn. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 335 tr. ; 21 cm. - 128000đ. - 5000b s617224

88. Mỹ Như. Áo tưởng : Khi những tổn thương tinh thần là hệ quả của việc tự lừa dối chính mình / Mỹ Như. - H. : Lao động, 2025. - 127 tr. : hình vẽ, ảnh ; 18 cm. - 79000đ. - 220b

Thư mục: tr. 124-127 s615958

89. Mỹ Thuận. Khéo ăn nói, được thiên hạ / Mỹ Thuận. - Tái bản. - H. : Văn học, 2025. - 247 tr. ; 21 cm. - 138000đ. - 70000b s616987

90. Nghệ thuật sống trong dòng chảy bốn mùa / Ngô Duy Cường, Phạm Thị Thanh, Ngô Jonathan Linh Ân... - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 438 tr. : tranh màu ; 24 cm. - 450000đ. - 2000b s617620

91. Nguyễn Khương Duy. Thiên cơ = Secret : Khi bí mật được hé lộ, tất cả đều vì thế mà sáng tỏ. 99 sự thật giúp bạn khai mở tâm trí, thay đổi cuộc đời / Nguyễn Khương Duy. - H. : Công Thương, 2025. - 199 tr. : tranh vẽ ; 23 cm. - 360000đ. - 10000b s616422

92. Nguyễn Thanh An. Nhắc mình / Nguyễn Thanh An. - H. : Thế giới, 2025. - 108 tr. : bảng ; 21 cm. - 79000đ. - 500b s617095

93. Nguyễn Thị Huệ. Giáo trình Lịch sử tư tưởng phương Đông và Việt Nam / Nguyễn Thị Huệ. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 202 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 70000đ. - 1000b ĐTTS ghi: Trường Đại học Văn hóa Hà Nội. - Thư mục cuối mỗi chương s616464

94. Nguyễn Thị Thu Hường. Vượt qua áp lực tâm lý - Phụ nữ trung niên tái sinh nội lực = Overcoming psychological pressures - The inner rebirth of middle-aged women / Nguyễn Thị Thu Hường. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 122 tr. ; 24 cm. - 250000đ. - 200b Bút danh tác giả: Thúy Hường Rosie. - Thư mục: tr. 111-118 s616646

95. Nguyễn Văn Hòa. Tư duy và lôgic / Ch.b.: Nguyễn Văn Hòa, Nguyễn Lê Trung Thành, Nguyễn Minh Hưng. - Huế : Nxb. Thuận Hóa, 2025. - 156 tr. : bảng ; 21 cm. - 90000đ. - 200b Thư mục: tr. 153-154 s616492

96. Nietzsche, Friedrich. Ý chí quyền lực - Một nỗ lực đảo hoán mọi giá trị / Friedrich Nietzsche ; Nguyễn Sỹ Nguyên dịch ; Dương Ngọc Dũng h.đ. - H. : Lao động. - 22 cm. - 245000đ. - 500b

Tên sách tiếng Anh: The will to power

T.1. - 2025. - 391 tr. s617383

97. Odessky, Helen. Đứng để nỗi sợ cản đường bạn / Helen Odessky ; Trần Mai Loan dịch. - In lần 3. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 179 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 67000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Stop fear from stopping you : The art and science of becoming fear-wise. - Thư mục: tr. 165-178 s617775

98. Phạm Đình Phương Đông. Hành trình Phụng Hoàng / Phạm Đình Phương Đông, Trần Ngọc Ánh. - H. : Lao động, 2025. - 330 tr. ; Trọn bộ 11 cuốn. - 15 cm. - 250000đ. - 500b s615969

99. Phillips, David A. Thay đổi cuộc sống với nhân số học = The complete book of numerology / David A. Phillips ; Lê Đỗ Quỳnh Hương. - Tái bản lần thứ 21. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 415 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 248000đ. - 3000b s617230

100. Phương Nguyễn. Chỉ cần bạn kiên cường cả thế giới sẽ nhường đường cho bạn / Phương Nguyễn. - H. : Văn học, 2025. - 240 tr. ; 21 cm. - 115000đ. - 1000b s616900

101. Plato. Cộng hoà / Plato ; Đỗ Khánh Hoan dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 722 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 299000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Anh: Republic s617141

102. Puty Puar. Là tôi nhưng hoàn thiện hơn = Self-Improved me : Khám phá bản thân và tiến bước mỗi ngày / Puty Puar ; Dịch: Hạ Khuê, Xuân Uyên. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - x, 172 tr. : minh họa ; 21 cm. - 80000đ. - 2000b

Thư mục: tr. 168-170 s616700

103. Ranganath, Charan. Sự thật về trí nhớ : Mở khóa sức mạnh ký ức để tối ưu việc ghi nhớ / Charan Ranganath ; Phạm Hoa Phượng dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 346 tr. ; 24 cm. - 239000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Why we remember : Unlocking memory's power to hold on to what matters most. - Thư mục: tr. 311-346 s617119

104. Reed, Theresa. Khi trải bài không như ý : Đọc vị tình huống và giải quyết vấn đề bằng Tarot / Theresa Reed ; Thuốc Lâm dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 309 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 129000đ. - 2000b s617099

105. Register, Jake. Bí mật vũ trụ - Ngôn ngữ của các vì sao : Giải mã cung hoàng đạo để khám phá tính cách, thấu hiểu bản thân, nắm bắt các mối quan hệ và làm chủ vận mệnh / Jake Register ; Huy Nguyễn dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 327 tr. ; 21 cm. - 189000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Astrology for relationships s617245

106. Ricoeur, Paul. Cái ác : Một thách thức đối với triết học và thần học / Paul Ricoeur ; Bùi Văn Nam Sơn dịch, chú thích, giới thiệu. - In lần thứ 4. - H. : Hồng Đức, 2025. - 98 tr. ; 20 cm. - 92000đ. - 1000b

Dịch từ nguyên bản tiếng Pháp: Le mal: un défi à la philosophie et à la théologie s617737

107. Ruby Nguyen. Sống như bông pháo hoa : Hành trình khám phá điều quý giá nhất cuộc đời / Ruby Nguyen. - In lần 5. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 305 tr. ; 21 cm. - 286000đ. - 1000b s617656

108. Rutley, Daniel. Cân bằng cảm xúc mọi lúc mọi nơi : Để thoát khỏi hố sâu trầm cảm, lo âu và tức giận không kiểm soát / Daniel Rutley ; Tạ Thanh Hải dịch. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Công Thương, 2025. - 456 tr. : bảng ; 21 cm. - 199000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Anh: Escaping emotional entrapment s616418

109. Sharma, Robin. Sống cuộc đời giàu có nhất của bạn / Robin Sharma ; Dịch: Thiên Kim... - In lần thứ 2. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 463 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 200000đ. - 1500b

Tên sách tiếng Anh: The wealth money can't buy s616721

110. Spalding, Baird T. Hành trình về phương Đông / Baird T. Spalding ; Vintage Lover KP dịch, b.s. - H. : Văn học, 2025. - 349 tr. ; 21 cm. - 138000đ. - 100000b s616878

111. Sun. Trước khi nói "em đồng ý" : Yêu đúng cách, chọn đúng người / Sun. - H. : Công Thương, 2025. - 179 tr. : bảng ; 21 cm. - 150000đ. - 2000b s616395

112. Sunny Tarot. Tự học Tarot: Hành trình chữa lành từ những lá bài / Sunny Tarot. - H. : Thế giới, 2025. - 230 tr. : bảng, tranh vẽ ; 21 cm. - 189000đ. - 500b s617094

113. Sương Mai. Trưởng thành không cô độc / Sương Mai. - H. : Văn hoá dân tộc, 2025. - 195 tr. : ảnh, bảng ; 21 cm. - 179000đ. - 10000b

Tên thật tác giả: Hoàng Thị Kim Hậu Phúc s616510

114. Thảo Anh. Bí mật của tình yêu : Hành trình khám phá tình yêu chân thật / Thảo Anh. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 295 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 399000đ. - 1000b s617771

115. Thiều Hường. 365 ngày đánh thức thịnh vượng / Thiều Hường. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 399 tr. ; 21 cm. - 380000đ. - 2000b s617270

116. Thực hành tự chữa lành bản thân : Tuyển tập các bài thực hành giúp bạn hiểu bản thân và mạnh mẽ hơn : 9+ / Lollibooks. - H. : Lao động, 2024. - 99 tr. : bảng, tranh vẽ ; 24 cm. - 300000đ. - 10000b s617394

117. Trác Nhã. Khéo ăn nói sẽ có được thiên hạ / Trác Nhã, Nhan Vĩnh Bình ; Nguyễn Phương Thảo dịch. - In lần thứ 28. - H. : Văn học, 2025. - 403 tr. ; 21 cm. - 130000đ. - 10000b s617019

118. Trác Nhã. Khéo ăn nói sẽ có được thiên hạ / Trác Nhã, Nhan Vĩnh Bình ; Nguyễn Phương Thảo dịch. - In lần thứ 29. - H. : Văn học, 2025. - 403 tr. ; 21 cm. - 150000đ. - 4000b s617020

119. Trảo Trà. Hôm nay cũng muốn ôm lấy bạn = 今天也想抱抱你 : Sách tranh song ngữ Trung - Việt / Trảo Trà ; Nguyễn Thanh Hương dịch. - H. : Lao động, 2025. - 185 tr. : tranh màu ; 19 cm. - 136000đ. - 2000b s615961

120. Trần Thái Đình. Triết học Kant / Trần Thái Đình. - H. : Văn học, 2025. - 420 tr. ; 21 cm. - 195000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 418-420 s617694

121. Tự học Tarot : Hành trình từ Chàng Khờ đến tận cùng thế giới / Adams Media ; Nhung Nguyễn dịch. - H. : Công Thương, 2025. - 342 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - (Tủ sách Huyền học). - 189000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: How to read Tarot s616420

122. Vu Calvin Pham. Sống yên thân hay đời ngoại hạng : Từ ổn định nhạt nhòa đến cuộc đời có dấu ấn / Vu Calvin Pham. - Huế : Nxb. Thuận Hoá, 2025. - 83 tr. ; 21 cm. - 500b s616486

123. Vương Tuấn. Bứt phá từ đáy : Chiến lược định vị bản thân vượt qua khủng hoảng / Vương Tuấn. - H. : Văn hoá dân tộc, 2025. - 311 tr. : bìa ; 20 cm. - 465000đ. - 1500b s616441

124. William Tseng. Nghi chơi để sống thành thời / William Tseng ; Mặc Thủy dịch. - H. : Văn học, 2025. - 294 tr. ; 21 cm. - 138000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: 絶交不可惜, 把良善留给对的人 s616893

125. Yoo Ji Hye. Văn phòng không giam cánh bay : Chạm tới phiên bản tốt hơn của bạn / Yoo Ji Hye ; Dịch: Kyoyeon, Nhựt Linh. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 221 tr. : minh họa ; 21 cm. - 150000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Hàn: 이대로 마흔이 될 순 없어 s617719

126. Zweig, Connie. Bóng tối, bản ngã, nhận thức : Hành trình khám phá bản thân từ vô thức đến tinh thức / Connie Zweig, Jeremiah Abrams ; Trần Hải Lý dịch. - H. : Công Thương, 2025. - 519 tr. ; 24 cm. - 269000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Meeting the shadow: The hidden power of the dark side of human nature s616433

TÔN GIÁO

127. Chân Quang. Những điều thú vị từ truyện tích Pháp Cú / Chân Quang b.s. - H. : Công Thương. - 21 cm. - 105000đ. - 1000b

T.14. - 2025. - 236 tr. : hình vẽ s617411

128. Chân Quang. Triết lý đôi bàn tay = Philosophy of the hand / Chân Quang. - H. : Văn học, 2025. - 81 tr. : hình vẽ, tranh màu ; 21 cm. - 50000đ. - 1000b s616886

129. Chuyên đề Don Bosco : Gia đình SaLêDiêng Don Bosco Việt Nam : Chuyên đề Giáo dục dành cho mọi gia đình / Nguyễn Xuân Quang, Ngọc Yến, Sa Mạc Xanh...; Chuyển ngữ: Lê Nguyễn...; B.s.: Nguyễn Trí Dũng... - H. : Hồng Đức. - 27 cm. - 18000đ. - 2000b

T.90: Định vị cuộc đời. - 2025. - 47 tr. : ảnh, tranh màu s616253

130. Chuyên đề Don Bosco : Gia đình SaLêDiêng Don Bosco Việt Nam : Chuyên đề Giáo dục dành cho mọi gia đình / Nguyễn Xuân Quang, Ngọc Yến, Sa Mạc Xanh... ; Chuyên ngữ: Hoàng Việt... ; B.s.: Nguyễn Trí Dũng... - H. : Hồng Đức. - 27 cm. - 18000đ. - 2000b
T.92: Xem xét lại. Làm mới lại. Khởi động lại. - 2025. - 47 tr. : ảnh, tranh màu s616255
131. Công giáo Việt Nam giai đoạn 1954 - 1975 : Sách chuyên khảo / Ngô Quốc Đông (ch.b.), Dương Văn Biên, Nguyễn Thế Nam, Nguyễn Thị Bích Ngoan. - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 422 tr. : ảnh, bảng ; 24 cm. - 165000đ. - 300b
ĐTTS ghi: Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Viện Nghiên cứu Tôn giáo. - Thư mục: tr. 375-390. - Phụ lục: tr. 391-422 s616517
132. Daisetz Teitaro Suzuki. Thiên và Bát nhã / Daisetz Teitaro Suzuki ; Tuệ Sỹ dịch. - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2025. - 234 tr. ; 21 cm. - 190000đ. - 500b
Phụ lục trong chính văn s617571
133. Diệu Âm : Chào mừng Lễ hội Quán Thế Âm 19/2 Âm Tỵ 2025 / Thích Nguyên Hiền, Bùi Hữu Dược, Tâm Bình... - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 251 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 23 cm. - 1000b s616836
134. Dưới bóng đa xưa - Mẹ ngàn hoa : Thơ / Nguyễn Văn Minh Nhật, Nguyễn Thông, Lê Thị Mi Ly... - Huế : Thuận Hóa, 2025. - 195 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 1000b
ĐTTS ghi: Tổng Giáo phận Huế. Ủy ban Văn hóa s616622
135. Đỉnh Thanh Tùng. Tập làm Phật / Đỉnh Thanh Tùng. - H. : Lao động, 2025. - 147 tr. ; 19 cm. - 99000đ. - 1000b s615891
136. Đuốc sen : Vu lan luôn ngự trong tim / Minh Điệp, Tuyết Liên, Sen Trắng ... ; Giác Toàn (ch.b.)... - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh. - 28 cm. - 30000đ. - 1000b
Đầu bìa sách ghi: Nối truyền Thích ca chánh pháp - Đạo Phật Khất sĩ Việt Nam
T.29. - 2019. - 145 tr. : ảnh s616341
137. Đuốc sen : Mừng Xuân Giáp Thìn 2024 - Tưởng niệm 70 năm Tổ sư Minh Đăng Quang vắng bóng / Trần Quê Hương, Thể Như, Liên Căn... ; Minh Thành ch.b. - H. : Tôn giáo. - 28 cm. - 30000đ. - 3000b
Đầu bìa sách ghi: Nối truyền Thích Ca chánh pháp - Đạo Phật Khất sĩ Việt Nam; Giáo hội Phật giáo Việt Nam
T.33. - 2024. - 127 tr. : ảnh s616342
138. Đuốc sen : Vu lan hành trình của đạo hiếu / Thể Như, Nguyên Căn, Liên Thuần... ; Minh Thành ch.b. - H. : Tôn giáo. - 28 cm. - 30000đ. - 3000b
Đầu bìa sách ghi: Nối truyền Thích Ca chánh pháp - Đạo Phật Khất sĩ Việt Nam; Giáo hội Phật giáo Việt Nam
T.35. - 2024. - 127 tr. : ảnh s616343
139. Đuốc sen : Kính mừng Đại lễ Phật đản Vesak Liên hợp quốc / Minh Chuyển, Liên Căn, NT. Yến Liên... ; Minh Thành ch.b. - H. : Hồng Đức. - 28 cm. - 30000đ. - 2500b
Đầu bìa sách ghi: Nối truyền Thích Ca chánh pháp - Đạo Phật Khất sĩ Việt Nam; Giáo hội Phật giáo Việt Nam
T.37. - 2025. - 127 tr. : ảnh s616344
140. Đuốc sen : Vu lan mùa báo hiếu / Minh Chuyển, Quang Toàn Thành Anh, Di Giai... ; Minh Thành ch.b. - H. : Hồng Đức. - 28 cm. - 30000đ. - 2500b
Đầu bìa sách ghi: Nối truyền Thích Ca chánh pháp - Đạo Phật Khất sĩ Việt Nam; Giáo hội Phật giáo Việt Nam
T.38. - 2025. - 127 tr. : ảnh s616345

141. Fan Việt. Ai rồi cũng sẽ bình yên / Fan Việt. - Tái bản. - H. : Văn học, 2025. - 263 tr. ; 18 cm. - 99000đ. - 20000b
Pháp danh tác giả: Thích Quảng Thông s616982
142. Gula, Richard M. Lý trí được soi dẫn bởi Đức tin : Những nền tảng của thần học luân lý Công giáo / Richard M. Gula ; Nguyễn Minh Triệu dịch. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 551 tr. : hình vẽ ; 23 cm. - 180000đ. - 1000b
Tên sách tiếng Anh: Reason informed by faith : Foundations of Catholic morality s616649
143. Khánh Phương. Giác ngộ - Lời Phật dạy về con đường giải thoát : Phóng theo Kinh Pháp cú / Khánh Phương b.s., dịch. - H. : Văn học, 2025. - 291 tr. ; 20 cm. - 118000đ. - 20000b s616872
144. King Milanda A. Giáo trình Vi diệu pháp cơ bản Abhidhamma / King Milanda A. - H. : Hồng Đức. - 27 cm. - 1000b
Đầu bìa sách ghi: Phật giáo nguyên thủy = Theravāda
Q.2. - 2025. - 427 tr. s616230
145. Kinh bản nguyện của Bồ Tát Địa Tạng / Thích Tuệ Hải dịch. - H. : Văn học, 2025. - 159 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 500000đ. - 1000b s617678
146. Kinh Pháp cú = Dhammapada / Thích Minh Châu dịch. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 319 tr. ; 11 cm. - 5000b s616036
147. Kỷ yếu gia đình Têrêsa Huế : 20 năm thành lập 2005 - 2025 / Nguyễn Như Thế, Lê Viết Hòa, Quý Lê... - Huế : Nxb. Thuận Hóa, 2025. - 141 tr. : ảnh ; 20 cm. - 200b s616491
148. Kỷ yếu khoá XXI niên khóa 2017 - 2025 "Đừng sợ" (Ga 6, 20) / Huỳnh Quang Tú, Nguyễn Minh Sang, Trần Đình Quy... ; Đại chủng sinh khóa XXI b.s., thiết kế. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 171 tr. : ảnh ; 30 cm. - 1000b
ĐTTS ghi: Đại chủng viện Thánh Giuse Sài Gòn s616339
149. Kyoyeon. Tự thương, tự thoát, tự an : Cách để buông bỏ, chấp nhận và yêu thương chính mình / Kyoyeon ; Nhựt Linh dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 270 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 170000đ. - 1000b
Tên sách tiếng Hàn: 나는 괜찮은 사람입니다; Tên sách tiếng Anh: I am a decent person s617744
150. Mã Siêu. Tâm hành - Giữ tâm điềm tĩnh, sống đời thanh thoi / Mã Siêu ; Sen Sean dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 284 tr. ; 20 cm. - 135000đ. - 2000b s617093
151. Nguyễn Thế Đăng. Cuộc đời lễ hội : Giảng về năm pháp hội Kinh Đại bảo tích / Nguyễn Thế Đăng. - H. : Thế giới, 2025. - 211 tr. ; 21 cm. - 108000đ. - 1000b s617108
152. Nguyễn Xuân Hùng. Học tập theo Phật pháp những điều gần nhất : Thơ / Nguyễn Xuân Hùng. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 127 tr. ; 21 cm. - 100b s616595
153. Nguyễn Xuân Lành. Để dễ dàng đọc hiểu Kinh Thánh / Nguyễn Xuân Lành b.s. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 361 tr. : bản đồ ; 23 cm. - 100000đ. - 1000b
Thư mục: tr. 353-361 s616645
154. Paulthem. Mẹ lặng thầm bên tôi / Paulthem. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 336 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 1000b s616651
155. Phạm Văn Phụng. Chia sẻ Tin mừng hàng ngày: Mùa thường niên / Phạm Văn Phụng. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 415 tr. ; 21 cm. - 1000b s616642

156. Phạm Văn Phương. Chia sẻ Tin mừng hàng ngày: Mùa Vọng, mùa Giáng sinh, mùa Chay, mùa Phục sinh / Phạm Văn Phương. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 271 tr. ; 21 cm. - 1000b s616639
157. Pháp Tịnh. Kỹ năng ứng phó với stress của cư sĩ Phật tử thành phố Huế / Pháp Tịnh. - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 342 tr. : minh họa ; 24 cm. - 200000đ. - 1000b
Thư mục: tr. 277-290. - Phụ lục: tr. 291-342 s616520
158. Phát huy truyền thống phụng đạo, yêu nước của Phật giáo thời kỳ Lý - Trần trong xây dựng nước Việt Nam phát triển, giàu mạnh hướng tới hùng cường / Thích Thanh Điện, Thích Đạo Thịnh, Nguyễn Văn Tuấn (ch.b.)... - H. : Công an nhân dân, 2025. - 1345 tr. ; 24 cm. - 350b
Thư mục cuối mỗi bài s617079
159. Sihananda. Bồ già Sao Hỏa / Sihananda ; Phan Việt dịch, giới thiệu. - H. : Văn học, 2025. - 370 tr. : ảnh ; 21 cm. - 120000đ. - 3000b
Tên thật tác giả: Sihananda Bhikkhu s616891
160. Thích Đức Trung. Khóa lễ : Kinh A Di Đà. Sám huân tu. Thí thực (cúng cháo). Đại bi - Thập chú. Lễ Ngày trai / Thích Đức Trung. - H. : Hồng Đức, 2025. - 71 tr. ; 29 cm. - 500b
Đầu bìa sách ghi: Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Tuyên Quang... - Lưu hành nội bộ s616256
161. Thích Huệ Đạo. Nhân sinh quan Phật giáo với việc xây dựng con người Việt Nam hiện nay : Sách chuyên khảo / Thích Huệ Đạo. - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 227 tr. ; 23 cm. - 150000đ. - 1000b
Thư mục: tr. 210-221. - Phụ lục: tr. 224-227 s616525
162. Thích Pháp Chơn. Tư duy tịnh độ / Thích Pháp Chơn. - H. : Lao động, 2025. - 183 tr. ; 19 cm. - 139000đ. - 1000b s615962
163. Thiện Đức. Tu đức và sự biến đổi nội tâm / Thiện Đức. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 431 tr. ; 21 cm. - 99000đ. - 2000b s616641
164. Tin mừng theo ngày phụng vụ. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 479 tr. : hình vẽ ; 19 cm. - 1000b
ĐTTS ghi: Ban Phụng vụ. Giáo Xứ Ninh Phát s616037
165. Tolle, Eckhart. Thức tỉnh mục đích sống = A new earth - Awakening to your life's purpose / Eckhart Tolle ; Dịch: Nguyễn Văn Hạnh, Đỗ Tâm Tuy. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 437 tr. ; 21 cm. - 148000đ. - 2000b s617227
166. Truyền thống phụng đạo, yêu nước của Phật giáo thời kỳ Lý - Trần trong dòng chảy lịch sử của dân tộc / Thích Thiện Pháp, Trần Đức Cường, Thích Huệ Thông... ; Ch.b.: Thích Thanh Điện... - H. : Công an nhân dân, 2025. - 1549 tr. ; 24 cm. - 350b s617078
167. Viên Hạnh. Đường đi nhiều ngõ : Viết cho các chú tiểu mới vào chùa học / Viên Hạnh, Triều Tôn. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 127 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 2000b s617773
168. Võ Văn Thắng. Tôn giáo Bửu Sơn Kỳ Hương và Tứ Ân Đạo Phật vùng Tây Nam Bộ : Sách chuyên khảo / Võ Văn Thắng, Nguyễn Trung Hiếu. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - xiii, 713 tr. : ảnh ; 24 cm. - 850000đ. - 100b
ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. Trường Đại học An Giang. - Thư mục: tr. 686-713 s617548

KHOA HỌC XÃ HỘI, XÃ HỘI HỌC, NHÂN LOẠI HỌC, DÂN TỘC HỌC VÀ VĂN HOÁ

169. Bác Hồ với nhân dân các dân tộc Lạng Sơn / B.s.: Đinh Ích Toàn, Nguyễn Trường Thanh, Nguyễn Quang Huynh... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 279 tr., 68 tr. ảnh ; 24 cm. - 1000b

ĐTTS ghi: Tỉnh ủy Lạng Sơn s617491

170. Chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giai đoạn 2011 - 2025. - H. : Thống kê, 2025. - 160 tr., 20 tr. biểu đồ : bảng ; 24 cm. - 200b

ĐTTS ghi: Chi cục Thống kê tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu s616563

171. Chính sách chuyển đổi số - Kinh nghiệm quốc tế và các giá trị tham khảo cho Việt Nam / B.s.: Nguyễn Đức Thắng (ch.b.), Lê Văn Hòa, Lê Hồng Hạnh... - H. : Công an nhân dân, 2025. - 232 tr. : bảng ; 21 cm. - 110b s617085

172. Chuyển đổi từ già hóa thụ động sang già hóa tích cực của người cao tuổi Việt Nam : Sách chuyên khảo / Đặng Thị Việt Phương, Nguyễn Thanh Thủy (ch.b.), Bùi Thế Cường... - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 235 tr. : bảng, biểu đồ ; 21 cm. - 125000đ. - 150b

ĐTTS ghi: Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Viện Xã hội học. - Thư mục: tr. 220-235 s616514

173. Dương Thu Ái. Đạo gia đình / B.s.: Dương Thu Ái, Nguyễn Kim Hanh. - H. : Lao động, 2025. - 279 tr. : tranh vẽ ; 19 cm. - (Đạo lý cổ nhân). - 179000đ. - 2000b

Tên thật tác giả: Dương Văn Thụ s615895

174. Dương Văn Sáu. Giáo trình Văn hoá du lịch : Giáo trình dành cho sinh viên các trường đại học và cao đẳng ngành Du lịch / Dương Văn Sáu. - Tái bản lần thứ 3, có chỉnh sửa, bổ sung. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 457 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 80000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Văn hoá Hà Nội. - Thư mục: tr. 452-457 s616466

175. Đinh Xuân Dũng. Phụ nữ Việt Nam làm theo lời Bác - 55 năm thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh / B.s.: Đinh Xuân Dũng, Nguyễn Như Ý. - In lần thứ 2. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 100 tr. ; 21 cm. - (Tủ sách Hồ Chí Minh). - 45000đ. - 500b s617745

176. Đinh Xuân Dũng. Phụ nữ Việt Nam làm theo lời Bác - Chủ tịch Hồ Chí Minh bàn về công tác cán bộ / B.s.: Đinh Xuân Dũng, Nguyễn Như Ý. - In lần thứ 2. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 100 tr. ; 21 cm. - (Tủ sách Hồ Chí Minh). - 45000đ. - 500b s617746

177. Đỗ Hồng Kỳ. Vai trò của văn hóa truyền thống Êđê tại Đăk Lăk trong xã hội cổ truyền và đương đại : Tiểu luận / Đỗ Hồng Kỳ. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 383 tr. ; 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam. - Thư mục: tr. 377-380 s616854

178. Forward, Susan. Phụ nữ yêu sai cách, đàn ông yêu độc hại / Susan Forward, Joan Torres ; Anh Tuấn dịch. - Tái bản đổi tên. - H. : Lao động, 2025. - 343 tr. ; 21 cm. - 189000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Men who hate women & The women who love them s617360

179. Giáo trình Chính sách dân tộc / B.s.: Trần Trung (tổng ch.b.), Trịnh Quang Cảnh, Lê Ngọc Thắng (ch.b.)... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 270 tr. ; 24 cm. - 140000đ. - 100b s617428

180. Giáo trình Văn hoá học đại cương / Từ Thị Loan, Đặng Hoài Thu (ch.b.), Lê Thị Kim Loan... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 194 tr. : bảng ; 24 cm. - 70000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Văn hoá Hà Nội. - Thư mục: tr. 189-194 s616459

181. Guillén, Mauro F. 2030: Những xu hướng lớn sẽ định hình thế giới tương lai = 2030: How today's biggest trends will collide and reshape the future of everything / Mauro F. Guillén ; Võ Kiều Linh dịch. - Tái bản lần 5. - H. : Thế giới, 2025. - 357 tr. : minh họa ; 24 cm. - 209000đ. - 1000b
Thư mục: tr. 313-357 s617143
182. Hiệu ứng đám đông trên truyền thông mạng xã hội : Sách chuyên khảo / Nguyễn Thị Thanh Thủy (ch.b.), Phùng Thị Quỳnh Trang, Lại Thị Hải Bình... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 278 tr. : bảng ; 21 cm. - 116000đ. - 1000b
ĐTTS ghi: Học viện Phụ nữ Việt Nam. - Thư mục: tr. 263-273 s617466
183. Hutnyk, John. Sân khấu khủng bố : Âm nhạc và chủ nghĩa phân biệt chủng tộc / John Hutnyk ; Lý Hoàng Minh Uyên dịch. - H. : Văn học, 2025. - 230 tr. ; 24 cm. - 190000đ. - 700b
Tên sách tiếng Anh: Pantomime terror : Music and politics. - Thư mục: tr. 219-230 s616948
184. Kinh nghiệm của Nhật Bản trong triển khai chuyển đổi số tại Việt Nam : Góc nhìn từ các chuyên gia và nhà lãnh đạo. - H. : Tài nguyên Môi trường và Bản đồ Việt Nam, 2025. - 55 tr. : minh họa ; 30 cm. - 500b s616184
185. Kỷ yếu Hội Người cao tuổi phường Nghĩa Tân (1994 - 2024) / B.s.: Lê Văn Thảo, Lê Quang Liễn, Nguyễn Đức Hạnh... ; S.t.: Lê Quang Liễn... - H. : Lao động, 2025. - 155 tr. : ảnh, bảng ; 21 cm. - 1000b
ĐTTS ghi: Hội Người cao tuổi phường Nghĩa Tân. - Phụ lục: tr. 73-118. - Thư mục: tr. 152-153 s617374
186. Kỷ yếu Hội Người cao tuổi Việt Nam - 30 năm xây dựng và phát triển (10/5/1995 - 10/5/2025). - H. : Lao động, 2025. - 359 tr. : ảnh màu, bảng ; 27 cm. - 500b
ĐTTS ghi: Hội Người cao tuổi Việt Nam. - Thư mục: tr. 355-358 s616142
187. Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế: Vấn đề giới trong triết học và văn hoá: Cách tiếp cận nghiên cứu so sánh = International conference proceedings: Gender in philosophy and culture: Comparative studies / Lê Hữu Ái, Lê Văn Thảo, Đặng Hoàng Anh... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 715 tr. ; 27 cm. - 60b
ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Hà Nội. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn. - Thư mục cuối mỗi bài s616214
188. Lịch sử Hội Cựu chiến binh thị xã Gò Công (1990 - 2022). - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 238 tr. : ảnh ; 21 cm. - 1000b
ĐTTS ghi: Hội Cựu chiến binh tỉnh Tiền Giang. Hội Cựu chiến binh thị xã Gò Công. - Phụ lục: tr. 202-231. - Thư mục: tr. 232-333 s617749
189. Nguyễn Duy Khang. Anh ngữ căn bản 3 - Tìm hiểu văn hoá Việt Nam và thế giới / Ch.b.: Nguyễn Duy Khang, Phan Thị Tuyết Vân, Huỳnh Như. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 217 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 120000đ. - 200b s616465
190. Nguyễn Đức Nhuệ. Làng xã Việt Nam trong sự nghiệp bảo vệ đất nước từ thế kỷ X đến thế kỷ XV : Sách chuyên khảo / Ch.b.: Nguyễn Đức Nhuệ, Lê Thùy Linh. - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 411 tr. : ảnh màu, bảng ; 24 cm. - 185000đ. - 300b
ĐTTS ghi: Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. - Viện Sử học. - Thư mục: tr. 377-396. - Phụ lục: tr. 397-412 s616528
191. Nguyễn Hồng Vinh. Con người Việt Nam vào kỷ nguyên mới / Nguyễn Hồng Vinh. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 339 tr. ; 24 cm. - 700b s617484

192. Nguyễn Song Tùng. Tìm hiểu di sản văn hóa gia đình Việt Nam / Nguyễn Song Tùng. - Xuất bản lần thứ 3, có chỉnh sửa, bổ sung. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 66 tr. ; 19 cm. - 500b

Thư mục: tr. 64 s615999

193. Nguyễn Thị Bạch Tuyết. Đảm bảo sinh kế bền vững của đồng bào Khmer Tây Nam Bộ trong bối cảnh biến đổi khí hậu : Sách chuyên khảo / Nguyễn Thị Bạch Tuyết. - H. : Lao động, 2025. - 241 tr. : bảng, biểu đồ ; 21 cm. - 150000đ. - 300b

Phụ lục: tr. 219-225. - Thư mục: tr. 226-241 s617379

194. Nguyễn Thị Mỹ Linh. Sự khác biệt lối sống giữa các thế hệ trong gia đình ven đô: Trường hợp xã Thụy Vân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ (nay là phường Nông Trang, tỉnh Phú Thọ) / Nguyễn Thị Mỹ Linh. - H. : Lý luận Chính trị, 2025. - 264 tr. : minh họa ; 21 cm. - 220000đ. - 100b

Thư mục: tr. 205-223. - Phụ lục: tr. 224-260 s616585

195. Nguyễn Thị Phương Hoa. Hành vi chia sẻ trên Facebook của giới trẻ hiện nay : Sách chuyên khảo / Nguyễn Thị Phương Hoa (ch.b.), Lê Thị Thu Thủy, Rơ Đăm Thị Bích Ngọc... - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 247 tr. : bảng ; 21 cm. - 100000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Viện Tâm lý học. - Thư mục: tr. 229-247 s616512

196. Phạm Quỳnh. Việt Nam - Những vấn đề văn hóa và chính trị : Tiểu luận viết bằng tiếng Pháp những năm 1922 - 1932 / Phạm Quỳnh ; Ngân Xuyên dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 254 tr. ; 21 cm. - 135000đ. - 1000b

Phụ lục: tr. 161-254 s617269

197. Phụ nữ bàn về vấn đề phụ nữ trên Phụ nữ tân văn / Nguyễn Đức Nhuận, Đàm Phương, Cao Thị Ngọc Môn... ; Đoàn Ánh Dương b.s., giới thiệu. - In lần thứ 2. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 600 tr. ; 21 cm. - (Phụ nữ từng thư - Tủ sách Giới & Phát triển). - 279000đ. - 500b s617739

198. Phụ nữ Thủ đô "Đoàn kết - Sáng tạo - Khát vọng - Phát triển" : Chào mừng Đại hội Đại biểu phụ nữ thành phố Hà Nội lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2025 - 2030 / Hồng Quân, Trung Thu, Hồng Nhung... - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 54 tr. : ảnh màu ; 27 cm. - 700b

ĐTTS ghi: Hội Liên hiệp phụ nữ thành phố Hà Nội s616239

199. Quách Thị Cường. Dòng chảy văn hóa Nghệ An: Từ ký ức đến khát vọng / B.s.: Quách Thị Cường, Phan Thị Trang Đoàn. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 291 tr. : ảnh ; 24 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Nghệ An. - Phụ lục: tr. 269-288 s616599

200. Tài liệu hướng dẫn giám sát và đánh giá về bình đẳng giới trong các chương trình, dự án : Dành cho cán bộ Hội LHPN cấp Trung ương, cấp tỉnh và cấp huyện. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2024. - 126 tr. : bảng ; 27 cm. - 8000b

ĐTTS ghi: Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam. - Phụ lục: tr. 109-126 s616391

201. Tài liệu phát huy giá trị tốt đẹp trong văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo góp phần thúc đẩy bình đẳng giới vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 87 tr. : bảng ; 27 cm. - 10000b

ĐTTS ghi: Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam. - Thư mục: tr. 63-64. - Phụ lục: tr. 65-87 s616393

202. Tài liệu tuyên truyền về kiến thức, kỹ năng vận động nâng cao nhận thức cho phụ nữ dân tộc thiểu số theo tôn giáo : Dành cho cán bộ Hội LHPN cấp TW và cấp tỉnh làm công tác

vận động phụ nữ tại địa bàn DTTS, miền núi có đặc trưng tôn giáo. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2024. - 111 tr. : bảng ; 27 cm. - 3000b

ĐTTS ghi: Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam s616392

203. Tổng tập tác phẩm đoạt Giải thưởng báo chí Huỳnh Thúc Kháng / Alăng Ngược, Thanh Minh, Hữu Phúc... - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng. - 22 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Hội Nhà báo tỉnh Quảng Nam

T.4: 2021 - 2024. - 2025. - 684 tr. : ảnh s617580

204. Veblen, Thorstein. Lý thuyết tầng lớp nhàn rỗi / Thorstein Veblen ; Anh Hoa dịch. - H. : Lao động, 2025. - 409 tr. ; 19 cm. - 215000đ. - 1200b

Dịch từ nguyên bản tiếng Anh: The theory of the leisure class s615901

205. Võ Thị Mai Chi. Chung một ngôi nhà - Atlas 54 dân tộc Việt Nam : Dành cho mọi lứa tuổi / Võ Thị Mai Chi b.s. ; Minh họa: Hồ Quốc Cường. - H. : Kim Đồng, 2025. - 155 tr. : ảnh, tranh màu ; 31 cm. - 300000đ. - 3000b

Thư mục đầu chính văn s616297

206. Witt, Charlotte. Chuẩn mực xã hội: Một cách tiếp cận từ bản thể luận / Charlotte Witt ; Lam Hoàng dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 231 tr. ; 21 cm. - 150000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Anh: Social goodness : The ontology of social norms s617698

THỐNG KÊ

207. An Văn Quân. Niên giám thống kê huyện Vị Xuyên 2024 / B.s.: An Văn Quân, Chi cục Thống kê tỉnh Hà Giang. - H. : Thống kê, 2025. - 200 tr., 4 tr. biểu đồ : bảng ; 24 cm. - 80b
ĐTTS ghi: Chi cục Thống kê tỉnh Hà Giang. Đội Thống kê số 2 s616562

208. Niên giám thống kê huyện Bảo Lạc năm 2024 / Thống kê tỉnh Cao Bằng b.s. - H. : Thống kê, 2025. - 126 tr., 4 tr. biểu đồ : bảng ; 24 cm. - 60b

ĐTTS ghi: Thống kê tỉnh Cao Bằng. Thống kê cơ sở Bảo Lạc s616558

209. Niên giám thống kê huyện Hà Quảng năm 2024 / Thống kê tỉnh Cao Bằng b.s. - H. : Thống kê, 2025. - 123 tr. : bảng ; 24 cm. - 60b

ĐTTS ghi: Thống kê tỉnh Cao Bằng. Thống kê cơ sở Trường Hà s616555

210. Niên giám thống kê huyện Hạ Lang năm 2024 / Thống kê tỉnh Cao Bằng b.s. - H. : Thống kê, 2025. - 127 tr., 4 tr. biểu đồ : bảng ; 24 cm. - 60b

ĐTTS ghi: Thống kê tỉnh Cao Bằng. Thống kê cơ sở Hạ Lang s616557

211. Niên giám thống kê huyện Hòa An năm 2024 / Thống kê tỉnh Cao Bằng b.s. - H. : Thống kê, 2025. - 132 tr., 4 tr. biểu đồ : bảng ; 24 cm. - 60b

ĐTTS ghi: Thống kê tỉnh Cao Bằng. Thống kê cơ sở Hòa An s616561

212. Niên giám thống kê huyện Kiến Xương năm 2024 / Chi cục Thống kê tỉnh Thái Bình b.s. - H. : Thống kê, 2025. - 127 tr. : bảng ; 24 cm. - 55b s616560

213. Niên giám thống kê huyện Lập Thạch năm 2024 / Chi cục Thống kê tỉnh Vĩnh Phúc b.s. - H. : Thống kê, 2025. - 115 tr. : bảng, biểu đồ ; 24 cm. - 48b

ĐTTS ghi: Chi cục Thống kê tỉnh Vĩnh Phúc. Đội Thống kê số 7 s616567

214. Niên giám thống kê huyện Quảng Hòa năm 2024 / Thống kê tỉnh Cao Bằng b.s. - H. : Thống kê, 2025. - 131 tr., 3 tr. biểu đồ : bảng ; 24 cm. - 60b

ĐTTS ghi: Thống kê tỉnh Cao Bằng. Thống kê cơ sở Quảng Uyên s616566

215. Niên giám thống kê huyện Thạch An năm 2024 / Thống kê tỉnh Cao Bằng b.s. - H. : Thống kê, 2025. - 131 tr. : bảng ; 24 cm. - 60b

- ĐTTS ghi: Thống kê tỉnh Cao Bằng. Thống kê cơ sở Đông Khê s616556
216. Niên giám thống kê huyện Trùng Khánh năm 2024 / Thống kê Tỉnh Cao Bằng b.s. - H. : Thống kê, 2025. - 123 tr., 4 tr. biểu đồ : bảng ; 24 cm. - 60b
ĐTTS ghi: Thống kê Tỉnh Cao Bằng. Thống kê cơ sở Trùng Khánh s616554
217. Niên giám thống kê huyện Vĩnh Tường năm 2024 / Chi cục Thống kê tỉnh Vĩnh Phúc b.s. - H. : Thống kê, 2025. - 135 tr., 2 tr. biểu đồ : bảng ; 24 cm. - 55b
ĐTTS ghi: Chi cục Thống kê tỉnh Vĩnh Phúc. Đội Thống kê số 5 s616564
218. Niên giám thống kê thành phố Cao Bằng năm 2024 / Thống kê tỉnh Cao Bằng b.s. - H. : Thống kê, 2025. - 131 tr., 4 tr. biểu đồ : bảng ; 24 cm. - 60b
ĐTTS ghi: Thống kê tỉnh Cao Bằng. Thống kê cơ sở Thục Phán s616559
219. Niên giám thống kê thành phố Hải Phòng 2024 = Hai Phong statistical yearbook 2024 / Chi cục Thống kê thành phố Hải Phòng b.s. - H. : Thống kê, 2025. - 539 tr., 13 tr. biểu đồ : bảng ; 24 cm. - 170b
ĐTTS ghi: Chi cục Thống kê thành phố Hải Phòng s616575
220. Niên giám thống kê thành phố Phúc Yên năm 2024 / Chi cục Thống kê tỉnh Vĩnh Phúc b.s. - H. : Thống kê, 2025. - 122 tr. : bản đồ, bảng ; 24 cm. - 48b
ĐTTS ghi: Chi cục Thống kê tỉnh Vĩnh Phúc. Đội Thống kê số 2 s616568
221. Niên giám thống kê tỉnh An Giang 2024 = An Giang statistical yearbook 2024 / B.s.: Lê Hồng Nhật Phương, Trương Văn Tấn, Phan Văn Khăm... - H. : Thống kê, 2025. - 599 tr., 9 tr. biểu đồ : bảng ; 24 cm. - 30b
ĐTTS ghi: Chi cục Thống kê tỉnh An Giang s616574
222. Niên giám thống kê tỉnh Bạc Liêu 2024 = Bac Lieu statistical yearbook 2024 / Chi cục Thống kê tỉnh Bạc Liêu b.s. - H. : Thống kê, 2025. - 547 tr., 10 tr. màu : bảng ; 24 cm. - 276b
ĐTTS ghi: Chi cục Thống kê tỉnh Bạc Liêu s616577
223. Niên giám thống kê tỉnh Đắk Nông 2024 = Dak Nong statistical yearbook 2024 / Cục Thống kê tỉnh Đắk Nông b.s., dịch. - H. : Thống kê, 2025. - 578 tr., 11 tr. biểu đồ : bảng ; 24 cm. - 140b
ĐTTS ghi: Cục Thống kê tỉnh Đắk Nông s616576
224. Niên giám thống kê tỉnh Đồng Nai 2024 = Dong Nai statistical yearbook 2024 / Chi cục Thống kê tỉnh Đồng Nai b.s. - H. : Thống kê, 2025. - 613 tr., 9 tr. màu : bảng ; 24 cm. - 160b
ĐTTS ghi: Chi cục Thống kê tỉnh Đồng Nai s616578
225. Niên giám thống kê tỉnh Đồng Tháp 2024 = Dong Thap statistical yearbook 2024 / B.s.: Nguyễn Thái Khoa, Trần Ngọc Diễm, Nguyễn Thị Trúc Linh... - H. : Thống kê, 2025. - 455 tr., 10 tr. biểu đồ : bảng ; 24 cm. - 75b
ĐTTS ghi: Chi cục Thống kê tỉnh Đồng Tháp s616573
226. Niên giám thống kê tỉnh Lạng Sơn 2024 = Lang Son statistical yearbook 2024 / Thống kê tỉnh Lạng Sơn b.s., dịch. - H. : Thống kê, 2025. - 566 tr., 10 tr. biểu đồ : bảng ; 24 cm. - 250b
ĐTTS ghi: Thống kê tỉnh Lạng Sơn s616570
227. Niên giám thống kê tỉnh Long An 2024 = Long An statistical yearbook 2024 / B.s.: Đào Văn Thi, Võ Hoài Phong, Tạ Quốc Doanh... ; Chi cục Thống kê tỉnh Long An dịch. - H. : Thống kê, 2025. - 582 tr., 9 tr. biểu đồ : bảng ; 24 cm. - 62b
ĐTTS ghi: Chi cục Thống kê tỉnh Long An s616571

228. Niên giám thống kê tỉnh Quảng Ninh 2024 = Quang Ninh statistical yearbook 2024 / Thống kê tỉnh Quảng Ninh b.s. - H. : Thống kê, 2025. - 527 tr., 11 tr. màu : bảng ; 24 cm. - 60b

ĐTTS ghi: Thống kê tỉnh Quảng Ninh s616580

229. Niên giám thống kê tỉnh Sơn La 2024 = Son La statistical yearbook 2024 / Thống kê tỉnh Sơn La b.s. - H. : Thống kê, 2025. - 599 tr., 12 tr. biểu đồ : bảng ; 24 cm. - 10b

ĐTTS ghi: Thống kê tỉnh Sơn La s616572

230. Thành phố Hải Phòng : Số liệu kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2025 / B.s.: Phòng Thống kê Tổng hợp, Phòng Nghiệp vụ. - H. : Tài chính, 2025. - 31 tr. : minh họa ; 27 cm. - 1000b

Đầu bìa sách ghi: Cục Thống kê. Thống kê thành phố Hải Phòng s616263

CHÍNH TRỊ

231. Bài giảng Giáo dục chính trị : Dùng cho sinh viên Trường Cao đẳng nghề Bách khoa Hà Nội / Lê Thị Lan (ch.b.), Hà Thị Dáng Hương, Trần Việt Thắng, Hoàng Thu Hương. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 135 tr. ; 27 cm. - 55000đ. - 2500b

Thư mục: tr. 134-135 s616172

232. Biên niên những sự kiện lịch sử Đảng bộ tỉnh Thanh Hoá 2020 - 2025 / B.s.: Đào Xuân Yên, Trịnh Khắc Bản, Cao Thị Mai... - Thanh Hoá : Nxb. Thanh Hoá, 2025. - 544 tr., 30 tr. ảnh màu : bảng ; 24 cm. - 1420b

ĐTTS ghi: Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa. - Phụ lục: tr. 513-525 s616669

233. Biên niên sự kiện lịch sử Đảng bộ tỉnh Hà Giang (1976 - 2025) / B.s.: Nguyễn Thái Bình (ch.b.), Cù Thị Thúy Lan, Hoàng Thu Quỳnh... ; S.t., tuyển chọn: Trần Mạnh Lợi... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 730 tr., 12 tr. ảnh màu ; 24 cm. - 700b

ĐTTS ghi: Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Giang s617503

234. Bối cảnh mới trên biển Đông đến năm 2030 và hàm ý cho Việt Nam : Sách chuyên khảo / Nguyễn Thị Hải Yên (ch.b.), Đinh Thị Thùy Linh, Phạm Thanh Tịnh... - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 287 tr. : bản đồ ; 24 cm. - 130000đ. - 200b

Thư mục: tr. 256-287 s616516

235. Các trào lưu tư tưởng trong trật tự thế giới hiện nay và tầm nhìn đến giữa thế kỷ 21 / Nguyễn Chiến Thắng (ch.b.), Hoa Hữu Cường, Đinh Mạnh Tuấn... - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 406 tr. ; 24 cm. - 155000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. - Viện Nghiên cứu Châu Âu. - Thư mục: tr. 395-406 s616529

236. 90 năm Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn xây dựng và phát triển (15/6/1933 - 15/6/2023) / B.s.: Nguyễn Đức Quý, Dương Thị Hồng Vân, Nguyễn Trung Thành (ch.b.)... - H. : Lý luận Chính trị, 2025. - 278 tr. ; 21 cm. - 100b

ĐTTS ghi: Trường Chính trị Hoàng Văn Thụ tỉnh Lạng Sơn s616587

237. Công tác tuyên giáo và dân vận của Đảng trong kỷ nguyên mới : Kỳ yếu hội thảo khoa học Quốc gia / Nguyễn Trọng Nghĩa, Đỗ Văn Chiến, Lương Tam Quang... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật. - 27 cm. - 1000b

ĐTTS ghi: Đảng ủy Công an Trung ương...

T.1. - 2025. - 1083 tr. s616149

238. Công tác tuyên giáo và dân vận của Đảng trong kỷ nguyên mới : Kỳ yếu hội thảo khoa học quốc gia / Phan Xuân Thủy, Ngô Đông Hải, Nguyễn Quang Đức... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật. - 27 cm. - 1000b

ĐTTS ghi: Đảng ủy Công an Trung ương...

T.2. - 2025. - 723 tr. s616150

239. Công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn hiện nay : Sách tham khảo / Phạm Minh Anh, Đỗ Lê Triều (ch.b.), Nguyễn Hồng Sơn... - H. : Lý luận Chính trị, 2025. - 176 tr. ; 21 cm. - 100b

ĐTTS ghi: Trường Đào tạo cán bộ Lê Hồng Phong thành phố Hà Nội s616588

240. Dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIV của Đảng : Tài liệu sử dụng tại Đại hội Đảng bộ các cấp. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 352 tr. : bìa ; 27 cm. - 66500b

ĐTTS ghi: Đảng Cộng sản Việt Nam. - Lưu hành nội bộ s616148

241. Dương Trí Thức. Lịch sử Đảng bộ và nhân dân xã Thạch Đài (1930 - 2025) / B.s.: Dương Trí Thức (ch.b.), Nguyễn Văn Hậu, Bùi Khắc Tịnh. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 255 tr., 12 tr. ảnh màu : bìa ; 24 cm. - 100b

ĐTTS ghi: Đảng bộ thành phố Hà Tĩnh. Ban Chấp hành Đảng bộ xã Thạch Đài. - Phụ lục: tr. 231-247. - Thư mục: tr. 248-249 s616605

242. Đảng bộ huyện Bắc Sơn - 95 năm xây dựng và phát triển (1930 - 2025) / Dương Thị Thép, Đào Thị Duy Khánh, Đỗ Thanh Loan... - H. : Lao động, 2025. - 83 tr. : minh họa ; 25 cm. - 100b

ĐTTS ghi: Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bắc Sơn s617426

243. Đới Văn Tạng. Bảo đảm tính liên tục và phát triển của đội ngũ cán bộ diện ban thường vụ tỉnh uỷ quản lý ở Đồng bằng sông Hồng giai đoạn hiện nay : Sách chuyên khảo / Đới Văn Tạng. - Xuất bản lần thứ 2, có chỉnh sửa, bổ sung. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 271 tr. : bìa, biểu đồ ; 21 cm. - 100b

Phụ lục: tr. 230-269 s617468

244. Giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật / Nguyễn Minh Đoan, Nguyễn Văn Năm (ch.b.), Nguyễn Văn Động... - Tái bản lần thứ 9. - H. : Tư pháp, 2025. - 494 tr. ; 22 cm. - 104000đ. - 4000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Luật Hà Nội. - Thư mục: tr. 487-494 s616502

245. Giáo trình Lịch sử nhà nước và pháp luật / Trần Hồng Nhung (ch.b.), Phạm Thị Thu Hiền, Đậu Công Hiệp... - H. : Tư pháp, 2025. - 299 tr. ; 21 cm. - 59000đ. - 3000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Luật Hà Nội. - Thư mục: tr. 294-299 s616494

246. Giáo trình Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam / B.s.: Nguyễn Thị Thương Huyền (ch.b.), Dương Hồng Thị Phi Phi, Hoàng Việt... - Tái bản lần thứ 8. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 501 tr. ; 21 cm. - 91000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh s617091

247. Giáo trình Thực thi chính sách công / Trần Trọng Nguyên, Nguyễn Khắc Bình (ch.b.), Nguyễn Thế Vinh, Nghiêm Xuân Dũng. - H. : Tài chính, 2025. - 387 tr. ; 24 cm. - 150000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Bộ Tài chính. Học viện Chính sách và Phát triển. - Thư mục: tr. 382-387 s617189

248. Giáo trình Trung cấp lý luận chính trị: Đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam / Nguyễn Việt Thảo (ch.b.), Hoàng Phúc Lâm, Phan Văn Rân... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Lý luận Chính trị, 2025. - 480 tr. ; 21 cm. - 110000đ. - 4300b

ĐTTS ghi: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. - Thư mục cuối mỗi bài s617459

249. Giáo trình Trung cấp lý luận chính trị: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam / Nguyễn Danh Tiên (ch.b.), Trần Trọng Thơ, Nguyễn Mạnh Hà... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Lý luận Chính trị, 2025. - 248 tr. ; 21 cm. - 58000đ. - 4200b

ĐTTS ghi: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. - Thư mục cuối mỗi bài s617458

250. Giáo trình Trung cấp lý luận chính trị: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội / Nguyễn Văn Thắng, Chăm Thị Lai (ch.b.), Nguyễn Thị Thanh Nhân... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Lý luận Chính trị, 2025. - 232 tr. ; 21 cm. - 56000đ. - 4200b

ĐTTS ghi: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. - Thư mục cuối mỗi bài s617147

251. Giáo trình Trung cấp lý luận chính trị: Nội dung cơ bản về nhà nước và pháp luật Việt Nam / Trương Hồ Hải (ch.b.), Trịnh Đức Thảo, Tào Thị Quyên... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Lý luận Chính trị, 2025. - 184 tr. ; 21 cm. - 46000đ. - 4100b

ĐTTS ghi: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. - Thư mục cuối mỗi bài s617460

252. Giáo trình Trung cấp lý luận chính trị: Xây dựng Đảng / Nguyễn Minh Tuấn (ch.b.), Lâm Quốc Tuấn, Lê Văn Cường... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Lý luận Chính trị, 2025. - 304 tr. ; 21 cm. - 70000đ. - 4200b

ĐTTS ghi: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. - Thư mục cuối mỗi bài s617148

253. Giới thiệu một số tác phẩm của các đồng chí Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam : Dành cho bậc đại học hệ chuyên lý luận chính trị / Nguyễn Thị Thanh Tùng, Hoàng Thị Thuận (ch.b.), Tiêu Thị Mỹ Hồng... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 251 tr. : bảng ; 21 cm. - 106000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 244-247 s617486

254. Hoàng Thái Cát. Lịch sử Đảng bộ phường Kỳ Thịnh (1945 - 2025) / B.s.: Hoàng Thái Cát (ch.b.), Trần Nam Phong, Nguyễn Thị Kim Liên. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 203 tr., 25 tr. ảnh ; 21 cm. - 500b

ĐTTS ghi: Ban Chấp hành Đảng bộ phường Kỳ Thịnh. - Phụ lục: tr. 159-201. - Thư mục: tr. 202 s616591

255. Hỏi - Đáp môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam : Dành cho bậc đại học hệ chuyên và không chuyên lý luận chính trị / Nguyễn Trọng Phúc (ch.b.), Ngô Đăng Tri, Trần Thị Thu Hương... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 298 tr. ; 21 cm. - 91000đ. - 2000b s617471

256. Hướng dẫn môn học Lịch sử nhà nước và pháp luật : Sách tham khảo / B.s.: Trần Hồng Nhung, Phạm Thị Thu Hiền (ch.b.), Trần Thị Hoa... - H. : Lao động, 2025. - 254 tr. : sơ đồ ; 21 cm. - 85000đ. - 1500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Luật Hà Nội. Bộ môn Lịch sử nhà nước và pháp luật. - Thư mục: tr. 248-254 s617419

257. Hướng dẫn ôn tập và tự kiểm tra đánh giá môn Giáo dục chính trị : Trình độ cao đẳng / Ngô Bá Khiêm, Lê Thị Lan (ch.b.), Nguyễn Thị Thu... - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 155 tr. ; 24 cm. - 60000đ. - 1500b s616612

258. Khoa Lý luận chính trị - 50 năm kiến tạo tri thức : Tuyển tập các bài viết / Ngô Văn Hà, Lê Hữu Ái, Trần Ngọc Ánh (ch.b.)... - Huế : Nxb. Thuận Hóa, 2025. - 547 tr. ; 24 cm. - 120b

ĐTTS ghi: Đại học Đà Nẵng. Trường Đại học Kinh tế. - Thư mục cuối mỗi bài s616626

259. Khơi dậy khát vọng cống hiến trong đội ngũ cán bộ, Đảng viên: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn tại thành phố Cần Thơ : Sách chuyên khảo / Nguyễn Xuân Phong, Lê Tấn Thủ, Trần Thị Hằng... ; B.s.: Lê Văn Điện... - H. : Lý luận Chính trị, 2025. - 472 tr. ; 21 cm. - 360000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Trường Chính trị thành phố Cần Thơ s616582

260. Kỷ yếu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên nhiệm kỳ 2020 - 2025. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 199 tr. : ảnh màu, bảng ; 25 cm. - 1000b
ĐTTS ghi: Đảng bộ tỉnh Hưng Yên s617504
261. Kỷ yếu Ban Chấp hành Đảng bộ xã Hoàng Hoa Thám 2010 - 2025. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 96 tr. : ảnh màu ; 21 cm. - 55b
ĐTTS ghi: Đảng bộ huyện Ân Thi. Ban Chấp hành Đảng bộ xã Hoàng Hoa Thám s617759
262. Kỷ yếu Ban Chấp hành Đảng bộ xã Quảng Lãng (2005 - 2025). - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 127 tr. : ảnh màu, bảng ; 21 cm. - 62b
ĐTTS ghi: Đảng bộ huyện Ân Thi. Ban Chấp hành Đảng bộ xã Quảng Lãng s617758
263. Kỷ yếu Đại hội đại biểu Đảng bộ phường Hòa Cường lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 / B.s.: Trương Thanh Dũng, Phan Văn Thỏa, Quang Nguyễn, Minh Nguyệt. - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2025. - 109 tr. : minh họa ; 24 cm. - 320b s617584
264. Kỷ yếu Đảng bộ huyện Đoan Hùng (1947 - 2025). - Tái bản có chỉnh lý, bổ sung. - H. : Lao động, 2025. - 193 tr. : minh họa ; 25 cm. - 200b
Đầu bìa sách ghi: Đảng bộ tỉnh Phú Thọ. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Đoan Hùng. - Thư mục: tr. 193 s617427
265. Kỷ yếu Hội thảo khoa học: Công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ ở Trường Chính trị tỉnh Điện Biên - Thành tựu và định hướng phát triển / Thường trực Tỉnh ủy Điện Biên, Nguyễn Duy Bắc, Hoàng Phúc Lâm... - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - vi, 245 tr. : bảng ; 21 cm. - 100b s616544
266. Lịch sử Đảng bộ Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (1996 - 2020) / B.s.: Nguyễn Thị Minh Châu, Lưu Văn Quyết, Võ Văn Sen... - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - x, 296 tr. : minh họa ; 24 cm. - 500b
ĐTTS ghi: Đảng bộ Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. - Phụ lục: tr. 215-291. - Thư mục: tr. 292-296 s617541
267. Lịch sử Đảng bộ Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh / B.s.: Trần Trọng Thơ (ch.b.), Nguyễn Danh Tiên, Trần Thị Nhẫn... - H. : Lý luận Chính trị, 2025. - 390 tr. ; 24 cm. - 400b
ĐTTS ghi: Ban Chấp hành Đảng bộ Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. - Phụ lục: tr. 344-373. - Thư mục: tr. 374-388 s616590
268. Lịch sử Đảng bộ huyện U Minh (1930 - 2010) / B.s.: Quách Văn Bảy (Chín Khung), Nguyễn Bá Sanh (Nguyễn Bá), Huỳnh Ngọc Huân (Huỳnh Hùng)... ; S.t.: Đào Quốc Kêu, Ban Tuyên giáo và Dân vận Huyện ủy. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 379 tr. : ảnh màu, bảng ; 21 cm. - 300b
ĐTTS ghi: Ban Thường vụ Huyện ủy U Minh. - Thư mục: tr. 331-376 s617536
269. Lịch sử Đảng bộ khối doanh nghiệp tỉnh Đồng Nai (1975 - 2025) / B.s.: Phan Mậu Doãn, Trần Quang Toại, Đinh Thị Trúc Ngân... - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 325 tr. : minh họa ; 24 cm. - 600b
ĐTTS ghi: Đảng bộ tỉnh Đồng Nai. Đảng ủy Khối Doanh nghiệp tỉnh. - Thư mục: tr. 320-325 s616648
270. Lịch sử Đảng bộ phường An Bình (1930 - 2025) / S.t.: Nguyễn Văn Tuyên... - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 310 tr., 22 tr. ảnh màu : bảng ; 21 cm. - 420b
ĐTTS ghi: Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Thuận Thành. Ban Chấp hành Đảng bộ phường An Bình. - Phụ lục: tr. 281-307 s617754

271. Lịch sử Đảng bộ quân sự thị xã Quế Võ (1945 - 2025) / B.s.: Trần Thị Nhẫn, Lê Tiến Hùng ; S.t.: Đỗ Văn Tuấn... - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 331 tr., 24 tr. ảnh màu : bìa ; 21 cm. - 200b
ĐTTS ghi: Đảng bộ thị xã Quế Võ. Đảng bộ Quân sự. - Phụ lục: tr. 313-326 s617753
272. Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hà Giang (1945 - 2025) / B.s., chỉnh sửa, bổ sung: Trần Mạnh Lợi, Nguyễn Khánh Lâm, Phạm Thị Kim Huệ... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 754 tr., 34 tr. ảnh ; 24 cm. - 700b
ĐTTS ghi: Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Giang. - Phụ lục: tr. 679-748 s617502
273. Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hà Nam / B.s.: Trần Trọng Thơ (ch.b.), Trần Thị Vui, Vũ Trọng Hùng... - Tái bản, có chỉnh sửa, bổ sung. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật. - 24 cm. - 255b
ĐTTS ghi: Đảng Cộng sản Việt Nam. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Nam
T.1: 1927 - 1975. - 2025. - 575 tr., 12 tr. ảnh. - Phụ lục: tr. 557-568. - Thư mục: tr. 569-571 s617498
274. Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hà Nam / B.s.: Trần Trọng Thơ (ch.b.), Trần Thị Vui, Vũ Trọng Hùng... - Tái bản, có chỉnh sửa, bổ sung. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật. - 24 cm. - 255b
ĐTTS ghi: Đảng Cộng sản Việt Nam. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Nam
T.2: 1975 - 1996. - 2025. - 291 tr., 9 tr. ảnh. - Phụ lục: tr. 265-288. - Thư mục: tr. 289 s617499
275. Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hà Nam / B.s.: Trần Trọng Thơ (ch.b.), Trần Thị Vui, Vũ Trọng Hùng... - Tái bản, có chỉnh sửa, bổ sung. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật. - 24 cm. - 255b
ĐTTS ghi: Đảng Cộng sản Việt Nam. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Nam
T.3: 1997 - 2025. - 2025. - 590 tr., 49 tr. ảnh màu. - Phụ lục: tr. 551-585. - Thư mục: tr. 586-588 s617500
276. Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Bình / B.s.: Trần Thị Mỹ Hương, Đặng Kim Oanh (ch.b.), Cao Văn Định... ; S.t.: Trần Ngọc Ánh... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật. - 24 cm. - 450b
ĐTTS ghi: Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Bình
T.4: 2000 - 2020. - 2025. - 543 tr., 34 tr. ảnh màu. - Phụ lục: tr. 513-537 s617497
277. Lịch sử Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang (2006 - 2020) / B.s.: Nông Thị Bích Huệ, Lê Tiến Thắng, Nguyễn Lam Sơn... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 574 tr., 19 tr. ảnh màu ; 21 cm. - 1200b
ĐTTS ghi: Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang. - Phụ lục: tr. 534-564. - Thư mục: tr. 565-570 s617488
278. Lịch sử Đảng bộ và nhân dân xã An Trường (1930 - 2020). - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 523 tr. : ảnh màu, bìa ; 21 cm. - 400b
ĐTTS ghi: Đảng bộ huyện Càng Long. Đảng ủy xã An Trường. - Phụ lục: tr. 391-518. - Thư mục: tr. 519-520 s617537
279. Lịch sử Đảng bộ xã Đức Long (1930 - 2025) / B.s.: Nguyễn Thị Hòa, Nguyễn Thị Hải, Nông La Duy, Nguyễn Như Biền. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 386 tr., 28 tr. ảnh màu : bìa ; 21 cm. - 366b
ĐTTS ghi: Đảng bộ thị xã Quế Võ. Ban Chấp hành Đảng bộ xã Đức Long. - Phụ lục: tr. 329-382 s617752
280. Lịch sử Đảng bộ xã Gia Tân 2 (1954 - 2020) / B.s.: Mai Thị Thanh Thủy, Hà Văn Hải, Vũ Kim Thành... - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 309 tr., 24 tr. ảnh : bìa ; 21 cm. - 150b

ĐTTS ghi: Đảng bộ huyện Thống Nhất. Đảng bộ xã Gia Tân 2. - Phụ lục: tr. 295-303. -
Thư mục: tr. 305-306 s616643

281. Lịch sử Đảng bộ xã Mộ Đạo (1930 - 2025) / B.s.: Nguyễn Thị Hòa, Nguyễn Thị Hải,
Nông La Duy, Nguyễn Như Biền. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 378 tr., 32 tr. ảnh màu : bảng
; 21 cm. - 450b

ĐTTS ghi: Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Quế Võ. Ban Chấp hành Đảng bộ phường Mộ
Đạo. - Phụ lục: tr. 325-375 s617756

282. Lịch sử Đảng bộ xã Thuận Lộc (1930 - 2025) / B.s.: Dương Trí Thức (ch.b.), Đồng
Thanh Liễu, Phan Sỹ Cơ... - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 234 tr., 10 tr. ảnh màu : bảng ;
24 cm. - 100b

ĐTTS ghi: Ban Chấp hành Đảng bộ xã Thuận Lộc. - Phụ lục: tr. 204-232. - Thư mục: tr.
233 s616606

283. Lịch sử truyền thống ngành Tổ chức xây dựng Đảng tỉnh Gia Lai / B.s.: Nguyễn Thị
Kim Vân (ch.b.), Nguyễn Thị An, Vũ Thị Thảo... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 529
tr. ; 24 cm. - 500b

ĐTTS ghi: Tỉnh ủy Gia Lai. Ban Tổ chức. - Phụ lục: tr. 439-521. - Thư mục: tr. 522-526
s617496

284. Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị với việc phát triển đội
ngũ giảng viên đáp ứng yêu cầu giảng dạy lý luận chính trị trong kỷ nguyên số, kỷ nguyên vươn
mình của dân tộc Việt Nam / Nguyễn Đình Quốc Cường, Nguyễn Thế Nghĩa, Bùi Thị Ánh
Hồng... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 499 tr. ; 24 cm. - 100b

ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. Trung tâm Lý luận Chính trị
s617489

285. Ngoại giao chuyên biệt: Hướng đi, ưu tiên mới của ngoại giao Việt Nam trong kỷ
nguyên vươn mình : Sách chuyên khảo / Vũ Lê Thái Hoàng (ch.b.), Đỗ Thị Thủy, Trần Thanh
Hải... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 432 tr. : bảng ; 21 cm. - 500b

Thư mục cuối mỗi chương s617487

286. Ngô Đức Mạnh. 80 năm đổi ngoại Quốc hội - Từ lý luận đến thực tiễn : Sách chuyên
khảo / Ngô Đức Mạnh. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 542 tr. ; 24 cm. - 500b

Thư mục: tr. 533-540 s617492

287. Nguyễn Bá Dương. Vinh quang nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân /
Nguyễn Bá Dương. - H. : Văn học, 2025. - 199 tr. ; 24 cm. - 108000đ. - 1100b s617674

288. Nguyễn Đình Đính. Lịch sử Đảng bộ và nhân dân xã Hồng Bắc (1945 - 2023) / B.s.:
Nguyễn Đình Đính (ch.b.), Lê Minh Rói, Lê Văn Thiện. - Huế : Nxb. Thuận Hoá, 2025. - 275
tr. ; 24 cm. - 100b

ĐTTS ghi: Đảng bộ huyện A Lưới. Ban Chấp hành Đảng bộ xã Hồng Bắc. - Phụ lục: tr.
233-268. - Thư mục: tr. 270-271 s616488

289. Nguyễn Thế Trung. Đảng và dân trong thời kỳ mới / Nguyễn Thế Trung. - H. : Chính
trị quốc gia Sự thật, 2025. - 410 tr. ; 21 cm. - 370000đ. - 300b s617481

290. Nguyễn Thị Hòa. Lịch sử Đảng bộ phường Kim Chân (1930 - 2025) / B.s.: Nguyễn
Thị Hòa, Nông La Duy, Nguyễn Như Biền. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 290 tr., 24 tr. ảnh
màu : bảng ; 21 cm. - 385b

ĐTTS ghi: Đảng bộ thành phố Bắc Ninh. Ban Chấp hành Đảng bộ phường Kim Chân. -
Phụ lục: tr. 277-286 s617755

291. Nguyễn Thị Hòa. Lịch sử Đảng bộ xã Ngọc Xá (1930 - 2025) / B.s.: Nguyễn Thị Hòa, Nông La Duy, Nguyễn Như Biền. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 362 tr., 28 tr. ảnh màu : bìa ; 21 cm. - 390b

ĐTTS ghi: Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Quế Võ. Ban Chấp hành Đảng bộ phường Ngọc Xá. - Phụ lục: tr. 321-357 s617757

292. Nguyễn Thị Nguyệt Ánh. Lịch sử Cách mạng của Đảng bộ và nhân dân xã Vân Tảo (1945 - 2025) / B.s.: Nguyễn Thị Nguyệt Ánh (ch.b.), Lê Đình Dương, Lê Tiến Hùng. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 326 tr. : ảnh màu, bìa ; 21 cm. - 150b

ĐTTS ghi: Đảng bộ huyện Thường Tín. Ban Chấp hành Đảng bộ xã Vân Tảo. - Phụ lục: tr. 289-323 s617760

293. Nguyễn Thị Nguyệt Ánh. Lịch sử Đảng bộ xã Đình Tổ (1930 - 2024) / B.s.: Nguyễn Thị Nguyệt Ánh, Lê Tiến Hùng ; S.t.: Nguyễn Văn Đại... - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 314 tr., 20 tr. ảnh màu ; 21 cm. - 400b

ĐTTS ghi: Đảng bộ thị xã Thuận Thành. Ban Chấp hành Đảng bộ xã Đình Tổ. - Phụ lục: tr. 289-311 s617750

294. Nguyễn Thị Nguyệt Ánh. Lịch sử Đảng bộ xã Xuân Trúc (1954 - 2025) / B.s.: Nguyễn Thị Nguyệt Ánh, Trương Thị Nga, Lê Tiến Hùng. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 250 tr., 28 tr. ảnh màu : bìa ; 21 cm. - 220b

ĐTTS ghi: Đảng bộ huyện Ân Thi. Ban Chấp hành Đảng bộ xã Xuân Trúc. - Phụ lục: tr. 217-247 s617751

295. Nguyễn Văn Luật. Giáo trình Lý luận về nhà nước và pháp luật / Nguyễn Văn Luật ch.b. - H. : Tài chính, 2023. - 288 tr. : bìa ; 24 cm. - 129600đ. - 400b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Mở Hà Nội. - Thư mục: tr. 281-284 s617200

296. Những mô hình đổi mới sáng tạo vì học viên / Lương Trọng Thành (ch.b.), Thịnh Văn Khoa, Trần Thị Ngọc Diệp... - Tái bản lần thứ 2, có sửa chữa, bổ sung. - H. : Lý luận Chính trị, 2025. - 243 tr. ; 21 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Trường Chính trị tỉnh Thanh Hoá s616584

297. Nizām al-Mulk. Thuật trị quốc Islam = Siasset namèh / Nizām al-Mulk ; Phương Ngô dịch. - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2025. - 358 tr. ; 24 cm. - 350000đ. - 700b s617583

298. Phạm Hồng Tung. Văn hóa chính trị và lịch sử dưới góc nhìn văn hóa chính trị / Phạm Hồng Tung. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam

T.2: Chuyên luận. - 2025. - 463 tr. - Thư mục: tr. 433-459 s616855

299. Phạm Thị Hồng Duyên. Lịch sử Đảng bộ xã Nghi Thạch (1954 - 2025) / B.s.: Phạm Thị Hồng Duyên, Trương Thị Thu Thủy. - H. : Lao động, 2025. - 216 tr., 18 tr. ảnh : bìa ; 24 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Ban Chấp hành Đảng bộ xã Nghi Thạch. - Phụ lục: tr. 181-216. - Thư mục cuối chính văn s617391

300. Phạm Văn Hồ. Xây dựng thể trận lòng dân ở Tây Nguyên thời kỳ đổi mới : Sách chuyên khảo / Phạm Văn Hồ. - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2025. - 126 tr. ; 21 cm. - 145000đ. - 200b

Thư mục: tr. 117-126 s617591

301. Phạm Vũ Phương Linh. Biên niên lịch sử xã Tân Hòa (1983 - 2010) / B.s.: Phạm Vũ Phương Linh, Nguyễn Minh Tân, Nguyễn Thanh Tấn Kiệt. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 114 tr. : ảnh màu, bìa ; 21 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Ban Chấp hành Đảng bộ xã Tân Hòa, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. - Phụ lục: tr. 97-111. - Thư mục: tr. 112 s617535

302. Quốc hội Việt Nam - 80 năm hình thành và phát triển : Kỷ yếu hội thảo khoa học cấp quốc gia / Tào Thị Quyên, Lý Việt Quang, Lê Thị Hằng... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 848 tr. ; 30 cm. - 570b

ĐTTS ghi: Đảng ủy Quốc hội. Ban Chỉ đạo kỷ niệm 80 năm Ngày Tổng tuyển cử đầu tiên bầu Quốc hội Việt Nam (06/01/1946 - 06/01/2026) s616153

303. Sổ đoàn viên. - H. : Văn học, 2025. - 48 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 10000đ. - 30000b

ĐTTS ghi: Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh s617010

304. Tập bài giảng Lý luận về nhà nước và pháp luật / B.s.: Nguyễn Thị Ngọc Mai (ch.b.), Đỗ Thanh Trung, Đỗ Minh Khôi... - Tái bản lần thứ 3, có sửa đổi, bổ sung. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 774 tr. : bảng ; 21 cm. - 183000đ. - 2500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh s617065

305. Trần Công Toàn. Lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân xã Quế Lưu (1930 - 2020) / Trần Công Toàn s.t., b.s. - Tái bản, bổ sung lần thứ 1. - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2025. - 403 tr., 26 tr. ảnh màu ; 21 cm. - 150b

ĐTTS ghi: Ban Chấp hành Đảng bộ xã Quế Lưu. - Phụ lục: tr. 378-397. - Thư mục: tr. 398-400 s617589

306. Trần Thanh Xuân. Biên niên lịch sử xã Bình Tấn (1987 - 2010) / B.s.: Trần Thanh Xuân, Phạm Vũ Phương Linh, Nguyễn Văn Phục. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 143 tr. : ảnh màu, bảng ; 21 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Ban Chấp hành Đảng bộ xã Bình Tấn, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. - Phụ lục: tr. 117-140. - Thư mục: tr. 141 s617162

307. Trần Thị Thu Lan. Chất lượng đội ngũ giảng viên trường chính trị tỉnh ở Duyên hải miền Trung - Lý luận và thực tiễn / Trần Thị Thu Lan. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 254 tr. : bảng ; 21 cm. - 500b

Phụ lục: tr. 211-245. - Thư mục: tr. 246-252 s617476

308. Vai trò của hệ thống chính trị cấp xã trong xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Ninh Bình / Tạ Hoàng Minh (ch.b.), Giang Thị Thoa, Nguyễn Thị Hoa Nhài... - H. : Lý luận Chính trị, 2025. - 260 tr. ; 21 cm. - 195000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Trường Chính trị tỉnh Ninh Bình. - Thư mục: tr. 254-256 s616589

KINH TẾ

309. Anh Tấn. Bí mật của những triệu phú tự thân / Anh Tấn. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 391 tr. ; 21 cm. - 300000đ. - 2000b s617359

310. Bài tập thực hành Kinh tế vĩ mô căn bản / Phạm Thế Anh (ch.b.), Hà Thúc Huân, Lưu Thị Phương... - H. : Lao động, 2025. - 214 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 35000đ. - 10000b
Thư mục: tr. 213 s617390

311. Buffett, Mary. 7 phương pháp đầu tư Warren Buffett / Mary Buffett, Sean Seah ; Huy Nguyễn dịch. - H. : Công Thương, 2025. - 335 tr. : minh họa ; 20 cm. - 169000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: 7 secrets to investing like Warren Buffett s616417

312. Bùi Bình. Học thuế dễ như ăn kẹo : Cẩm nang vỡ lòng cho người mới / Bùi Bình. - H. : Tài chính, 2025. - 237 tr. : minh họa ; 27 cm. - 250000đ. - 3000b s616265

313. Chính sách thúc đẩy phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Hàn Quốc, Đài Loan và hàm ý cho Việt Nam : Sách chuyên khảo / Ngô Văn Vũ (ch.b.), Đặng Thái Bình, Ngô Minh Đức... - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 278 tr. : bảng, biểu đồ ; 21 cm. - 120000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á. - Thư mục: tr. 269-278 s616513

314. Cohen, Erez. Chiến lược đầu tư bất động sản khôn ngoan : Phân tích thị trường chính xác, nắm bắt cơ hội vàng trong mọi chu kỳ bất động sản... / Erez Cohen ; Đỗ Hoàng Lan dịch. - H. : Công Thương, 2025. - 439 tr. : hình vẽ, ảnh ; 21 cm. - 229000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Real estate titans : 7 key lessons from the world's top real estate investors s616428

315. Diễn đàn Kinh tế tư nhân Việt Nam năm 2025 : 3000 kiến nghị: Khai phóng tiềm năng, kiến tạo tương lai Việt / Lưu Thị Thanh Mẫu, Lê Trường Sơn, Đỗ Thanh Trung... ; Đặng Hồng Anh ch.b. - H. : Công Thương, 2025. - 371 tr. : minh họa ; 21 cm. - 50b

ĐTTS ghi: Hội Doanh nhân trẻ Việt Nam. - Thư mục trong chính văn. - Phụ lục: tr. 334-371 s616421

316. Dương Thu Ái. Đạo làm giàu / B.s.: Dương Thu Ái, Dương Chí Kiên. - H. : Lao động, 2025. - 270 tr. : tranh vẽ ; 19 cm. - (Đạo lý cổ nhân). - 179000đ. - 2000b

Tên thật tác giả: Dương Văn Thụ s615896

317. Dương Văn Sáu. Giáo trình Xây dựng sản phẩm du lịch / Dương Văn Sáu, Ma Thị Quỳnh Hương. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 359 tr. : minh họa ; 24 cm. - 80000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Văn hóa Hà Nội. - Thư mục cuối mỗi chương s616463

318. Động viên kinh tế trong chiến tranh giải phóng dân tộc ở Việt Nam (1945 - 1975) - Thành tựu và bài học kinh nghiệm : Sách chuyên khảo / B.s.: Trần Đăng Bộ, Nguyễn Quang Tạo, Nguyễn Đức Thọ (ch.b.)... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 262 tr. ; 21 cm. - 500b

ĐTTS ghi: Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng. Viện Khoa học Xã hội và Nhân văn Quân sự. - Thư mục: tr. 253-260 s617477

319. Đời sống kinh tế - xã hội ngư dân vùng ven biển Bắc Trung Bộ : Sách chuyên khảo / Hoàng Hồng Hiệp (ch.b.), Châu Ngọc Hòe, Tông Thị Hải Hạnh... - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 331 tr. : bảng ; 24 cm. - 128000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ. - Thư mục: tr. 320-331 s616519

320. Đời sống và chính sách đối với lao động nữ có hoàn cảnh đặc biệt tại các khu công nghiệp, khu chế xuất ở Việt Nam hiện nay : Sách chuyên khảo / B.s.: Nguyễn Đức Tĩnh (ch.b.), Hồng Thị Nga, Hoàng Thanh Xuân... - H. : Công Thương, 2025. - 461 tr. : biểu đồ ; 24 cm. - 188000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Công đoàn. - Thư mục: tr. 458-461 s616423

321. Đức Hạnh. Đầu tư Crypto từ số 0 đến thành công : Cẩm nang giúp nhà đầu tư đi đúng hướng và tránh mất tiền oan / Đức Hạnh, Vương Dương. - H. : Thế giới, 2025. - 320 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 686000đ. - 1000b

Phụ lục: tr. 301-314 s617114

322. Eker, T. Harv. Bí mật tư duy triệu phú = Secrets of millionaire mind / T. Harv Eker ; Kim Liên dịch. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 291 tr. ; 21 cm. - 108000đ. - 5000b s617226

323. Giám định và phân loại tiêu bản đất nguyên khối cho hệ thống bảo tàng thiên nhiên Việt Nam / Nguyễn Thanh Tuấn, Hồ Quang Đức (ch.b.), Lê Thái Bạt... - H. : Khoa học Tự

nhiên và Công nghệ, 2025. - 309 tr. : ảnh, bảng ; 24 cm. - (Bộ sách Chuyên khảo Tài nguyên thiên nhiên và Môi trường Việt Nam). - 230000đ. - 200b

Đầu bìa sách ghi: Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam. - Phụ lục: tr. 239-303. - Thư mục: tr. 305-309 s617056

324. Giáo trình Bảo tồn đa dạng sinh học / Đoàn Thị Kiều Tiên (ch.b.), Trần Thanh Mến, Nguyễn Ngọc Trang Thùy... - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2025. - 148 tr. : minh họa ; 24 cm. - 180000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ. - Thư mục cuối mỗi chương s616632

325. Giáo trình Địa lý kinh tế - xã hội đại cương 1 / Trương Văn Cảnh (ch.b.), Nguyễn Thị Hồng, Nguyễn Phú Thắng... - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 354 tr. : minh họa ; 24 cm. - 230000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Đại học Đà Nẵng. Trường Đại học Sư phạm. - Thư mục: tr. 343-354 s617539

326. Giáo trình Kinh tế vi mô / Lê Thanh Tùng (ch.b.), Nguyễn Thị Phúc Doang, Tống Hồng Lam... - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 243 tr. : hình vẽ, ảnh ; 24 cm. - 120000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh. Khoa Kinh tế và Quản lý công. - Thư mục: tr. 243 s617540

327. Giáo trình Kinh tế vi mô / Nguyễn Thị Hương (ch.b.), Hà Thị Thanh Tuyền, Trần Băng Dương, Trần Kim Ngân. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2025. - xiv, 216 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 185000đ. - 2000b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Kiên Giang. - Thư mục: tr. 216 s617197

328. Giáo trình Quản lý đầu tư công / Lê Vũ Sao Mai, Nguyễn Thị Hải Yến (ch.b.), Trần Thị Thanh Thúy, Trần Thị Hoàng Mai. - Nghệ An : Đại học Vinh, 2025. - 187 tr. ; 24 cm. - 120000đ. - 200b

Thư mục: tr. 182-187 s616636

329. Giáo trình Thị trường chứng khoán và đầu tư chứng khoán : Dành cho trình độ đại học / Nguyễn Thị Thúy, Nguyễn Phương Thúy (ch.b.), Nguyễn Thị Thương Huyền... - H. : Công Thương, 2025. - 184 tr. : bảng ; 27 cm. - 250b

ĐTTS ghi: Bộ Công Thương. Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh. - Thư mục: tr. 182 s616370

330. Giáo trình Văn hóa doanh nghiệp du lịch / Nguyễn Văn Đính (ch.b.), Lê Mạnh Hùng, Nguyễn Thị Phương Nga... - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 411 tr. : minh họa ; 27 cm. - 428000đ. - 70b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Thủy lợi. Khoa Kinh tế và Quản lý. - Thư mục: tr. 287-289. - Phụ lục: tr. 298-411 s616174

331. Hệ thống câu hỏi và bài tập thị trường chứng khoán / Nguyễn Thanh Phương (ch.b.), Nguyễn Phương Luyện, Nguyễn Vũ Thúc Lan... - H. : Lao động, 2025. - 187 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 35000đ. - 1000b

Phụ lục: tr. 183-187 s617404

332. Housel, Morgan. Giải mã tâm lý hành vi về tiền = The art of spending money : Biến tiền bạc thành công cụ để phát triển bản thân, sống thức tỉnh và có chủ đích... / Morgan Housel ; Hoàng Thị Minh Phúc dịch. - H. : Công Thương, 2025. - 395 tr. ; 21 cm. - 239000đ. - 2000b s616400

333. Hồ Hữu Lực. Kinh tế phi nhân lực : Chuyển dịch từ lao động con người sang hệ thống tự động, dữ liệu và trí tuệ nhân tạo / Hồ Hữu Lực. - H. : Thế giới, 2025. - 375 tr. : ảnh, bảng ; 21 cm. - 210000đ. - 2000b

Thư mục: tr. 359-371 s617104

334. Hội thảo khoa học: Chủ tịch Hồ Chí Minh với doanh nghiệp, doanh nhân - Từ kí ức đến khát vọng vươn mình kiến quốc : Nhân kỉ niệm 80 năm, ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư cho giới Công Thương Việt Nam 13/10/1945 - 13/10/2025 / Nguyễn Mai Lan, Trần Hoàng, Lâm Thúy Ái... - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 375 tr. ; 27 cm. - 200b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Nguyễn Tất Thành ; Tạp chí Doanh nhân Sài Gòn. - Thư mục cuối mỗi bài s616382

335. Huỳnh Quang Minh. Giáo trình Kinh tế vĩ mô / Huỳnh Quang Minh (ch.b.), Trần Nguyễn Minh Ái, Bùi Thị Hiền. - Tái bản lần 1. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 242 tr. ; 24 cm. - 100000đ. - 2000b

Thư mục cuối mỗi chương s616618

336. Kết quả khảo sát mức sống dân cư giai đoạn 2018 - 2022 thành phố Hải Phòng. - H. : Thống kê, 2025. - 109 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 150b

ĐTTS ghi: Cục Thống kê thành phố Hải Phòng s616565

337. Khoo, Dennis. Chuyển đổi số ngân hàng : UOB & cuộc cách mạng ngân hàng số đầu tiên tại ASEAN / Dennis Khoo ; Dịch: Thiên Trang, Anh Khôi ; Lê Hà Mai Trang h.đ. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 439 tr. : minh họa ; 24 cm. - 350000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Anh: Driving digital transformation : Lessons from building the first ASEAN digital bank s616650

338. Kỷ yếu 300 năm Adam Smith (1723 - 2023) - Người đặt nền tảng của kinh tế học phồn vinh / Trần Quốc Hùng, Trần Văn Thọ, Nguyễn Xuân Xanh (ch.b.)... - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2025. - 555 tr. : minh họa ; 24 cm. - 339000đ. - 1000b

Phụ lục: tr. 529-555 s617592

339. Kỷ yếu Hội thảo khoa học dành cho người học - Chủ đề: "Kinh tế quản lý và xã hội" / Trần Thị Hải Yến, Bùi Nguyễn Ngọc Khả Vy, Nguyễn Bích Trâm... - H. : Tài chính, 2025. - 206 tr. : hình vẽ, bảng ; 29 cm. - 100b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục cuối mỗi bài s616164

340. Kỷ yếu Hội thảo khoa học dành cho người học năm 2023 - Chủ đề: "Kinh tế quản lý và xã hội" / Hà Thiên Bảo, Nguyễn Thị Kiều Trang, Trần Thị Lan Vy... - H. : Tài chính, 2025. - 190 tr. : hình vẽ, bảng ; 29 cm. - 100b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục cuối mỗi bài s616163

341. Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia - 2025: Phát triển kinh tế tư nhân trong kỷ nguyên mới / Nguyễn Thị Thúy, Phan Đức Khánh, Nguyễn Thị Bích Diệp... - H. : Tài chính, 2025. - xii, 870 tr. : hình vẽ, bảng ; 28 cm. - 200b

ĐTTS ghi: Bộ Tài chính. Trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh. - Thư mục cuối mỗi bài s616167

342. Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Tài nguyên đất đai và phát triển bền vững - Cách tiếp cận đa ngành / Nguyễn Đắc Nhân, Lê Minh Thùy, Nguyễn Quang Tuyền... - H. : Công an nhân dân, 2025. - 727 tr. : bảng ; 30 cm. - 20b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Đà Lạt; Trường Đại học Kinh tế, Luật và Quản lý Nhà nước.
- Thư mục cuối mỗi bài s616108

343. Lê Ngọc Thơm. Đầu tư trực tiếp nước ngoài từ Liên minh châu Âu vào Việt Nam : Sách chuyên khảo / Lê Ngọc Thơm. - H. : Lao động, 2025. - 253 tr. ; 24 cm. - 198000đ. - 200b
ĐTTS ghi: Học viện Chính sách và Phát triển. - Thư mục: tr. 233-248. - Phụ lục: tr. 249-253 s617421

344. Lê Thế Bình. Nhập môn Đầu tư bất động sản / Lê Thế Bình. - H. : Tài chính, 2025. - 118 tr. ; 23 cm. - 180000đ. - 300b s617187

345. Lê Thị Dung. Đầu tư tại Việt Nam giai đoạn mới: Những tác động đặc biệt đến nhà đầu tư Trung Quốc = 越南投资新阶段: 对中国投资者的重要影响 / Lê Thị Dung. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 231 tr. ; 24 cm. - 199000đ. - 2010b
Thư mục: tr. 220-224 s617073

346. Lê Thị Phương Nga. Giáo trình Marketing trong kinh doanh xuất bản phẩm / Ch.b.: Lê Thị Phương Nga, Phùng Quốc Hiếu. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 158 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 65000đ. - 1000b
ĐTTS ghi: Trường Đại học Văn hóa Hà Nội. - Thư mục: tr. 155-158 s616456

347. Mitsuki Okazaki. Lập kế hoạch tài chính gia đình / Mitsuki Okazaki ; Quỳnh Châu dịch. - H. : Công Thương, 2025. - 355 tr. : bảng ; 21 cm. - 195000đ. - 2000b s616396

348. Một số vấn đề lý luận về phát triển kinh tế địa phương : Sách chuyên khảo / Hoàng Văn Hoan (ch.b.), Nguyễn Văn Dương, Lê Tuấn Anh... - H. : Lý luận Chính trị, 2025. - 272 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 250000đ. - 100b
Thư mục: tr. 266-268 s616586

349. Murphy, John J. Giao dịch bằng phân tích liên thị trường : Một phương pháp tiếp cận trực quan để chiến thắng trên thị trường tài chính bằng cách sử dụng quỹ hoán đổi danh mục (ETF) / John J. Murphy ; Trần Mạnh Cường dịch. - H. : Tài chính, 2025. - xii, 331 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 369000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Trading with intermarket analysis : A visual approach to beating the financial markets using exchange-traded funds s617198

350. Nghiêm Xuân Khoát. Kinh tế đầu tư / Nghiêm Xuân Khoát (ch.b.), Trần Hoàng Hiệp, Nguyễn Thị Thu Trang. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 179 tr. : bảng ; 27 cm. - 115000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Công nghiệp Việt - Hung. - Thư mục: tr. 165. - Phụ lục: tr. 166-179 s616548

351. Nguyễn Công Thành. Giáo trình Thiết kế và quản lý dự án nông nghiệp, nông thôn : Dùng cho đào tạo thạc sĩ ngành Khoa học cây trồng / Nguyễn Công Thành, Nguyễn Thị Thúy (ch.b.), Nguyễn Hữu Hiền. - Nghệ An : Đại học Vinh, 2025. - 255 tr. : minh họa ; 24 cm. - 120000đ. - 200b

Thư mục: tr. 244-247. - Phụ lục: tr. 248-255 s616637

352. Nguyễn Hồng Nga. Giáo trình Kinh tế vi mô nâng cao / Nguyễn Hồng Nga. - Tái bản lần thứ 4. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - x, 140 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 75000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. Trường Đại học Kinh tế - Luật. - Thư mục: tr. 140 s617558

353. Nguyễn Thanh Hải. Thống kê cơ bản dành cho kinh doanh và tài chính / Nguyễn Thanh Hải. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 421 tr. : minh họa ; 24 cm. - 140000đ. - 300b
Thư mục cuối mỗi chương. - Phụ lục: tr. 409-420 s616462
354. Nguyễn Thị Phương Nga. Giáo trình Phát triển du lịch bền vững / Nguyễn Thị Phương Nga (ch.b.), Nguyễn Văn Lưu, Nguyễn Thị Thu Hà. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 419 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 407000đ. - 70b
ĐTTS ghi: Trường Đại học Thủy lợi. Khoa Kinh tế và Quản lý. - Thư mục: tr. 335-344. - Phụ lục: tr. 345-419 s616178
355. Nguyễn Tiến Dũng. 100 chìa khóa vàng kinh doanh Spa thành công : Bí quyết giúp chủ Spa từng bước đạt được tự do và giàu có / Nguyễn Tiến Dũng, Đỗ Hoài My. - H. : Lao động, 2025. - 334 tr. ; 21 cm. - 299000đ. - 500b s617380
356. Nguyễn Văn Lưu. Giáo trình Du lịch nông nghiệp / Nguyễn Văn Lưu (ch.b.), Nguyễn Thị Thu Hà. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 249 tr. ; 27 cm. - 302000đ. - 70b
ĐTTS ghi: Trường Đại học Thủy lợi. Khoa Kinh tế và Quản lý. - Thư mục: tr. 216-220. - Phụ lục: tr. 221-249 s616176
357. Nguyễn Việt Quảng. Để thành công với nghề môi giới bất động sản / Nguyễn Việt Quảng. - H. : Tài chính. - 21 cm. - 368000đ. - 500b
T.1: Chiến lược - kỹ năng - tư duy để trở thành một môi giới xuất sắc. - 2025. - xiv, 243 tr. : tranh vẽ s617183
358. Nison, Steve. Tuyệt kỹ giao dịch bằng đồ thị nến Nhật = 陰線陽線 : Một hướng dẫn đương đại về các kỹ thuật đầu tư cổ đại ở phương Đông / Steve Nison ; Dịch: Thái Phạm, Đỗ Phan Thu Hà. - Tái bản. - H. : Thế giới, 2025. - 386 tr. : hình vẽ, đồ thị ; 24 cm. - (Tủ sách Đầu tư). - 499000đ. - 1000b
Tên sách tiếng Anh: Japanese candlestick charting techniques. - Thư mục: tr. 384-386 s617151
359. Rathi, Akshat. Tư bản khí hậu : Cuộc đua toàn cầu hướng đến net-zero / Akshat Rathi ; Bùi Trần Ca Dao dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 291 tr. ; 24 cm. - 189000đ. - 550b
Tên sách tiếng Anh: Climate capitalism : Winning the race to zero emissions and solving the crisis of our age. - Thư mục: tr. 263-291 s617117
360. Sách trắng Doanh nghiệp và hợp tác xã tỉnh Quảng Nam năm 2025. - H. : Thống kê, 2025. - 446 tr. : biểu đồ ; 24 cm. - 150b
ĐTTS ghi: Tổng cục Thống kê. Cục Thống kê tỉnh Quảng Nam. - Phụ lục: tr. 101-446 s616579
361. Schwager, Jack D. Phù thủy sàn chứng khoán (thế hệ mới) : Thành công, thất bại và kinh nghiệm vực dậy của các nhà giao dịch chứng khoán hàng đầu nước Mỹ / Jack D. Schwager ; Phạm Quốc Trường dịch. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Công Thương, 2025. - 523 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 259000đ. - 3000b
Tên sách tiếng Anh: Market Wizards: Interviews with top traders s616426
362. Smith, Adam. Sự thịnh vượng của các quốc gia = The wealth of nations / Adam Smith ; Dịch: Nguyễn Hoàng Giang... - H. : Thế giới, 2025. - 1078 tr. ; 24 cm. - 659000đ. - 1500b s617133
363. Tadashi Yanai. 1 thắng 9 bại : Câu chuyện khởi nghiệp và gây dựng thương hiệu của ông chủ UNIQLO - Tỷ phú giàu nhất Nhật Bản / Tadashi Yanai ; Dịch: Nguyễn Phương Hồng... ; Hà Việt Anh h.đ. - In lần thứ 3. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 207 tr. : bảng ; 23 cm. - 120000đ. - 1500b s616749

364. Tào Thị Thủy Tiên. Làm giàu theo chu kỳ : Chiến lược quản lý tài chính và đầu tư thông minh theo chu kỳ kinh tế / Tào Thị Thủy Tiên. - H. : Công Thương, 2025. - 261 tr. : minh họa ; 21 cm. - 229000đ. - 500b s616407

365. Tăng trưởng phi tuyến tính: Sự trỗi dậy của Geely = Non-Linear growth / Xiaobo Wu, Jian Du, Sihan Li ; Đặng Hồng Quân dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 470 tr. : bảng, biểu đồ ; 24 cm. - 259000đ. - 2000b

Phụ lục: tr. 459-470 s617123

366. Thông tin việc làm & bảo hiểm thất nghiệp 6 tháng đầu năm 2025. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 43 tr. : minh họa ; 30 cm. - 800b

ĐTTS ghi: Sở Nội vụ tỉnh Nghệ An. Trung tâm Dịch vụ việc làm s616389

367. Thời cơ và thách thức của Bà Rịa - Vũng Tàu trước thềm kỷ nguyên mới - Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc : Kỷ yếu hội thảo khoa học cấp tỉnh năm 2025 / Đàm Xuân Tùng, Nguyễn Thị Mai, Lê Minh Giao... - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 352 tr. : bảng ; 24 cm. - 50b

ĐTTS ghi: Tỉnh ủy Bà Rịa Vũng Tàu. Trường Chính trị. - Thư mục trong chính văn s617546

368. Tirole, Jean. Kinh tế học vì lợi ích chung : Làm thế nào để các quyết định kinh tế phụng sự số đông? / Jean Tirole ; Phùng Quang Hưng dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 677 tr. : bảng, biểu đồ ; 24 cm. - 345000đ. - 1500b

Tên sách tiếng Pháp: Économie du bien commun s617127

369. Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp dưới góc nhìn kinh tế và pháp lý = Corporate social responsibility from economic and legal perspectives / Lê Hồng Hạnh, Nguyễn Thành Đức, Nguyễn Thị Thái Hà... ; B.s.: Lê Hồng Hạnh (ch.b.)... - H. : Công an nhân dân, 2025. - 460 tr. : bảng ; 27 cm. - 100b

Thư mục cuối mỗi bài s616114

370. Trách nhiệm xã hội và pháp lý của doanh nghiệp: Những tiếp cận đa chiều = Corporate social and legal responsibility: Multi-dimensional approaches / Trần Thanh Hương, Nguyễn Thị Thu Trang, Giản Thị Lê Na... ; B.s.: Trần Thanh Hương (ch.b.)... - H. : Công an nhân dân, 2025. - 459 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 100b

Thư mục cuối mỗi bài s616115

371. Tracy, Brian. Nghệ thuật quản lý tài chính cá nhân : Thiết lập kế hoạch tài chính... / Brian Tracy, Dan Strutzel ; Bùi Đức Anh dịch. - H. : Lao động, 2025. - 322 tr. ; 21 cm. - 159000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: The science of money : How to increase your income and become wealthy s617410

372. Travel magazine : Trải nghiệm sống động cùng du lịch Việt / Phan Uyên, Hạ Thảo, Mai Hoa... - H. : Công Thương, 2025. - 104 tr. : ảnh ; 30 cm. - 80000đ. - 10000b

Đầu bìa sách ghi: Viện Phát triển Du lịch châu Á s616366

373. Trần Anh Dũng. Tổng quan du lịch quốc tế / Trần Anh Dũng. - Huế : Nxb. Thuận Hoá, 2025. - 335 tr. : bảng ; 21 cm. - 189000đ. - 100b

Phụ lục: tr. 283-328. - Thư mục: tr. 329-330 s616624

374. Trần Quốc Tuấn. Chiến thuật marketing bất động sản / Trần Quốc Tuấn. - H. : Công Thương, 2025. - 327 tr. : bảng, sơ đồ ; 23 cm. - 900000đ. - 1111b

ĐTTS ghi: Viện Nghiên cứu Bất động sản Việt Nam s616413

375. Trần Quốc Tuấn. Chiến thuật marketing bất động sản / Trần Quốc Tuấn. - H. : Công Thương, 2025. - 327 tr. : bìa, sơ đồ ; 23 cm. - 15b
ĐTTS ghi: Viện Nghiên cứu Bất động sản Việt Nam s616425
376. Trần Quốc Tuấn. Chiến thuật marketing bất động sản / Trần Quốc Tuấn. - H. : Công Thương, 2025. - 327 tr. : bìa, bản đồ ; 23 cm. - 6800000đ. - 119b
ĐTTS ghi: Viện Nghiên cứu Bất động sản Việt Nam s616412
377. Vũ Đình Thuận. Phát triển du lịch làng nghề ở vùng Đồng bằng sông Hồng / Vũ Đình Thuận. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 148 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 86000đ. - 100b
Thư mục: tr. 123-138. - Phụ lục: tr. 139-148 s617170
378. Wai Hoàng. Blockchain & crypto thực chiến / Wai Hoàng. - H. : Công Thương, 2025. - 274 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 259000đ. - 1000b
Thư mục: tr. 271-272 s616406

CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CÁC HỆ THỐNG LIÊN QUAN

379. Giáo trình Trung cấp lý luận chính trị: Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh / Trần Minh Trường (ch.b.), Lý Việt Quang, Đỗ Xuân Tuất... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Lý luận Chính trị, 2025. - 200 tr. ; 21 cm. - 50000đ. - 4400b
ĐTTS ghi: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. - Thư mục cuối mỗi bài s617457
380. Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh : Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị / B.s.: Mạch Quang Thắng, Phạm Ngọc Anh, Nguyễn Quốc Bảo... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 272 tr. ; 21 cm. - 45000đ. - 2000b
Thư mục: tr. 266-268 s617480
381. Học tập và làm theo tư tưởng đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. - H. : Văn hoá dân tộc, 2025. - 79 tr. : ảnh ; 24 cm. - 400b s616443
382. Hỏi - Đáp môn Chủ nghĩa xã hội khoa học : Dành cho bậc đại học hệ chuyên và không chuyên lý luận chính trị / Đỗ Thị Thạch, Bùi Thị Ngọc Lan, Nguyễn Thị Hoa, Vũ Thế Tùng. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 235 tr. ; 21 cm. - 74000đ. - 2000b s617474
383. Hồ Chí Minh. 5 bảo vật quốc gia: Di sản vô giá của Chủ tịch Hồ Chí Minh / Hồ Chí Minh ; Bích Thủy tổng hợp, giới thiệu. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 189 tr. ; 21 cm. - 90000đ. - 2000b s617601
384. Hồ Chí Minh. Văn hóa Hồ Chí Minh : Chuyên luận / Hà Minh Đức. - Huế : Nxb. Thuận Hóa, 2025. - 138 tr. ; 23 cm. - 100000đ. - 500b
Thư mục: tr. 128 s617177
385. Hướng dẫn học môn Tư tưởng Hồ Chí Minh : Dành cho sinh viên Trường Đại học Giao thông vận tải / Ch.b.: Lã Quý Đô, Nguyễn Thị Thu Hoa, Phan Thế Lượng... - H. : Giao thông vận tải, 2025. - 159 tr. ; 24 cm. - 40000đ. - 1000b
ĐTTS ghi: Trường Đại học Giao thông vận tải. Khoa Lý luận chính trị. Bộ môn Tư tưởng Hồ Chí Minh. - Thư mục cuối mỗi chương s617161
386. Hướng dẫn học tập học phần Triết học Mác - Lênin / Nguyễn Thị Luyến (ch.b.), Lê Thị Thủy Dung, Khuất Thị Nga... - Tái bản. - H. : Tài nguyên Môi trường và Bản đồ Việt Nam, 2025. - 213 tr. ; 21 cm. - 55000đ. - 2000b
ĐTTS ghi: Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội. - Lưu hành nội bộ s616445

387. Hướng dẫn ôn tập học phần A.V, A.VI: Nội dung cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học. Nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam : Chương trình Trung cấp lý luận chính trị / Lê Quang Sơn, Tô Văn Bẩy (ch.b.), Đoàn Quang Duy Tuấn... - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2025. - 66 tr. ; 24 cm. - 50b
ĐTTS ghi: Trường Chính trị tỉnh Lâm Đồng s617594

388. Ngô Tuấn Nghĩa. Hỏi - Đáp môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin : Dành cho bậc đại học hệ chuyên và không chuyên lý luận chính trị / Ngô Tuấn Nghĩa, Đoàn Xuân Thủy. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 370 tr. ; 21 cm. - 110000đ. - 2000b s617475

389. Nguyễn Thế Thắng. Hỏi - Đáp môn Tư tưởng Hồ Chí Minh : Dành cho bậc đại học hệ chuyên và không chuyên lý luận chính trị / Nguyễn Thế Thắng, Đoàn Thị Chín. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 351 tr. ; 21 cm. - 105000đ. - 2000b s617472

390. Phạm Văn Biên. Hướng dẫn ôn tập học phần A.I, A.II: Nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử : Chương trình Trung cấp lý luận chính trị / Phạm Văn Biên (ch.b.), Phạm Kim Quang, Trần Ngọc Bảo Vy. - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2025. - 185 tr. ; 24 cm. - 200b
ĐTTS ghi: Trường Chính trị tỉnh Lâm Đồng. - Thư mục: tr. 183-184 s617595

391. Phạm Văn Đức. Hỏi - Đáp môn Triết học Mác - Lênin : Dành cho bậc đại học hệ chuyên và không chuyên lý luận chính trị / Phạm Văn Đức (ch.b.), Nguyễn Văn Tài, Nguyễn Anh Tuấn. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 271 tr. ; 21 cm. - 84000đ. - 2000b s617473

PHÁP LUẬT

392. Bài giảng Pháp luật : Dành cho sinh viên Trường Cao đẳng nghề Bách khoa Hà Nội / Lê Thị Lan (ch.b.), Phạm Thị Huyền, Hà Thị Dáng Hương, Nguyễn Quang Trường. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 99 tr. ; 27 cm. - 52000đ. - 2500b
Thư mục: tr. 98-99 s616170

393. Bích Phương. Luật Đấu thầu (sửa đổi, bổ sung) năm 2025 quy định chi tiết thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu và hướng dẫn xử lý một số tình huống trong đấu thầu qua mạng / Bích Phương b.s. - H. : Thế giới, 2025. - 423 tr. : bảng ; 28 cm. - 395000đ. - 1000b
Phụ lục trong chính văn s616155

394. Bộ luật Dân sự năm 2015, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) và các văn bản hướng dẫn thi hành / Bích Phương hệ thống. - H. : Lao động, 2025. - 570 tr. : bảng ; 28 cm. - 480000đ. - 3000b s616117

395. Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025) và các văn bản hướng dẫn thi hành : Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự số 86/2025/QH15 ngày 25/6/2025 / Bích Phương hệ thống. - H. : Lao động, 2025. - 415 tr. : bảng ; 28 cm. - 425000đ. - 3000b s616138

396. Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021, 2025) và các văn bản hướng dẫn thi hành / Bích Phương hệ thống. - H. : Lao động, 2025. - 451 tr. ; 28 cm. - 450000đ. - 3000b s616118

397. Các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý đất đai ban hành từ năm 2003 đến năm 2024 / S.t., b.s.: Đào Trung Chính, Phạm Thị Thịnh, Phùng Ngọc Phương... - H. : Lao động. - 27 cm. - 700000đ. - 1000b

T.3: Các văn bản quy phạm pháp luật từ năm 2003 đến năm 2013. - 2025. - 1235 tr. : bảng s616132

398. Các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý đất đai ban hành từ năm 2003 đến năm 2024 / S.t., b.s.: Đào Trung Chính, Phạm Thị Thịnh, Phùng Ngọc Phương... - H. : Lao động. - 27 cm. - 800000đ. - 1000b

T.4, Q.1: Các văn bản quy phạm pháp luật từ năm 2014 đến năm 2016. - 2025. - 1403 tr. : bảng s616133

399. Các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý đất đai ban hành từ năm 2003 đến năm 2024 / S.t., b.s.: Đào Trung Chính, Phạm Thị Thịnh, Phùng Ngọc Phương... - H. : Lao động. - 27 cm. - 600000đ. - 1000b

T.4, Q.2: Các văn bản quy phạm pháp luật từ năm 2017 đến năm 2024. - 2025. - 863 tr. : bảng s616134

400. Cẩm nang đổi mới phương pháp giảng dạy trong nhà trường / Vũ Hoàng Uyên hệ thống. - H. : Lao động. - 28 cm. - 450000đ. - 1000b

T.1: Luật Nhà giáo năm 2025 và quản lý chung của Nhà nước về giáo dục. - 2025. - 399 tr. s616123

401. Cẩm nang đổi mới phương pháp giảng dạy trong nhà trường / Vũ Hoàng Uyên hệ thống. - H. : Lao động. - 28 cm. - 450000đ. - 1000b

T.2: Quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ của chính quyền địa phương hai cấp và danh mục thiết bị dạy học tối thiểu đối với giáo dục trung học cơ sở, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên. - 2025. - 415 tr. : bảng s616124

402. Cẩm nang đổi mới phương pháp giảng dạy trong nhà trường / Vũ Hoàng Uyên hệ thống. - H. : Lao động. - 28 cm. - 450000đ. - 1000b

T.3: Chính sách mới về giáo dục. Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường và danh mục thiết bị dạy học cơ sở các cấp. - 2025. - 415 tr. : bảng s616125

403. Cấu trúc thể loại án lệ Nhật Bản: Góc nhìn liên lý thuyết : Sách chuyên khảo / Phan Tuấn Ly (ch.b.), Hoàng Ngọc Thanh Trúc, Nguyễn Kim Ngân, Lê Thị Xuân Thu. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - xiii, 228 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 200000đ. - 200b

Thư mục: tr. 193-206. - Phụ lục: tr. 207-228 s617545

404. Doãn Hồng Nhung. Pháp luật về quyền sử dụng đất của người Việt Nam định cư ở nước ngoài : Sách chuyên khảo / Doãn Hồng Nhung (ch.b.), Hoàng Trường Giang. - Tái bản lần thứ 1, có sửa chữa, bổ sung. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 279 tr. : ảnh ; 21 cm. - 258000đ. - 510b

Thư mục: tr. 83-88 s617064

405. Đào Trung Chính. Các văn bản pháp quy về quản lý đất đai ban hành từ năm 1945 đến năm 2003 / S.t., b.s.: Đào Trung Chính, Phạm Thị Thịnh, Phùng Ngọc Phương. - H. : Lao động. - 27 cm. - 500000đ. - 1000b

T.1: Các văn bản pháp quy từ năm 1945 đến năm 1992. - 2025. - 1015 tr. : bảng s616129

406. Đào Trung Chính. Các văn bản pháp quy về quản lý đất đai ban hành từ năm 1945 đến năm 2003 / S.t., b.s.: Đào Trung Chính, Phạm Thị Thịnh, Phùng Ngọc Phương. - H. : Lao động. - 27 cm. - 500000đ. - 1000b

T.2, Q.1: Các văn bản pháp quy từ năm 1993 đến năm 1997. - 2025. - 795 tr. : bảng s616130

407. Đào Trung Chính. Các văn bản pháp quy về quản lý đất đai ban hành từ năm 1945 đến năm 2003 / S.t., b.s.: Đào Trung Chính, Phạm Thị Thịnh, Phùng Ngọc Phương. - H. : Lao động. - 27 cm. - 500000đ. - 1000b

T.2, Q.2: Các văn bản pháp quy từ năm 1998 đến năm 2003. - 2025. - 967 tr. : bảng s616131

408. Đỗ Thị Diễm. Pháp luật về hợp đồng chuyển giao công nghệ: Lý luận và thực tiễn : Sách tham khảo / Đỗ Thị Diễm (ch.b.), Nguyễn Văn Phúc, Lê Thị Diệu Chi. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 295 tr. ; 24 cm. - 200000đ. - 110b

ĐTTS ghi: Đại học Huế. Trường Đại học Luật. - Thư mục: tr. 262-270. - Phụ lục: tr. 271-291 s617087

409. Đỗ Thị Dung. Giáo trình Luật An sinh xã hội / Đỗ Thị Dung ch.b. - H. : Tài chính, 2023. - 256 tr. : minh họa ; 24 cm. - 117000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Mở Hà Nội. - Thư mục: tr. 251-254 s617205

410. Giáo trình Công pháp quốc tế / B.s.: Trần Thị Thùy Dương, Trần Thăng Long (ch.b.), Ngô Hữu Phước... - Tái bản lần thứ 7. - H. : Công an nhân dân. - 21 cm. - 89000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh
Q.2. - 2025. - 493 tr. - Thư mục cuối mỗi chương s617092

411. Giáo trình Hướng nghiệp và đạo đức nghề luật / B.s.: Lê Thị Thảo, Đoàn Đức Lương (ch.b.), Vũ Thị Hương... - H. : Công an nhân dân, 2025. - 207 tr. ; 24 cm. - 218000đ. - 510b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Luật, Đại học Huế. - Thư mục: tr. 195-198. - Phụ lục: tr. 199-207 s617071

412. Giáo trình Luật Cạnh tranh / Nguyễn Thị Vân Anh (ch.b.), Lưu Hương Ly, Phạm Phương Thảo... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Tư pháp, 2025. - 422 tr. ; 21 cm. - 83000đ. - 2000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Luật Hà Nội. - Thư mục cuối mỗi chương s616501

413. Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam : Phần chung / Nguyễn Ngọc Hòa (ch.b.), Trương Quang Vinh, Hoàng Văn Hùng... - Tái bản lần thứ 7, có sửa đổi, bổ sung. - H. : Tư pháp, 2025. - 411 tr. ; 21 cm. - 80000đ. - 3000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Luật Hà Nội. - Thư mục: tr. 408-411 s616493

414. Giáo trình Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam / Nguyễn Văn Cừ (ch.b.), Hà Thị Mai Hiên, Bùi Minh Hồng... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Tư pháp, 2025. - 463 tr. ; 22 cm. - 97000đ. - 2000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Luật Hà Nội. - Thư mục: tr. 460-463 s616503

415. Giáo trình Luật Kinh tế Việt Nam / Nguyễn Thị Nhung (ch.b.), Nguyễn Như Phát, Đồng Ngọc Ba... - H. : Tài chính, 2023. - 276 tr. ; 24 cm. - 124200đ. - 200b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Mở Hà Nội s617191

416. Giáo trình Luật Lao động / B.s., chỉnh sửa: Trần Hoàng Hải (ch.b.), Lê Ngọc Anh, Nguyễn Thị Bích... - Tái bản lần thứ 5, có sửa đổi, bổ sung. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 705 tr. ; 21 cm. - 111000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh. Khoa Luật Dân sự. - Thư mục cuối mỗi chương s617066

417. Giáo trình Luật Môi trường / Vũ Thu Hạnh, Lê Kim Nguyệt (ch.b.), Lê Hồng Hạnh... - Tái bản lần 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 319 tr. ; 24 cm. - 125000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Hà Nội. Trường Đại học Luật. - Thư mục: tr. 315-319 s617415

418. Giáo trình Luật Ngân hàng / B.s.: Nguyễn Văn Vân (ch.b.), Phan Thị Thành Dương, Nguyễn Thị Thủy... - Tái bản lần thứ 8. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 454 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 88000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh s617090

419. Giáo trình Luật Ngân sách nhà nước / Nguyễn Văn Tuyền (ch.b.), Vũ Văn Cương, Phạm Thị Giang Thu, Nguyễn Thị Ánh Vân. - Tái bản lần thứ 22, có sửa đổi, bổ sung. - H. : Tư pháp, 2025. - 278 tr. ; 21 cm. - 58000đ. - 3000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Luật Hà Nội. - Thư mục: tr. 277-278 s616495

420. Giáo trình Luật Quốc tế / Nguyễn Thị Kim Ngân (ch.b.), Hoàng Ly Anh, Lê Thị Anh Đào... - H. : Tư pháp, 2025. - 531 tr. ; 22 cm. - 112000đ. - 3000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Luật Hà Nội. - Thư mục: tr. 523-531 s616497

421. Giáo trình Luật So sánh / Nguyễn Thị Ánh Vân (ch.b.), Nguyễn Quốc Hoàn, Bùi Minh Hồng... - Tái bản lần thứ 3, có sửa đổi, bổ sung. - H. : Tư pháp, 2025. - 599 tr. ; 22 cm. - 126000đ. - 4000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Luật Hà Nội. - Thư mục: tr. 577-593 s616496

422. Giáo trình Luật Tài chính Việt Nam / Phạm Thị Giang Thu, Nguyễn Thị Lan Hương (ch.b.), Đinh Dũng Sỹ... - Tái bản lần 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 355 tr. ; 24 cm. - 165000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Hà Nội. Trường Đại học Luật. - Thư mục cuối mỗi chương s617417

423. Giáo trình Luật Thuế / B.s.: Nguyễn Thị Thủy (ch.b.), Nguyễn Văn Vân, Nguyễn Thị Thu Hiền... - Tái bản lần thứ 6, có bổ sung. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 561 tr. : bảng ; 21 cm. - 86000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh s617068

424. Giáo trình Luật Thương mại Việt Nam / Nguyễn Viết Tý, Nguyễn Thị Dung (ch.b.), Nguyễn Thị Vân Anh... - Tái bản lần thứ 9. - H. : Tư pháp. - 22 cm. - 106000đ. - 3000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Luật Hà Nội

T.1. - 2025. - 503 tr. - Thư mục: tr. 499-503 s616499

425. Giáo trình Luật Thương mại Việt Nam / Nguyễn Viết Tý, Nguyễn Thị Dung (ch.b.), Nguyễn Thị Vân Anh... - Tái bản lần thứ 8. - H. : Tư pháp. - 22 cm. - 82000đ. - 3000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Luật Hà Nội

T.2. - 2025. - 390 tr. - Thư mục: tr. 387-390 s616500

426. Giáo trình Luật Tổ tụng dân sự Việt Nam / B.s.: Nguyễn Triều Dương (ch.b.), Nguyễn Công Bình, Đinh Thị Hằng, Trần Phương Thảo. - H. : Tài chính, 2023. - 336 tr. : bảng ; 24 cm. - 151200đ. - 400b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Mở Hà Nội. - Thư mục: tr. 331 s617201

427. Giáo trình Nghề luật và phương pháp học luật / Vũ Đức Hạnh (ch.b.), Đỗ Thị Kim Định, Lê Ngọc Duy... - H. : Công an nhân dân, 2025. - 399 tr. ; 24 cm. - 118000đ. - 510b

Thư mục: tr. 392-399 s617072

428. Giáo trình Pháp luật đại cương : Dùng cho chương trình đào tạo bậc đại học / Thái Thị Phương Lan, Huỳnh Ngọc Nghiêm (ch.b.), Huỳnh Quang Lâm... - H. : Tài chính, 2025. - 361 tr. ; 29 cm. - 185000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Bộ Tài chính. Trường Đại học Tài chính - Kế toán. - Thư mục: tr. 356-361 s616162

429. Giáo trình Quyền con người trong lĩnh vực tư pháp hình sự : Dùng cho đào tạo đại học và sau đại học / B.s.: Nguyễn Ngọc Kiện (ch.b.), Nguyễn Thị Huyền Trang, Chu Văn Hùng... - H. : Công an nhân dân, 2025. - 207 tr. ; 24 cm. - 218000đ. - 210b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Luật, Đại học Huế. - Thư mục: tr. 200-207 s617074

430. Giáo trình Tư pháp quốc tế / Đỗ Thị Mai Hạnh (ch.b.), Lê Thị Nam Giang, Nguyễn Ngọc Lâm... - Tái bản lần thứ 5, có sửa đổi, bổ sung. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 633 tr. : bìa ; 21 cm. - 120000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục cuối mỗi chương s617067

431. Giáo trình Xã hội học pháp luật / Đào Trí Úc, Hoàng Thị Kim Quế (ch.b.), Nguyễn Hoàng Anh... - Tái bản lần 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 341 tr. ; 24 cm. - 130000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Hà Nội. Trường Đại học Luật. - Thư mục cuối mỗi chương s617416

432. 200 câu hỏi và đáp án luật giao thông đường bộ dùng cho học viên sát hạch, cấp phép lái xe mô tô hạng A1 / Hoàng Sơn s.t., hệ thống. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2025. - 72 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 50000đ. - 3000b s616663

433. Hệ thống các Nghị định của Chính phủ về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền giữa Chính phủ và chính quyền địa phương 2 cấp : Có hiệu lực thi hành từ 01/7/2025. - H. : Lao động. - 28 cm. - 395000đ. - 6000b

Q.1: Trong lĩnh vực tư pháp, tài chính, nội vụ, văn hóa - xã hội và đối ngoại : Có hiệu lực thi hành từ 01/7/2025. - 2025. - 534 tr. : bìa s616139

434. Hệ thống các Nghị định của Chính phủ về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền giữa Chính phủ và chính quyền địa phương 2 cấp : Có hiệu lực thi hành từ 01/7/2025. - H. : Lao động. - 28 cm. - 425000đ. - 6000b

Q.2: Trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường, khoa học và công nghệ, công nghiệp và thương mại, xây dựng, thanh tra, quy hoạch và đất đai. - 2025. - 666 tr. : bìa s616127

435. Hướng dẫn môn học Luật Hành chính Việt Nam : Sách tham khảo / B.s.: Nguyễn Thị Thiện Trí (ch.b.), Trần Thị Thu Hà, Mai Thị Lâm... - Tái bản có chỉnh sửa, bổ sung. - H. : Lao động, 2025. - 392 tr. ; 30 cm. - 132000đ. - 2000b s616122

436. Kết hôn và chế độ tài sản của vợ chồng trong pháp luật một số nước và kinh nghiệm cho việc hoàn thiện pháp luật Việt Nam : Sách chuyên khảo / Bùi Minh Hồng ch.b., Nguyễn Thị Lan, Đặng Thị Hồng Tuyền... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 208 tr. ; 21 cm. - 95000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Luật Hà Nội. - Thư mục: tr. 196-204 s617467

437. Kỹ yếu Hội thảo khoa học: Tác động của Hiệp định thương mại và Hiệp định bảo hộ đầu tư song phương Việt Nam - Liên minh châu Âu đến pháp luật Việt Nam / Pho Hung Binh, Trần Duy Thi, Phạm Kim Anh... - H. : Tài chính, 2025. - 156 tr. : bìa ; 29 cm. - 100b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục cuối mỗi bài s616165

438. Lê Minh Toàn. Pháp luật đại cương : Dùng trong các trường đại học, cao đẳng và trung cấp / Lê Minh Toàn. - Xuất bản lần thứ 22, có sửa chữa, bổ sung. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 478 tr. ; 21 cm. - 177000đ. - 2000b

Thư mục: tr. 476 s617465

439. Luật Đấu thầu (sửa đổi, bổ sung năm 2025) - Những điểm mới về Luật Đấu thầu sửa đổi / Ánh Tuyết hệ thống. - H. : Lao động, 2025. - 430 tr. : bìa ; 28 cm. - 425000đ. - 3000b s616120

440. Luật Khiếu nại và văn bản hướng dẫn thi hành. - H. : Lao động, 2025. - 159 tr. ; 19 cm. - 65000đ. - 2000b s615934
441. Luật Ngân sách nhà nước (sửa đổi, bổ sung năm 2020, 2024) và các văn bản hướng dẫn thi hành / Phương Linh tổng hợp, giới thiệu. - H. : Lao động, 2025. - 179 tr. ; 19 cm. - 70000đ. - 2500b s615942
442. Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (sửa đổi, bổ sung năm 2020, 2022, 2023, 2024) và các văn bản hướng dẫn thi hành / Phương Linh tổng hợp, giới thiệu. - H. : Lao động, 2025. - 199 tr. ; 19 cm. - 73000đ. - 2800b s615941
443. Luật Tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc năm 2025. - H. : Lao động, 2025. - 38 tr. ; 19 cm. - 25000đ. - 2000b s615922
444. Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) và các văn bản hướng dẫn thi hành / Bích Phương hệ thống. - H. : Lao động, 2025. - 399 tr. : bảng ; 28 cm. - 425000đ. - 3000b s616119
445. Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2025) và các văn bản hướng dẫn thi hành / Quách Dương hệ thống. - H. : Lao động, 2025. - 675 tr. : bảng ; 27 cm. - 395000đ. - 6000b s616126
446. Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản hướng dẫn thi hành / Bích Phương hệ thống. - H. : Lao động, 2025. - 839 tr. : bảng ; 28 cm. - 850000đ. - 3000b s616135
447. Mai Thanh Hiếu. Giáo trình Luật Tổ tụng hình sự Việt Nam / Mai Thanh Hiếu ch.b. - H. : Tài chính, 2023. - 328 tr. ; 24 cm. - 156600đ. - 350b
ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Mở Hà Nội. - Thư mục cuối mỗi chương s617203
448. Nguyễn Duy Quốc. Một số vấn đề chung về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay / Nguyễn Duy Quốc. - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2025. - 120 tr. ; 24 cm. - 109000đ. - 500b
Thư mục: tr. 109-119 s616633
449. Nguyễn Kiên Cường. Tìm hiểu Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023 qua góc nhìn thực định và thực tiễn / Nguyễn Kiên Cường. - H. : Thế giới, 2025. - 519 tr. : bảng ; 24 cm. - 300000đ. - 500b
Thư mục: tr. 515-519 s617130
450. Nguyễn Ngọc Điện. Giáo trình Luật Dân sự / Nguyễn Ngọc Điện. - Tái bản lần thứ 8, có chỉnh sửa. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh. - 24 cm. - 130000đ. - 1000b
ĐTTS ghi: Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh. Khoa Luật
T.2. - 2025. - 415 tr. - Thư mục: tr. 414 s617538
451. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh. Bồi thường thiệt hại ước tính - Công bằng hay áp đặt? : Sách chuyên khảo / Nguyễn Thị Mỹ Hạnh (ch.b.), Lê Thị Kim Quy. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 112 tr. ; 21 cm. - 121000đ. - 200b
Thư mục: tr. 107-111 s617084
452. Nguyễn Thị Thủy. Giáo trình Luật Hành chính Việt Nam / Nguyễn Thị Thủy (ch.b.), Nguyễn Phúc Thành. - H. : Tài chính, 2023. - 332 tr. ; 24 cm. - 149400đ. - 350b
ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Mở Hà Nội. - Thư mục: tr. 328-329 s617204

453. Nguyễn Thị Yên. Giáo trình Nội bộ Luật Đầu tư / B.s.: Nguyễn Thị Yên (ch.b.), Nguyễn Như Chính, Nguyễn Thị Yên. - H. : Tài chính, 2023. - 176 tr. : bảng ; 24 cm. - 79200đ. - 200b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Mở Hà Nội. - Thư mục: tr. 171-174 s617206

454. Nguyễn Trọng Thái. Quy định xử phạt vi phạm hành chính đối với một số hành vi vi phạm của người điều khiển, người ngồi trên xe mô tô, xe gắn máy trong lĩnh vực giao thông đường bộ : Theo Nghị định 168/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 / Nguyễn Trọng Thái b.s. - H. : Tri thức, 2025. - 24 tr. : hình vẽ, bảng ; 15 cm. - 8200b

ĐTTS ghi: Ban An toàn giao thông thành phố Hải Phòng s616033

455. Nguyễn Văn Long. Tập bài giảng Tâm lý học tư pháp / Nguyễn Văn Long ch.b. - H. : Tài chính, 2023. - 192 tr. ; 24 cm. - 90000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Mở Hà Nội. - Thư mục cuối mỗi chương s617193

456. Nguyễn Văn Luật. Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam / Nguyễn Văn Luật (ch.b.), Nguyễn Thị Phương. - H. : Tài chính, 2023. - 200 tr. ; 24 cm. - 90000đ. - 350b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Mở Hà Nội. - Thư mục: tr. 196 s617199

457. Nguyễn Văn Phương. Giáo trình Luật Môi trường / Nguyễn Văn Phương ch.b. - H. : Tài chính, 2023. - 232 tr. ; 24 cm. - 106200đ. - 300b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Mở Hà Nội. - Thư mục: tr. 227-229 s617192

458. Niên giám thống kê ngành Tư pháp 2024 = Statistical yearbook of the justice sector 2024. - H. : Tư pháp, 2025. - 156 tr. : minh họa ; 17x24 cm. - 350b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Tư pháp s616031

459. Phạm Thanh Hữu. Lưu ý trong giao dịch nhà ở - Cách phòng ngừa và xử lý rủi ro / Phạm Thanh Hữu (ch.b.), Nguyễn Thị Thảo, Đinh Hồng Thương. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 223 tr. ; 21 cm. - 101000đ. - 1000b s617478

460. Pháp luật về ưu đãi đầu tư trong lĩnh vực sản xuất năng lượng sạch : Sách chuyên khảo / Lê Thanh Hòa, Trần Ngọc Hân (ch.b.), Võ Chí Xinh... - H. : Lao động, 2025. - 209 tr. : bảng ; 21 cm. - 160000đ. - 500b

Thư mục: tr. 181-202. - Phụ lục: tr. 203-209 s617375

461. Pháp luật về xử lý bạo lực trên cơ sở giới, kinh nghiệm quốc tế và tham khảo cho Việt Nam : Kỹ yếu hội thảo quốc tế = Legal framework to address gender-based violence, international experience and recommendations for Vietnam : International conference proceeding / Shruti Bedi, Go Lisanawati, Lê Lan Chi... - H. : Công an nhân dân. - 27 cm. - 158000đ. - 110b

ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Hà Nội. Trường Đại học Luật

T.1. - 2025. - 455 tr. : bảng. - Thư mục cuối mỗi bài s616112

462. Pháp luật về xử lý bạo lực trên cơ sở giới, kinh nghiệm quốc tế và tham khảo cho Việt Nam : Kỹ yếu hội thảo quốc tế = Legal framework to address gender-based violence, international experience and recommendations for Vietnam : International conference proceeding / Robert Esser, Aloysia Vira Herawati, Nguyễn Thị Lan... - H. : Công an nhân dân. - 27 cm. - 168000đ. - 110b

ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Hà Nội. Trường Đại học Luật

T.2. - 2025. - 535 tr. - Thư mục cuối mỗi bài s616113

463. Quy định thi hành Luật Đất đai : 255 câu hỏi về Luật Đất đai, giao đất, thuê đất, chuyển đổi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai / Hồng Phương hệ thống. - H. : Lao động, 2025. - 599 tr. : bìa ; 28 cm. - 485000đ. - 3000b s616121

464. 600 câu hỏi và đáp án dùng cho sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ / Hoàng Sơn s.t., hệ thống. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2025. - 212 tr. : minh họa ; 21 cm. - 75000đ. - 3000b s616662

465. Sổ tay Hỏi - Đáp pháp luật dành cho đồng bào khu vực biên giới. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2025. - 100 tr. ; 17 cm. - 4800b

Đầu bìa sách ghi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa s616038

466. Thừa kế có yếu tố nước ngoài - Xung đột pháp luật và vấn đề xác định pháp luật áp dụng : Sách chuyên khảo / B.s.: Vũ Thị Hương, Phan Thị Hồng, Hoàng Thảo Anh (ch.b.)... - H. : Công an nhân dân, 2025. - 207 tr. ; 21 cm. - 138000đ. - 210b

ĐTTS ghi: Đại học Huế. Trường Đại học Luật. - Thư mục: tr. 197-207 s617086

467. Trần Chí Thành. Tổng luận và bình giải Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023 (được sửa đổi, bổ sung năm 2024) / Trần Chí Thành, Nguyễn Minh Hằng. - H. : Lao động, 2025. - 482 tr. ; 24 cm. - 350000đ. - 5000b s617406

468. Trần Lê Đăng Phương. Giáo trình Pháp luật kinh tế / Trần Lê Đăng Phương (ch.b.), Lý Đăng Thư, Dư Phước Thoại. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 375 tr. ; 24 cm. - 250000đ. - 100b

Đầu bìa sách ghi: Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. Trường Đại học An Giang. - Thư mục: tr. 371-375 s617172

469. Trương Hữu Ngữ. Cốt lõi M&A: Chiến lược - Hợp đồng - Tranh chấp / Trương Hữu Ngữ. - Tái bản có bổ sung. - H. : Công Thương, 2025. - 330 tr. : bìa, sơ đồ ; 24 cm. - 300000đ. - 2000b s616414

470. Tuyển tập các mẫu hồ sơ mời thầu xây lắp qua mạng / Bích Phương hệ thống. - H. : Lao động, 2025. - 391 tr. : bìa ; 28 cm. - 395000đ. - 3000b s616136

471. Tuyển tập Mẫu hồ sơ mời thầu mua sắm hàng hoá trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia / Ánh Tuyết hệ thống. - H. : Lao động, 2025. - 430 tr. : bìa ; 28 cm. - 425000đ. - 3000b s616137

472. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Bộ luật Dân sự năm 2015. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 350 tr. ; 21 cm. - 87000đ. - 10000b s617479

473. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025). - H. : Lao động, 2025. - 415 tr. ; 21 cm. - 135000đ. - 6000b s617377

474. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025). - H. : Lao động, 2025. - 655 tr. ; 24 cm. - 350000đ. - 6000b s617389

475. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019, 2020, 2022, 2023, 2024, 2025). - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 441 tr. ; 21 cm. - 150000đ. - 9500b s617518

476. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Bộ luật Tố tụng hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2021, 2024, 2025). - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 479 tr. ; 21 cm. - 150000đ. - 9500b s617519

477. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Bộ luật Tố tụng hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025). - H. : Lao động, 2025. - 383 tr. ; 21 cm. - 85000đ. - 6000b s617378
478. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021, 2024, 2025). - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 454 tr. ; 21 cm. - 128000đ. - 30000b s617469
479. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). - H. : Lao động, 2025. - 66 tr. ; 19 cm. - 35000đ. - 6000b s615921
480. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 69 tr. ; 21 cm. - 36000đ. - 9500b s617527
481. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (sửa đổi, bổ sung năm 2025). - H. : Tư pháp, 2025. - 70 tr. ; 19 cm. - 22000đ. - 1000b s616014
482. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) : Hiến pháp năm 1992 - 1980 - 1959 - 1946. - H. : Lao động, 2025. - 319 tr. ; 19 cm. - 70000đ. - 5000b s615936
483. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Hiến pháp Việt Nam. - H. : Tư pháp, 2025. - 255 tr. ; 19 cm. - 416b s616030
484. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi, bổ sung năm 2025). - H. : Lao động, 2025. - 102 tr. ; 19 cm. - 30000đ. - 6000b s615951
485. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi, bổ sung năm 2025). - H. : Lao động, 2025. - 126 tr. ; 19 cm. - 40000đ. - 2000b s615902
486. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi, bổ sung năm 2025). - H. : Tư pháp, 2025. - 123 tr. ; 19 cm. - 40000đ. - 500b s616023
487. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi, bổ sung năm 2025). - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 107 tr. ; 19 cm. - 45000đ. - 5000b s615981
488. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024. - H. : Lao động, 2025. - 175 tr. ; 19 cm. - 50000đ. - 2000b s615909
489. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân (được thông qua ngày 26/6/2025). - H. : Tư pháp, 2025. - 51 tr. ; 19 cm. - 18000đ. - 1000b s616011
490. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2025. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 56 tr. ; 19 cm. - 30000đ. - 3000b s615928
491. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2025. - H. : Lao động, 2025. - 59 tr. ; 19 cm. - 30000đ. - 2000b s615912
492. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân (sửa đổi, bổ sung năm 2025). - H. : Tư pháp, 2025. - 126 tr. ; 19 cm. - 35000đ. - 500b s616021

493. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). - H. : Lao động, 2025. - 103 tr. ; 19 cm. - 35000đ. - 6000b s615905
494. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Biên phòng Việt Nam năm 2020 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 44 tr. ; 19 cm. - 27000đ. - 1000b s615972
495. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Biển Việt Nam năm 2012 (bổ sung năm 2025). - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 48 tr. ; 19 cm. - 28000đ. - 1000b s615974
496. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Các tổ chức tín dụng (sửa đổi, bổ sung năm 2025). - H. : Tư pháp, 2025. - 271 tr. ; 19 cm. - 65000đ. - 500b s616020
497. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Cán bộ, công chức (được thông qua ngày 24/6/2025). - H. : Tư pháp, 2025. - 47 tr. ; 19 cm. - 18000đ. - 1000b s616007
498. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Cán bộ, công chức năm 2025. - H. : Lao động, 2025. - 54 tr. ; 19 cm. - 25000đ. - 2000b s615911
499. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Cán bộ, công chức năm 2025. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 51 tr. ; 19 cm. - 23000đ. - 1000b s615932
500. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Cán bộ, công chức năm 2025. - H. : Lao động, 2025. - 42 tr. ; 19 cm. - 18000đ. - 6000b s615955
501. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Cán bộ, công chức năm 2025 : Luật số: 80/2025/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2025. - H. : Lao động, 2025. - 43 tr. ; 19 cm. - 18000đ. - 3000b s615923
502. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa (sửa đổi, bổ sung năm 2018 và 2025). - H. : Tư pháp, 2025. - 139 tr. ; 19 cm. - 42000đ. - 500b s616022
503. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Chứng khoán năm 2019 (sửa đổi, bổ sung năm 2024). - H. : Lao động, 2025. - 215 tr. ; 19 cm. - 60000đ. - 2000b s615908
504. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Công đoàn năm 2024 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 55 tr. ; 19 cm. - 22000đ. - 3000b s615933
505. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Công nghiệp công nghệ số năm 2025. - H. : Lao động, 2025. - 74 tr. ; 19 cm. - 30000đ. - 2000b s615920
506. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Công nghiệp công nghệ số năm 2025. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 67 tr. ; 19 cm. - 31000đ. - 1000b s615986
507. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Doanh nghiệp (sửa đổi, bổ sung năm 2022 và 2025). - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 275 tr. ; 21 cm. - 110000đ. - 9500b s617520
508. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Doanh nghiệp (sửa đổi, bổ sung năm 2022 và 2025). - H. : Tư pháp, 2025. - 307 tr. ; 19 cm. - 75000đ. - 500b s616024
509. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Doanh nghiệp (sửa đổi, bổ sung năm 2025). - H. : Lao động, 2025. - 263 tr. ; 19 cm. - 85000đ. - 6000b s615904
510. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Doanh nghiệp năm 2020 (sửa đổi, bổ sung năm 2022, 2025). - H. : Lao động, 2025. - 327 tr. ; 19 cm. - 70000đ. - 2000b s615939

511. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Doanh nghiệp năm 2020 (sửa đổi, bổ sung năm 2022, 2025). - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 300 tr. ; 19 cm. - 103000đ. - 5000b s615993

512. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Đầu tư công năm 2024 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 139 tr. ; 19 cm. - 72000đ. - 2000b s615995

513. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Đầu tư năm 2020 (sửa đổi, bổ sung năm 2020, 2022, 2023, 2024, 2025). - H. : Lao động, 2025. - 230 tr. : bảng ; 19 cm. - 50000đ. - 2000b

Phụ lục: tr. 171-222 s615937

514. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Đấu thầu năm 2023 (sửa đổi, bổ sung năm 2024, 2025). - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 175 tr. ; 19 cm. - 87000đ. - 2000b s615997

515. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Đường sắt (được thông qua ngày 27/6/2025). - H. : Tư pháp, 2025. - 71 tr. ; 19 cm. - 22000đ. - 1000b s616016

516. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Đường sắt năm 2025. - H. : Lao động, 2025. - 86 tr. ; 19 cm. - 40000đ. - 2000b s615918

517. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Đường sắt năm 2025. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 80 tr. : bảng ; 19 cm. - 34000đ. - 1000b s615988

518. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2018, 2025). - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 43 tr. ; 19 cm. - 27000đ. - 1000b s615975

519. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Hòa giải, đối thoại tại tòa án năm 2020 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 56 tr. ; 19 cm. - 30000đ. - 1000b s615973

520. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Hóa chất (được thông qua ngày 14/6/2025). - H. : Tư pháp, 2025. - 66 tr. ; 19 cm. - 22000đ. - 1000b s616005

521. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Hóa chất năm 2025. - H. : Lao động, 2025. - 75 tr. ; 19 cm. - 35000đ. - 2000b s615910

522. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Hoá chất năm 2025. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 68 tr. ; 19 cm. - 31000đ. - 1000b s615980

523. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Hôn nhân và gia đình. - H. : Lao động, 2025. - 79 tr. ; 19 cm. - 30000đ. - 5000b s615919

524. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (được thông qua ngày 27/6/2025). - H. : Tư pháp, 2025. - 119 tr. ; 19 cm. - 25000đ. - 1000b s616019

525. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025. - H. : Lao động, 2025. - 139 tr. ; 19 cm. - 50000đ. - 2000b s615915

526. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 124 tr. ; 19 cm. - 48000đ. - 1000b s615991

527. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Lực lượng dự bị động viên năm 2019 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 48 tr. ; 19 cm. - 28000đ. - 1000b s615971
528. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 43 tr. ; 19 cm. - 19000đ. - 3000b s615927
529. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Năng lượng nguyên tử (được thông qua ngày 27/6/2025). - H. : Tư pháp, 2025. - 107 tr. ; 19 cm. - 35000đ. - 500b s616012
530. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Năng lượng nguyên tử năm 2025. - H. : Lao động, 2025. - 127 tr. ; 19 cm. - 40000đ. - 2000b s615935
531. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Năng lượng nguyên tử năm 2025. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 108 tr. ; 19 cm. - 43000đ. - 1000b s615978
532. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Ngân sách nhà nước năm 2025. - H. : Lao động, 2025. - 130 tr. ; 19 cm. - 40000đ. - 2000b s615940
533. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Ngân sách nhà nước năm 2025. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 116 tr. ; 19 cm. - 47000đ. - 1000b s615983
534. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Nhà giáo (được thông qua ngày 16/6/2025). - H. : Tư pháp, 2025. - 42 tr. ; 19 cm. - 15000đ. - 1000b s616009
535. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Nhà giáo năm 2025. - H. : Lao động, 2025. - 50 tr. ; 19 cm. - 30000đ. - 2000b s615917
536. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Nhà giáo năm 2025. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 44 tr. ; 19 cm. - 19000đ. - 2000b s615930
537. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Nhà giáo năm 2025. - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 39 tr. ; 21 cm. - 25000đ. - 9500b s617525
538. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Phá sản năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 132 tr. ; 19 cm. - 63000đ. - 1000b s615992
539. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Phòng không nhân dân năm 2024 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 63 tr. ; 19 cm. - 53000đ. - 1000b s615979
540. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Phòng thủ dân sự năm 2023 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 68 tr. ; 19 cm. - 35000đ. - 1000b s615989
541. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp (được thông qua ngày 14/6/2025). - H. : Tư pháp, 2025. - 70 tr. ; 19 cm. - 22000đ. - 1000b s616018
542. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp năm 2025. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 76 tr. ; 19 cm. - 33000đ. - 1000b s615984
543. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự năm 2023 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 64 tr. ; 19 cm. - 53000đ. - 1000b s615987
544. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Quảng cáo (sửa đổi, bổ sung năm 2018, 2024 và 2025). - H. : Tư pháp, 2025. - 78 tr. ; 19 cm. - 32000đ. - 500b s616017

545. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng năm 2025 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 52 tr. ; 19 cm. - 29000đ. - 1000b s615925

546. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Quốc phòng năm 2018 (sửa đổi, bổ sung năm 2023, 2024, 2025). - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 51 tr. ; 19 cm. - 46000đ. - 1000b s615970

547. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Quốc tịch Việt Nam (sửa đổi, bổ sung năm 2014 và 2025). - H. : Tư pháp, 2025. - 62 tr. ; 19 cm. - 25000đ. - 500b s616003

548. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2008, 2014, 2019, 2024, 2025). - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 51 tr. ; 19 cm. - 29000đ. - 1000b s615976

549. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả (sửa đổi, bổ sung năm 2025). - H. : Tư pháp, 2025. - 67 tr. ; 19 cm. - 25000đ. - 500b s616006

550. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 11 luật về quân sự, quốc phòng. - H. : Tư pháp, 2025. - 55 tr. ; 19 cm. - 30000đ. - 300b s616010

551. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2025. - H. : Lao động, 2025. - 86 tr. ; 19 cm. - 45000đ. - 6000b s615952

552. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2025. - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 81 tr. ; 21 cm. - 45000đ. - 9500b s617521

553. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2025 : Luật số: 86/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025. - H. : Lao động, 2025. - 86 tr. ; 19 cm. - 45000đ. - 3000b s615948

554. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại tòa án. - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 39 tr. ; 21 cm. - 25000đ. - 9500b s617524

555. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại tòa án. - H. : Tư pháp, 2025. - 42 tr. ; 19 cm. - 30000đ. - 300b s616004

556. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại tòa án năm 2025. - H. : Lao động, 2025. - 42 tr. ; 19 cm. - 22000đ. - 6000b s615953

557. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2025. - H. : Lao động, 2025. - 50 tr. ; 19 cm. - 30000đ. - 6000b s615954

558. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2025. - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 48 tr. ; 21 cm. - 30000đ. - 9500b s617526

559. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ Luật Tổ tụng hình sự năm 2025 : Luật số: 99/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025. - H. : Lao động, 2025. - 47 tr. ; 19 cm. - 30000đ. - 3000b s615956

560. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. - H. : Tư pháp, 2025. - 123 tr. ; 19 cm. - 50000đ. - 300b s616013

561. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 111 tr. ; 21 cm. - 50000đ. - 9500b s617522

562. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Luật Công đoàn, Luật Thanh niên và Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở. - H. : Tư pháp, 2025. - 18 tr. ; 19 cm. - 20000đ. - 300b s616008

563. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc năm 2025. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 35 tr. ; 19 cm. - 22000đ. - 1000b s615929

564. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Thanh niên năm 2020 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 40 tr. ; 19 cm. - 25000đ. - 1000b s615977

565. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Thanh tra (được thông qua ngày 25/6/2025). - H. : Tư pháp, 2025. - 79 tr. ; 19 cm. - 23000đ. - 1000b s616015

566. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Thanh tra năm 2025. - H. : Lao động, 2025. - 94 tr. ; 19 cm. - 40000đ. - 2000b s615914

567. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Thanh tra năm 2025. - H. : Lao động, 2025. - 75 tr. ; 19 cm. - 35000đ. - 6000b s615950

568. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Thanh tra năm 2025. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 87 tr. ; 19 cm. - 55000đ. - 1000b s615982

569. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Thanh tra năm 2025 : Luật số: 84/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025. - H. : Lao động, 2025. - 74 tr. ; 19 cm. - 35000đ. - 3000b s615949

570. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 48 tr. ; 19 cm. - 38000đ. - 1000b s615924

571. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt năm 2025. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 32 tr. ; 19 cm. - 20000đ. - 1000b s615926

572. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật (sửa đổi, bổ sung năm 2018 và năm 2025). - H. : Tư pháp, 2025. - 107 tr. ; 19 cm. - 38000đ. - 500b s616029

573. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025. - H. : Lao động, 2025. - 47 tr. ; 19 cm. - 50000đ. - 2500b s615957

574. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Tổ chức chính quyền địa phương (Được thông qua ngày 16/6/2025). - H. : Tư pháp, 2025. - 114 tr. ; 19 cm. - 28000đ. - 1000b s616028

575. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025. - H. : Lao động, 2025. - 130 tr. ; 19 cm. - 40000đ. - 2000b s615916
576. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025. - H. : Lao động, 2025. - 131 tr. ; 19 cm. - 68000đ. - 2500b s615944
577. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025. - H. : Lao động, 2025. - 106 tr. ; 19 cm. - 30000đ. - 6000b s615947
578. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 : Luật số: 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025. - H. : Lao động, 2025. - 99 tr. ; 19 cm. - 32000đ. - 3000b s615946
579. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Tổ chức Tòa án nhân dân (sửa đổi, bổ sung năm 2025). - H. : Lao động, 2025. - 114 tr. ; 19 cm. - 35000đ. - 6000b s615907
580. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Tổ chức Tòa án nhân dân (sửa đổi, bổ sung năm 2025). - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 151 tr. ; 21 cm. - 50000đ. - 9500b s617523
581. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Tổ chức Tòa án nhân dân (sửa đổi, bổ sung năm 2025). - H. : Tư pháp, 2025. - 174 tr. ; 19 cm. - 55000đ. - 500b s616026
582. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2024 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 136 tr. ; 19 cm. - 90000đ. - 1000b s615996
583. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân (sửa đổi, bổ sung năm 2025). - H. : Tư pháp, 2025. - 114 tr. ; 19 cm. - 40000đ. - 500b s616027
584. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Tổ tụng hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2025). - H. : Lao động, 2025. - 303 tr. ; 19 cm. - 80000đ. - 6000b s615938
585. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019, 2024, 2025). - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 348 tr. ; 19 cm. - 78000đ. - 5000b s615994
586. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Tư pháp người chưa thành niên (sửa đổi, bổ sung năm 2025). - H. : Lao động, 2025. - 202 tr. ; 19 cm. - 45000đ. - 6000b s615906
587. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Tư pháp người chưa thành niên năm 2024 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 224 tr. ; 19 cm. - 136000đ. - 1000b s615990
588. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Việc làm năm 2025. - H. : Lao động, 2025. - 70 tr. ; 19 cm. - 35000đ. - 2000b s615913
589. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Việc làm năm 2025. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 63 tr. ; 19 cm. - 30000đ. - 1000b s615985
590. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2014, 2017, 2020, 2022, 2024, 2025). - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 271 tr. ; 21 cm. - 90000đ. - 9500b s617530
591. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020 và 2025). - H. : Tư pháp, 2025. - 286 tr. ; 19 cm. - 72000đ. - 500b s616025
592. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020; 2022; 2024). - H. : Lao động, 2025. - 231 tr. ; 19 cm. - 79000đ. - 2500b s615943

593. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2025). - H. : Lao động, 2025. - 190 tr. ; 19 cm. - 65000đ. - 6000b s615903

594. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020, 2022, 2024, 2025). - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 188 tr. ; 19 cm. - 59000đ. - 10000b s615998

595. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Pháp lệnh Dân số năm 2003 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 36 tr. ; 19 cm. - 20000đ. - 2000b s615931

596. Vũ Thị Hồng Yến. Giáo trình Luật Dân sự 1 - Những vấn đề chung của pháp luật dân sự / Vũ Thị Hồng Yến ch.b. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - ix, 215 tr. : bảng ; 24 cm. - 145000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Trường Đại học Sài Gòn. - Thư mục: tr. 211-215 s617542

597. Vũ Thuỳ Linh. Xây dựng pháp luật quản lý tiền ảo, kinh nghiệm trên thế giới và thực tiễn ở Việt Nam : Sách chuyên khảo / Vũ Thuỳ Linh. - H. : Thế giới, 2025. - 210 tr. : bảng ; 21 cm. - 180000đ. - 500b

Thư mục: tr. 193-201 s617102

HÀNH CHÍNH CÔNG VÀ QUÂN SỰ

598. Bộ Tổng Tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam - 80 năm xây dựng, chiến đấu và trưởng thành, vững bước tiến vào kỷ nguyên mới của dân tộc : Kỷ yếu hội thảo khoa học / Phan Văn Giang, Nguyễn Trọng Nghĩa, Nguyễn Xuân Thắng... - H. : Quân đội nhân dân, 2025. - 1032 tr. ; 24 cm. - 1024b

ĐTTS ghi: Quân đội nhân dân Việt Nam. Bộ Tổng tham mưu s616453

599. Đặng Thị Thu Phương. Quản lý nhà nước về lưu trữ điện tử trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh - Lý luận và thực tiễn : Sách chuyên khảo / Ch.b.: Đặng Thị Thu Phương, Vũ Thế Hoài. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 270 tr. : minh họa ; 21 cm. - 106000đ. - 300b

Thư mục: tr. 247-268 s617485

600. Đoàn Thị Tố Uyên. Giáo trình Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính thông dụng / Đoàn Thị Tố Uyên (ch.b.), Trần Thị Vượng, Cao Kim Oanh. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Tư pháp, 2025. - 247 tr. ; 21 cm. - 48000đ. - 2000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Luật Hà Nội. - Phụ lục: tr. 229-243. - Thư mục: tr. 244-247 s616498

601. Giáo trình Quản lý tài chính công / B.s.: Nguyễn Thị Bích Diệp (ch.b.), Đặng Văn Du, Hồ Ngọc Hà, Nguyễn Thị Ngọc Thanh. - H. : Lao động, 2025. - 249 tr. : hình vẽ, bảng ; 30 cm. - 45000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Bộ Tài chính. Trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh. - Thư mục: tr. 233-235. - Phụ lục: tr. 236-249 s616116

602. Giáo trình Trung cấp lý luận chính trị: Kỹ năng lãnh đạo, quản lý / Lê Văn Chiến (ch.b.), Nguyễn Minh Tuấn, Trần Thị Thanh Thủy... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Lý luận Chính trị, 2025. - 456 tr. : bảng, sơ đồ ; 21 cm. - 106000đ. - 4200b

ĐTTS ghi: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. - Thư mục cuối mỗi bài s617462

603. Giáo trình Trung cấp lý luận chính trị: Quản lý hành chính nhà nước / Nguyễn Duy Bắc (ch.b.), Trương Hồ Hải, Trần Quang Hiến... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Lý luận Chính trị, 2025. - 428 tr. ; 21 cm. - 104000đ. - 4100b

- ĐTTS ghi: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. - Thư mục cuối mỗi bài s617461
604. Huỳnh Phúc Minh. Quản lý nhà nước đối với bệnh viện ngoài công lập tại khu vực miền Trung : Sách chuyên khảo / Huỳnh Phúc Minh ch.b. - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2025. - 192 tr. : minh họa ; 24 cm. - 185000đ. - 200b
Thư mục: tr. 137-146. - Phụ lục: tr. 147-191 s617593
605. Kỹ thuật soạn thảo văn bản pháp luật / Đoàn Thị Tố Uyên, Nguyễn Thị Ngọc Hoa (ch.b.), Đỗ Đức Hồng Hà, Cao Kim Oanh. - H. : Tài chính, 2023. - 280 tr. : bảng ; 24 cm. - 126000đ. - 300b
ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Mở Hà Nội. - Thư mục trong chính văn s617202
606. Lịch sử xây dựng và phát triển Ngành Địa hình quân sự Quân chủng Phòng không - Không quân (1960 - 2025) / B.s.: Vũ Đình Toàn (ch.b.), Doãn Đình Hiến, Nguyễn Đức Phổ, Phạm Thị Chí. - H. : Lao động, 2025. - 323 tr. : ảnh ; 21 cm. - 300b
ĐTTS ghi: Ban Liên lạc Ngành Địa hình quân sự Quân chủng Phòng không - Không quân. - Phụ lục: tr. 291-317. - Thư mục: tr. 318 s617381
607. Nâng cao năng lực quản lý của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã : Nghiên cứu, khảo sát thực tiễn tại Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An : Sách chuyên khảo / Nguyễn Khánh Ly, Hoàng Thị Thu Hoài (ch.b.), Phạm Thị Thúy Hồng... - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 170 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 120000đ. - 200b
Phụ lục: tr. 150-160. - Thư mục: tr. 161-168 s616600
608. Ngành Nội vụ tỉnh Nghệ An: 80 năm xây dựng và phát triển (1945 - 2025) / B.s.: Lê Văn Lĩnh, Tô Việt Sáu, Nguyễn Thăng Long... - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 231 tr. : ảnh ; 24 cm. - 950b
ĐTTS ghi: Sở Nội vụ tỉnh Nghệ An. - Phụ lục: tr. 155-228. - Thư mục: tr. 229-231 s616598
609. Nguyễn Đức Hải. Thế trận và lòng dân / Nguyễn Đức Hải. - H. : Quân đội nhân dân, 2025. - 221 tr. ; 21 cm. - 89000đ. - 1037b s616451
610. Nguyễn Hữu Lập. Tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa chính trị với quân sự và xây dựng quân đội về chính trị : Sách chuyên khảo / B.s.: Nguyễn Hữu Lập (ch.b.), Trịnh Quốc Việt, Đào Đình Tuấn. - H. : Quân đội nhân dân, 2025. - 200 tr. ; 21 cm. - 79000đ. - 637b
Thư mục: tr. 192-196 s616450
611. Những cá nhân anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân thuộc Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh qua các thời kỳ / B.s.: Phạm Công Chững (ch.b.), Phạm Văn Hội, Phạm Văn Thông... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 351 tr. : ảnh màu ; 24 cm. - 500b
ĐTTS ghi: Quân khu 7. Đảng ủy - Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh s617490
612. Niên giám tài chính - ngân sách thành phố Hà Nội giai đoạn 2020 - 2024 / B.s.: Vũ Duy Tuấn, Nguyễn Xuân Sáng, Vũ Trung Thành... - H. : Thống kê, 2025. - 505 tr. : bảng, biểu đồ ; 24 cm. - 500b
ĐTTS ghi: Sở Tài chính thành phố Hà Nội s616569
613. Sắp xếp lại giang sơn - Đồ họa đơn vị hành chính cấp xã 34 tỉnh, thành phố của Việt Nam. - H. : Thông tấn, 2025. - 118 tr. : bản đồ, bảng ; 30 cm. - 3000b
ĐTTS ghi: Thông tấn xã Việt Nam s616266
614. Sổ chứng thực chữ ký người dịch. - H. : Tư pháp, 2025. - 100 tr. : bảng ; 30x42 cm. - 80000đ. - 150b s616365
615. Sổ đăng ký giám hộ. - H. : Tư pháp, 2025. - 100 tr. : bảng ; 30 cm. - 60000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Bộ Tư pháp s616364

616. Sổ đăng ký kết hôn. - H. : Tư pháp, 2025. - 200 tr. : bảng ; 30 cm. - 100000đ. - 700b
ĐTTS ghi: Bộ Tư pháp s616362

617. Sổ đăng ký khai sinh. - H. : Tư pháp, 2025. - 200 tr. : bảng ; 30 cm. - 100000đ. -
1000b

ĐTTS ghi: Bộ Tư pháp s616360

618. Sổ đăng ký khai tử. - H. : Tư pháp, 2025. - 200 tr. : bảng ; 30 cm. - 100000đ. - 700b
ĐTTS ghi: Bộ Tư pháp s616361

619. Sổ đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc. - H. :
Tư pháp, 2025. - 100 tr. : bảng ; 30 cm. - 60000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Bộ Tư pháp s616363

620. Sổ theo dõi hoạt động hoà giải ở cơ sở. - H. : Tư pháp, 2025. - 104 tr. : bảng ; 21x30
cm. - 60000đ. - 500b s616359

621. Tài liệu phát triển, nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin cho cán bộ nữ
cấp cơ sở trong hệ thống chính trị vùng dân tộc thiểu số / Trịnh Ngọc Chúc (ch.b.), Nguyễn
Đức Toàn, Đỗ Thị Thanh Vân... - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2024. - 131 tr. : minh hoạ ; 27 cm. -
1000b

ĐTTS ghi: Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam. - Thư mục: tr. 131 s616390

622. Trần Đăng Bộ. Quân đội nhân dân Việt Nam tham gia đào tạo, phát triển nguồn nhân
lực phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước : Sách chuyên khảo / Trần Đăng
Bộ, Hoàng Văn Phai. - Xuất bản lần thứ 3, có sửa chữa, bổ sung. - H. : Chính trị quốc gia Sự
thật, 2025. - 311 tr. ; 21 cm. - 500b

Thư mục: tr. 301-306 s617464

CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI VÀ DỊCH VỤ XÃ HỘI

623. Bệnh viện Giao thông vận tải - 70 năm xây dựng & phát triển (1955 - 2025) / Nguyễn
Thị Thu Hiền, Nguyễn Quốc Thế, Bùi Hồng Giang... - H. : Giao thông vận tải, 2025. - 140 tr. :
ảnh ; 26 cm. - 450b

ĐTTS ghi: Bệnh viện Giao thông vận tải s616505

624. Black, Sue. Lời khai của xương = Written in bone: Hidden stories in what we leave
behind / Sue Black ; Trần Phương Thủy dịch. - H. : Công Thương, 2025. - 509 tr. : hình vẽ ; 21
cm. - (Tủ sách Khoa học hình sự pháp y. Báo cáo pháp y; T.2). - 225000đ. - 2500b s616410

625. Các đe dọa an ninh phi truyền thống đang nổi lên hiện nay -Thực trạng và vấn đề đặt
ra đối với hoạch định chiến lược, quản trị quốc gia : Kỹ yếu hội thảo khoa học quốc tế = The
emerging non-traditional security threats - Current situation and implications for strategic
planning and national governance : Proceedings of the international scientific conference / Trần
Quốc Tô, Nguyễn Văn Thành, Trần Việt Khoa... - H. : Công an nhân dân, 2025. - 1087 tr. :
hình vẽ, bảng ; 30 cm. - 35b

ĐTTS ghi: Bộ Công an. - Thư mục cuối mỗi bài s616109

626. Chính sách xã hội trong và sau đại dịch Covid-19 ở Việt Nam : Sách chuyên khảo /
B.s.: Đỗ Văn Quân, Đặng Thị Minh Lý (ch.b.), Nguyễn Tất Giáp... - H. : Lý luận Chính trị,
2025. - 278 tr. : minh họa ; 21 cm. - 500b

ĐTTS ghi: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. - Thư mục: tr. 266-276 s616583

627. Công an nhân dân Việt Nam - Thành tựu nổi bật, truyền thống vẻ vang (1945 - 2025) / B.s.: Nguyễn Thị Lợi, Nguyễn Mai Hương Trà, Lê Thị Hồng Nhung... - H. : Công an nhân dân, 2025. - 511 tr. : ảnh ; 24 cm. - 5010b

ĐTTS ghi: Bộ Công an. - Phụ lục: tr. 415-496. - Thư mục: tr. 497-506 s617082

628. Công an thành phố Đà Nẵng - 80 năm xây dựng, chiến đấu và trưởng thành (1945 - 2025) / B.s.: Nguyễn Đức Dũng, Nguyễn Thanh Tú, Nguyễn Văn Khoa... - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2025. - 241 tr. ; 24 cm. - 200b

ĐTTS ghi: Bộ Công an. Công an thành phố Đà Nẵng. - Phụ lục: tr. 198-241 s617597

629. Delarue, Jacques. Gestapo: Lịch sử kinh hoàng / Jacques Delarue ; Mai Yên Thi dịch. - Huế : Nxb. Thuận Hoá, 2025. - 499 tr. ; 24 cm. - 295000đ. - 1000b

Phụ lục: tr. 486-499 s616478

630. Donnelly, Beau. Người phụ nữ lừa cả thế giới : Chân tướng của Belle Gibson - Một chuyên gia sức khỏe giả mạo = The woman who fooled the world : The true story of fake wellness guru Belle Gibson / Beau Donnelly, Nick Toscano ; Hồng Quyên dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 352 tr. ; 21 cm. - 165000đ. - 1500b s616706

631. Đặng Quốc Thái. Giải mã nghề sales trong môi trường bệnh viện : Tư duy mới cho thời đại số / Đặng Quốc Thái. - H. : Thế giới, 2025. - 263 tr. : minh họa ; 21 cm. - 160000đ. - 1000b

Phụ lục: tr. 256-260 s617106

632. Hãy để đời yêu tôi thêm lần nữa : Câu chuyện truyền cảm hứng từ thực tiễn triển khai xây dựng mô hình sinh kế cho hội viên phụ nữ là nạn nhân bị mua bán trở về. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2024. - 80 tr. : minh họa ; 27 cm. - 1000b

ĐTTS ghi: Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam. - Thư mục: tr. 79 s616394

633. Hồng Nhung. Sổ kiểm thực ba bước và lưu mẫu thức ăn hàng ngày / Hồng Nhung sưu tầm, b.s. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 246 tr. : bảng ; 21x29 cm. - 85000đ. - 682b s617455

634. Hướng dẫn xây dựng và hoạt động mô hình "Nông dân phòng chống lao". - H. : Giao thông vận tải, 2025. - 76 tr. : bảng ; 21 cm. - 1250b

ĐTTS ghi: Hội Nông dân Việt Nam; Chương trình Chống lao Quốc gia. - Phụ lục: tr. 70-76 s617160

635. Kỹ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Công an nhân dân phát huy truyền thống anh hùng cách mạng, dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vững bước cùng đất nước tiến vào kỷ nguyên phát triển mới / Lương Tam Quang, Nguyễn Trọng Nghĩa, Nguyễn Xuân Thắng... - H. : Công an nhân dân, 2025. - 959 tr. ; 30 cm. - 1010b

ĐTTS ghi: Bộ Công an... s616107

636. Kỹ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Cung cấp dịch vụ công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe tâm thần tại cộng đồng / Nguyễn Hải Hữu, Nguyễn Trung Hải, Vũ Thúy Ngọc... - H. : Lao động, 2025. - 786 tr. : minh họa ; 27 cm. - 150b

ĐTTS ghi: Bộ Nội vụ. Trường Đại học Lao động - Xã hội. - Thư mục cuối mỗi bài s616128

637. Kỹ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Thị trường bảo hiểm Việt Nam cơ hội và thách thức / Hoàng Bích Hồng, Nguyễn Thị Hữu Ái, Nguyễn Nữ Quỳnh Trang... - H. : Tài chính, 2025. - vii, 611 tr. : hình vẽ, bảng ; 28 cm. - 100b

ĐTTS ghi: Bộ Nội vụ. Trường Đại học Lao động - Xã hội. - Thư mục cuối mỗi bài s616166

638. Kỷ yếu Hội thảo quốc tế: Nâng cao hiệu quả công tác giáo dục, đào tạo, quản lý học viên nước ngoài tại các trường Công an nhân dân = International conference proceedings: Enhancing the effectiveness of education, training, and management of international students at people's public security institutions / Trần Quốc Tỏ, Trần Văn Tuấn, Đoàn Minh Lý... - H. : Công an nhân dân. - 27 cm. - 110b

ĐTTS ghi: Bộ Công an. Trường Đại học An ninh nhân dân. - Lưu hành nội bộ

T.1. - 2025. - 575 tr. : hình vẽ, bảng. - Thư mục cuối mỗi bài s616110

639. Kỷ yếu Hội thảo quốc tế: Nâng cao hiệu quả công tác giáo dục, đào tạo, quản lý học viên nước ngoài tại các trường Công an nhân dân = International conference proceedings: Enhancing the effectiveness of education, training, and management of international students at people's public security institutions / Nguyễn Trần Hiếu, Lê Quân, Đặng Ngọc Toàn... - H. : Công an nhân dân. - 27 cm. - 110b

ĐTTS ghi: Bộ Công an. Trường Đại học An ninh nhân dân. - Lưu hành nội bộ

T.2. - 2025. - 527 tr. : hình vẽ, bảng. - Thư mục cuối mỗi bài s616111

640. Lê Minh. Những kỹ năng không ai nói với bạn trong nghề tư vấn bảo hiểm / Lê Minh. - Tái bản lần thứ 3. - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng. - 21 cm. - 430000đ. - 1000b

T.3: Đề chốt hợp đồng không một lời từ chối. - 2025. - 258 tr. s617573

641. Lịch sử Công an nhân dân Việt Nam / B.s.: Phạm Thanh Hải, Nguyễn Thị Lợi, Đỗ Văn Dũng, Nguyễn Mai Hương Trà. - H. : Công an nhân dân. - 24 cm. - 2010b

ĐTTS ghi: Bộ Công an. Cục Khoa học, Chiến lược và Lịch sử Công an

T.2, Q.1: 1954-1965. - 2025. - 479 tr. : ảnh. - Thư mục: tr. 464-477 s617080

642. Lịch sử Công an nhân dân Việt Nam / B.s.: Nguyễn Trọng Khuê, Lê Thị Hồng Nhung, Vũ Thị Thu Hiền, Phạm Thị Thanh Huyền. - H. : Công an nhân dân. - 24 cm. - 2010b

ĐTTS ghi: Bộ Công an. Cục Khoa học, Chiến lược và Lịch sử Công an

T.2, Q.2: 1965-1975. - 2025. - 519 tr. : ảnh. - Phụ lục: tr. 431-507. - Thư mục: tr. 508-516 s617081

643. Lưu Cẩm Lộc. Nhiên liệu tái tạo và những giải pháp giảm thiểu hiệu ứng khí nhà kính / Lưu Cẩm Lộc, Hồ Sĩ Thoảng. - H. : Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, 2025. - 452 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Bộ sách Đại học và Sau đại học). - 300000đ. - 200b

Đầu bìa sách ghi: Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam. - Thư mục cuối mỗi chương s617062

644. 100 bí ẩn đáng kinh ngạc về giải cứu Trái Đất = 100 things to know about saving the planet : Dành cho trẻ em từ 6 tuổi trở lên / Lời: Rose Hall, Jerome Martin, Alice James... ; Minh họa: Parko Polo... ; Thu Trang dịch. - In lần thứ 4. - H. : Thế giới, 2025. - 128 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tủ sách Bách khoa tri thức). - 119000đ. - 1000b s617153

645. 120 tình huống mô phỏng giao thông 2025 : Dựa theo tài liệu Cục Cảnh sát giao thông - Bộ Công an Việt Nam : Dành cho các hạng B, C1, C, D1, D2, D, CE, DE / Trung tâm Đào tạo lái xe Bình Dương tổng hợp, b.s. - H. : Hồng Đức, 2025. - 53 tr. : ảnh ; 29 cm. - 149000đ. - 20000b s616257

646. Nestle, Marion. Định chế ẩm thực và dinh dưỡng - Sự thật về "lành mạnh" / Marion Nestle ; Thảo Minh dịch. - Ấn bản đã chỉnh sửa, cập nhật. - H. : Văn học, 2025. - 618 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - (Tủ sách Văn hóa ẩm thực). - 490000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Anh: Food politics: How the food industry influences nutrition and health s616914

647. Ngô Thị Thanh Huyền. Báo cáo nghiên cứu: Thực trạng bạo lực tình dục ở người vô tính tại Việt Nam và các yếu tố liên quan / Ngô Thị Thanh Huyền, Đỗ Văn Tuấn, Bùi Đình Đoàn Thực. - H. : Giao thông vận tải, 2025. - 38 tr. : bảng, biểu đồ ; 30 cm. - 100b
Thư mục: tr. 37-38 s616289

648. Nguyễn Diệp Phương. Bệnh viện Ung bướu Nghệ An: 15 năm một chặng đường / Nguyễn Diệp Phương. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 427 tr. ; 24 cm. - 500b s616597

649. Nguyễn Phương Duy. Biên niên sự kiện lịch sử Công an tỉnh Nam Định (2005 - 2025) / B.s.: Nguyễn Phương Duy, Nguyễn Thị Thu Nga, Phạm Quang Nghĩa. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 704 tr. : ảnh ; 24 cm. - 110b

ĐTTS ghi: Bộ Công an. Công an tỉnh Nam Định . - Lưu hành nội bộ. - Phụ lục cuối chính văn s617083

650. Nhịp cầu tri ân / Lê Văn Hân, Mai Nam Thắng, Phan Sỹ Thao... - H. : Quân đội nhân dân, 2025. - 236 tr., 12 tr. ảnh màu ; 21 cm. - 724b

ĐTTS ghi: Hội Hỗ trợ gia đình liệt sĩ Việt Nam s616446

651. Những vấn đề chung trong xây dựng Bộ chỉ số an sinh quốc gia : Sách chuyên khảo / Phí Vĩnh Tường (ch.b.), Trần Thị Hà, Võ Thị Minh Lệ... - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 891 tr. : bảng ; 24 cm. - 380000đ. - 150b

ĐTTS ghi: Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. - Thư mục: tr. 356-367. - Phụ lục: tr. 368-891 s616532

652. Nói không với bạo lực : Tuyên truyền bình đẳng giới và phòng chống bạo lực / Lời: Nguyễn Thị Minh Hương, Đặng Thanh Giang ; Minh họa: KimNhiLe. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2024. - 60 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Câu chuyện truyền thông thay đổi định kiến giới và khuôn mẫu giới). - 19700b

Bình đẳng giới vùng dân tộc thiểu số và miền núi. Chương trình Mục tiêu quốc gia DTTS & MN s617725

653. Tấm khiên bảo vệ : Tuyên truyền hỗ trợ phụ nữ và trẻ em phòng tránh xâm hại / Lời: Nguyễn Thị Minh Hương, Đặng Thanh Giang ; Minh họa: KimNhiLe. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2024. - 60 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Câu chuyện truyền thông thay đổi định kiến giới và khuôn mẫu giới). - 19700b

Bình đẳng giới vùng dân tộc thiểu số và miền núi. Chương trình Mục tiêu quốc gia DTTS & MN s617727

654. Thoát hiểm an toàn : Tuyên truyền phòng chống nạn buôn người, di cư không an toàn / Lời: Nguyễn Thị Mai Hương, Đặng Thanh Giang ; Minh họa: KimNhiLe. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 60 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Câu chuyện truyền thông thay đổi định kiến giới và khuôn mẫu giới). - 19700b s617728

655. Thu hồi tài sản tham nhũng ở Việt Nam hiện nay : Sách chuyên khảo / Đinh Thị Hương Giang (ch.b.), Nguyễn Thị Báo, Sầm Linh Chi... - H. : Lý luận Chính trị, 2025. - 198 tr. ; 21 cm. - 500b

ĐTTS ghi: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. - Thư mục: tr. 145-153. - Phụ lục: tr. 154-196 s616581

656. Trại giam Thanh Cẩm - 60 năm xây dựng và phát triển (1965 - 2025) / Trại giam Thanh Cẩm nghiên cứu, b.s. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 200 tr. : ảnh màu ; 24 cm. - 110b

ĐTTS ghi: Bộ Công an. Cục Cảnh sát quản lý trại giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường Giáo dưỡng. - Lưu hành nội bộ. - Thư mục: tr. 195 s617088

657. Trại giam Vĩnh Quang - 60 năm xây dựng, chiến đấu và phát triển (1965 - 2025) / B.s.: Đỗ Thành Giang, Nguyễn Văn Sơn, Nguyễn Văn Tuyền... - H. : Công an nhân dân, 2025. - 187 tr. : ảnh ; 24 cm. - 510b

ĐTTS ghi: Cục Cảnh sát quản lý trại giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường Giáo dưỡng. Trại giam Vĩnh Quang. - Lưu hành nội bộ s617075

658. Trương Thị Ly. Công tác xã hội nhóm trong phòng ngừa tai nạn lao động tại làng nghề gỗ : Sách chuyên khảo / Trương Thị Ly. - H. : Lao động, 2025. - 341 tr. : minh họa ; 21 cm. - 168000đ. - 300b

Thư mục: tr. 333-341 s617403

GIÁO DỤC

659. Alvarez, Céline. Những quy luật tự nhiên của trẻ : Cuộc cách mạng trong giáo dục mầm non từ gia đình đến nhà trường / Céline Alvarez ; Dịch: Nguyễn Thụy Phương, Trần Thị Khánh Vân. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Thế giới, 2025. - 379 tr. : ảnh, biểu đồ ; 23 cm. - 249000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Pháp: Les lois naturelles de l'enfants. - Phụ lục: tr. 365 s617112

660. 30 chủ đề luyện nói = Speak up, kids! - 30 topics for primary students : Dành cho học sinh tiểu học / Trang Anh, Ngọc Diệp, Nhóm giáo viên ĐHSPT. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 60 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 86000đ. - 10000b s616243

661. Bài tập cuối tuần Toán 1 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới. Bám sát SGK Cánh Diều / Trần Diên Hiền. - H. : Đại học Sư phạm. - 27 cm. - 60000đ. - 3000b T.1. - 2025. - 56 tr. : minh họa s616194

662. Bài tập cuối tuần Toán 1 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới. Bám sát SGK Kết nối tri thức với cuộc sống / Trần Diên Hiền. - H. : Đại học Sư phạm. - 27 cm. - 72000đ. - 3000b

T.1. - 2025. - 72 tr. : minh họa s616198

663. Bài tập cuối tuần Toán 2 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới. Bám sát SGK Cánh Diều / Trần Diên Hiền. - H. : Đại học Sư phạm. - 27 cm. - 60000đ. - 3000b T.1. - 2025. - 55 tr. : minh họa s616195

664. Bài tập cuối tuần Toán 2 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới. Bám sát SGK Kết nối tri thức với cuộc sống / Trần Diên Hiền. - H. : Đại học Sư phạm. - 27 cm. - 60000đ. - 3000b

T.1. - 2025. - 63 tr. : minh họa s616199

665. Bài tập cuối tuần Toán 3 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới. Bám sát SGK Cánh Diều / Trần Diên Hiền. - H. : Đại học Sư phạm. - 27 cm. - 60000đ. - 3000b T.1. - 2025. - 59 tr. : minh họa s616196

666. Bài tập cuối tuần Toán 4 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới. Bám sát SGK Cánh Diều / Trần Diên Hiền. - H. : Đại học Sư phạm. - 27 cm. - 60000đ. - 3000b T.1. - 2025. - 59 tr. : minh họa s616197

667. Bài tập cuối tuần Toán tiểu học / Nguyễn Bằng. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 144 tr. : minh họa ; 24 cm. - 40000đ. - 5000b s617431

668. Bài tập phát triển năng lực Toán 3 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới. Dùng chung cho các bộ SGK hiện hành / Huỳnh Bảo Châu. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 95 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 52000đ. - 2000b s616302

669. Bé hoạt động tạo hình : Trẻ mẫu giáo 3 - 4 tuổi / Hoàng Bích Thanh. - Tái bản lần thứ 7. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 28 tr. : tranh vẽ ; 19x27 cm. - 10600đ. - 57500b s616086

670. Bé hoạt động tạo hình : Trẻ mẫu giáo 4 - 5 tuổi / Hoàng Bích Thanh. - Tái bản lần thứ 7. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 32 tr. : tranh vẽ ; 19x27 cm. - 11800đ. - 65000b s616087

671. Bé hoạt động tạo hình : Trẻ mẫu giáo 5 - 6 tuổi / Hoàng Bích Thanh. - Tái bản lần thứ 7. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 32 tr. : tranh vẽ ; 19x27 cm. - 11500đ. - 70000b s616099

672. Bé khám phá môi trường xung quanh - Chủ đề màu sắc : Dành cho trẻ từ 24 - 36 tháng tuổi / Trần Thị Ngọc Trâm ; Minh hoạ: Quỳnh Hoa. - Tái bản lần thứ 15. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 16 tr. : hình vẽ, tranh màu ; 19x27 cm. - 10500đ. - 16000b s616103

673. Bé làm quen môi trường xung quanh : Mẫu giáo 4 - 5 tuổi / Đặng Thị Phương Phi. - Tái bản lần thứ 11. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 28 tr. : hình vẽ, ảnh ; 17x24 cm. - 14000đ. - 7000b s616069

674. Bé làm quen môi trường xung quanh : Mẫu giáo 5 - 6 tuổi / Đặng Thị Phương Phi. - Tái bản lần thứ 14. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 24 tr. : hình vẽ, ảnh ; 17x24 cm. - 14000đ. - 13000b s616070

675. Bé làm quen với Toán : Theo Chương trình Giáo dục Mầm non mới : 3 - 4 tuổi / Nguyễn Thị Thanh Giang, Nguyễn Thị Thanh Huyền, Cao Thị Hồng Nhung. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 20 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 11500đ. - 10000b s617324

676. Bé làm quen với Toán : Theo Chương trình Giáo dục Mầm non mới : 4 - 5 tuổi / Nguyễn Thị Thanh Giang, Nguyễn Thị Thanh Huyền, Cao Thị Hồng Nhung. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 44 tr. : hình vẽ, tranh vẽ ; 24 cm. - 12500đ. - 15000b s617325

677. Bé làm quen với Toán : Theo Chương trình Giáo dục Mầm non mới : 5 - 6 tuổi / Nguyễn Thị Thanh Giang, Nguyễn Thị Thanh Huyền, Cao Thị Hồng Nhung. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 60 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 14500đ. - 20000b s617326

678. Bé làm quen với Toán : Dành cho bé 5 - 6 tuổi / Thiện Lộc, Minh Nguyệt. - Tái bản lần thứ 8. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh. - 24 cm. - 10000đ. - 5000b T.3. - 2025. - 23 tr. : hình vẽ s617560

679. Bé nhận biết chữ cái và tập tô các nét cơ bản : Dành cho trẻ 4 - 5 tuổi / Hoàng Thị Nho, Phùng Thị Ngọc Oanh ; Hoạ sĩ: Đặng Hồng Quân. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 36 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 12500đ. - 13700b s616687

680. Bé tập đọc và tập tô : Phổ cập giáo dục mầm non / Minh Tâm. - Thanh Hoá : Nxb. Thanh Hoá, 2025. - 23 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Bộ sách Bé chuẩn bị vào lớp Một). - 14000đ. - 5000b s616685

681. Bé tập làm thủ công theo chủ đề : Theo Chương trình Giáo dục mầm non mới : Dành cho trẻ 4 - 5 tuổi / Nguyễn Thị Hiếu. - Tái bản lần thứ 12. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 19x27 cm. - 9000đ. - 30000b s616088

682. Bé tập làm thủ công theo chủ đề : Theo Chương trình Giáo dục mầm non mới : Dành cho trẻ 5 - 6 tuổi / Nguyễn Thị Hiếu. - Tái bản lần thứ 12. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 32 tr. : tranh màu ; 19x27 cm. - 11500đ. - 35000b s616089

683. Bé tập tạo hình : Dành cho lớp mẫu giáo ghép / Trương Thị Hiền ; Hoạ sĩ: Nagasawa.
- Tái bản lần thứ 7. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 40 tr. : tranh vẽ ; 19x27 cm. - 13000đ. - 30000b s616101

684. Bé tập tạo hình - Sáng tạo theo phong cách của họa sĩ : Theo định hướng của Chương trình Giáo dục mầm non mới : Dành cho trẻ 3 - 4 tuổi / Lê Anh Vinh (ch.b.), Vũ Thị Ngọc Minh, Vũ Thị Kim Thanh, Trương Thu Thủy. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh. - 21 cm. - 12500đ. - 8000b

T.1. - 2025. - 24 tr. : hình vẽ, ảnh màu s617549

685. Bé tập tạo hình - Sáng tạo theo phong cách của họa sĩ : Theo định hướng của Chương trình Giáo dục mầm non mới : Dành cho trẻ 4 - 5 tuổi / Lê Anh Vinh (ch.b.), Vũ Thị Ngọc Minh, Vũ Thị Kim Thanh, Trương Thu Thủy. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh. - 21 cm. - 12500đ. - 13500b

T.1. - 2025. - 24 tr. : hình vẽ, ảnh màu s617551

686. Bé tập tạo hình - Sáng tạo theo phong cách của họa sĩ : Theo định hướng của Chương trình Giáo dục mầm non mới : Dành cho trẻ 5 - 6 tuổi / Lê Anh Vinh (ch.b.), Vũ Thị Ngọc Minh, Vũ Thị Kim Thanh, Trương Thu Thủy. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh. - 21 cm. - 12500đ. - 18000b

T.1. - 2025. - 24 tr. : hình vẽ, ảnh màu s617553

687. Bé tập tạo hình - Sáng tạo theo phong cách của họa sĩ : Theo định hướng của Chương trình Giáo dục mầm non mới : Dành cho trẻ 3 - 4 tuổi / Lê Anh Vinh (ch.b.), Vũ Thị Ngọc Minh, Vũ Thị Kim Thanh, Trương Thu Thủy. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh. - 21 cm. - 12500đ. - 8000b

T.2. - 2025. - 24 tr. : hình vẽ, ảnh màu s617550

688. Bé tập tạo hình - Sáng tạo theo phong cách của họa sĩ : Theo định hướng của Chương trình Giáo dục mầm non mới : Dành cho trẻ 4 - 5 tuổi / Lê Anh Vinh (ch.b.), Vũ Thị Ngọc Minh, Vũ Thị Kim Thanh, Trương Thu Thủy. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh. - 21 cm. - 12500đ. - 13500b

T.2. - 2025. - 24 tr. : hình vẽ, ảnh màu s617552

689. Bé tập tạo hình - Sáng tạo theo phong cách của họa sĩ : Theo định hướng của Chương trình Giáo dục mầm non mới : Dành cho trẻ 5 - 6 tuổi / Lê Anh Vinh (ch.b.), Vũ Thị Ngọc Minh, Vũ Thị Kim Thanh, Trương Thu Thủy. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh. - 21 cm. - 12500đ. - 18000b

T.2. - 2025. - 24 tr. : hình vẽ, ảnh màu s617554

690. Bé tập tô chữ cái : Dành cho học sinh mẫu giáo lớn / Thủy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - 12000đ. - 10000b

Q.2. - 2025. - 20 tr. s617328

691. Bé tập tô chữ số : Dành cho trẻ 5 - 6 tuổi / Lê Hồng Đăng, Lê Thị Ngọc Ánh. - In lần thứ 12. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 23 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - (Hành trang cho bé vào Lớp 1). - 11000đ. - 10000b s616539

692. Bé tập vẽ, tập tô màu theo chủ đề : Theo Chương trình Giáo dục mầm non : Dành cho trẻ 3 - 4 tuổi / Nguyễn Thị Hiếu. - Tái bản lần thứ 12. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 23 tr. : tranh vẽ ; 19x27 cm. - 9000đ. - 10000b s616090

693. Bé vào lớp 1 : Vở ô li dành cho bé 5 - 6 tuổi / Minh Châu, Thiện Lộc. - Tái bản lần thứ 9. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh. - 24 cm. - (Giúp em viết chữ đẹp). - 12000đ. - 5000b

Q.1. - 2025. - 23 tr. s617559

694. Bé với hoạt động tạo hình : Theo Chương trình Giáo dục mầm non : Dành cho trẻ 24 - 36 tháng / Nguyễn Thị Hiền, Nguyễn Thị Anh Thư, Nguyễn Thị Ngọc Châu... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 24 tr. : minh họa ; 19x27 cm. - 18000đ. - 5000b s616092

695. Bé với hoạt động tạo hình : Theo Chương trình Giáo dục mầm non : Dành cho trẻ 3 - 4 tuổi / Nguyễn Thị Hiền, Nguyễn Thị Anh Thư, Nguyễn Thị Ngọc Châu... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 28 tr. : minh họa ; 19x27 cm. - 21000đ. - 5000b s616093

696. Bé với hoạt động tạo hình : Theo Chương trình Giáo dục mầm non : Dành cho trẻ 4 - 5 tuổi / Nguyễn Thị Hiền, Nguyễn Thị Anh Thư, Nguyễn Thị Ngọc Châu... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 31 tr. : minh họa ; 19x27 cm. - 23000đ. - 5000b s616094

697. Bé với hoạt động tạo hình : Theo Chương trình Giáo dục mầm non : Dành cho trẻ 5 - 6 tuổi / Nguyễn Thị Hiền, Nguyễn Thị Anh Thư, Nguyễn Thị Ngọc Châu... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 32 tr. : minh họa ; 19x27 cm. - 23000đ. - 5000b s616095

698. Bé vui học chữ cái : Dành cho trẻ 3 - 4 tuổi / Nguyễn Thị Minh Thảo, Nguyễn Thị Ngọc An. - Tái bản lần thứ 7. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 32 tr. : hình vẽ ; 17x24 cm. - 14000đ. - 13000b s616071

699. Bé vui học chữ cái : Dành cho trẻ 4 - 5 tuổi / Nguyễn Thị Minh Thảo, Nguyễn Thị Ngọc An. - Tái bản lần thứ 7. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 17x24 cm. - 14000đ. - 35000b
T.1. - 2025. - 31 tr. : hình vẽ s616072

700. Bé vui học chữ cái : Dành cho trẻ 4 - 5 tuổi / Nguyễn Thị Minh Thảo, Nguyễn Thị Ngọc An. - Tái bản lần thứ 7. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 17x24 cm. - 14000đ. - 35000b
T.2. - 2025. - 32 tr. : hình vẽ s616073

701. Bé vui học Toán : Dành cho trẻ 5 - 6 tuổi / Lê Thị Thanh Nga, Nguyễn Thị Thanh Huyền. - Tái bản lần thứ 7. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 31 tr. : hình vẽ ; 17x24 cm. - 14000đ. - 18000b s616074

702. Bộ đề kiểm tra môn Tiếng Việt lớp 5 : Dùng kèm SGK Kết nối tri thức với cuộc sống / Lê Thị Nương. - H. : Đại học Sư phạm. - 27 cm. - 68000đ. - 2000b
T.2. - 2025. - 120 tr. : bảng s616190

703. Bồi dưỡng kỹ năng giải Toán lớp 1 : Kiến thức trọng tâm. Bài tập rèn luyện theo từng chủ đề... / Trần Ngọc Bích (ch.b.), Nguyễn Huy Vinh. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 119 tr. : minh họa ; 27 cm. - 115000đ. - 2000b s616191

704. Bồi dưỡng phát triển tư duy - Bé làm quen các phép tính : Dành cho bé 5 - 6 tuổi / Dương Lan b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 15 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 10000đ. - 10000b s617317

705. Bồi dưỡng phát triển tư duy - Bé làm quen và nhận biết chữ cái : Dành cho bé 4 - 5 tuổi / Dương Lan b.s. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - 10000đ. - 10000b
T.1. - 2025. - 15 tr. : hình vẽ s617633

706. Bồi dưỡng phát triển tư duy - Bé làm quen và nhận biết chữ cái : Dành cho bé 4 - 5 tuổi / Dương Lan b.s. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - 10000đ. - 10000b
T.2. - 2025. - 15 tr. : hình vẽ s617634

707. Bồi dưỡng phát triển tư duy - Bé tập so sánh : Dành cho bé 5 - 6 tuổi / Dương Lan b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 15 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 10000đ. - 10000b s617650

708. Bồi dưỡng phát triển tư duy - Bé tập tô chữ cái : Dành cho bé 5 - 6 tuổi / Dương Lan b.s. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - 10000đ. - 10000b
T.1. - 2025. - 15 tr. : tranh vẽ s617649

709. Bồi dưỡng phát triển tư duy - Bé tập tô chữ cái : Dành cho bé 5 - 6 tuổi / Dương Lan b.s. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - 10000đ. - 10000b
T.2. - 2025. - 15 tr. : tranh vẽ s617653
710. Bồi dưỡng phát triển tư duy - Bé tập tô chữ số : Dành cho bé 5 - 6 tuổi / Dương Lan b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 15 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 10000đ. - 10000b s617652
711. Bồi dưỡng phát triển tư duy - Bé tập tô nét cơ bản : Dành cho bé 5 - 6 tuổi / Dương Lan b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 15 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 10000đ. - 10000b s617651
712. Bồi dưỡng phát triển tư duy - Tập tô chữ mẫu giáo : Dành cho bé 5 - 6 tuổi / Dương Lan b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 15 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 10000đ. - 10000b s617648
713. Bồi dưỡng phát triển tư duy: Bé làm quen với Toán : Dành cho bé 4 - 5 tuổi / Dương Lan b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 15 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 10000đ. - 10000b s617647
714. Bồi dưỡng phát triển tư duy: Bé tập đếm và làm quen với Toán : Dành cho bé 4 - 5 tuổi / Dương Lan b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 15 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 10000đ. - 10000b s617641
715. Bồi dưỡng phát triển tư duy: Bé tập so sánh : Dành cho bé 4 - 5 tuổi / Dương Lan b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 15 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 10000đ. - 10000b s617642
716. Bồi dưỡng phát triển tư duy: Bé tập tô chữ số : Dành cho bé 4 - 5 tuổi / Dương Lan b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 15 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 10000đ. - 10000b s617646
717. Bồi dưỡng phát triển tư duy: Bé tập tô nét cơ bản : Dành cho bé 4 - 5 tuổi / Dương Lan b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 15 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 10000đ. - 10000b s617643
718. Bồi dưỡng phát triển tư duy: Bé xác định vị trí : Dành cho bé 4 - 5 tuổi / Dương Lan b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 15 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 10000đ. - 10000b s617645
719. Bồi dưỡng phát triển tư duy: Giúp bé phát triển IQ : Dành cho bé 4 - 5 tuổi / Dương Lan b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 15 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 10000đ. - 10000b s617644
720. Bồi dưỡng Tiếng Việt 3 : Rèn năng lực đọc và viết cho học sinh. Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Nguyễn Công Thị Minh Anh, Phan Thị Hằng. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 111 tr. : minh họa ; 27 cm. - 95000đ. - 1500b s616189
721. Bồi dưỡng Tiếng Việt 4 : Rèn năng lực đọc và viết cho học sinh. Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Nguyễn Công Thị Minh Anh, Phan Thị Hằng. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 144 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 120000đ. - 1500b s616240
722. Bùi Thế Hợp. Đánh giá và hỗ trợ học đọc cho học sinh có khó khăn về đọc đầu cấp tiểu học : Sách tham khảo / Bùi Thế Hợp (ch.b.), Nguyễn Thị Cẩm Hương. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 126 tr. : minh họa ; 24 cm. - 72000đ. - 300b
Thư mục: tr. 101-110. - Phụ lục: tr. 111-126 s616458
723. Bước đầu làm quen với Toán : Phổ cập giáo dục mầm non : Dành cho trẻ 3 - 4 tuổi / Minh Tâm. - Thanh Hoá : Nxb. Thanh Hoá, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 24 cm. - 14000đ. - 5000b s616684
724. Các hoạt động tạo hình : Dành cho trẻ 5 - 6 tuổi / Nguyễn Thị Hằng, Đào Thị Mai Hương, Trần Thị Mai Nhi... ; Minh họa: Đặng Hồng Quân, Nguyễn Quang Vinh. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 36 tr. : minh họa ; 19x27 cm. - 13000đ. - 150000b s616104
725. Chất lượng cuộc sống nghề nghiệp của giáo viên phổ thông trong bối cảnh đổi mới giáo dục : Sách chuyên khảo / Phan Thị Mai Hương, Lâm Thanh Bình (ch.b.), Đặng Thị Thu

Trang, Nguyễn Thị Thanh Huyền. - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 334 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 135000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Viện Tâm lý học. - Thư mục: tr. 311-334 s616526

726. Chiến thuật viết văn tiểu học / Đỗ Xuân Thảo, Phan Thị Hồ Điệp. - H. : Đại học Sư phạm. - 27 cm. - 65000đ. - 1000b

T.2: Cách viết câu chuyện như một nhà văn nhí. - 2025. - 92 tr. : minh họa s616208

727. Chơi mà học, học mà chơi - Toán tư duy cho trẻ em : 4 - 6 tuổi / Hoàng Thùy b.s. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 78 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - (Vui học Toán). - 79000đ. - 5000b s617599

728. Chuyên đề bồi dưỡng Toán 2 : Dành cho học sinh yêu thích toán - Bồi dưỡng học sinh khá, giỏi : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới. Dùng cho các bộ SGK hiện hành / Trần Huỳnh Thống, Lê Phú Hùng, Tô Hoài Phong. - H. : Dân trí, 2025. - 113 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 66000đ. - 5000b s616309

729. Chuyên đề bồi dưỡng Toán 4 : Dành cho học sinh yêu thích toán - Bồi dưỡng học sinh khá, giỏi : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới. Dùng cho các bộ SGK hiện hành / Trần Huỳnh Thống, Lê Phú Hùng, Tô Hoài Phong. - H. : Dân trí, 2025. - 135 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 75000đ. - 5000b s616310

730. Chuyên đề bồi dưỡng Toán 5 : Dành cho học sinh yêu thích toán - Bồi dưỡng học sinh khá, giỏi : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới. Dùng cho các bộ SGK hiện hành / Trần Huỳnh Thống, Lê Phú Hùng, Tô Hoài Phong. - H. : Dân trí, 2025. - 160 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 85000đ. - 5000b s616311

731. Cô Trang Học Đường. Học tài thi đậu - Nhật ký cùng con trưởng thành : Giải pháp chinh phục mọi kỳ thi. Thấu hiểu chính mình, định hướng tương lai / Cô Trang Học Đường. - H. : Thế giới, 2025. - 224 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 174000đ. - 1000b s617105

732. Công thức giải nhanh Toán tiểu học : Ứng dụng tính nhanh vào thực tế : Dành cho học sinh lớp 1 đến lớp 5... / Thùy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 15 tr. : minh họa ; 17x25 cm. - 160000đ. - 10000b s617341

733. Cùng bé tập tạo hình : Dành cho lớp mẫu giáo ghép / Nguyễn Thị Hiền, Lê Hải, Đàm Thị Hoài Dung... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 40 tr. : minh họa ; 19x27 cm. - 27000đ. - 5000b s616091

734. Đánh vần và tập đọc Tiếng Việt theo sơ đồ tư duy : Giúp trẻ đánh vần, đọc thành thạo nhanh và hiệu quả... : 4 - 6 tuổi / Nguyễn Thị Thanh Hương. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 135 tr. : minh họa ; 21x30 cm. - 105000đ. - 3000b s616535

735. Đặng Vũ Hoạt. Lí luận dạy học đại học / Đặng Vũ Hoạt (ch.b.), Hà Thị Đức. - In lần thứ 12. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 187 tr. : bảng ; 21 cm. - 60000đ. - 500b

Thư mục: tr. 186-187 s617448

736. Đầu tư giáo dục và định hướng nghề nghiệp cho học sinh trung học phổ thông của các hộ gia đình vùng Tây Nam Bộ - trường hợp tỉnh An Giang / Huỳnh Quốc Thắng, Phan Anh Tú, Nguyễn Ngọc Thơ... - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 508 tr. : bảng, biểu đồ ; 24 cm. - 200b

ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh... - Thư mục cuối mỗi bài s617168

737. Đề kiểm tra Toán 2 - Học kì 1 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Nguyễn Ngọc Lan, Nguyễn Thanh Thủy, Ngô Thị Thu Huyền, Dương Thị Hà. - H. : Dân

trí, 2025. - 63 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - (Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống). - 55000đ.
- 5000b s616312

738. Đề kiểm tra Toán 2 - Học kì 2 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Nguyễn Ngọc Lan, Nguyễn Thanh Thủy, Ngô Thị Thu Huyền, Dương Thị Hà. - H. : Dân trí, 2025. - 63 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - (Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống). - 55000đ.
- 5000b s616313

739. Faber, Adele. Nói sao cho trẻ chịu học ở nhà và ở trường / Adele Faber, Elaine Mazlish ; Trần Thị Hương Lan dịch. - Tái bản lần 13. - H. : Thế giới, 2025. - 340 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 179000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Anh: How to talk so kids can learn s617139

740. Giáo dục an toàn giao thông : Dành cho trẻ 3 - 4 tuổi / Thu Hòa, Huyền Thanh. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 24 tr. : tranh vẽ ; 19x27 cm. - 16000đ. - 25000b s616085

741. Giáo dục an toàn giao thông : Dành cho trẻ 4 - 5 tuổi / Thu Hoà, Huyền Thanh. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 28 tr. : hình vẽ, tranh màu ; 19x27 cm. - 16000đ. - 40000b s616100

742. Giáo dục an toàn giao thông : Dành cho trẻ 5 - 6 tuổi / Thu Hoà, Huyền Thanh. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 32 tr. : tranh màu ; 19x27 cm. - 16000đ. - 55000b s616102

743. Giáo dục văn hoá truyền thống cho sinh viên ngành Du lịch qua trải nghiệm các di sản văn hóa thế giới của Việt Nam : Sách chuyên khảo / Nguyễn Thị Thanh Loan (ch.b.), Đào Đăng Phượng, Nguyễn Thị Phương Thảo... - H. : Văn học, 2025. - 271 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 195000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 268-271 s616887

744. Giúp bé tập tạo hình : Dành cho lớp mẫu giáo ghép 3 - 6 tuổi / Nguyễn Thanh Hương. - Tái bản lần thứ 11. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 40 tr. : tranh vẽ ; 19x27 cm. - 14000đ. - 30000b s616096

745. Giúp bé tập tô chữ cái - Chữ thường / Minh Tâm. - Thanh Hoá : Nxb. Thanh Hoá, 2025. - 23 tr. ; 24 cm. - (Bé vào lớp Một). - 12000đ. - 5000b s616677

746. Giúp em viết văn bằng sơ đồ tư duy / Thu Trang. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 144 tr. : tranh màu ; 24 cm. - 40000đ. - 5000b s617432

747. Hoàng Thị Phương. Giáo trình Giáo dục môi trường cho trẻ mầm non / Hoàng Thị Phương. - In lần thứ 11. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 95 tr. ; 24 cm. - 40000đ. - 500b

Thư mục: tr. 93-95 s617451

748. Hoạt động tạo hình : Theo Chương trình Giáo dục mầm non : Dành cho trẻ 3 - 4 tuổi / Nguyễn Thanh Hương. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 28 tr. : tranh vẽ ; 19x27 cm. - 10500đ. - 50000b s616097

749. Hoạt động tạo hình : Theo Chương trình Giáo dục mầm non : Dành cho trẻ 4 - 5 tuổi / Nguyễn Thanh Hương. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 32 tr. : hình vẽ ; 19x27 cm. - 11500đ. - 70000b s616084

750. Hoạt động tạo hình : Theo Chương trình Giáo dục mầm non : Dành cho trẻ 5 - 6 tuổi / Nguyễn Thanh Hương. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 36 tr. : tranh vẽ ; 19x27 cm. - 13000đ. - 70000b s616098

751. Hồng Nhung. Sổ dự giờ / Hồng Nhung sưu tầm, b.s. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 88 tr. : bảng ; 29 cm. - 25500đ. - 913b s617453

752. Hồng Nhung. Sổ đăng kí giảng dạy : Dùng cho cán bộ quản lí các trường mầm non / Hồng Nhung sưu tầm, b.s. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 76 tr. : bảng ; 21x29 cm. - 26000đ. - 623b s617456

753. Hồng Nhung. Sổ điểm danh và chấm ăn / Hồng Nhung sưu tầm, b.s. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 52 tr. : bảng ; 29 cm. - 23000đ. - 2000b s617454

754. Hướng dẫn bé thực hành : Giáo dục an toàn giao thông : Dành cho độ tuổi 3 - 4 / Nguyên Vũ, Minh Trang ; Minh họa: Minh Tâm, Mạnh Cường. - H. : Văn học, 2025. - 22 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Giao thông an toàn - Học ngàn điều hay). - 12000đ. - 8000b s616967

755. Hướng dẫn bé thực hành : Giáo dục an toàn giao thông : Dành cho độ tuổi 4 - 5 / Nguyên Vũ, Minh Ngọc ; Minh họa: Minh Tâm, Mạnh Cường. - H. : Văn học, 2025. - 22 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Giao thông an toàn - Học ngàn điều hay). - 12000đ. - 8000b s616968

756. Hướng dẫn bé thực hành : Giáo dục an toàn giao thông : Dành cho độ tuổi 5 - 6 / Nguyên Vũ, Châu Giang ; Minh họa: Minh Tâm, Mạnh Cường. - H. : Văn học, 2025. - 22 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Giao thông an toàn - Học ngàn điều hay). - 12000đ. - 8000b s616969

757. Hướng dẫn đánh giá hoạt động học tập ở tiểu học : Thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Nguyễn Đức Thanh, Trần Dương Quốc Hòa (ch.b.), Nguyễn Thị Thu, Dương Trần Bình. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 243 tr. : minh họa ; 24 cm. - 125000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh. - Phụ lục: tr. 210-239. - Thư mục: tr. 240-243 s616609

758. Hướng dẫn giải vở bài tập Toán 4 : Bám sát SGK Chân trời sáng tạo / Phạm Văn Công. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 59000đ. - 2000b

T.1. - 2025. - 120 tr. : minh họa s617435

759. Hướng dẫn giải vở bài tập Toán 4 : Bám sát SGK Chân trời sáng tạo / Phạm Văn Công. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 59000đ. - 2000b

T.2. - 2025. - 115 tr. : minh họa s617436

760. Hướng dẫn giải vở bài tập Toán 5 : Bám sát SGK Chân trời sáng tạo / Phạm Văn Công. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 69000đ. - 2000b

T.1. - 2025. - 136 tr. : minh họa s617437

761. Hướng dẫn giải vở bài tập Toán 5 : Bám sát SGK Chân trời sáng tạo / Phạm Văn Công. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 69000đ. - 2000b

T.2. - 2025. - 136 tr. : hình vẽ, bảng s617438

762. Khung năng lực trí tuệ nhân tạo dành cho sinh viên = Artificial Intelligence Literacy Framework for Students - AILFS 1.0 / Đỗ Văn Hùng (ch.b.), Hoàng Anh Tuấn, Nguyễn Gia Hy... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 66 tr. : ảnh, bảng ; 24 cm. - 150000đ. - 350b

ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Hà Nội. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn. - Thư mục: tr. 65-66 s617401

763. Kỳ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia về Giáo dục đại học trong bối cảnh quốc tế hóa (HEGC 2023) / Phạm Thị Anh Nga, Phạm Huy Cuong, Đỗ Thị Phương Nam... - H. : Tài chính, 2025. - 863 tr. : minh họa ; 29 cm. - 120b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Kinh tế tài chính - Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục cuối mỗi bài s616169

764. Làm quen với Chữ số và Toán / Khánh Huyền. - H. : Văn học, 2025. - 56 tr. : bảng, tranh màu ; 24 cm. - (Tủ sách Bé vào lớp Một). - 27000đ. - 5000b s616963

765. Lê Thị Diệu Thủy. Tổ chức các hoạt động giáo dục nghệ thuật sáng tạo cho trẻ em mầm non / Lê Thị Diệu Thủy (ch.b.), Tôn Nữ Diệu Hằng, Nguyễn Thủy Tiên. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 83 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Tủ sách Bồi dưỡng chuyên môn cho cán bộ quản lý và giáo viên mầm non). - 30000đ. - 5116b

Thư mục: tr. 83 s616218

766. Lê Thị Hồng. Giáo trình Phương pháp dạy học tiếng Việt 1 ở tiểu học : Tài liệu dành cho hệ đại học / Lê Thị Hồng (ch.b.), Quách Việt Tú. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 129 tr. : bảng ; 24 cm. - 80000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Kiên Giang. - Thư mục: tr. 114-115. - Phụ lục: tr. 116-129 s617430

767. Lê Thị Thùy. Giáo trình Đạo đức và phương pháp dạy học đạo đức ở tiểu học / Lê Thị Thùy (ch.b.), Đinh Thị Thu Phương. - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 276 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 220000đ. - 200b

Thư mục: tr. 264-265. - Phụ lục: tr. 266-276 s616518

768. Lịch sử Trường Cao đẳng Kon Tum (1975 - 2025) : Chào mừng Đại hội Đảng bộ Trường Cao đẳng Kon Tum lần thứ III, nhiệm kỳ 2025 - 2030 và Đại hội Đảng bộ các cấp, tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV / B.s.: Lê Trí Khải, Nguyễn Trung Hiếu, Huỳnh Văn Chung... - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2025. - 245 tr. : ảnh ; 21 cm. - 250b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum. Trường Cao đẳng Kon Tum. - Phụ lục: tr. 172-243 s617588

769. Luyện Tập làm văn lớp 2 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới. Bám sát SGK Kết nối tri thức với cuộc sống / Lê Phương Nga (ch.b.), Nguyễn Thu Hà. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 91 tr. : minh họa ; 27 cm. - 2500b s616259

770. Luyện Tập làm văn lớp 3 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới. Bám sát SGK Kết nối tri thức với cuộc sống / Lê Phương Nga (ch.b.), Nguyễn Thu Hà, Nguyễn Thành Hưng. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 94 tr. : minh họa ; 27 cm. - 99000đ. - 2500b s616247

771. Luyện tập Tiếng Việt 4 : Phát triển năng lực cho học sinh. Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Nguyễn Phương, Mạc Đăng Khôi. - H. : Đại học Sư phạm. - 27 cm. - 29800đ. - 2000b

T.2. - 2025. - 60 tr. : hình vẽ, bảng s616205

772. Luyện tập Tiếng Việt 5 : Phát triển năng lực cho học sinh. Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Nguyễn Phương, Mạc Đăng Khôi. - H. : Đại học Sư phạm. - 27 cm. - 29800đ. - 2000b

T.1. - 2025. - 56 tr. : hình vẽ, bảng s616206

773. Luyện viết chữ cái : Biên soạn theo Chương trình mới / Thuý Hằng b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 23 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - (Bút mực thần kỳ, tự động biến mất). - 45000đ. - 15000b s617307

774. Luyện viết chữ cái / Khánh Huyền. - H. : Văn học. - 24 cm. - (Tủ sách Bé vào lớp Một). - 27000đ. - 5000b

Q.1. - 2025. - 60 tr. : hình vẽ, ảnh màu s616965

775. Luyện viết chữ cái / Khánh Huyền. - H. : Văn học. - 24 cm. - (Tủ sách Bé vào lớp Một). - 27000đ. - 4000b

Q.2. - 2025. - 60 tr. : hình vẽ, ảnh màu s616966

776. Luyện viết chữ nhỏ : Vở luyện viết chữ chuyên dụng cho học sinh tiểu học... / Nguyễn Thị Lan Anh, Phạm Thị Phương, Nguyễn Thị Hạnh Trâm. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 48 tr. ; 24 cm. - 39000đ. - 10000b s617329

777. Luyện viết chữ số : Biên soạn theo Chương trình mới / Thuý Hằng b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 23 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - (Bút mực thân kỳ, tự động biến mất). - 45000đ. - 15000b s617306

778. Luyện viết đúng, viết đẹp lớp 1 / Ngô Vũ Thu Hằng (ch.b.), Thảo Nguyên. - In lần thứ 2. - H. : Đại học Sư phạm. - 24 cm. - 25000đ. - 1000b T.2. - 2025. - 36 tr. s616203

779. Luyện viết đúng, viết đẹp lớp 2 / Ngô Vũ Thu Hằng (ch.b.), Thảo Nguyên. - In lần thứ 2. - H. : Đại học Sư phạm. - 24 cm. - 25000đ. - 1000b T.2. - 2025. - 36 tr. s616204

780. Luyện viết nét cơ bản : Biên soạn theo Chương trình mới / Thuý Hằng b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 23 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - (Bút mực thân kỳ, tự động biến mất). - 45000đ. - 15000b s617305

781. Nelsen, Jane. Kỹ thuật tích cực trong lớp học Montessori : Sự chuẩn bị cho một môi trường nuôi dưỡng sự tôn trọng, lòng tử tế và tính trách nhiệm / Jane Nelsen, Chip Delorenzo ; Casa Mia Montessori biên dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 454 tr. ; 24 cm. - 259000đ. - 1000b s617120

782. Ngọc Linh AIE. Giáo viên làm chủ AI - Kiểm tra - Đánh giá và hỗ trợ học tập : Learning experience design. Backward design / Ngọc Linh AIE. - H. : Thế giới, 2025. - 143 tr. : minh họa ; 23 cm. - 139000đ. - 1000b

Tên thật tác giả: Nguyễn Thị Ngọc Linh s617111

783. Ngọc Linh AIE. Giáo viên làm chủ AI - Thiết kế học liệu giảng dạy : Learning experience design. Backward design / Ngọc Linh AIE. - H. : Thế giới, 2025. - 167 tr. : minh họa ; 23 cm. - 159000đ. - 1000b

Tên thật tác giả: Nguyễn Thị Ngọc Linh s617110

784. Nguyễn Minh Giang. Lí luận dạy học Tự nhiên - Xã hội / Nguyễn Minh Giang (ch.b.), Phạm Phương Anh. - Tái bản lần 1, có chỉnh sửa bổ sung. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 227 tr. : minh họa ; 24 cm. - 130000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục: tr. 220-227 s616613

785. Nguyễn Thị Bích Thủy. Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non / Nguyễn Thị Bích Thủy. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 88 tr. : bảng ; 24 cm. - 150000đ. - 300b

Thư mục: tr. 87-88 s617163

786. Nguyễn Trọng Lăng. Giáo trình Tâm lí học quản lí và ứng dụng trong quản lí giáo dục / Nguyễn Trọng Lăng, Nguyễn Thị Thúy. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 179 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 150000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Trà Vinh. - Thư mục: tr. 175-179 s616611

787. Nhật kí ngày hè vui - Tiếng Anh 1 / Đỗ Thị Ngọc Hiền, Ninh Thị Kim Oanh. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 118 tr. : hình vẽ, bảng ; 15x24 cm. - 45000đ. - 5000b s616082

788. Nhật kí ngày hè vui - Tiếng Anh 3 / Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đỗ Thị Tố Nga, Ninh Thị Kim Oanh, Nguyễn Thị Thanh Xuân. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 118 tr. : hình vẽ, bảng ; 15x24 cm. - 40000đ. - 5000b s616083

789. Nhật kí ngày hè vui - Tiếng Việt 2 / Trần Thị Hiền Lương (ch.b.), Đặng Thị Lanh, Đặng Thị Lệ Tâm. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 120 tr. : bảng, tranh vẽ ; 15x24 cm. - 40000đ. - 10000b s616079

790. Nhật kí ngày hè vui - Tiếng Việt 3 / Trần Thị Hiền Lương (ch.b.), Đặng Thị Lanh, Đặng Thị Lệ Tâm. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 120 tr. : bảng, tranh vẽ ; 15x24 cm. - 40000đ. - 10000b s616080

791. Nhật kí ngày hè vui - Toán 1 / Nguyễn Thủy Chung, Trần Thị Kim Cương, Nguyễn Thị Hải. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 120 tr. : hình vẽ, bảng ; 15x24 cm. - 45000đ. - 10000b s616075

792. Nhật kí ngày hè vui - Toán 2 / Vũ Thị Ái Nhu, Trần Anh Tuyến. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 120 tr. : hình vẽ, bảng ; 15x24 cm. - 40000đ. - 10000b s616076

793. Nhật kí ngày hè vui - Toán 3 / Vũ Thị Ái Nhu, Nguyễn Lê Hoài Thanh. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 120 tr. : hình vẽ, bảng ; 15x24 cm. - 40000đ. - 10000b s616077

794. Nhật kí ngày hè vui - Toán 4 / Nguyễn Thủy Chung, Trần Thị Kim Cương, Nguyễn Thị Hải. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 120 tr. : minh họa ; 15x24 cm. - 40000đ. - 5000b s616078

795. Những bài làm văn hay dành cho học sinh lớp 3 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Hoàng Minh Ngọc (ch.b.), Chu Ái Thu, Phạm Thị Ngọc Thu. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 172 tr. : minh họa ; 27 cm. - 159000đ. - 1000b s616186

796. Những bài làm văn hay dành cho học sinh lớp 4 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Hoàng Minh Ngọc (ch.b.), Chu Ái Thu, Phạm Thị Ngọc Thu. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 175 tr. : minh họa ; 27 cm. - 159000đ. - 1000b s616187

797. Những bài làm văn hay dành cho học sinh lớp 5 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Hoàng Minh Ngọc (ch.b.), Chu Ái Thu, Phạm Thị Ngọc Thu. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 172 tr. : minh họa ; 27 cm. - 159000đ. - 2000b s616188

798. Phiếu ôn hè Tiếng Anh lớp 3 : Hành trang vững kiến thức lên lớp 4 : Sách theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo / Hà Thị Thùy Dương. - H. : Tri thức, 2025. - 80 tr. : tranh vẽ ; 30 cm. - 59000đ. - 2800b s616284

799. Phiếu ôn hè Tiếng Việt lớp 1 : Hành trang vững kiến thức lên lớp 2 : Sách theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo / Trần Thị Hương. - H. : Tri thức, 2025. - 48 tr. : hình vẽ, bảng ; 30 cm. - 45000đ. - 3000b s616276

800. Phiếu ôn hè Tiếng Việt lớp 2 : Hành trang vững kiến thức lên lớp 3 : Sách theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo / Trần Thị Hương. - H. : Tri thức, 2025. - 72 tr. : hình vẽ, bảng ; 30 cm. - 52000đ. - 3500b s616277

801. Phiếu ôn hè Tiếng Việt lớp 3 : Hành trang vững kiến thức lên lớp 4 : Sách theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo / Trần Thị Hương. - H. : Tri thức, 2025. - 76 tr. : hình vẽ, bảng ; 30 cm. - 54000đ. - 2800b s616278

802. Phiếu ôn hè Tiếng Việt lớp 4 : Hành trang vững kiến thức lên lớp 5 : Sách theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo / Trần Thị Hương. - H. : Tri thức, 2025. - 76 tr. : hình vẽ, bảng ; 30 cm. - 59000đ. - 2600b s616279

803. Phiếu ôn hè Toán lớp 1 : Hành trang vững kiến thức lên lớp 2 : Sách theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo / Trần Thị Hương. - H. : Tri thức, 2025. - 52 tr. : minh họa ; 30 cm. - 45000đ. - 3500b s616280
804. Phiếu ôn hè Toán lớp 2 : Hành trang vững kiến thức lên lớp 3 : Sách theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo / Trần Thị Hương. - H. : Tri thức, 2025. - 52 tr. : minh họa ; 30 cm. - 45000đ. - 1500b s616281
805. Phiếu ôn hè Toán lớp 3 : Hành trang vững kiến thức lên lớp 4 : Sách theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo / Trần Thị Hương. - H. : Tri thức, 2025. - 55 tr. : minh họa ; 30 cm. - 45000đ. - 2800b s616282
806. Phiếu ôn hè Toán lớp 4 : Hành trang vững kiến thức lên lớp 5 : Sách theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo / Trần Thị Hương. - H. : Tri thức, 2025. - 59 tr. : minh họa ; 30 cm. - 59000đ. - 2500b s616283
807. Phó Đức Hòa. Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục tiểu học / Phó Đức Hòa. - In lần thứ 8. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 91 tr. : bảng ; 24 cm. - 50000đ. - 500b
Thư mục: tr. 91 s617240
808. Quản trị phát triển chương trình nhà trường : Giáo trình dùng cho đào tạo sau đại học ngành Quản lý giáo dục / Nguyễn Đức Chính, Trần Hữu Hoan, Dương Thị Hoàng Yến... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 247 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 198000đ. - 200b
Thư mục: tr. 193-194. - Phụ lục: tr. 195-247 s616455
809. Quyền và bổn phận của chúng em - Lớp 1 / Lưu Thu Thủy (ch.b.), Trần Thị Tố Oanh. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 32 tr. : ảnh màu, tranh vẽ ; 24 cm. - 28900đ. - 3000b s617319
810. Quyền và bổn phận của chúng em - Lớp 2 / Lưu Thu Thủy (ch.b.), Trần Thị Tố Oanh. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 32 tr. : ảnh màu, tranh vẽ ; 24 cm. - 28900đ. - 3000b s617320
811. Quyền và bổn phận của chúng em - Lớp 3 / Lưu Thu Thủy (ch.b.), Trần Thị Tố Oanh. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 32 tr. : bảng, ảnh màu ; 24 cm. - 28900đ. - 3000b s617321
812. Quyền và bổn phận của chúng em - Lớp 4 / Lưu Thu Thủy (ch.b.), Trần Thị Tố Oanh. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 32 tr. : minh họa ; 24 cm. - 28900đ. - 3000b s617322
813. Quyền và bổn phận của chúng em - Lớp 5 / Lưu Thu Thủy (ch.b.), Trần Thị Tố Oanh. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 32 tr. : minh họa ; 24 cm. - 28900đ. - 3000b s617323
814. Rèn kỹ năng giải Toán lớp 1 : Dùng chung cho các bộ sách giáo khoa hiện hành / Vũ Quốc Chung (ch.b.), Phạm Thị Diệu Thùy. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 108 tr. : minh họa ; 27 cm. - 129000đ. - 3000b s616200
815. Rèn kỹ năng giải Toán lớp 1 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Trần Thị Kim Cương, Đặng Phương Hoa, Phạm Thị Yến. - Tái bản lần 2. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 65000đ. - 3000b
T.2. - 2025. - 135 tr. : tranh màu s616225
816. Rèn kỹ năng giải Toán lớp 2 : Dùng chung cho các bộ sách giáo khoa hiện hành / Vũ Quốc Chung (ch.b.), Phạm Thị Diệu Thùy. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 139 tr. : minh họa ; 27 cm. - 150000đ. - 3000b s616201
817. Rèn kỹ năng giải Toán lớp 3 : Dùng chung cho các bộ sách giáo khoa hiện hành / Vũ Quốc Chung (ch.b.), Phạm Thị Diệu Thùy. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 184 tr. : minh họa ; 27 cm. - 199000đ. - 3000b s616202
818. Rèn kỹ năng an toàn và tự vệ : Dành cho học sinh Tiểu học / Thu Hương s.t., b.s. - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 93 tr. : tranh màu ; 24 cm. - 40000đ. - 5000b s617513

819. Sẵn sàng để đến trường = Getting ready for big kid school : Truyện tranh / Jennifer Moore-Mallinos, Gustavo Mazali ; Khánh Nguyên biên dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 29 tr. : tranh màu ; 23 cm. - (Sách kỹ năng song ngữ cho tuổi mẫu giáo lớn). - 60000đ. - 1500b s617159
820. Siêu trọng tâm lý thuyết và dạng bài lớp 7: Toán, Tiếng Anh và Khoa học tự nhiên : Chương trình mới : Phù hợp cho cả 3 bộ sách: Kết nối tri thức, Chân trời sáng tạo, Cánh Diều. - H. : Lao động, 2025. - 232 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 180000đ. - 20000b s617388
821. Sổ bé ngoan / Vân Trần. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 20 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 7500đ. - 50000b s616615
822. Sổ tay sinh viên khóa 51 / B.s., h.đ.: Huỳnh Văn Sơn, Cao Anh Tuấn, Lâm Thanh Minh... - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 231 tr. : bảng ; 21 cm. - 5300b
ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh s616607
823. Sổ theo dõi sức khỏe học sinh tiểu học / Thanh Tâm. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 39 tr. : bảng ; 21 cm. - 11000đ. - 5000b s616105
824. Sổ theo dõi tài sản lớp mẫu giáo / Nguyễn Thị Thanh Huyền. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 32 tr. : bảng ; 19x27 cm. - 11000đ. - 10000b s616106
825. Tài liệu bổ trợ và nâng cao Tiếng Anh lớp 3 / Trung tâm Ngoại ngữ KASA. - H. : Dân trí. - 27 cm. - 65000đ. - 5000b
T.1. - 2025. - 57 tr. : bảng, tranh vẽ s616318
826. Tài liệu bổ trợ và nâng cao Tiếng Anh lớp 3 / Trung tâm Ngoại ngữ KASA. - H. : Dân trí. - 27 cm. - 65000đ. - 5000b
T.2. - 2025. - 56 tr. : bảng, tranh vẽ s616319
827. Tài liệu bổ trợ và nâng cao Tiếng Anh lớp 4 / Trung tâm Ngoại ngữ KASA. - H. : Dân trí. - 27 cm. - 65000đ. - 5000b
T.1. - 2025. - 58 tr. : bảng, tranh vẽ s616320
828. Tài liệu bổ trợ và nâng cao Tiếng Anh lớp 4 / Trung tâm Ngoại ngữ KASA. - H. : Dân trí. - 27 cm. - 65000đ. - 5000b
T.2. - 2025. - 54 tr. : bảng, tranh vẽ s616321
829. Tài liệu bổ trợ và nâng cao Tiếng Anh lớp 5 / Trung tâm Ngoại ngữ KASA. - H. : Dân trí. - 27 cm. - 65000đ. - 5000b
T.1. - 2025. - 72 tr. : bảng, tranh vẽ s616322
830. Tài liệu bổ trợ và nâng cao Tiếng Anh lớp 5 / Trung tâm Ngoại ngữ KASA. - H. : Dân trí. - 27 cm. - 65000đ. - 5000b
T.2. - 2025. - 74 tr. : bảng, tranh vẽ s616323
831. Take note! Sổ tay kiến thức Tiếng Anh tiểu học : Take note trọng tâm kiến thức tiếng Anh tiểu học... / Bùi Văn Vinh (ch.b.), Thái Văn Anh, Nguyễn Thị Phương Anh. - Tái bản. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 64 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 65000đ. - 10000b s617662
832. Take note! Tiếng Anh lớp 4 / Bùi Văn Vinh, Thái Văn Anh. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 64 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 60000đ. - 10000b s617308
833. Take note! Tiếng Anh lớp 5 / Bùi Văn Vinh, Thái Văn Anh. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 65 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 62000đ. - 10000b s617309
834. Take note! Tiếng Việt 4 : Theo Chương trình Sách giáo khoa mới nhất... / Nguyễn Quốc Khánh. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 70 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 70000đ. - 10000b s616530

835. Take note! Toán 1 : Dùng cho cả 3 bộ sách giáo khoa mới: Cánh Diều - Kết nối tri thức với cuộc sống - Chân trời sáng tạo / Mai Quỳnh (ch.b.), Thanh Lan. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 60 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 60000đ. - 10000b s617598

836. Take note! Toán 2 : Dùng cho cả 3 bộ sách giáo khoa mới: Cánh Diều - Kết nối tri thức với cuộc sống - Chân trời sáng tạo / Mai Quỳnh (ch.b.), Thanh Lan. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 80 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 68000đ. - 10000b s617304

837. Takenote Tiếng Anh tiểu học : Dễ nhớ - Dễ hiểu - Học vui / Dương Hương. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 86 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 62000đ. - 5000b s617310

838. Tăng cường Tin học quốc tế IC3 - GS6 Spark Level 1 : Dành cho lớp 3. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 70 tr. : minh hoạ ; 28 cm. - 72000đ. - 1500b

ĐTTS ghi: IIG Việt Nam s616354

839. Tập tô : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục mầm non mới / Thiên Ân. - Tái bản lần thứ 6. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh. - 24 cm. - (Tủ sách Bé chuẩn bị vào lớp Một). - 10000đ. - 5000b

T.1. - 2025. - 23 tr. : hình vẽ s617563

840. Tập tô : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục mầm non mới / Thiên Ân. - Tái bản lần thứ 6. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh. - 24 cm. - (Tủ sách Bé chuẩn bị vào lớp Một). - 10000đ. - 5000b

T.2. - 2025. - 23 tr. : hình vẽ s617564

841. Tập tô chữ : Mẫu giáo 4 - 5 tuổi / Văn Minh, Cẩm Hoàng. - Tái bản lần thứ 9. - Thanh Hoá : Nxb. Thanh Hoá, 2025. - 31 tr. ; 24 cm. - 12000đ. - 40000b s616678

842. Tập tô chữ : Mẫu giáo 5 - 6 tuổi / Thiện Lộc, Minh Nguyệt. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 23 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 10000đ. - 5000b s617566

843. Tập tô chữ : Mẫu giáo 5 - 6 tuổi / Văn Minh, Hán Minh. - Tái bản lần thứ 9. - Thanh Hoá : Nxb. Thanh Hoá, 2025. - 31 tr. ; 24 cm. - 12000đ. - 40000b s616679

844. Tập tô chữ - Chữ cái viết thường : Dành cho bé chuẩn bị vào lớp 1 / Chính An, Nhóm GV ĐHSPT Ngữ văn. - Tái bản lần 4. - Thanh Hoá : Nxb. Thanh Hoá, 2025. - 23 tr. ; 24 cm. - 10000đ. - 10000b s616682

845. Tập tô chữ - Tập tô nét cơ bản : Dành cho lứa tuổi mẫu giáo / Minh Tâm. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2025. - 23 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 12000đ. - 5000b s617242

846. Tập tô chữ các nét cơ bản : Dành cho bé chuẩn bị vào lớp 1 / Chính An, Nhóm GVĐHSPT Ngữ văn. - Tái bản lần thứ 4. - Thanh Hoá : Nxb. Thanh Hoá, 2025. - 23 tr. ; 24 cm. - (Vui cùng chữ viết - Luyện chữ đẹp, rèn tính nết). - 10000đ. - 10000b s616686

847. Tập tô màu - Chủ đề: Bé làm quen với mặt chữ : Dành cho bé 3 - 4 tuổi / Dương Lan b.s. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - 10000đ. - 10000b

T.1. - 2025. - 15 tr. : hình vẽ s617631

848. Tập tô màu - Chủ đề: Bé làm quen với mặt chữ : Dành cho bé 3 - 4 tuổi / Dương Lan b.s. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - 10000đ. - 10000b

T.2. - 2025. - 15 tr. : hình vẽ s617632

849. Tập tô màu - Chủ đề: Bé làm quen với Toán : Dành cho bé 3 - 4 tuổi / Dương Lan b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 15 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 10000đ. - 10000b s617635

850. Tập tô màu - Chủ đề: Bé nhận biết và so sánh : Dành cho bé 3 - 4 tuổi / Dương Lan b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 15 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 10000đ. - 10000b s617637

851. Tập tô màu - Chủ đề: Đồ dùng học tập : Dành cho bé 3 - 4 tuổi / Dương Lan b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 15 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 10000đ. - 10000b s617636
852. Tập tô mẫu giáo : Dành cho 4 - 5 tuổi / Thiện Lộc, Minh Nguyệt. - Tái bản lần thứ 7. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh. - 24 cm. - 10000đ. - 5000b
T.3: Chữ cái. - 2025. - 23 tr. : hình vẽ s617561
853. Tập tô nét cơ bản / Khánh Huyền. - H. : Văn học, 2025. - 64 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - (Tủ sách Bé vào lớp Một). - 27000đ. - 5000b s616964
854. Tập viết : Luyện viết theo mẫu chữ mới : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục mầm non mới / Thiên Ân. - Tái bản lần thứ 7. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh. - 24 cm. - (Tủ sách Bé chuẩn bị vào lớp Một). - 12000đ. - 5000b
T.1. - 2025. - 23 tr. s617565
855. Tập viết chữ cái : Viết chữ cái từ những nét cơ bản : Dành cho bé 4 - 5 tuổi / Chính An, Nhóm Giáo viên ĐHSP. - Thanh Hoá : Nxb. Thanh Hoá, 2025. - 23 tr. ; 24 cm. - (Chuẩn bị cho bé vào Lớp 1). - 10000đ. - 10000b s616681
856. Tập viết chữ số : Theo mẫu chữ viết cải cách lớp 1 ; Dành cho bé 4 - 5 tuổi / Chính An, Nhóm Giáo viên ĐHSP. - Thanh Hoá : Nxb. Thanh Hoá, 2025. - 23 tr. ; 24 cm. - (Chuẩn bị cho bé vào Lớp 1). - 10000đ. - 10000b s616680
857. Tập viết chữ thường : Theo mẫu chữ viết cải cách lớp 1 ; Dành cho bé 4 - 5 tuổi / Chính An, Nhóm Giáo viên ĐHSP. - Thanh Hoá : Nxb. Thanh Hoá, 2025. - 23 tr. ; 24 cm. - (Chuẩn bị cho bé vào Lớp 1). - 10000đ. - 10000b s616674
858. Tất tần tật mẫu câu & ngữ pháp Tiếng Anh lớp 2 / Hoàng Thị Ngọc Tú. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 63 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 42000đ. - 1200b s617283
859. Thái Hoàng. Hành trang chinh phục cánh cổng đại học / Thái Hoàng. - H. : Lao động, 2025. - 253 tr. ; 21 cm. - 199000đ. - 2000b
Thư mục cuối chính văn s617361
860. Thái Hoàng. Hành trang tân sinh viên ở giảng đường đại học : Tư duy và kỹ năng sống còn dành cho tân sinh viên gen Z ở đại học / Thái Hoàng. - H. : Lao động, 2025. - 223 tr. ; 21 cm. - 198000đ. - 2000b s617362
861. Theo dõi sức khỏe của trẻ : Trẻ từ sơ sinh đến 78 tháng tuổi / Vân Trần. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 32 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 10500đ. - 45000b s616614
862. Thịnh Trần. Lạc mình trong những giấc mơ giữa hai múi giờ : Một cuốn sách viết cho những ai từng thấy mình không thuộc về - giữa hành trình du học - đi, ở và trở lại / Thịnh Trần. - H. : Thế giới, 2025. - 203 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 168000đ. - 500b
Tên thật tác giả: Mai Phúc Thịnh s617103
863. Thu Giang Nguyễn Duy Cần. Tôi tự học / Thu Giang Nguyễn Duy Cần. - In lần thứ 31. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 367 tr. ; 19 cm. - 120000đ. - 3000b
Tên thật tác giả: Nguyễn Duy Cần. - Phụ lục: tr. 321-362. - Thư mục: tr. 363-367 s616728
864. Tiếng Anh 1 - Explore our world : Sách đã được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông tại Quyết định số 709/QĐ-BGDĐT ngày 09/02/2021 : Sách học sinh / Nguyễn Quốc Hùng (ch.b.), Đỗ Thị Kim Thanh. - Tái bản lần thứ 5. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 46 tr. : minh hoạ ; 26 cm. - 51400đ. - 6500b s616385

865. Tiếng Trung Quốc 4 : Vở bài tập / Quách Huệ Trân (ch.b.), Lê Thị Ngọc Hoa, Nguyễn Quốc Cường, Hà Duy Lộc. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh. - 28 cm. - 58000đ. - 2000b
T.1. - 2025. - 67 tr. : minh họa s616373
866. Tiếng Trung Quốc 4 : Vở bài tập / Quách Huệ Trân (ch.b.), Lê Thị Ngọc Hoa, Nguyễn Quốc Cường, Hà Duy Lộc. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh. - 28 cm. - 58000đ. - 2000b
T.2. - 2025. - 83 tr. : bảng, tranh vẽ s616374
867. Tiếng Trung Quốc 5 : Vở bài tập / Quách Huệ Trân (ch.b.), Lê Thị Ngọc Hoa, Nguyễn Quốc Cường, Hà Duy Lộc. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh. - 28 cm. - 78000đ. - 2000b
T.1. - 2025. - 80 tr. : bảng, tranh vẽ s616375
868. Tiếng Trung Quốc 5 : Vở bài tập / Quách Huệ Trân (ch.b.), Lê Thị Ngọc Hoa, Nguyễn Quốc Cường, Hà Duy Lộc. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh. - 28 cm. - 78000đ. - 2000b
T.2. - 2025. - 100 tr. : bảng, tranh vẽ s616376
869. Tiếng Việt 4 / Trần Thị Hiền Lương (ch.b.), Đặng Thị Lanh, Đặng Thị Lê Tâm. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 120 tr. : bảng, tranh vẽ ; 15x24 cm. - 40000đ. - 5000b s616081
870. Tiêu Minh Sơn. Quản lý hoạt động trải nghiệm cho học sinh tiểu học : Lý luận, thực trạng và biện pháp (Nghiên cứu trường hợp thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu) / Tiêu Minh Sơn, Nguyễn Hồng Phan. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 315 tr. : minh họa ; 24 cm. - 190000đ. - 300b
Thư mục: tr. 159-168. - Phụ lục: tr. 169-315 s617164
871. Toán lớp 1 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới, định hướng phát triển năng lực / Thùy Dương. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 95 tr. : minh họa ; 24 cm. - 40000đ. - 5000b s617433
872. Tô màu làm quen với chữ / Thiện Lộc, Minh Nguyệt. - Tái bản lần thứ 6. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh. - 24 cm. - 10000đ. - 5000b
T.1. - 2025. - 23 tr. : tranh vẽ s617175
873. Trần Thị Kim Oanh. Giáo trình Ứng dụng ICT trong giáo dục : Dành cho đào tạo cử nhân các ngành sư phạm / Trần Thị Kim Oanh (ch.b.), Nguyễn Bùi Hậu. - Nghệ An : Đại học Vinh, 2025. - 295 tr. : minh họa ; 27 cm. - 135000đ. - 250b
Phụ lục: tr. 277-291. - Thư mục: tr. 292-295 s616236
874. Trịnh Thị Hương. Giáo trình Phương pháp dạy học Tiếng Việt tiểu học / Trịnh Thị Hương (ch.b.), Nguyễn Thị Linh, Lữ Hùng Minh. - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2025. - 210 tr. : minh họa ; 24 cm. - 80000đ. - 500b
Thư mục cuối mỗi chương s616631
875. Trường THCS Huỳnh Bá Chánh - 50 năm xây dựng và phát triển (1975 - 2025) : Kỷ niệm 50 năm thành lập trường cấp 2 (THCS) Hòa Hải - Trường THCS Huỳnh Bá Chánh / Nguyễn Hòa, Đặng Phước Trường, Chung Văn Hùng... - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2025. - 135 tr. : ảnh, bảng ; 24 cm. - 410b s617579
876. Tuyển chọn 400 bài tập nâng cao Toán 4 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới... / Vũ Văn Tám. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 103 tr. : minh họa ; 27 cm. - 90000đ. - 1500b s616192

877. Tuyển chọn 400 bài tập nâng cao Toán 5 : Biên soạn theo Chương trình giáo dục phổ thông mới... / Vũ Văn Tám. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 147 tr. : minh họa ; 27 cm. - 125000đ. - 1500b s616193
878. Võ Thị Xuân Trang. Chỉ cần bạn có niềm tin : Tự truyện / Võ Thị Xuân Trang. - H. : Công Thương, 2025. - 405 tr. : ảnh ; 24 cm. - 279000đ. - 3000b s616415
879. Vở luyện viết chữ hoa : Dành cho học sinh tiểu học / Vũ Ngọc Hân. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 52 tr. ; 24 cm. - 50000đ. - 5000b s617340
880. Vở ô ly tập tô - Các nét cơ bản : Dành cho bé chuẩn bị vào lớp 1 / Chính An, Nhóm GV ĐHSP Ngữ văn. - Tái bản lần thứ 8. - Thanh Hoá : Nxb. Thanh Hoá, 2025. - 32 tr. ; 24 cm. - 12500đ. - 10000b s616670
881. Vở ô ly tập tô chữ - Chữ cái viết hoa : Dành cho bé chuẩn bị vào lớp 1 / Chính An, Nhóm GV ĐHSP Ngữ văn. - Tái bản lần thứ 8. - Thanh Hoá : Nxb. Thanh Hoá, 2025. - 32 tr. ; 24 cm. - 12500đ. - 10000b s616683
882. Vở ô ly tập tô chữ - Chữ cái viết thường : Dành cho bé chuẩn bị vào lớp 1 / Chính An, Nhóm GV ĐHSP Ngữ văn. - Tái bản lần thứ 8. - Thanh Hoá : Nxb. Thanh Hoá, 2025. - 31 tr. ; 24 cm. - 12500đ. - 10000b s616671
883. Vở tập tô chữ cái viết hoa / Trần An. - Tái bản lần 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 32 tr. ; 24 cm. - (Bé chuẩn bị vào Lớp 1). - 12000đ. - 3000b s617418
884. Vở tập tô chữ số : Dành cho trẻ mẫu giáo / Lê Hồng Đăng, Lê Thị Ngọc Ánh. - In lần thứ 15. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 23 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - (Mai em vào Lớp 1). - 15000đ. - 10000b s616538
885. Vở tập viết chữ cái viết hoa / Chính An, Nhóm Giáo viên ĐHSP. - Tái bản. - Thanh Hoá : Nxb. Thanh Hoá, 2025. - 31 tr. ; 24 cm. - (Bé chuẩn bị vào Lớp 1). - 12000đ. - 10000b s616676
886. Vở tập viết chữ cái viết thường / Chính An, Nhóm Giáo viên ĐHSP. - Tái bản. - Thanh Hoá : Nxb. Thanh Hoá, 2025. - 31 tr. ; 24 cm. - (Bé chuẩn bị vào Lớp 1). - 12000đ. - 10000b s616675
887. Vở tập viết chữ số / Chính An, Nhóm Giáo viên ĐHSP. - Tái bản. - Thanh Hoá : Nxb. Thanh Hoá, 2025. - 31 tr. ; 24 cm. - (Bé chuẩn bị vào Lớp 1). - 12000đ. - 10000b s616673
888. Vở tập viết nét cơ bản / Chính An, Nhóm Giáo viên ĐHSP. - Tái bản. - Thanh Hoá : Nxb. Thanh Hoá, 2025. - 31 tr. ; 24 cm. - (Bé chuẩn bị vào Lớp 1). - 12000đ. - 10000b s616672
889. Vở thực hành luyện viết đúng, viết đẹp lớp 1 / Thùy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 16000đ. - 5000b
T.1. - 2025. - 44 tr. s617330
890. Vở thực hành luyện viết đúng, viết đẹp lớp 1 / Thùy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 16000đ. - 5000b
T.2. - 2025. - 48 tr. s617331
891. Vở thực hành luyện viết đúng, viết đẹp lớp 2 / Thùy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 16000đ. - 5000b
T.1. - 2025. - 36 tr. s617332
892. Vở thực hành luyện viết đúng, viết đẹp lớp 2 / Thùy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 16000đ. - 5000b
T.2. - 2025. - 32 tr. s617333

893. Vở thực hành luyện viết đúng, viết đẹp lớp 3 / Thùy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 16000đ. - 5000b
T.1. - 2025. - 32 tr. s617334
894. Vở thực hành luyện viết đúng, viết đẹp lớp 3 / Thùy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 16000đ. - 5000b
T.2. - 2025. - 32 tr. s617335
895. Vở thực hành luyện viết đúng, viết đẹp lớp 4 / Thùy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 16000đ. - 5000b
T.1. - 2025. - 32 tr. s617336
896. Vở thực hành luyện viết đúng, viết đẹp lớp 4 / Thùy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 16000đ. - 5000b
T.2. - 2025. - 32 tr. s617337
897. Vở thực hành luyện viết đúng, viết đẹp lớp 5 / Thùy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 16000đ. - 5000b
T.1. - 2025. - 32 tr. s617338
898. Vở thực hành luyện viết đúng, viết đẹp lớp 5 / Thùy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 16000đ. - 5000b
T.2. - 2025. - 32 tr. s617339
899. Vũ Thị Vân. Tâm lý giáo dục / Vũ Thị Vân. - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 126 tr. ; 24 cm. - 135000đ. - 200b
Thư mục: tr. 123 s616523
900. Wallace, Jennifer Breheny. Gen Alpha và áp lực thành tích : Góc nhìn tâm lý về kỳ vọng của cha mẹ tác động đến con cái... / Jennifer Breheny Wallace ; Lê Thanh Sơn dịch. - H. : Công Thương, 2025. - 350 tr. : bảng ; 21 cm. - 189000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Anh: Never enough : When achievement culture becomes toxic-and what we can do about it s616430
901. Xiu Ying Wei. Harvard bốn rưỡi sáng : Bí kíp thành công của Harvard dành cho bạn trẻ / Xiu Ying Wei ; Phan Thu Vân dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 432 tr. ; 21 cm. - 139000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Anh: Harvard's 4:30 A.M s617140

THƯƠNG MẠI, CÁC PHƯƠNG TIỆN TRUYỀN THÔNG VÀ GIAO THÔNG VẬN TẢI

902. Báo cáo đào tạo logistics và quản lý chuỗi cung ứng Việt Nam năm 2024. - H. : Công Thương, 2025. - 106 tr. : minh họa ; 27 cm. - 300b
ĐTTS ghi: Hiệp hội Phát triển nhân lực Logistics Việt Nam. - Phụ lục: tr. 99-103. - Thư mục: tr. 104-106 s616367
903. Kỳ yếu Hội thảo khoa học: Thúc đẩy hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa: Kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam / Đinh Thị Bảo Linh, Trần Thị Diễm Trinh, Nguyễn Thị Ly Ly... - H. : Lao động, 2025. - 303 tr. : minh họa ; 30 cm. - 1000b
ĐTTS ghi: Trường Đại học Ngoại Thương. - Thư mục cuối mỗi bài s616140
904. Nguyễn Giác Trí. Giáo trình Marketing căn bản / Nguyễn Giác Trí (ch.b.), Huỳnh Quốc Tuấn, Lê Văn Tuấn. - H. : Tài chính, 2025. - 269 tr. : minh họa ; 24 cm. - 89000đ. - 1500b
ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Đồng Tháp. - Thư mục: tr. 267-269 s617194

905. Nguyễn Thanh Tùng. Giáo trình Vận tải và bảo hiểm hàng hóa ngoại thương = Cargo transport and insurance in foreign trade / B.s.: Nguyễn Thanh Hùng (ch.b.), Nguyễn Thị Cẩm Loan. - H. : Tài chính, 2025. - 668 tr. : minh họa ; 24 cm. - 209000đ. - 500b
ĐTTS ghi: Bộ Tài chính. Trường Đại học Tài chính - Marketing. - Thư mục cuối mỗi chương s617182

PHONG TỤC, NGHI LỄ VÀ VĂN HOÁ DÂN GIAN

906. Aladanh và cây đèn thần : Truyện tranh / Trí Việt b.s. - H. : Văn học, 2025. - 31 tr. : tranh màu ; 25 cm. - (Truyện cổ tích kinh điển thế giới hay nhất). - 24000đ. - 3000b s616934

907. Alibaba và 40 tên cướp : Truyện tranh / Trí Việt b.s. - H. : Văn học, 2025. - 31 tr. : tranh màu ; 25 cm. - (Truyện cổ tích kinh điển thế giới hay nhất). - 24000đ. - 5000b s616933

908. Andersen, Hans Christian. Truyện cổ Andersen : Truyện cổ tích / Kể: Anna Milbourne... ; Minh họa: Fran Parreño ; Linh Chi dịch. - In lần thứ 6. - H. : Văn học, 2025. - 278 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Illustrated Classics). - 168000đ. - 1000b
Tên sách tiếng Anh: Illustrated Hans Christian Andersen's Fairy Tales s616904

909. Ba chú heo con : Truyện tranh / Trí Việt b.s. - H. : Văn học, 2025. - 31 tr. : tranh màu ; 25 cm. - (Truyện cổ tích kinh điển thế giới hay nhất). - 24000đ. - 5000b s616935

910. Câu đố về các loài thực vật / Nguyễn Văn s.t., tuyển chọn. - H. : Văn học, 2025. - 115 tr. : tranh vẽ ; 20 cm. - 45000đ. - 1000b
Thư mục: tr. 114 s616953

911. Câu đố Việt Nam / Ngọc Hà tuyển chọn. - Tái bản lần thứ 7. - H. : Văn học, 2025. - 234 tr. : tranh vẽ ; 18 cm. - 58000đ. - 3000b
Phụ lục: tr. 216-234 s616981

912. Cô bé bán diêm : Truyện tranh / Trí Việt b.s. - H. : Văn học, 2025. - 31 tr. : tranh màu ; 25 cm. - (Truyện cổ tích kinh điển thế giới hay nhất). - 24000đ. - 5000b s616929

913. Cô bé Lọ Lem : Truyện tranh / Trí Việt b.s. - H. : Văn học, 2025. - 31 tr. : tranh màu ; 25 cm. - (Truyện cổ tích kinh điển thế giới hay nhất). - 24000đ. - 5000b s616927

914. Cô bé quàng khăn đỏ : Truyện tranh / Trí Việt b.s. - H. : Văn học, 2025. - 31 tr. : tranh màu ; 25 cm. - (Truyện cổ tích kinh điển thế giới hay nhất). - 24000đ. - 5000b s616932

915. Cô gái tóc mây : Truyện tranh / Trí Việt b.s. - H. : Văn học, 2025. - 31 tr. : tranh màu ; 25 cm. - (Truyện cổ tích kinh điển thế giới hay nhất). - 24000đ. - 5000b s616926

916. Di sản văn hoá phi vật thể tỉnh Thanh Hoá : Đã được đưa vào Danh mục di sản văn hoá phi vật thể quốc gia / Lê Ngọc Hà, Nguyễn Thị Khuyến, Nguyễn Thị Hải An... - Thanh Hoá : Nxb. Thanh Hoá. - 24 cm. - 265b

ĐTTS ghi: Trung tâm Nghiên cứu Lịch sử và Bảo tồn Di sản Văn hóa Thanh Hóa
T.1. - 2025. - 623 tr., 6 tr. ảnh màu. - Thư mục cuối mỗi bài s616688

917. Đỗ Hồng Kỳ. Vai trò của văn hóa nghệ thuật cổ truyền Tây Nguyên trong phát triển bền vững : Nghiên cứu / Đỗ Hồng Kỳ. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 287 tr. ; 21 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam. - Thư mục: tr. 279-283 s616850

918. Hoàng Tuấn Cư. Lễ hội truyền thống dân tộc Tày ở Lạng Sơn / Hoàng Tuấn Cư, Đỗ Trí Tú. - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 296 tr. : ảnh ; 21 cm. - 2000b
Thư mục: tr. 295-296 s617507

919. Hoàng Tuấn Cư. Văn hoá truyền thống của người Cơ-ho / Hoàng Tuấn Cư, Hoàng Kim Ngọc. - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 251 tr. : ảnh ; 21 cm. - 2000b
Phụ lục: tr. 236-242. - Thư mục: tr. 243-248 s617505
920. Hoàng tử Éch : Truyện tranh / Trí Việt b.s. - H. : Văn học, 2025. - 31 tr. : tranh màu ; 25 cm. - (Truyện cổ tích kinh điển thế giới hay nhất). - 24000đ. - 3000b s616925
921. Illustrated classics - Kho tàng truyện cổ tích thế giới / Thu Trang dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 351 tr. : tranh vẽ ; 19 cm. - (Truyện kinh điển minh hoạ bằng tranh). - 199000đ. - 1000b
Tên sách tiếng Anh: Illustrated fairy tales s617345
922. Nàng Bạch Tuyết và bảy chú lùn : Truyện tranh / Trí Việt b.s. - H. : Văn học, 2025. - 31 tr. : tranh màu ; 25 cm. - (Truyện cổ tích kinh điển thế giới hay nhất). - 24000đ. - 5000b s616928
923. Nàng công chúa ngủ trong rừng : Truyện tranh / Trí Việt b.s. - H. : Văn học, 2025. - 31 tr. : tranh màu ; 25 cm. - (Truyện cổ tích kinh điển thế giới hay nhất). - 24000đ. - 5000b s616930
924. Nàng Tiên cá : Truyện tranh / Trí Việt b.s. - H. : Văn học, 2025. - 31 tr. : tranh màu ; 25 cm. - (Truyện cổ tích kinh điển thế giới hay nhất). - 24000đ. - 5000b s616939
925. Nghi lễ và dân ca nghi lễ của người Dao ở Việt Nam : Thuộc Dự án: "Bảo tồn nghi lễ và dân ca nghi lễ của người Dao ở Việt Nam" do Quỹ Đổi mới Sáng tạo Vingroup, Viện Nghiên cứu Dữ liệu lớn tài trợ / Trần Hữu Sơn, Đặng Thị Oanh, Nguyễn Văn Thắng... - H. : Hồng Đức. - 27 cm. - 60b
T.1. - 2025. - 526 tr. : minh họa. - Phụ lục ảnh: tr. 495-504. - Thư mục: tr. 505-521 s616260
926. Nghi lễ và dân ca nghi lễ của người Dao ở Việt Nam : Thuộc Dự án: "Bảo tồn nghi lễ và dân ca nghi lễ của người Dao ở Việt Nam" do Quỹ Đổi mới Sáng tạo Vingroup, Viện Nghiên cứu Dữ liệu lớn tài trợ / Trần Hữu Sơn, Đặng Thị Oanh, Nguyễn Văn Thắng, Hoàng Thị Thu Hương ; S.t., dịch thuật: Hoàng Sĩ Lực... - H. : Hồng Đức. - 27 cm. - 60b
T.2. - 2025. - 958 tr. : tranh vẽ. - Thư mục: tr. 955-956 s616261
927. Ngọc Ánh. 100 truyện cổ tích Việt Nam : Tuyển tập những truyện cổ tích, những truyền thuyết, truyền kì Việt Nam hay nhất / Ngọc Ánh b.s. - H. : Văn học, 2025. - 383 tr. ; 21 cm. - (Tủ sách Thiếu nhi). - 105000đ. - 2000b s616871
928. Ông lão đánh cá và con cá vàng : Truyện tranh / Trí Việt b.s. - H. : Văn học, 2025. - 31 tr. : tranh màu ; 25 cm. - (Truyện cổ tích kinh điển thế giới hay nhất). - 24000đ. - 5000b s616937
929. Pinocchio chú bé người gỗ : Truyện tranh / Trí Việt b.s. - H. : Văn học, 2025. - 31 tr. : tranh màu ; 25 cm. - (Truyện cổ tích kinh điển thế giới hay nhất). - 24000đ. - 3000b s616936
930. Sáng chế truyền thống trong lễ hội ở một làng miền Bắc đương đại : Sách chuyên khảo / Nguyễn Giáo (ch.b.), Lê Thị Thùy Ly, Nguyễn Thị Tô Hoài... - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 199 tr. ; 21 cm. - 88000đ. - 200b
ĐTTS ghi: Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Viện Nghiên cứu Văn hóa. - Thư mục: tr. 176-199 s616515
931. Sói xám và bảy chú cừu / Trí Việt b.s. - H. : Văn học, 2025. - 31 tr. : tranh màu ; 25 cm. - (Truyện cổ tích kinh điển thế giới hay nhất). - 24000đ. - 5000b s616938
932. Sự tích chim tu hú / Tranh, lời: Ngọc Linh. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2025. - 12 tr. : tranh màu ; 27 cm. - (Truyện cổ tích Việt Nam). - 15000đ. - 5000b s616272

933. Thần thoại Hy Lạp / Nguyễn Văn Khoa dịch, giới thiệu. - Tái bản lần 4. - H. : Văn học, 2025. - 709 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 295000đ. - 1000b s617036
934. Thu Hương. Truyện kể đặc sắc - Lí giải thành ngữ / Thu Hương s.t., b.s. - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 94 tr. : tranh màu ; 24 cm. - 40000đ. - 5000b s617512
935. Tolstoy, Lev. Kiến và chim bồ câu : Truyện ngụ ngôn / Lev Tolstoy ; Nguyễn Sỹ Hưng dịch ; Minh họa: Quyên Thái. - H. : Văn học, 2025. - 159 tr. : tranh màu ; 22 cm. - 139000đ. - 2000b s617671
936. Tổng Đại Hồng. Dân ca Tày cổ = 民歌儕古 : Dân ca / Tổng Đại Hồng. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 543 tr. ; 21 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam. - Thư mục: tr. 534-541 s616860
937. Trần Thế Pháp. Lĩnh Nam chích quái / Trần Thế Pháp ; Minh họa: Tạ Huy Long ; Dịch: Đinh Gia Khánh, Nguyễn Ngọc San. - Tái bản lần thứ 8. - H. : Kim Đồng, 2025. - 256 tr. : tranh màu ; 32 cm. - 350000đ. - 2000b
Phụ lục: tr. 196-255 s616298
938. Trần Văn An. Khởi nguồn di sản : Sưu tầm, khảo cứu văn hóa văn nghệ dân gian Quảng Nam / Trần Văn An. - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2025. - 325 tr. : ảnh, bảng ; 24 cm. - 100b
Thư mục trong chính văn s617596
939. Tuyển tập truyện cổ tích Việt Nam : Dành cho thiếu nhi / Hà Minh tuyển chọn. - Tái bản lần 8. - H. : Văn học, 2025. - 199 tr. : tranh màu ; 27 cm. - 125000đ. - 3000b s617038
940. Tuyển tập văn học dân gian các dân tộc thiểu số thành phố Huế / S.t., b.s.: Nguyễn Thị Sửu (ch.b.), Hồ Đăng Thanh Ngọc, Hồ Thị Tư, Trần Nguyễn Khánh Phong. - Huế : Nxb. Thuận Hoá, 2025. - 240 : tranh màu ; 24 cm. - 300b
ĐTTS ghi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Huế. Chi hội Văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam thành phố Huế s616481
941. Vịt con xấu xí : Truyện tranh / Trí Việt b.s. - H. : Văn học, 2025. - 31 tr. : tranh màu ; 25 cm. - (Truyện cổ tích kinh điển thế giới hay nhất). - 24000đ. - 5000b s616931
942. Vũ Ngọc Phan. Tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam / Vũ Ngọc Phan. - Tái bản. - H. : Văn học, 2025. - 711 tr. ; 21 cm. - 140000đ. - 1000b
Thư mục: tr. 705-708 s617023
943. Vũ Ngọc Phan. Tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam / Vũ Ngọc Phan. - Tái bản. - H. : Văn học, 2025. - 711 tr. ; 21 cm. - (Danh tác văn học Việt Nam). - 110000đ. - 1000b
Thư mục: tr. 705-708 s617022
944. Vương Toàn. Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa phi vật thể trong vùng Công viên địa chất Lạng Sơn / Vương Toàn, Nguyễn Phúc Hà. - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 296 tr. : ảnh, bảng ; 21 cm. - 2000b s617511
945. Vương Toàn. Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa phi vật thể trong vùng Công viên địa chất Lạng Sơn / Vương Toàn, Nguyễn Phúc Hà. - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 296 tr. : ảnh, bảng ; 21 cm. - 180000đ. - 300b s617510
946. Wilkinson, Philip. Thần thoại và truyền thuyết : Giải thích nguồn gốc và ý nghĩa / Philip Wilkinson ; Hồ Hồng Đăng dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 352 tr. : minh họa ; 24 cm. - 485000đ. - 2500b

Tên sách tiếng Anh: Myths & legends: An illustrated guide to their origins and meanings
s617134

NGÔN NGỮ

947. Achan Phuong. Từ vựng mẫu câu thực chiến song ngữ Việt - Lào / Achan Phuong. - H. : Lao động, 2025. - 191 tr. : bảng, tranh vẽ ; 21 cm. - 155000đ. - 500b s617376

948. Adler, Mortimer J. Phương pháp đọc sách hiệu quả = How to read a book : Tác phẩm kinh điển về cách đọc sách thông minh / Mortimer J. Adler, Charles Van Doren ; Hải Nhi dịch. - Tái bản lần thứ 7. - H. : Thế giới, 2025. - 379 tr. ; 21 cm. - 179000đ. - 3000b s616659

949. Bài giảng Tiếng Anh cơ bản : Dùng cho sinh viên Trường Cao đẳng nghề Bách khoa Hà Nội / Lê Thị Tuyết Ngọc, Trần Thị Oanh, Phạm Phương Thảo, Nguyễn Thị Phương Dung. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 191 tr. : minh họa ; 27 cm. - 60000đ. - 2500b
Thư mục: tr. 5 s616171

950. Bài tập bổ trợ toàn diện Tiếng Anh 6 : Người bạn đồng hành của các em học sinh : Theo chương trình Global Success / Bùi Trí Vũ Nam, Thái Thành Nhân (ch.b.), Trần Nguyễn Thanh Thanh... - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 163 tr. ; 27 cm. - 120000đ. - 10000b s616308

951. Bài tập Tiếng Anh 11 : Không đáp án : Biên soạn theo bộ sách Global Success / Lưu Hoàng Trí. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 279 tr. : ảnh ; 27 cm. - 165000đ. - 1000b s616223

952. Bùi Việt Thành. IELTS writing journey: Elevate to band 8.0 : Hướng dẫn 4T: Tự học - Tự luyện - Tự đánh giá - Tự nâng band / Bùi Việt Thành. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Thế giới, 2025. - 259 tr. : minh họa ; 27 cm. - 239000đ. - 3000b s616158

953. Cẩm nang luyện thi năng lực tiếng Hàn TOPIK I : Basic / Trung tâm Hàn ngữ Seoul ; Lý Kính Hiền dịch. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 169 tr. : hình vẽ, bảng ; 26 cm. - 178000đ. - 1000b
Tên sách tiếng Anh: Complete guide to the TOPIK I basic - New TOPIK s617567

954. Chi Mai. Ngữ pháp Tiếng Anh căn bản / Chi Mai. - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 64 tr. : minh họa ; 26 cm. - 45000đ. - 5000b s617529

955. Cùng cố và ôn luyện Tiếng Anh 6 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới - Global Success / Louis Phan. - H. : Thế giới, 2025. - 126 tr. : minh họa ; 29 cm. - 108000đ. - 5000b s616156

956. Đinh Bích Thảo. Tập viết chữ Hán : Theo giáo trình Hán ngữ Boya sơ cấp 1 / Ch.b.: Đinh Bích Thảo, Nguyễn Thị Thanh Lan. - H. : Hồng Đức, 2025. - 167 tr. : bảng ; 27 cm. - 108000đ. - 2000b s616242

957. Đoàn Thị Dung. Phát triển kỹ năng nói tiếng Anh theo chủ đề : Trình độ tiền trung cấp = Developing topic-based English speaking skills : Pre-intermediate level / Đoàn Thị Dung. - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 226 tr. : minh họa ; 24 cm. - 158000đ. - 200b
Thư mục: tr. 223 s616522

958. Giải thích ngữ pháp tiếng Anh : Ấn phẩm mới / Lighthouse Writers. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Thế giới, 2025. - 383 tr. : minh họa ; 27 cm. - 190000đ. - 10000b s616157

959. Giáo trình Nội bộ tiếng Trung Quốc tổng hợp 1 = 汉语综合教程 1 / Phạm Thị Chuẩn (ch.b.), Từ Bích Diệp, Nguyễn Thị Quỳnh Hoa... - H. : Tài chính, 2023. - 162 tr. : hình vẽ, bảng ; 30 cm. - 74250đ. - 100b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Mở Hà Nội s616183

960. Giáo trình Phát triển Hán ngữ - Nghe trung cấp 1 = 发展汉语中级听力 (I) / Biên dịch: Trần Thị Thanh Liêm... - H. : Hồng Đức, 2025. - 138 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 139000đ. - 2000b

ĐTTS ghi: Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh s616231

961. Giáo trình Phát triển Hán ngữ - Nghe trung cấp 2 = 发展汉语中级听力(II) / Biên dịch: Trần Thị Thanh Liêm... - H. : Hồng Đức, 2025. - 149 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 149000đ. - 2000b

ĐTTS ghi: Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh s616232

962. Giáo trình Phát triển Hán ngữ - Tổng hợp sơ cấp 1 = 发展汉语初级综合 (I) / Dịch: Trần Thị Thanh Liêm... - H. : Hồng Đức. - 27 cm. - 189000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh

T.2. - 2025. - 243 tr. : minh họa s616237

963. Giáo trình Phát triển Hán ngữ - Tổng hợp trung cấp 2 = 发展汉语中级综合 (II) / Biên dịch: Trần Thị Thanh Liêm... - H. : Hồng Đức, 2025. - 268 tr. : ảnh ; 27 cm. - 238000đ. - 2000b

ĐTTS ghi: Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh s616235

964. Giáo trình Phát triển Hán ngữ - Viết trung cấp 2 = 中级写作 (II) / Biên dịch: Trần Thị Thanh Liêm... - H. : Hồng Đức, 2025. - 193 tr. : bảng, tranh vẽ ; 27 cm. - 199000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh s616234

965. Giáo trình Phát triển Hán ngữ: Nói - Giao tiếp trung cấp 2 = 发展汉语中级口语 (II) / Dịch: Trần Thị Thanh Liêm... - H. : Hồng Đức, 2025. - 214 tr. : ảnh ; 27 cm. - 199000đ. - 2000b

ĐTTS ghi: Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh s616233

966. Giáo trình Tiếng Trung = 中文教程. - H. : Thế giới. - 29 cm. - 169000đ. - 2000b

ĐTTS ghi: Trung tâm Ngoại ngữ Hana

Q.1. - 2025. - 110 tr. : minh họa s616159

967. Giáo trình Tiếng Trung = 中文教程. - H. : Thế giới. - 29 cm. - 169000đ. - 2000b

ĐTTS ghi: Trung tâm Ngoại ngữ Hana

Q.3. - 2025. - 118 tr. : minh họa s616160

968. Giáo trình Tiếng Trung tổng hợp trình độ trung cấp = 中级中文综合教程 / B.s.: Trương Hạo (tổng ch.b.), Cường Tinh Na (ch.b.), Lưu Tuệ Quyên... ; Nguyễn Thị Minh Hồng dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh. - 29 cm. - 320000đ. - 2000b

T.1. - 2025. - 235 tr. : minh họa s616348

969. Giáo trình Tiếng Trung tổng hợp trình độ trung cấp = 中级中文综合教程 / B.s.: Trương Hạo (tổng ch.b.), Cường Tinh Na (ch.b.), Lưu Tuệ Quyên... ; Nguyễn Thị Minh Hồng dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh. - 29 cm. - 360000đ. - 2000b

T.2. - 2025. - 269 tr. : minh họa s616349

970. H Za Wut Buôn Yă. Từ vựng tiếng Êđê theo chủ đề & ví dụ thực tế : Song ngữ Êđê - Việt / H Za Wut Buôn Yă. - H. : Lao động, 2025. - 147 tr. : bảng, tranh vẽ ; 21 cm. - 12000đ. - 500b s617373

971. Học tiếng Anh qua môn Khoa học tự nhiên 9 = Let's explore English in Sciences 9 / Lê Hải Mỹ Ngân (ch.b.), Nguyễn Thị Kim Ánh, Trương Nguyễn Lan Chi... - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 64 tr. : minh họa ; 27 cm. - 75000đ. - 2000b s616300

972. Jeong Eui Sang. Keep it up! - Tiếng Nhật cấp tốc cho người mới bắt đầu / Jeong Eui Sang ; Phạm Thị Huyền dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 239 tr. : minh họa ; 26 cm. - 189000đ. - 1000b s617284

973. Jeong Eui Sang. Keep it up! Tập viết tiếng Nhật theo bảng chữ cái Hiragana / Jeong Eui Sang ; Nguyễn Thị Thu dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 67 tr. ; 26 cm. - 59000đ. - 2500b s617285

974. Jeong Myeong Suk. Keep it up - Tập viết chữ Hán học tiếng Trung cho người mới bắt đầu / Jeong Myeong Suk ; Nguyễn Thị Thu dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 67 tr. : bảng, tranh vẽ ; 26 cm. - 59000đ. - 2700b s617286

975. John Chung. All that IELTS : Trợ thủ giúp giảm nỗi lo trong phòng thi / John Chung ; Tô Hà Thanh Phương dịch. - Tái bản. - H. : Thế giới, 2025. - 403 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - (Tủ sách Gamma Test-prep). - 279000đ. - 1500b
Tên sách tiếng Anh: All that IELTS speed up s617146

976. Kenji Shimizu. Nghiên "từ vựng" tiếng Anh : Học qua gốc từ bằng hình ảnh. Gốc từ là bí quyết để ghi nhớ hàng nghìn từ vựng / Kenji Shimizu, Suzuki Hiroshi ; Phạm Ngọc Phương dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 20 cm. - 135000đ. - 3000b
Q.1. - 2025. - 287 tr. : tranh vẽ s617246

977. Kenji Shimizu. Nghiên "từ vựng" tiếng Anh : Học qua gốc từ bằng hình ảnh. Gốc từ là bí quyết để ghi nhớ hàng nghìn từ vựng / Kenji Shimizu, Suzuki Hiroshi ; Đặng Thanh Vân dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 20 cm. - 135000đ. - 2800b
Q.2. - 2025. - 318 tr. : tranh vẽ s617247

978. Khâu Luật Thương. Học nhanh 600++ từ vựng tiếng Anh bằng sơ đồ tư duy : 62 chủ đề đa dạng, từ vựng phong phú... : Dành cho trẻ em từ 6 tuổi trở lên / Khâu Luật Thương ; Thu Trang dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 231 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Cùng con trưởng thành). - 138000đ. - 1000b s617355

979. Lưu Ngọc Nam. VSTEP - Chinh phục kỹ năng nói bậc B1, B2+ : Tuyển tập các câu trả lời mẫu speaking bậc năng lực B1, B2+ / Lưu Ngọc Nam. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 111 tr. ; 24 cm. - (Tủ sách Chinh phục VSTEP mỗi ngày). - 68000đ. - 2300b s617282

980. Lý Hiểu Kỳ. Giáo trình Hán ngữ Boya - Sơ cấp = 博雅汉语. 初级起步篇 : Sách bài tập kèm đáp án / Ch.b.: Lý Hiểu Kỳ, Nhậm Tuyết Mai, Từ Tinh Ngung. - H. : Hồng Đức. - 27 cm. - 89000đ. - 2000b
T.2. - 2025. - 73 tr. : hình vẽ, bảng s616250

981. Lý Hiểu Kỳ. Giáo trình Hán ngữ Boya - Trung cấp 1 : Phiên bản thứ hai = 博雅汉语 . 准中级加速篇 1 : 第二版 / Lý Hiểu Kỳ, Hoàng Lập, Tiền Húc Tinh. - H. : Hồng Đức. - 27 cm. - 218000đ. - 2000b
T.2. - 2025. - 263 tr. : minh họa s616248

982. 1000 từ tiếng Anh đầu tiên = My first 1000 words : Từ điển Anh - Việt bằng hình / ABBooks Kid. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 56 tr. : hình ảnh ; 29 cm. - 74000đ. - 10000b s616337

983. My first 100 words - Thế giới muôn màu / Little Rainbow ; Vũ Trang Nhung dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 23 tr. : tranh màu ; 19 cm. - (Bộ sách đầu tiên và nền tảng để bé thông minh hơn từ sớm). - 68000đ. - 2800b

Tên sách tiếng Trung: 我的第一本认知书 s615960

984. Narin (นรินทร์). Tiếng Thái thư giãn : Bài tập luyện nghe - đọc tiếng Thái : Trình độ Sơ - Trung cấp / Narin (นรินทร์) b.s. ; H.đ.: Bean (Bean), Annie (แอนนี่). - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh. - 23 cm. - 280000đ. - 1000b

T.1. - 2025. - 248 tr. : minh họa. - Phụ lục: tr. 208-248 s617544

985. Narin (นรินทร์). Tiếng Thái thư giãn - 13 ngày chinh phục tiếng Thái : Đọc - Viết tiếng Thái cho người mới bắt đầu / Narin (นรินทร์) b.s. ; H.đ.: Bean (Bean), Annie (แอนนี่). - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 49 tr. : hình vẽ, bảng ; 23 cm. - 99000đ. - 1500b s617166

986. Ngô Thị Phương Dung. Giáo trình mô đun Ứng dụng công nghệ thông tin trong chuyên ngành Tiếng Anh du lịch : Dành cho ngành, nghề Tiếng Anh du lịch, trình độ trung cấp / Ch.b.: Ngô Thị Phương Dung, Giã Tấn Việt. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 81 tr. : minh họa ; 24 cm. - 65000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Trường Cao đẳng Kon Tum. - Thư mục: tr. 81 s616547

987. Nguyễn Bích Ngọc. Takenote - Từ vựng HSK tiếng Trung : HSK2 cung cấp 772 từ vựng / Nguyễn Bích Ngọc. - H. : Tri thức, 2025. - 110 tr. : bảng ; 19x27 cm. - 68000đ. - 2300b s616315

988. Nguyễn Mai Hoa. Take note! Ngữ pháp tiếng Anh = Grammar in use / Nguyễn Mai Hoa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 118 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 75000đ. - 10000b

Thư mục: tr. 113-118 s616552

989. Nguyễn Minh Hằng. Cẩm nang ngữ pháp tiếng Trung = 汉语语法手简 : Trình độ trung cấp / Nguyễn Minh Hằng. - H. : Hồng Đức, 2025. - 207 tr. : bảng ; 27 cm. - 239000đ. - 1000b s616228

990. Nguyễn Ngọc Lân. Luyện dịch tiếng Trung Quốc thương mại / Nguyễn Ngọc Lân, Nguyễn Thành Công, Phạm Đức Trung. - H. : Thế giới, 2025. - 272 tr. : bảng ; 24 cm. - 300000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Hà Nội. - Phụ lục: tr. 270-271 s617136

991. Nguyễn Thị Hoàng Dung. Takenote - Từ vựng HSK tiếng Trung : HSK1 cung cấp 500 từ vựng / Nguyễn Thị Hoàng Dung. - H. : Tri thức, 2025. - 92 tr. : bảng ; 19x27 cm. - 68000đ. - 2300b s616314

992. Ngữ pháp căn bản tiếng Anh / Nguyễn Thị Quyết (ch.b.), Nguyễn Thị Hồng, Lê Hoàng Hương... - Tái bản lần thứ 7, có sửa chữa bổ sung. - Thanh Hoá : Nxb. Thanh Hoá. - 24 cm. - 55000đ. - 2020b

Q.1: Trình độ A. - 2025. - 104 tr. : bảng s616667

993. Ngữ pháp căn bản tiếng Anh / Nguyễn Thị Quyết (ch.b.), Nguyễn Thị Hồng, Lê Hoàng Hương... - Tái bản lần thứ 6, có sửa chữa bổ sung. - Thanh Hoá : Nxb. Thanh Hoá. - 24 cm. - 60000đ. - 2020b

- Q.2: Trình độ B. - 2025. - 144 tr. : bảng. - Phụ lục: tr. 99-102 s616668
994. Ngữ pháp và bài tập thực hành Tiếng Anh 8 : I-Learn smart world / Nguyễn Hoàng Thanh Ly, Nguyễn Văn Hai. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 136 tr. : bảng ; 24 cm. - 70000đ. - 1000b s617443
995. Patra Patphureerat. Perfect English grammar : Tất tần tật về ngữ pháp tiếng Anh / Patra Patphureerat ; Ngô Hồng Quân dịch. - Tái bản. - H. : Thế giới, 2025. - 455 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Tủ sách Gamma Gen)(Ấn dậm tiếng Anh). - 329000đ. - 1500b
Tên sách tiếng Thái: คัมภีร์ไวยากรณ์อังกฤษ พิสูจน์ข้อสอบ s617150
996. Phạm Dương Châu. Giáo trình Hán ngữ = 汉语教程 / Phạm Dương Châu ch.b. - H. : Hồng Đức. - 27 cm. - 500000đ. - 5000b
ĐTTS ghi: Tiếng Trung Dương Châu
T.1+2. - 2025. - 219 tr. : hình vẽ, bảng s616244
997. Phạm Dương Châu. Giáo trình Hán ngữ = 汉语教程 / Phạm Dương Châu ch.b. - H. : Hồng Đức. - 27 cm. - 500000đ. - 5000b
ĐTTS ghi: Tiếng Trung Dương Châu
T.5+6. - 2025. - 284 tr. : hình vẽ, bảng s616245
998. Phạm Dương Châu. Luyện nhớ 3300 chữ Hán = 快速记忆3300汉字 / Phạm Dương Châu ch.b. - H. : Hồng Đức. - 27 cm. - 300000đ. - 5000b
T.2. - 2025. - 267 tr. : bảng s616227
999. Phạm Dương Châu. Tiếng Trung giao tiếp cho người đi làm kinh doanh, văn phòng, công xưởng / Phạm Dương Châu ch.b. - H. : Hồng Đức, 2025. - 231 tr. ; 27 cm. - 600000đ. - 5000b s616229
1000. Phạm Lê Thùy Anh. Takenote - Từ vựng HSK tiếng Trung : HSK3 cung cấp 900 từ vựng / Phạm Lê Thùy Anh. - H. : Tri thức. - 19x27 cm. - 68000đ. - 2300b
T.1. - 2025. - 108 tr. : bảng s616316
1001. Phạm Lê Thùy Anh. Takenote - Từ vựng HSK tiếng Trung : HSK3 cung cấp 900 từ vựng / Phạm Lê Thùy Anh. - H. : Tri thức. - 19x27 cm. - 68000đ. - 2300b
T.2. - 2025. - 106 tr. : bảng s616317
1002. Phát triển kỹ năng tiếng Anh theo chủ đề : Hệ thống từ vựng, mẫu câu theo chủ đề... : Dành cho học sinh lớp 5 / Nguyễn Thị Ngọc Hiền. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai. - 28 cm. - 84000đ. - 1000b
Q.1. - 2025. - 74 tr. : hình vẽ s616338
1003. Sổ tay Xây dựng trường học ESL : Hành trình biến ý tưởng thành hiện thực tại UMS / Nguyễn Thị Nhật Anh, Ngô Thị Thu Giang, Lê Thị Huyền... - H. : Thế giới, 2025. - 147 tr. : minh họa ; 24 cm. - 139000đ. - 1500b s617113
1004. Take note Tiếng Anh lớp 6 : Dễ học - Dễ nhớ - Dễ hiểu / Điệp Linh. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 53 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 68000đ. - 3000b s617327
1005. Take note Tiếng Anh lớp 7 : Dễ học - Dễ nhớ - Dễ hiểu / Điệp Linh. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 48 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 68000đ. - 3000b s617407
1006. Take note Tiếng Anh lớp 8 : Dễ học - Dễ nhớ - Dễ hiểu / Điệp Linh. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 56 tr. : bảng, tranh màu ; 21 cm. - 68000đ. - 3000b s617441

1007. Take notes - Ngữ pháp Tiếng Anh trung học cơ sở : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới. Dễ nhớ - Dễ hiểu / Thùy Dương b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 63 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 50000đ. - 3000b s617312

1008. Takenote Tiếng Anh trung học cơ sở : Dễ nhớ - Dễ hiểu - Học vui / Dương Hương. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 91 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 68000đ. - 3500b s617311

1009. Tiếng Hàn tổng hợp dành cho người Việt Nam = 베트남인을 위한 종합 한국어 : Cao cấp 6 : Giáo trình hiệu quả dành cho người Việt Nam học tiếng Hàn / Cho Hang Rok, Lee Mi Hye, Lê Đăng Hoan... - Tái bản lần 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 363 tr. : minh họa ; 26 cm. - 168000đ. - 1000b s616226

1010. Tiếng Nhật cho mọi người = みんなの日本語 = Bản mới - Sơ cấp 2 : Bản dịch và giải thích ngữ pháp - Tiếng Việt / 3A Network. - In lần thứ 9. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - xiii, 157 tr. : hình vẽ, bảng ; 26 cm. - 95000đ. - 3000b s616751

1011. Tiếng Nhật cho mọi người = みんなの日本語 : Bản mới - Sơ cấp 1 : Tổng hợp các bài tập chủ điểm / 3A Network. - In lần thứ 13. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 80 tr. : hình vẽ, bảng ; 26 cm. - 65000đ. - 3000b s616750

1012. Trang Anh. Tiếng Anh cho người bắt đầu : Gồm 4 kỹ năng nghe - nói - đọc - viết... : Bản đặc biệt / Trang Anh, Minh Trang, Minh Vân. - H. : Dân trí, 2025. - 535 tr. : bảng ; 27 cm. - (Sách ID - Một cuộc cách mạng Sách). - 250000đ. - 20000b s616301

1013. Trần Lê Thanh Tú. Bồi dưỡng kỹ năng ngữ pháp tiếng Anh nền tảng cho sinh viên không chuyên ngữ / Trần Lê Thanh Tú (ch.b.), Hoàng Hồng Phương, Trần Ngọc Anh. - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 120 tr. : minh họa ; 24 cm. - 158000đ. - 200b
Thư mục: tr. 115 s616521

1014. Trần Thị Thanh Liêm. Tập viết chữ Hán theo giáo trình Hán ngữ = 汉字练习本 : Phiên bản 3 / Trần Thị Thanh Liêm, Nguyễn Quốc Tư. - H. : Hồng Đức, 2025. - 191 tr. : bảng ; 27 cm. - 119000đ. - 2000b s616241

1015. Trương Gia Quyền. Học ngữ pháp tiếng Hoa thật đơn giản = 图说汉语语法 : 60 điểm ngữ pháp thông dụng - thường gặp... / Trương Gia Quyền, Trương Lệ Mai. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 291 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 99000đ. - 2000b s617234

1016. Trương Minh Doanh. Giáo trình Hán ngữ Boya - Trung cấp : Phiên bản thứ 2 = 博雅汉语 - 中级冲速篇 : 第二版 / Trương Minh Doanh ; Lý Hiểu Kỳ ch.b. - H. : Hồng Đức. - 27 cm. - 199000đ. - 1000b
T.2. - 2025. - 211 tr. : hình vẽ, bảng s616249

1017. Vũ Đức Nghiệu. Dẫn luận Ngôn ngữ học / Vũ Đức Nghiệu (ch.b.), Nguyễn Văn Hiệp. - Tái bản lần 2, nổi bản lần 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 372 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 74000đ. - 1000b
Thư mục: tr. 369-372 s617005

1018. Vũ Thị Ngọc Dung. Từ ngôn ngữ văn học đến ngôn ngữ điện ảnh : Trường hợp Chí Phèo của Việt Nam và AQ chính truyện của Trung Quốc : Sách chuyên khảo / Vũ Thị Ngọc Dung. - Tái bản lần 1. - H. : Thế giới, 2025. - 371 tr. : minh họa ; 24 cm. - 490000đ. - 500b
Thư mục: tr. 235-251. - Phụ lục: tr. 255-368 s617145

1019. Vui học tiếng Việt / Nguyễn Minh Thuyết, Nguyễn Khánh Hà (ch.b.), Hoàng Hà Bình, Phùng Thị Thanh Lâm. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh. - 27 cm. - 160000đ. - 2000b
Q.1. - 2025. - 92 tr. s616381

KHOA HỌC TỰ NHIÊN

1020. Hart-Davis, Adam. Thuyết minh trực quan nhất về khoa học / Adam Hart-Davis ; Dịch: Nguyễn Trung Hiếu... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Dân trí, 2025. - 512 tr. : minh họa ; 30 cm. - 799000đ. - 1500b

Tên sách tiếng Anh: Science: The definitive visual guide s616329

1021. Hướng dẫn trả lời câu hỏi & bài tập Khoa học tự nhiên 8 : Dùng kèm SGK Chân trời sáng tạo / Lê Văn Nam, Nguyễn Thị Ngọc Trinh, Nguyễn Thị Nhung. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 240 tr. : minh họa ; 24 cm. - 120000đ. - 1500b s617439

1022. Sổ tay kiến thức Khoa học tự nhiên trung học cơ sở / Hà Huy Công, Nguyễn Thị Hồng Hạnh, Lê Trọng Huyền... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 248 tr. : hình vẽ, bảng ; 18 cm. - 50000đ. - 3000b s616067

1023. STEM - Thí nghiệm siêu đơn giản / Phương Nam s.t., b.s. - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 95 tr. : minh họa ; 24 cm. - 40000đ. - 5000b s617514

1024. STEM vui nhộn: Khám phá thí nghiệm khoa học ngay tại nhà : Khoa học. Công nghệ. Kỹ thuật. Toán học / Milo Steam. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 175 tr. : minh họa ; 26 cm. - 400000đ. - 5000b s616657

1025. Takenote Khoa học tự nhiên: Lý - Hóa - Sinh 7 / Đào Thị Hoàng Ly, Lê Tuấn Anh, Lê Minh Quân. - H. : Tri thức, 2025. - 84 tr. : minh họa ; 21 cm. - 75000đ. - 5800b s617396

1026. Tốc chiến luyện đề đánh giá tư duy : Theo cấu trúc đề thi của Đại học Bách khoa Hà Nội : Phiên bản mới nhất / Vũ Khắc Ngọc, Nguyễn Thanh Tùng, Thiều Thị Dung... - H. : Công Thương, 2025. - 295 tr. : minh họa ; 27 cm. - 300000đ. - 3000b s616371

TOÁN HỌC

1027. Bài tập theo chủ đề Toán 8 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Đinh Thế Tho. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 50000đ. - 1000b
T.2. - 2023. - 125 tr. : hình vẽ s616469

1028. Bài tập theo chủ đề Toán 9 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Đinh Thế Tho. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 50000đ. - 1000b
T.2. - 2024. - 103 tr. : hình vẽ s616470

1029. Bài tập xác suất thống kê : Tài liệu tham khảo / Phạm Quang Khoái, Nguyễn Thị Vân Hòa (ch.b.), Vũ Ngọc Triu... - H. : Tài chính, 2025. - 146 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 100b
Phụ lục: tr. 122-144. - Thư mục: tr. 145 s617207

1030. Bỏ trợ kiến thức ĐGNL ĐGTD 2026 / Nguyễn Đăng Ái. - H. : Giao thông vận tải, 2025. - 196 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 3500b
Lưu hành nội bộ TDMX2026 s616287

1031. Chinh phục Toán 10 / Lưu Thị Huyền Trang. - H. : Văn hoá dân tộc. - 27 cm. - 250000đ. - 10000b
T.1. - 2025. - 263 tr. : hình vẽ, bảng s616356

1032. Chinh phục Toán 10 / Lưu Thị Huyền Trang. - H. : Văn hoá dân tộc. - 27 cm. - 25000đ. - 10000b
T.2. - 2025. - 243 tr. : hình vẽ, bảng s616357
1033. Chinh phục Toán toàn diện dành cho học sinh lớp 11 : Sách đọc quyền - Dành cho học sinh tư duy mở... / Nguyễn Đăng Ái. - H. : Giao thông vận tải. - 27 cm. - 1200b
T.1. - 2025. - 138 tr. : hình vẽ, bảng s616288
1034. Đặng Hữu Chung. Phép tính vi phân và tích phân / Đặng Hữu Chung. - H. : Khoa học Tự nhiên và Công nghệ. - 24 cm. - 252000đ. - 300b
T.1. - 2025. - 306 tr. : hình vẽ, bảng. - Phụ lục: tr. 295-303. - Thư mục: tr. 304-306 s617054
1035. Đề thi vào lớp 10 môn Toán : Theo cấu trúc mới năm 2025 : Dành cho học sinh lớp 9 / Nguyễn Đức Tấn, Võ Mộng Trình. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 184 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 95000đ. - 1500b s617434
1036. Định hướng phát triển năng lực Toán 7 : Bám sát SGK Kết nối tri thức với cuộc sống / Nguyễn Đức Tấn, Hà Trọng Thi, Võ Mộng Trình. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 79000đ. - 1000b
T.2. - 2025. - 168 tr. : minh hoạ s617446
1037. Giáo dục toán thực (Realistic mathematics education): Nghiên cứu và vận dụng / Nguyễn Tiên Trung (ch.b.), Bùi Văn Nghi, Hoàng Công Kiên... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 503 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 235000đ. - 500b
Thư mục cuối mỗi chương s616467
1038. 200 bài toán Đại số 9 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới. Dùng chung cho các bộ SGK hiện hành / Nguyễn Đức Chí. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 256 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 128000đ. - 3000b s616653
1039. 200 bài toán Hình học 9 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới. Dùng chung cho các bộ SGK hiện hành / Nguyễn Đức Chí. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 184 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 95000đ. - 3000b s616654
1040. Kỹ thuật giải nhanh các bài toán hay và khó Hình học 10 : Dùng chung cho các bộ sách giáo khoa hiện hành / Vũ Quốc Chung (ch.b.), Nguyễn Văn Khải, Nguyễn Thu Thủy... - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 151 tr. : hình vẽ, bảng ; 29 cm. - 150000đ. - 2000b s616254
1041. Ngô Quốc Hoàn. Giáo trình Đại số và số học 1 / Ngô Quốc Hoàn (ch.b.), Thái Thị Nga. - H. : Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, 2025. - 117 tr. : minh họa ; 26 cm. - 78000đ. - 100b
ĐTTS ghi: Trường Đại học Hải Phòng. - Phụ lục: tr. 111-116. - Thư mục: tr. 117 s617055
1042. Ôn luyện cơ bản và nâng cao Toán 7 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới. Bám sát SGK Kết nối tri thức với cuộc sống / Nguyễn Thị Tuyền, Ngô Thị Hà, Đỗ Anh Thư, Trần Thủy Trúc. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 75000đ. - 5000b
T.1. - 2025. - 159 tr. : hình vẽ, bảng s616219
1043. Ôn luyện cơ bản và nâng cao Toán 9 : Biên soạn Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới. Bám sát SGK Kết nối tri thức với cuộc sống / Nguyễn Thị Tuyền, Ngô Thị Hà, Đinh Thị Mỹ Bình. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 90000đ. - 5000b
T.1. - 2025. - 251 tr. : hình vẽ, bảng s616220
1044. Ôn luyện cơ bản và nâng cao Toán 9 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới. Bám sát SGK Cảnh Diệu / Nguyễn Thị Tuyền, Ngô Thị Hà, Đinh Thị Mỹ Bình. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 90000đ. - 5000b

T.1. - 2025. - 251 tr. : hình vẽ, bảng s616224

1045. Ôn luyện cơ bản và nâng cao Toán 9 : Biên soạn Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới. Bám sát SGK Kết nối tri thức với cuộc sống / Nguyễn Thị Tuyền, Trần Thủy Trúc, Phạm Thị Huyền Trang, Đỗ Anh Thư. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 85000đ. - 2000b

T.2. - 2025. - 163 tr. : hình vẽ, bảng s616221

1046. Ôn luyện cơ bản và nâng cao Toán 9 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới. Bám sát SGK Cánh Diều / Nguyễn Thị Tuyền, Trần Thủy Trúc, Phạm Thị Huyền Trang, Đỗ Anh Thư. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 85000đ. - 2000b

T.2. - 2025. - 167 tr. : hình vẽ, bảng s616222

1047. Sổ tay kiến thức Toán trung học cơ sở / Trần Hữu Nam (ch.b.), Đặng Thị Minh Thu, Đặng Văn Tuyền, Nguyễn Thị Thanh Xuân. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 311 tr. : hình vẽ, bảng ; 18 cm. - 60000đ. - 3000b s616066

1048. Take notes Toán - Văn 6 - Cánh Diều : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới / Thùy Dương b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 96 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 50000đ. - 3000b s617313

1049. Take notes Toán - Văn 7 - Cánh Diều : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới / Thùy Dương b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 95 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 50000đ. - 3000b s617314

1050. Take notes Toán - Văn 8 - Cánh Diều : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới / Thùy Dương b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 79 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 50000đ. - 3000b s617315

1051. Take notes Toán - Văn 9 - Cánh Diều : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới / Thùy Dương b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 83 tr. : minh họa ; 21 cm. - 50000đ. - 3000b s617316

1052. Tổng ôn lý thuyết trọng tâm theo định hướng đánh giá năng lực học sinh trung học phổ thông - Toán học / Lê Văn Hoa, Nguyễn Hồng Quân (ch.b.), Đỗ Xuân Thắng... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 391 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 175000đ. - 5000b s616212

1053. Trần An Hải. Bài tập Xác suất và Thống kê : Có hướng dẫn giải và sử dụng phần mềm R : Sách tham khảo / Trần An Hải, Nguyễn Văn An. - H. : Văn hoá dân tộc, 2025. - 154 tr. : bảng ; 28 cm. - 100b

Thư mục: tr. 153 s616358

1054. Tuyển tập 48 đề kiểm tra định kỳ Toán 10 : Các đề thi cập nhập mới, sáng tạo và bám sát chương trình. Lời giải chi tiết, lối viết dễ hiểu, dễ đọc / Vũ Văn Thiện, Cao Minh Nhân, Nguyễn Quang Hợp... - H. : Dân trí, 2025. - 269 tr. : hình vẽ, bảng ; 30 cm. - 224000đ. - 1000b s616326

1055. Tuyển tập 48 đề kiểm tra định kỳ Toán 11 : Các đề thi cập nhập mới, sáng tạo và bám sát chương trình. Lời giải chi tiết, lối viết dễ hiểu, dễ đọc / Vũ Văn Thiện, Nguyễn Quang Hợp, Hồ Lộc Thuận... - H. : Dân trí, 2025. - 309 tr. : hình vẽ, bảng ; 30 cm. - 245000đ. - 1900b s616327

THIÊN VĂN HỌC

1056. Holland, Simon. Các ngôi sao và các hành tinh = Stars and planets : Dành cho trẻ em từ 6 tuổi trở lên / Simon Holland b.s. ; Thu Phong dịch. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Nxb. Hà

Nội, 2025. - 56 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Bách khoa tri thức. Bách khoa tri thức về khám phá thế giới cho trẻ em). - 55000đ. - 1000b s617356

1057. Steinhardt, Paul J. Vũ trụ tuần hoàn = Endless universe : Vượt khỏi Big Bang - Viết lại lịch sử vũ trụ / Paul J. Steinhardt, Neil Turok ; Nguyễn Văn Liễn dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 337 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - (Khoa học khám phá). - 190000đ. - 1500b
Thư mục: tr. 331-332 s616708

VẬT LÝ

1058. 414 bài tập Vật lí 6 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới. Dùng cho các bộ SGK hiện hành / Trương Thọ Lương, Phan Hoàng Văn, Nguyễn Hùng Mãnh. - H. : Dân trí, 2025. - 106 tr. : hình vẽ, biểu đồ ; 27 cm. - 59000đ. - 3000b s616304

1059. 414 bài tập Vật lí 7 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới. Dùng cho các bộ SGK hiện hành / Trương Thọ Lương, Phan Hoàng Văn, Nguyễn Hùng Mãnh. - H. : Dân trí, 2025. - 106 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 59000đ. - 3000b s616305

1060. 414 bài tập Vật lí 8 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới. Dùng cho các bộ SGK hiện hành / Trương Thọ Lương, Phan Hoàng Văn, Nguyễn Hùng Mãnh. - H. : Dân trí, 2025. - 123 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 69000đ. - 3000b s616306

1061. 414 bài tập Vật lí 9 : Bồi dưỡng học sinh khá, giỏi luyện thi vào lớp 10 chuyên : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới. Dùng cho các bộ SGK hiện hành / Trương Thọ Lương, Phan Hoàng Văn, Nguyễn Hùng Mãnh. - H. : Dân trí, 2025. - 119 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 75000đ. - 3000b s616307

1062. Chinh phục bản chất hiện tượng và nền tảng vận dụng Vật lý 12 : Sách đọc quyền - Dành cho học sinh tư duy mở / Nguyễn Đăng Ái. - H. : Giao thông vận tải. - 30 cm. - (Tư duy mở). - 1000b

T.1. - 2025. - 139 tr. : minh họa s616180

1063. Chinh phục bản chất hiện tượng và nền tảng vận dụng Vật lý 12 : Sách đọc quyền - Dành cho học sinh tư duy mở / Nguyễn Đăng Ái. - H. : Giao thông vận tải. - 30 cm. - (Tư duy mở). - 1000b

T.2. - 2025. - 161 tr. : minh họa s616181

1064. Chinh phục lý thuyết Vật lý THPT 2026 chọn lọc : Sách đọc quyền - Dành cho học sinh tư duy mở / Nguyễn Đăng Ái. - H. : Giao thông vận tải, 2025. - 149 tr. : minh họa ; 30 cm. - (Tư duy mở). - 1000b s616182

1065. Giáo trình Vật lí chất rắn / Nguyễn Thế Khôi (ch.b.), Lục Huy Hoàng, Đỗ Danh Bích, Phạm Văn Hải. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 499 tr. : minh họa ; 24 cm. - 150000đ. - 500b

Thư mục: tr. 499 s617413

1066. Môi trường phóng xạ / Nguyễn Văn Dũng, Dương Văn Hào, Nguyễn Tài Tuệ (ch.b.)... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 259 tr. : minh họa ; 27 cm. - 172000đ. - 250b
Thư mục: tr. 253-259 s616213

HOÁ HỌC

1067. Bồi dưỡng học sinh giỏi Hoá học 9 : Theo chuyên đề : Dùng chung cho các bộ SGK hiện hành / Nguyễn Xuân Trường, Quách Văn Long, Hoàng Thị Thúy Hương. - Tái bản lần thứ

1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 268 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 125000đ. - 1000b s616471

1068. Giáo trình Cơ sở hóa học hữu cơ / Vũ Quốc Trung (ch.b.), Nguyễn Đăng Đạt, Nguyễn Hiền... - In lần thứ 3. - H. : Đại học Sư phạm. - 27 cm. - 125000đ. - 500b

Ph.1: Đại cương hóa học hữu cơ và hydrocarbon. - 2025. - 319 tr. : minh họa. - Thư mục: tr. 312-313 s617241

1069. Giúp trí nhớ chuỗi phản ứng hoá học : Dành cho học sinh lớp 10 - 11 - 12... / Ngô Ngọc An. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 211 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 55000đ. - 2000b s617444

1070. Jackson, Tom. Thuyết minh trực quan nhất về bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học / Tom Jackson ; Ha Vu dịch. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Dân trí, 2025. - 208 tr. : minh họa ; 28 cm. - 499000đ. - 1500b s616328

1071. Khoa học siêu dễ! BĂNG BĂNG TRÒN NHÀ : Truyện tranh / Quỳnh Thế ; Họa sĩ: Duy Khang. - H. : Công Thương, 2025. - 40 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Hóa học; T.2). - 79000đ. - 2000b s616438

1072. Khoa học siêu dễ! KÈ TRỘM MÙI THOM : Truyện tranh / Quỳnh Thế ; Họa sĩ: Pu, Vũ Giang. - H. : Công Thương, 2025. - 40 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Hóa học; T.3). - 79000đ. - 2000b s616436

1073. Khoa học siêu dễ! RẮN, LỎNG, KHÍ: AI TUYỆT NHẤT? : Truyện tranh / Quỳnh Thế ; Họa sĩ: Pu, Vũ Giang. - H. : Công Thương, 2025. - 36 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Hóa học; T.1). - 79000đ. - 2000b s616437

1074. Ôn tập và hệ thống hoá nhanh giáo khoa Hoá hữu cơ : Sơ đồ phản ứng hoá học : Biên soạn có cập nhật, bổ sung theo chương trình mới nhất : Dành chung cho các bộ SGK hiện hành / Quan Hán Thành. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 211 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 98000đ. - 1000b

Phụ lục: tr. 183-210 s616472

1075. Phương pháp giải bài tập Khoa học tự nhiên 8 - Môn Hoá học : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới. Dành cho tất cả bộ sách Giáo khoa hiện hành / Huỳnh Văn Út, Huỳnh Võ Thiên Bình. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 224 tr. ; 24 cm. - 112000đ. - 3000b s616655

1076. Phương pháp giải bài tập Khoa học tự nhiên 9 - Môn Hoá học : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới. Dành cho tất cả bộ sách Giáo khoa hiện hành / Huỳnh Văn Út, Huỳnh Võ Thiên Bình. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 240 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 120000đ. - 3000b s616656

SINH VẬT HOÁ THẠCH VÀ ĐỜI SỐNG TIỀN SỬ

1077. Firth, Rachel. Khủng long = Dinosaurs : Dành cho trẻ em từ 6 tuổi trở lên / Rachel Firth ; Phan Trần Hồng Hạnh dịch. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Thế giới, 2025. - 63 tr. : hình vẽ, ảnh màu ; 24 cm. - (Tủ sách Bách khoa tri thức. Bách khoa tri thức về khám phá thế giới cho trẻ em). - 45000đ. - 1000b

Phụ lục: tr. 62-63 s617154

KHOA HỌC VỀ SỰ SỐNG, SINH VẬT HỌC

1078. Lane, Nick. Vũ điệu sự sống : Bí ẩn hóa học sâu thẳm của sự sống và cái chết / Nick Lane ; Dương Hồng Quân dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 371 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 160000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Transformer. - Phụ lục: tr. 344-358 s616705

1079. Lê Đình Chấn. Giáo trình Sinh học phân tử và ứng dụng / Lê Đình Chấn. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 503 tr. : minh họa ; 24 cm. - 398000đ. - 150b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Hồng Đức. - Thư mục: tr. 498-503 s616461

1080. Phạm Ngọc Doanh. Sinh thái học ký sinh trùng / Phạm Ngọc Doanh. - H. : Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, 2025. - 289 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Bộ sách Đại học và Sau đại học). - 250000đ. - 200b

Đầu bìa sách ghi: Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam. - Thư mục: tr. 283-289 s617060

1081. Tôn Nguyên Vĩ. 10 vạn câu hỏi vì sao - Khám phá thế giới vi sinh vật : Dành cho trẻ em từ 5 - 15 tuổi / Tôn Nguyên Vĩ ; Ngọc Linh dịch. - In lần thứ 9. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 135 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Tủ sách Bách khoa tri thức). - 55000đ. - 2000b s617605

1082. Trần Thị Hồng Tơ. Phân lập và khảo sát một số đặc điểm của vi khuẩn *Vibrio parahaemolyticus* ở Đồng bằng sông Cửu Long : Sách chuyên khảo / Trần Thị Hồng Tơ. - H. : Nông nghiệp, 2025. - 92 tr. : minh họa ; 21 cm. - 128000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Trà Vinh. - Thư mục: tr. 74-90 s616506

1083. Woldańska-Płocińska, Ola. Hệ sinh thái trên Trái Đất - Khí hậu : Dành cho lứa tuổi 10+ / Ola Woldańska-Płocińska ; Thùy Chi dịch. - H. : Kim Đồng, 2025. - 80 tr. : tranh màu ; 28 cm. - 110000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Ba Lan: Klimatomierz s616293

1084. Woldańska-Płocińska, Ola. Hệ sinh thái trên Trái Đất - Rác thải : Dành cho lứa tuổi 10+ / Ola Woldańska-Płocińska ; Thùy Chi dịch. - H. : Kim Đồng, 2025. - 80 tr. : tranh màu ; 28 cm. - 110000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Ba Lan: Smieciogród s616296

1085. Woldańska-Płocińska, Ola. Hệ sinh thái trên Trái Đất - Thực phẩm : Dành cho lứa tuổi 10+ / Ola Woldańska-Płocińska ; Thùy Chi dịch. - H. : Kim Đồng, 2025. - 80 tr. : tranh màu ; 28 cm. - 110000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Ba Lan: Smakologia s616295

ĐỘNG VẬT

1086. Hà Kiến. Gấu trúc Hương Hương = Panda Xiang Xiang / Hà Kiến ; Nhiếp ảnh gia: Châu Mạnh Kỳ... ; Thần Hy dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 201 tr. : ảnh màu ; 21 cm. - 238000đ. - 2000b

Phụ lục: tr. 190-201 s617606

1087. Hoàng Xuân Bền. San hô tám ngăn (*Octocorallia* Haeckel, 1866) vùng biển phía Nam Việt Nam / Hoàng Xuân Bền. - H. : Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, 2025. - 209 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Bộ sách chuyên khảo Biển và Công nghệ biển). - 178000đ. - 200b

Đầu bìa sách ghi: Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam. - Phụ lục: tr. 185-196. - Thư mục: tr. 197-209 s617061

1088. Minh Khôi. Một số loài động vật đặc hữu và bản xứ của Việt Nam = Endemic and native fauna of Vietnam : Sách sinh học song ngữ Việt - Anh : Dành cho trẻ 5 tuổi + / Minh Khôi, Hải Mân. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 47 tr. : hình vẽ, ảnh màu ; 24 cm. - 60000đ. - 500b s617607

1089. Pat-A-Cake. Thế giới động vật : Dành cho trẻ em từ 2 - 6 tuổi / Pat-A-Cake ; Minh hoạ: Louise Forshaw ; Khánh Vân dịch. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 18 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Tủ sách Tương tác)(Lift-The-Flap). - 148000đ. - 1000b s617664

1090. Sách giải đố các loài động vật có nguy cơ tuyệt chủng tại Việt Nam : Bồi dưỡng kỹ năng đọc hiểu và tìm kiếm thông tin : 8+ / Ch.b.: Nguyễn Phúc Vinh, Trương Gia Huy, Nguyễn Duy Khang... - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ. - 20 cm. - 40000đ. - 500b

Q.1. - 2025. - 31 tr. : minh họa s617178

1091. Tôn Nguyên Vĩ. 10 vạn câu hỏi vì sao - Khám phá thế giới động vật: Chạy trên mặt đất : Dành cho trẻ em từ 5 - 15 tuổi / Tôn Nguyên Vĩ ; Ngọc Linh dịch. - In lần thứ 10. - H. : Nxb. Hà Nội. - 21 cm. - (Tủ sách Bách khoa tri thức). - 55000đ. - 2000b

T.2. - 2025. - 136 tr. : tranh màu s617604

1092. Woldańska-Płocińska, Ola. Hệ sinh thái trên Trái Đất - Động vật : Dành cho lứa tuổi 10+ / Ola Woldańska-Płocińska ; Thùy Chi dịch. - H. : Kim Đồng, 2025. - 80 tr. : tranh màu ; 28 cm. - 110000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Ba Lan: Zwierzokracja s616294

CÔNG NGHỆ

1093. Hướng dẫn dạy học môn Tin học và Công nghệ theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 : Phần Công nghệ / Lê Huy Hoàng (ch.b.), Đồng Huy Giới, Đặng Văn Nghĩa... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 127 tr. : minh họa ; 24 cm. - 60000đ. - 500b
Thư mục: tr. 127 s616542

Y HỌC

1094. Cẩm nang Mãn kinh vui khỏe tuổi giao mùa / B.s.: Nguyễn Thị Ngọc Phượng (ch.b.), Hê Thanh Nhã Yên, Vương Tú Như... - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 29 tr. : bảng, tranh vẽ ; 21 cm. - 3000b s617211

1095. Cẩm nang tiêm chủng dành cho mọi lứa tuổi. - H. : Lao động, 2025. - 39 tr. : minh họa ; 21 cm. - 400000b

Đầu bìa sách ghi: Hội Y học dự phòng Việt Nam s617420

1096. Chăm sóc sức khỏe cộng đồng : Sách dùng cho đào tạo đại học và sau đại học / Nguyễn Thị Thu Triệu, Lưu Thị Thủy (ch.b.), Hoàng Thị Ngọc Sen... - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2025. - 230 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 90000đ. - 500b

Thư mục và phụ lục cuối chính văn s617576

1097. Giáo trình Bệnh học lao : Dùng cho sinh viên Y đa khoa, Y học dự phòng, Y học cổ truyền / B.s.: Trần Thanh Hùng (ch.b.), Hứa Trung Tiếp, Lương Thị Mỹ Linh, Bùi Thị Cẩm Thùy. - Tái bản lần thứ 1, có chỉnh sửa, bổ sung. - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2025. - 181 tr. : minh họa ; 27 cm. - 60000đ. - 2000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Bộ môn Lao. - Thư mục cuối mỗi bài s616386

1098. Giáo trình Bệnh học miệng nha chu : Dành cho học viên sau đại học / B.s.: Đỗ Thị Thảo (ch.b.), Bùi Thị Ngọc Mẫn, Trần Huỳnh Trung, Phan Thùy Ngân. - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2025. - v, 235 tr. : minh họa ; 27 cm. - 230000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Bộ môn Bệnh học miệng - Nha chu. - Thư mục: tr. 235 s616269

1099. Giáo trình Bệnh học ngoại tiết niệu 1 : Dành cho học viên sau đại học / B.s.: Trần Huỳnh Tuấn, Trần Văn Nguyên (ch.b.), Nguyễn Trung Hiếu... - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2025. - iii, 298 tr. : minh họa ; 27 cm. - 600000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Bộ môn Ngoại. - Thư mục cuối mỗi bài s616273

1100. Giáo trình Miễn dịch dị ứng lâm sàng : Dành cho học viên sau đại học / B.s.: Đỗ Hoàng Long, Trần Ngọc Dung (ch.b.), Trịnh Thị Hồng Cúa... - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2025. - vi, 247 tr. : minh họa ; 27 cm. - 424000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Bộ môn Sinh lý bệnh - Miễn dịch. - Thư mục: tr. 246-247 s616271

1101. Giáo trình Nhi khoa sau đại học / Trần Minh Điền (ch.b.), Lê Ngọc Duy, Phan Hữu Phúc... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 350000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược - Đại học Quốc gia Hà Nội
T.1. - 2025. - 497 tr. : bảng. - Thư mục cuối mỗi bài s616215

1102. Giáo trình Nhi khoa sau đại học / Trần Minh Điền, Đặng Thúy Hà, Lưu Thị Mỹ Thục... ; B.s.: Trần Minh Điền (ch.b.)... - Tái bản lần 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 400000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược - Đại học Quốc gia Hà Nội. Bộ môn Nhi
T.2. - 2025. - 579 tr. : minh họa. - Thư mục cuối mỗi bài s616216

1103. Giáo trình Sinh lý bệnh - miễn dịch : Dành cho học viên sau đại học / B.s.: Trịnh Thị Hồng Cúa, Đinh Thị Hương Trúc (ch.b.), Trần Ngọc Dung, Đỗ Hoàng Long. - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2025. - viii, 272 tr. : minh họa ; 27 cm. - 405000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Bộ môn Sinh lý bệnh - Miễn dịch. - Thư mục: tr. 272 s616274

1104. Giáo trình Sơ sinh - Kế hoạch hóa gia đình : Dành cho sinh viên sau đại học / Dương Mỹ Linh, Nguyễn Văn Lâm (ch.b.), Võ Châu Quỳnh Anh... - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2025. - 262 tr. : minh họa ; 27 cm. - 220000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Bộ môn Phụ sản. - Thư mục: tr. 259-262 s616387

1105. Holderness, Penn. Hiểu về ADHD : Vượt qua thách thức và phát triển cùng rối loạn tăng động giảm chú ý / Penn Holderness, Kim Holderness ; Dịch: Hương Hà, Quỳnh Tâm. - H. : Thế giới, 2025. - 327 tr. : minh họa ; 24 cm. - 209000đ. - 300b

Tên sách tiếng Anh: ADHD is awesome : A guide to (mostly) thriving with ADHD
s617121

1106. Horney, Karen. Giải mã tính cách thần kinh - Ranh giới giữa bình thường và bất thường / Karen Horney ; Sleepless Raccoon dịch. - H. : Lao động, 2025. - 246 tr. ; 21 cm. - 109000đ. - 2000b s617367

1107. Hồ Thị Thu Hằng. English - Vietnamese for obstetrics and gynecology / Hồ Thị Thu Hằng, Trần Hoàng Mai. - H. : Y học, 2025. - 155 tr. : hình vẽ, ảnh màu ; 27 cm. - 180000đ. - 500b

Thư mục: tr. 150-152 s616179

1108. Huyền Linh. Dậy thì không gì phải sợ: Cẩm nang con gái / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2025. - 123 tr. : tranh màu ; 24 cm. - 80000đ. - 3000b s617675

1109. Huyền Linh. Dậy thì không gì phải sợ: Cẩm nang con trai / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2025. - 119 tr. : tranh màu ; 24 cm. - 80000đ. - 3000b s617676

1110. Jeon Hong Jin. Gửi bạn, người có trái tim vô cùng nhạy cảm / Jeon Hong Jin ; Five dịch. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Văn học, 2025. - 336 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 108000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Hàn: 매우 예민한 사람들을 위한 책. - Phụ lục: tr. 325-336. - Thư mục cuối chính văn s617004

1111. Jones, Richard J. Tế bào nổi loạn : Một cuộc trò chuyện về những huyền thoại và sự thật về ung thư / Richard J. Jones, T. Michael McCormick ; Quý Tiên dịch ; H.đ.: Thanh Huyền, Huyền Trang. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 199 tr. : minh họa ; 23 cm. - 169000đ. - 5000b

Tên sách tiếng Anh: Rogue cells : A conversation on the myths and mysteries of cancer. - Thư mục: tr. 197-198 s617280

1112. Khoa Văn. 52 thế yoga hiệu quả và dễ tập / Khoa Văn ; Dịch: Thành Khang, Hồng Thắm. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2025. - 117 tr. : minh họa ; 21 cm. - 128000đ. - 1000b s616660

1113. Kỹ thuật PCR và Real-time PCR : Từ lý thuyết đến thực hành / B.s.: Nguyễn Thị Thu Thảo, Đỗ Ngọc Diễm Trúc, Nguyễn Duy Khánh (ch.b.)... - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 211 tr. : minh họa ; 24 cm. - 99000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Công ty TNHH Giải pháp Y Sinh ABT. - Phụ lục: tr. 202-207. - Thư mục: tr. 208-211 s617165

1114. Lâm Văn Nút. Can thiệp nội mạch điều trị phình động mạch chủ bụng : Sách chuyên khảo / Lâm Văn Nút. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 213 tr. : minh họa ; 24 cm. - 150000đ. - 100b

Thư mục cuối mỗi chương s617169

1115. Lê Duyên Hải. Sống mạnh khỏe nhờ ăn uống : Bí quyết xây dựng chế độ ăn khoa học, đầy đủ dinh dưỡng theo từng độ tuổi / Lê Duyên Hải. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 311 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 129000đ. - 2000b s617722

1116. Lê Thanh Vân. Giáo trình Sinh lí học trẻ em : Dùng cho sinh viên các trường Sư phạm mầm non / Lê Thanh Vân. - In lần thứ 22. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 147 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 50000đ. - 500b

Thư mục: tr. 147 s617450

1117. Mạch Nha. Từ sự mất ngủ của ruồi / Mạch Nha b.s. ; Minh họa: Lê Trí Dũng. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 228 tr. : tranh vẽ ; 20 cm. - 110000đ. - 1500b

Tên thật tác giả: Phan Thị Vàng Anh s616693

1118. Miệng xinh lời hay : Tương phản nhỏ - Thay đổi lớn / Nguyễn Hoàng Oanh, Nguyễn Thị Phương, Cao Bích Thủy, Đỗ Hoàng Anh Thư. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - 188000đ. - 500b

T.2. - 2025. - 67 tr. : hình vẽ, bảng. - Phụ lục: tr. 63-65. - Thư mục cuối mỗi phần s617294

1119. Ngô Đức Vượng. Minh triết trong ăn uống của phương Đông / Ngô Đức Vượng. - Tái bản lần thứ 31. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 407 tr. : minh họa ; 21 cm. - 168000đ. - 5000b

Phụ lục: tr. 335-406 s617229

1120. Nguyễn Anh Hiệp. Bác sĩ chuyên nghiệp : Nền tảng xây dựng thương hiệu cá nhân / Nguyễn Anh Hiệp. - H. : Thế giới, 2025. - 107 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 100000đ. - 1000b s617096

1121. Nguyễn Phương Dung. Dược học cổ truyền / Nguyễn Phương Dung. - Tái bản có chỉnh sửa, bổ sung. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 367 tr. : minh họa ; 24 cm. - 220000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 367 s616608

1122. Nguyễn Thị Hồng Hạnh. Giáo trình Sinh lí học trẻ em / Nguyễn Thị Hồng Hạnh, Nguyễn Thị Trung Thu (ch.b.), Lê Thị Tuyết. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 219 tr. : minh họa ; 24 cm. - 85000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 205-206 s616534

1123. Nguyễn Tiên. Huyệt vị phối dụng tập yếu / Nguyễn Tiên. - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng. - 25 cm. - 350b

Tên thật tác giả: Nguyễn Đức Huệ Tiên. Hiệu: Thương Vân Tử
Q. Thượng. - 2025. - xiii, 390 tr. s617585

1124. Nguyễn Tiên. Huyệt vị phối dụng tập yếu / Nguyễn Tiên. - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng. - 25 cm. - 350b

Tên thật tác giả: Nguyễn Đức Huệ Tiên. Hiệu: Thương Vân Tử
Q. Hạ. - 2025. - x, 265 tr. s617586

1125. Ortho. Sơ cứu và phòng ngừa tai nạn trong gia đình / Ortho ; Minh Nhật dịch. - H. : Công Thương, 2025. - 218 tr. : biểu đồ, tranh vẽ ; 21 cm. - 139000đ. - 2000b

Thư mục: tr. 207-218 s616411

1126. Phạm Khắc Đệ. Hệ tuần hoàn khí năng lượng tự nhiên trên cơ thể con người / Phạm Khắc Đệ. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 142 tr. ; 21 cm. - 148000đ. - 500b s617271

1127. Phạm Thánh Hoa. Bé khỏe lại ngay, đánh bay bệnh vặt: Những phương pháp điều trị các bệnh thông thường cho trẻ nhỏ bằng Đông y / Phạm Thánh Hoa ; Minh Thúy dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 343 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 189000đ

Tên sách tiếng Trung: 小儿小病小妙招 s617124

1128. Phạm Thị Tô Liên. Giáo trình Thực vật dược : Dành cho sinh viên Dược và Y học cổ truyền / Phạm Thị Tô Liên, Nguyễn Thị Trang Đài (ch.b.), Lê Thanh Vĩnh Tuyên. - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2025. - 274 tr. : minh họa ; 27 cm. - 229000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Bộ môn Dược liệu. - Thư mục: tr. 274 s616388

1129. Phạm Toàn. Tâm bệnh học / Phạm Toàn. - In lần thứ 6. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 543 tr. : hình vẽ ; 20 cm. - (Y học và sức khỏe). - 145000đ. - 1000b

Thư mục cuối mỗi chương s616739

1130. Quynhmai Nguyen. Sống đẹp / Quynhmai Nguyen. - H. : Thế giới, 2025. - 459 tr. : ảnh ; 24 cm. - 400000đ. - 1500b

Tên thật tác giả: Nguyễn Thị Quỳnh Mai s617118

1131. Snedaker, Susan T. Quản lý công nghệ thông tin trong y tế : Chiến lược, tầm nhìn và kỹ năng / Susan T. Snedaker ; Hoài Sơn dịch. - H. : Thế giới ; Công ty Sách Alpha Việt Nam, 2025. - 300 tr. : bảng, biểu đồ ; 27 cm. - (Tủ sách Công nghệ trong y tế). - 300000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Anh: Leading healthcare it. - Thư mục cuối mỗi chương s617157

1132. Spensley, Sheila. Frances Tustin - Sổ tay Phân tâm học / Sheila Spensley ; Dịch: Nguyễn Thị Hiền, Nguyễn Thị Linh Chi ; Nguyễn Bảo Trung h.đ. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 331 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - (Tủ sách UCG). - 234000đ. - 1000b
Thư mục: tr. 307-324 s617729

1133. Sun. Trắc nghiệm tâm lý - Bạn có phải kẻ tâm thần? / Sun b.s. - Tái bản. - H. : Lao động, 2025. - 127 tr. ; 19 cm. - 69000đ. - 2000b s615889

1134. Swanson, Ann. Khoa học về Yoga : Hiểu rõ giải phẫu và sinh lý học cơ thể để thực hành thành thực / Ann Swanson ; Phạm Hằng Nguyên dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 218 tr. : minh họa ; 23 cm. - 300000đ. - 1500b
Thư mục: tr. 214-216 s617156

1135. Tồn thương đa dây chằng khớp gối : Sách chuyên khảo / B.s.: Võ Thành Toàn (ch.b.), Đỗ Võ Công Nguyên, Nguyễn Minh Dương... - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 326 tr. : minh họa ; 21 cm. - 250000đ. - 200b
ĐTTS ghi: Trường Đại học Khoa học Sức khỏe. Bộ môn Chấn thương chỉnh hình. - Thư mục: tr. 325-326 s617167

1136. Trương Mỹ Dung. Dinh dưỡng lành mạnh : Sống khỏe từ A đến Z / Trương Mỹ Dung b.s. ; Minh họa: Nhân Tài Trương... ; Nguyễn Hồng Vũ h.đ. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 103 tr. : hình vẽ, bảng ; 20 cm. - (Y học - Sức khỏe). - 60000đ. - 1000b
Thư mục: tr. 101-103 s616694

1137. Trương Thị Thảo. Ba mươi năm dưỡng sinh tâm thể Việt Nam : Tập thơ / Trương Thị Thảo. - In lần 2. - H. : Lao động, 2025. - 83 tr. ; 19 cm. - 45000đ. - 500b s615966

1138. Wager, Karen A. Hệ thống thông tin y tế : Phiên bản thứ 5 : Hồ sơ bệnh án điện tử... / Karen A. Wager, Frances W. Lee, John P. Glaser ; Dịch: Bảo Ngọc. Phi Yến. - H. : Thế giới, 2025. - 588 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 520000đ. - 1000b
Tên sách tiếng Anh: Health care information systems s616154

1139. Y học sinh sản / Ngô Thị Hải Lý, Nguyễn Thị Bảo Hiếu, Huỳnh Nguyệt Ánh... - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh. - 28 cm. - 2500b
Đầu bìa sách ghi: Hội Nội tiết sinh sản và vô sinh Thành phố Hồ Chí Minh
T.74: Sức khỏe sinh sản nam giới. - 2025. - 166 tr. : minh họa. - Thư mục trong chính văn s616347

KỸ THUẬT

1140. Autoday - Born to burn silence : Jun 2025 - Issue 014 / Quang Huy, Hải Linh, Khánh Ngọc... ; B.s.: Lương Đình Hùng (ch.b.)... - H. : Lao động, 2025. - 95 tr. : ảnh màu ; 28 cm. - 50000đ. - 100b s616144

1141. Autoday - Công nghệ kết nối cảm xúc / Lê Tuấn, Quang Tuyền, Thu Trang... ; B.s.: Lương Đình Hùng (ch.b.)... - H. : Lao động, 2025. - 95 tr. : ảnh màu ; 28 cm. - 50000đ. - 2000b s616147

1142. Autoday - Phong cách tạo dấu ấn : Jul 2025 - Issue 015 / Thu Trang, Dương Quang, Lê Tuấn... ; B.s.: Lương Đình Hùng (ch.b.)... - H. : Lao động, 2025. - 95 tr. : ảnh màu ; 28 cm. - 50000đ. - 1000b s616145

1143. Autoday - Plug into performance : May 2025 - Issue 013 / Thu Trang, Huy Lương, Khánh Ngọc... ; B.s.: Lương Đình Hùng (ch.b.)... - H. : Lao động, 2025. - 95 tr. : ảnh màu ; 28 cm. - 50000đ. - 400b s616143

1144. Dong Anh Pham. Hành trình Volvo : Gần một thế kỷ đặt con người làm trung tâm / Dong Anh Pham. - H. : Công Thương, 2025. - 247 tr. : ảnh ; 21 cm. - 198000đ. - 1000b s616409

1145. Giáo trình Công nghệ và quy trình khai thác quặng hàm lò : Dùng cho trình độ đại học / Nguyễn Ngọc Minh, Khương Phúc Lợi (ch.b.), Phạm Đức Thang, Trần Văn Duyệt. - H. : Công Thương, 2025. - 137 tr. : minh họa ; 27 cm. - 250b

ĐTTS ghi: Bộ Công Thương. Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh. - Thư mục: tr. 133 s616368

1146. Giáo trình môn học Vật liệu cơ khí / Hồ Minh Trị (ch.b.), Ngô Thị Hà, Nguyễn Ngọc Quang Phục... - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 135 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 72000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Trường Cao đẳng Kon Tum. - Lưu hành nội bộ. - Phụ lục: tr. 111-134. - Thư mục: tr. 135 s616549

1147. Giáo trình Vật liệu học / Võ Thế Kỳ (ch.b.), Nguyễn Văn Cường, Lộ Nhật Trường, Cao Xuân Thắng. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 246 tr. : minh họa ; 24 cm. - 60000đ. - 300b

Thư mục cuối mỗi chương s616616

1148. Giáo trình Xử lý chất thải rắn và chất thải nguy hại / Đỗ Văn Mạnh (ch.b.), Trịnh Văn Tuyên, Lê Xuân Thanh Thảo... - H. : Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, 2025. - 278 tr. : minh họa ; 24 cm. - 235000đ. - 100b

Thư mục: tr. 273-278 s617053

1149. Hoàng Văn Xiêm. Giáo trình Cơ sở toán ứng dụng trong kỹ thuật robot / Hoàng Văn Xiêm (ch.b.), Trần Thị Thúy Quỳnh, Ken Tomiyama. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 215 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Tủ sách Khoa học). - 100000đ. - 200b

Thư mục: tr. 214-215 s616457

1150. Lưu Thế Vinh. Giáo trình Linh kiện điện tử / Lưu Thế Vinh (ch.b.), Nguyễn Ngọc Sơn. - Tái bản lần thứ 1 có sửa chữa, bổ sung. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 236 tr. : minh họa ; 24 cm. - 60000đ. - 700b

Phụ lục: tr. 226-235. - Thư mục: tr. 236 s616619

1151. Nguyễn Hoàng Mai. CBESS - Hệ thống lưu trữ điện năng dùng pin và siêu tụ điện / Nguyễn Hoàng Mai. - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2025. - iv, 257 tr. : minh họa ; 24 cm. - 198000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Đại học Đà Nẵng. Trường Đại học Bách khoa. - Thư mục: tr. 254-257 s617581

1152. Nguyễn Phong Điền. Dao động và động lực học máy = Vibration and machine dynamics / Nguyễn Phong Điền, Nguyễn Quang Hoàng, Nguyễn Thị Vân Hương. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - x, 409 tr. : minh họa ; 27 cm. - 258000đ. - 290b

Phụ lục: tr. 391-405. - Thư mục: tr. 406-409 s616175

1153. Nguyễn Thị Bạch Dương. Phương pháp xung kích động cho chẩn đoán, kiểm định chất lượng bển cầu tàu / Nguyễn Thị Bạch Dương. - H. : Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, 2025. - 127 tr. : minh họa ; 24 cm. - 70000đ. - 100b

Thư mục: tr. 124-127 s617052

1154. Nguyễn Văn Phóng. Giáo trình Cơ học đất / Nguyễn Văn Phóng (ch.b.), Nguyễn Văn Bình, Nhữ Việt Hà. - H. : Giao thông vận tải, 2025. - 231 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 379000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Mỏ - Địa chất. - Thư mục: tr. 231 s616267

1155. Thân Ngọc Hoàn. Giáo trình Cơ cấu chấp hành và điều khiển / Thân Ngọc Hoàn (ch.b.), Ngô Quang Vĩ. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 323 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 404000đ. - 70b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Thủy lợi. Khoa Điện - Điện tử. - Thư mục cuối mỗi chương s616177

1156. Thủy nông Việt Nam từ năm 1858 đến năm 1945 : Sách chuyên khảo / Bùi Thị Hà (ch.b.), Trương Thị Phương, Trần Thị Thanh Huyền... - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 486 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 195000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. - Viện Sử học. - Thư mục: tr. 446-475. - Phụ lục ảnh: tr. 476-486 s616527

1157. Trần Văn Tóp. Vật liệu kỹ thuật điện : Dành cho sinh viên đại học ngành Kỹ thuật điện / Trần Văn Tóp (ch.b.), Phạm Thành Chung. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 363 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 205000đ. - 290b

Thư mục: tr. 363 s616551

1158. Trịnh Thị Hồng. Kỹ thuật điện - KTMT / Trịnh Thị Hồng (ch.b.), Nguyễn Công Hợi. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 285 tr. : minh họa ; 24 cm. - 50000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Trường Đại học An Giang. Khoa Kỹ thuật - Công nghệ - Môi trường. - Thư mục: tr. 285 s617173

NÔNG NGHIỆP

1159. Giáo trình mô đun Nuôi dưỡng và chăm sóc gia cầm : Dành cho ngành, nghề Chăn nuôi - Thú y, trình độ: Trung cấp / Huỳnh Thị Thu Hương, Phạm Thị Tầm (ch.b.), Phan Hồng Sơn, Võ Thị Bảo Nhân. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 99 tr. : ảnh, bảng ; 24 cm. - 70000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Trường Cao đẳng Kon Tum. - Lưu hành nội bộ. - Thư mục: tr. 99 s616546

1160. Nam Lê. Làm chủ tư duy định hình tác phẩm bonsai : Mỗi "siêu phẩm" là một câu chuyện... / Nam Lê. - H. : Lao động, 2024. - 169 tr. : hình vẽ, ảnh ; 24 cm. - 382000đ. - 2500b
Tên thật tác giả: Lê Đức Nam s617408

1161. Phan Phương Loan. Giáo trình Thủy sản đại cương / Phan Phương Loan (ch.b.), Nguyễn Văn Tư. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 329 tr. : minh họa ; 24 cm. - 175000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. Trường Đại học An Giang. - Thư mục cuối mỗi chương s617547

QUẢN LÝ NHÀ CỬA VÀ GIA ĐÌNH

1162. Bông hoa tự tin : Bồi dưỡng kỹ năng cho thanh niên / Lời: Nguyễn Thị Minh Hương, Đặng Thanh Giang ; Minh họa: KimNhiLe. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2024. - 59 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Câu chuyện truyền thông thay đổi định kiến giới và khuôn mẫu giới). - 19700b

Bình đẳng giới vùng dân tộc thiểu số và miền núi. Chương trình Mục tiêu quốc gia DTTS & MN s617726

1163. Chapman, Gary. 5 ngôn ngữ yêu thương dành cho trẻ em = The 5 love languages of children / Gary Chapman, Ross Campbell ; Hoàng Yến dịch. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 239 tr. : ảnh ; 21 cm. - 128000đ. - 1000b s617228

1164. Con trai, con gái khác nhau ă? : Truyện tranh : Cho trẻ 3 - 8 tuổi / Tam Tam, Lưu Tự Long ; Khánh Nguyên dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 31 tr. : tranh màu ; 24x25 cm. - (Giáo dục giới tính nhi đồng). - 52000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: 东方儿童生理启蒙绘本 s616427

1165. Dạy con học nói sớm / Nguyễn Trang dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 198 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 109000đ. - 2000b

ĐTTS ghi: Trung tâm Bethel hearing & speaking training. - Tên sách tiếng Trung: 爸妈带我学说话: 儿童语言发展家长指导手册(1册). - Thư mục trong chính văn s617730

1166. Dạy con trong bình tĩnh / Đội ngũ chuyên gia Donybooks. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 260 tr. : bảng, tranh màu ; 23 cm. - 360000đ. - 2000b s616647

1167. Đánh thức bản lĩnh trong con. - H. : Lao động, 2025. - 79 tr. : tranh vẽ ; 23 cm. - (Sách kỹ năng). - 80000đ. - 5000b s617393

1168. Hagen, Anne Hilde Vassbø. Trẻ cáu, cha mẹ gắt / Anne Hilde Vassbø Hagen, Joanne Dolhanty ; Trần Mai Loan dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 443 tr. ; 21 cm. - 155000đ. - 2000b

Thư mục: tr. 439-443 s617732

1169. Hoàng Đình Hải. Nghệ thuật sống tuổi già hạnh phúc / Hoàng Đình Hải. - H. : Văn học, 2025. - 187 tr. : bảng, sơ đồ ; 21 cm. - 120000đ. - 200b s616958

1170. Holt-Woehl, Hollie M. Những tiếng khóc, sự khôn ngoan, và hy vọng trong việc nuôi dạy trẻ chậm phát triển / Hollie M. Holt-Woehl ; Nguyễn Thị Tuyết Chinh dịch. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 192 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 50000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 191-192 s616640

1171. Mã Đình. Nuôi dạy con kiểu hợp tác / Mã Đình, Kẹo Gấu QQ ; Đông Anh dịch. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2025. - 247 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 128000đ. - 1000b s616661

1172. Thẩm Ninh. Dưỡng nhan đánh tan lão hoá : Liệu pháp Đông y giúp phụ nữ trẻ đẹp mãi không già / Thẩm Ninh ; Thủy Bạch dịch. - Thanh Hoá : Nxb. Thanh Hoá, 2025. - 223 tr. : hình vẽ, ảnh ; 21 cm. - 148000đ. - 1000b s616665

1173. Thomas, Katherine Woodward. Thu hút người bạn đời lý tưởng - 7 tuần sáng tạo "tình yêu" đời bạn = Calling in the one - 7 weeks to attract the love of your life / Katherine Woodward Thomas ; Bùi Châu Đảo dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 534 tr. ; 24 cm. - 295000đ. - 1000b s617128

1174. Thu Huệ. Chúng ta nhất định hạnh phúc trong hôn nhân : Yêu, kết hôn và... / Thu Huệ, Minh Tâm, Tuyết Trinh. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 282 tr. : minh họa ; 21 cm. - 108000đ. - 1500b s617705

1175. Toshiyuki Shiomi. Rèn luyện não bộ cho trẻ thông qua trò chơi trí tuệ : Phát triển IQ / Toshiyuki Shiomi ; Thu Phương dịch ; Minh họa: Eiko Kuryu. - H. : Lao động, 2025. - 231 tr. : tranh vẽ ; 19 cm. - 159000đ. - 2000b s615888

1176. Vũ Thị May. Chữa ngọng - Luyện đọc : Cẩm nang cho mẹ. Tài liệu cho bé : 3 - 6 tuổi / Vũ Thị May. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 117 tr. : minh họa ; 21x30 cm. - 110000đ. - 1000b s617440

QUẢN LÝ VÀ QUAN HỆ CÔNG CỘNG

1177. Ảnh hưởng của quản trị nguồn nhân lực, trách nhiệm xã hội đến sự hài lòng và gắn bó của người lao động với tổ chức tại các doanh nghiệp chế biến dứa Việt Nam : Sách chuyên khảo / Phước Minh Hiệp, Huỳnh Văn Tài, Trương Thị Bé Hai (ch.b.)... - H. : Tài chính, 2025. - xxii, 411 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 380000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 249-269. - Phụ lục: tr. 270-411 s617190

1178. Bài tập Kế toán doanh nghiệp : Khám phá thế giới kế toán qua những câu chuyện đời thường thú vị / Lê Thị Mỹ Hạnh, Trần Khánh Lâm, Phan Hoài Vũ... - H. : Tài chính, 2025. - 196 tr. : minh họa ; 27 cm. - 100000đ. - 1000b

Phụ lục trong chính văn. - Thư mục: tr. 196 s616161

1179. Bùi Bình. Kế toán từ con số 0 : Từ gà mờ tới gõ sổ chuyên nghiệp / Bùi Bình. - H. : Tài chính, 2025. - 284 tr. : minh họa ; 27 cm. - 250000đ. - 3000b s616264

1180. Bùi Văn Danh. Quản trị chiến lược - Từ tư duy đến thực thi / Bùi Văn Danh, Bùi Khang Cát. - Tái bản, có bổ sung và cập nhật. - H. : Tài chính, 2025. - xvi, 346 tr. : minh họa ; 24 cm. - 435000đ. - 1500b s617185

1181. Chiến lược bán hàng hiệu quả : Đột phá doanh thu trong thị trường cạnh tranh khốc liệt / Thomas V. Bonoma, Philip Kotler, Neil Rackham... ; Trung Trịnh dịch. - H. : Công Thương, 2025. - 290 tr. ; 21 cm. - 159000đ. - 3000b s616399

1182. Collins, Jim. Từ tốt đến vĩ đại = Good to great : Tại sao một số công ty đạt bước nhảy vọt... còn các công ty khác thì không? / Jim Collins ; Trần Thị Ngân Tuyên dịch. - In lần thứ 45, có bổ sung chương. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 483 tr. : minh họa ; 21 cm. - 130000đ. - 3000b

Phụ lục: tr. 391-449 s616741

1183. Croll, Alistair. Phân tích dữ liệu tinh gọn : Sử dụng dữ liệu kinh doanh một cách thông minh để đưa ra quyết định chính xác nhất / Alistair Croll, Benjamin Yoskovitz ; Trần Mạnh Hoàng dịch ; Hồng Ngân h.đ. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Công Thương, 2025. - 474 tr. : minh họa ; 24 cm. - 229000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Anh: Lean analytics : Use data to build a better startup faster. - Phụ lục: tr. 473-474 s616440

1184. Diller, Steve. Điềm mù trong kinh doanh : Đổi mới và duy trì mối quan hệ với khách hàng / Steve Diller, Nathan Shedroff, Sean Sauber ; Hải Phong dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 375 tr. : minh họa ; 21 cm. - 130000đ. - 2000b s617720

1185. Drucker, Peter F. Lãnh đạo theo mục tiêu : Thấu hiểu giá trị doanh nghiệp, nắm bắt cơ hội đổi mới, tối ưu hiệu suất làm việc và phát triển đội ngũ nhân sự vững mạnh / Peter F. Drucker ; Phạm Trúc Quỳnh dịch. - H. : Công Thương, 2025. - 471 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - (Bộ sách Tinh hoa quản lý). - 229000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Peter F. Drucker on management essentials s616402

1186. Drucker, Peter F. Nhà quản trị hiệu quả = The effective executive / Peter F. Drucker ; Nguyễn Dương Hiếu dịch. - Tái bản lần 1. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 318 tr. ; 20 cm. - (Tủ sách Doanh trí). - 185000đ. - 1000b s617221

1187. Drucker, Peter F. Quản lý nhân sự trong thời đại công nghệ : Tiếp thu những kỹ thuật đổi mới, nắm bắt cơ hội chuyển mình, sẵn sàng thích nghi và tổ chức doanh nghiệp hiệu quả trong thị trường hiện đại / Peter F. Drucker ; Thảo Hà dịch. - H. : Công Thương, 2025. - 299 tr. ; 21 cm. - (Bộ sách Tinh hoa quản lý). - 179000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Peter F. Drucker on technology s616403

1188. Drucker, Peter F. Quản lý thực chiến : Từ chiến lược đến thực thi: Những nguyên tắc quản lý thực tế để tối ưu năng suất đội ngũ dựa trên mục tiêu, kỷ luật và văn hóa doanh nghiệp / Peter F. Drucker ; Thảo Hà dịch. - H. : Công Thương, 2025. - 347 tr. ; 21 cm. - (Bộ sách Tinh hoa quản lý). - 195000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Peter F. Drucker on practical leadership s616404

1189. Drucker, Peter F. Tư duy quản trị trong thời đại tri thức : Vận hành tổ chức bằng tư duy chiến lược, trí tuệ quản lý và tạo dựng giá trị bền vững trong thời đại biến động / Peter F. Drucker ; Dạ Hàn dịch. - H. : Công Thương, 2025. - 382 tr. ; 21 cm. - (Bộ sách Tinh hoa quản lý). - 219000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Peter F. Drucker on nonprofits and the public sector s616401

1190. Duke, Annie. Tư duy đặt cược = Thinking in bets : Quyết định sáng suốt hơn khi không có đủ thông tin / Annie Duke ; Mai Chí Trung dịch. - In lần thứ 4. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 309 tr. ; 23 cm. - 130000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 295-309 s616747

1191. Ferrazzi, Keith. Đừng bao giờ đi ăn một mình = Never eat alone : Và những bí mật dẫn đến thành công, thông qua xây dựng mối quan hệ / Keith Ferrazzi, Tahl Raz ; Trần Thị Ngân Tuyền dịch. - In lần thứ 44. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 462 tr. ; 21 cm. - 145000đ. - 3000b s616742

1192. Fryrear, Andrea. Ứng dụng Agile marketing / Andrea Fryrear ; Diệu Linh dịch. - H. : Công Thương, 2025. - 351 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 195000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Mastering marketing agility: Transform your marketing teams and evolve your organization s616429

1193. Giáo trình Kế toán quản trị 2 = Management accounting 2 / B.s.: Dương Hoàng Ngọc Khuê, Trần Thị Phương Lan (ch.b.), Ngô Nhật Phương Diễm, Dương Thị Thùy Liên. - H. : Tài chính, 2025. - xii, 378 tr. : bảng, biểu đồ ; 24 cm. - 239000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Bộ Tài chính. Trường Đại học Tài chính - Marketing. - Phụ lục: tr. 371-378 s617186

1194. Giáo trình Kế toán quản trị doanh nghiệp / Ngô Thế Chi, Đinh Thị Kim Xuyên (ch.b.), Hoàng Thị Huyền... - H. : Lao động, 2025. - 453 tr. : bảng, sơ đồ ; 24 cm. - 141000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp. - Thư mục: tr. 451-452 s617399

1195. Giáo trình Khởi nghiệp / B.s.: Nguyễn Giác Trí (ch.b.), Huỳnh Quốc Tuấn, Phạm Ánh Tuyết... - H. : Tài chính, 2025. - 370 tr. : minh họa ; 24 cm. - 119000đ. - 1500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Đồng Tháp. Khoa Kinh tế - Luật. - Thư mục: tr. 368-370 s617188

1196. Giáo trình Marketing quốc tế / B.s.: Nguyễn Văn Hà, Nguyễn Thị Thúy Hà (ch.b.), Phạm Thu Trang... - H. : Công an nhân dân, 2025. - 368 tr. : minh họa ; 24 cm. - 178000đ. - 420b

ĐTTS ghi: Học viện Ngân hàng. - Thư mục: tr. 355-358 s617070

1197. Giáo trình môn học: Nguyên lý kế toán : Ngành, nghề: Kế toán, trình độ: Cao đẳng / Phạm Thị Thoa (ch.b.), Nguyễn Thành Luân, Nguyễn Thị Hồng, Võ Thị Kim Giàu. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 219 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 120000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Trường Cao đẳng Kon Tum. - Lưu hành nội bộ. - Thư mục: tr. 208. - Phụ lục: tr. 209-219 s616550

1198. Giáo trình Quản trị chất lượng trong doanh nghiệp / B.s.: Phạm Thu Trang (ch.b.), Nguyễn Văn Hà, Nguyễn Thị Việt Hà... - H. : Công an nhân dân, 2025. - 544 tr. : bảng, biểu đồ ; 24 cm. - 245000đ. - 420b

ĐTTS ghi: Học viện Ngân hàng. - Thư mục: tr. 522-527 s617077

1199. Giáo trình Quản trị chiến lược / Đàm Trí Cường (ch.b.), Nguyễn Thành Long, Võ Điền Chương, Trần Thị Huế Chi. - Tái bản lần 1. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 262 tr. : minh họa ; 24 cm. - 120000đ. - 500b

Thư mục: tr. 253-262 s616621

1200. Giáo trình Quản trị chuỗi cung ứng / B.s.: Nguyễn Văn Hà, Vũ Thị Ánh Tuyết (ch.b.), Lê Thu Hạnh, Nguyễn Thu Trâm. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 431 tr. : minh họa ; 24 cm. - 205000đ. - 420b

ĐTTS ghi: Học viện Ngân hàng. - Thư mục: tr. 416-420 s617069

1201. Giáo trình Quản trị học / B.s.: Nguyễn Giác Trí (ch.b.), Lê Văn Tuấn, Hoàng Thị Doan... - H. : Tài chính, 2025. - 279 tr. : minh họa ; 24 cm. - 89000đ. - 1500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Đồng Tháp. Khoa Kinh tế - Luật. - Thư mục: tr. 278-279 s617195

1202. Giáo trình Quản trị học / Hoàng Văn Long (ch.b.), Nguyễn Minh Đạt, Lương Công Nguyên... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 402 tr. ; 21 cm. - 122000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục: tr. 398-402 s617089

1203. Giáo trình Quản trị vận hành / B.s.: Nguyễn Thị Việt Hà (ch.b.), Nguyễn Văn Hà, Phạm Thu Trang, Phạm Đình Dũng. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 631 tr. : minh họa ; 24 cm. - 280000đ. - 420b

ĐTTS ghi: Học viện Ngân hàng. - Thư mục cuối mỗi chương s617076

1204. Guillebeau, Chris. Tự do tài chính / Chris Guillebeau ; Nguyễn Thị Thương Thương dịch. - H. : Công Thương, 2025. - 403 tr. : ảnh ; 21 cm. - 219000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: 100 side hustles: Unexpected ideas for making extra money without quitting your day job s616397

1205. Hành trình trở thành nhà đào tạo chuyên nghiệp = The journey to becoming a master trainer / Huy Hoàng, Quỳnh Hương, Thanh Nguyên, Ngọc Hậu. - H. : Lao động, 2025. - 359 tr. : hình vẽ, ảnh ; 24 cm. - 369000đ. - 500b s617385

1206. Heppell, Michael. Dịch vụ khách hàng 5 sao = Five star service : Điều gì khiến khách hàng không thể rời bỏ bạn? / Michael Heppell ; Nguyễn Khánh Huyền dịch. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Lao động, 2025. - 326 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 159000đ. - 3000b s617412

1207. Hệ thống bài tập & câu hỏi trắc nghiệm nguyên lý kế toán / Võ Văn Nghị (ch.b.), Phạm Ngọc Toàn, Trần Thị Thanh Hải... - Tái bản lần thứ 10. - H. : Tài chính, 2025. - 137 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 30000đ. - 1500b s617180

1208. Hideo Okubo. Vương đạo kinh doanh : 8 tư duy cần thiết cho những thế hệ lãnh đạo kế tiếp... / Hideo Okubo ; Hồ Văn Hơn dịch. - Tái bản. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 339 tr. : minh họa ; 21 cm. - 125000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Nhật: 王道経営 s617766

1209. Huỳnh Tấn Dũng. Kiểm toán cơ bản / Huỳnh Tấn Dũng (ch.b.), Nguyễn Quốc Nhất, Huỳnh Huy Hạnh. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 277 tr. : bảng ; 28 cm. - 155000đ. - 800b

Phụ lục: tr. 249-275. - Thư mục: tr. 276-277 s616346

1210. Kỹ năng quản lí thời gian / Phòng Đọc sách ; Dương Thục Quân dịch. - H. : Văn học, 2025. - 163 tr. : tranh vẽ ; 23 cm. - (Rèn kỹ năng sống cho học sinh). - 60000đ. - 3000b s616943

1211. Kim Woo Choong. Thế giới quả là rộng lớn và có rất nhiều việc phải làm : Phiên bản cập nhật mới nhất / Kim Woo Choong ; Dịch: Trần Thị Bích Phượng, Thanh Loan. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Công Thương, 2025. - 309 tr. ; 21 cm. - 139000đ. - 3000b
Tên sách tiếng Anh: It's a big world and there're lots to be done s616435

1212. Kirkpatrick, James D. Đánh giá kết quả đào tạo = Kirkpatrick's four levels of training evaluation : Theo mô hình "bốn cấp độ" kinh điển / James D. Kirkpatrick, Wendy Kayser Kirkpatrick ; Lê Hồng Vân dịch. - Tái bản lần 1. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 376 tr. : minh hoạ ; 23 cm. - (Tủ sách Doanh Trí). - 255000đ. - 1000b s617231

1213. Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia về quản trị, tài chính, kế toán và thương mại (BFAC2022) chủ đề "Bối cảnh quốc tế và chiến lược địa phương" / Nguyễn Thị Mai, Lê Quang Đức, Đào Ngọc Thúy Vi... - H. : Tài chính, 2025. - 759 tr. : hình vẽ, bảng ; 29 cm. - 100b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục cuối mỗi bài s616168

1214. Lục Mạnh Hiền. Từ thực tập sinh đến người không thể thay thế : 66 câu chuyện và bài học sâu sắc chốn công sở / Lục Mạnh Hiền, Phạm Thị Lệ. - H. : Văn học, 2025. - 280 tr. ; 21 cm. - 268000đ. - 1000b s616899

1215. Maxwell, John C. Phát triển kỹ năng lãnh đạo = Developing the leader within you / John C. Maxwell ; Dịch: Đinh Việt Hòa, Nguyễn Thị Kim Oanh ; Trần Kim Chi h.đ. - Tái bản lần thứ 11. - H. : Lao động, 2025. - 375 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 179000đ. - 3000b s617409

1216. Michalowicz, Mike. Kế hoạch bí ngô : Chiến lược độc đáo giúp doanh nghiệp thăng hoa. Thổi bay đối thủ, thu hút khách hàng, phát triển hùng mạnh / Mike Michalowicz ; Thạch Bách dịch. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Thế giới, 2025. - 348 tr. ; 21 cm. - 169000đ. - 3000b
Tên sách tiếng Anh: The pumpkin plan s617137

1217. Nguyên lý kế toán / B.s.: Võ Văn Nhị (ch.b.), Phạm Ngọc Toàn. Trần Thị Thanh Hải... - Tái bản lần thứ 9. - H. : Tài chính, 2025. - 324 tr. : bảng, sơ đồ ; 24 cm. - 90000đ. - 1500b

Phụ lục: tr. 257-317 s617196

1218. Nguyễn Thành Nam. Câu chuyện khởi nghiệp: Tư duy - Hành động - Bứt phá / Nguyễn Thành Nam. - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2025. - 131 tr. ; 21 cm. - 129000đ. - 1000b s617577

1219. Nguyễn Thị Vân. Giáo trình Giao tiếp trong kinh doanh / Nguyễn Thị Vân. - Tái bản lần 1. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 235 tr. : ảnh, bảng ; 24 cm. - 90000đ. - 500b

Thư mục cuối mỗi phần s616620

1220. Nguyễn Văn Hậu. Giáo trình Kế toán tài chính 2 / B.s.: Nguyễn Văn Hậu (ch.b.), Lê Thị Ngọc Phương, Nguyễn Thị Chinh Lam. - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 708 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 375000đ. - 520b

ĐTTS ghi: Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông. - Thư mục: tr. 706-708 s617515

1221. Phạm Xuân Giang. Giáo trình Quản trị dự án đầu tư / Phạm Xuân Giang (ch.b.), Huỳnh Đạt Hùng, Nguyễn Ngọc Thúc. - Tái bản lần 1. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 312 tr. : minh họa ; 24 cm. - 100000đ. - 500b
Thư mục: tr. 306-309. - Phụ lục: tr. 310-312 s616617

1222. Ramanna, Karthik. Kỹ nguyên phân nộ : Bí kíp "hạ nhiệt" làn sóng phân nộ của cộng đồng = The age of outrage : How to lead in a polarized world / Karthik Ramanna ; Trần Hoàng Cương dịch. - H. : Công Thương, 2025. - 354 tr. ; 21 cm. - 175000đ. - 2000b s616431

1223. Ries, Al. 22 quy luật bất biến trong xây dựng thương hiệu và 11 quy luật bất biến trong xây dựng thương hiệu trên Internet / Al Ries, Laura Ries ; Dịch: Minh Hương... ; Tường Vân h.đ., chú giải. - Tái bản lần thứ 8. - H. : Công Thương, 2025. - 343 tr. ; 24 cm. - 199000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Anh: The 22 immutable laws of branding s616439

1224. Ries, Al. Nghệ thuật dụng binh trong marketing = Marketing warfare : Áp dụng các nguyên tắc chiến tranh để giành lợi thế trên thị trường / Al Ries, Jack Trout ; Nguyễn Thụy Khánh Chương dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Tài chính, 2025. - 315 tr. : minh họa ; 19x21 cm. - 179000đ. - 3000b s616035

1225. Rockefeller. 38 lá thư Rockefeller gửi cho con trai / Kiều Anh Tú dịch. - H. : Công Thương, 2025. - 227 tr. ; 21 cm. - 139000đ. - 3000b s616408

1226. Sharma, Robin. Nhà lãnh đạo không chức danh : Câu chuyện về thành công thực sự trong kinh doanh và cuộc sống / Robin Sharma ; Nguyễn Minh Thiên Kim dịch. - In lần thứ 28. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 269 tr. ; 21 cm. - 105000đ. - 5000b

Tên sách tiếng Anh: The leader who had no title s616731

1227. Skai, Lily. Billie tỷ phú : Truyện cậu bé kinh doanh thành công và trở thành đại sứ khởi nghiệp trẻ / Lily Skai. - H. : Thế giới, 2025. - 367 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - (Tủ sách Lily Skai). - 125000đ. - 1000b s617101

1228. Tổng Nhất Trí. Tại sao người giàu chơi golf? : Những bài học từ sân cỏ đến đỉnh thành công / Tổng Nhất Trí. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 391 tr. : ảnh, bảng ; 21 cm. - 239000đ. - 1000b s617214

1229. Trần Thị Thập. Cẩm nang hướng dẫn kinh doanh online cho các cá nhân, hộ gia đình / Trần Thị Thập. - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 298 tr. : minh họa ; 21 cm. - 180000đ. - 300b

Thư mục: tr. 297-298 s617509

1230. Trần Thị Thập. Cẩm nang hướng dẫn kinh doanh online cho các cá nhân, hộ gia đình / Trần Thị Thập. - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 298 tr. : minh họa ; 21 cm. - 2000b

Thư mục: tr. 297-298 s617508

1231. Trần Thị Thu Hương. Giáo trình Quản lý kho và trung tâm phân phối / Trần Thị Thu Hương, Phạm Văn Kiệt. - H. : Thống kê, 2025. - 298 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 145500đ. - 250b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Thương mại. - Thư mục cuối mỗi chương s616553

1232. Trần Thị Thu Lan. Giáo trình Quản trị kinh doanh : Dành cho trình độ đại học / Ch.b.: Trần Thị Thu Lan, Nguyễn Thị Mơ, Trần Thị Thanh Hương. - H. : Công Thương, 2025. - 125 tr. : bảng ; 27 cm. - 200b

ĐTTS ghi: Bộ Công Thương. Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh. - Thư mục: tr. 123 s616369

1233. Trần Tuấn Anh. Phân tích định lượng trong quản trị / Trần Tuấn Anh. - Tái bản lần thứ 1. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 480 tr. : minh họa ; 24 cm. - 153000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh. Khoa Quản trị kinh doanh. - Thư mục: tr. 479 s617557

1234. Tư duy thiết kế trong kinh doanh : Cẩm nang thực hành để chuyển đổi doanh nghiệp / Tim Brown, Jeanne M. Liedtka, Christian Bason... ; An Du dịch. - H. : Công Thương, 2025. - 249 tr. ; 21 cm. - (Harvard business review). - 149000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Anh: HBR's 10 must reads on design thinking s616398

1235. Ứng dụng tư duy hệ thống trong công việc : Tư duy thực chiến / 1980 Books b.s. - H. : Lao động, 2025. - 198 tr. : hình vẽ, bảng ; 19 cm. - 159000đ. - 2000b s615963

1236. Vu Calvin Pham. Tư duy xây dựng hệ thống : 12 chìa khóa xây dựng lãnh đạo không phải người theo sau / Vu Calvin Pham. - Huế : Nxb. Thuận Hoá, 2025. - 166 tr. : bảng ; 21 cm. - 500b s616484

1237. Vũ Thị Thúy Hằng. Kỹ năng khai thác và ứng dụng sàn giao dịch điện tử / Vũ Thị Thúy Hằng. - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 299 tr. : bảng ; 21 cm. - 2000b

Thư mục: tr. 296-299 s617506

KỸ THUẬT HOÁ HỌC

1238. Công nghệ màng chất dẻo ứng dụng trong nông nghiệp và môi trường / Nguyễn Thanh Tùng (ch.b.), Nguyễn Văn Khôi, Phạm Thị Thu Hà... - H. : Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, 2025. - 354 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Bộ sách chuyên khảo Ứng dụng và Phát triển công nghệ cao). - 255000đ. - 200b

Đầu bìa sách ghi: Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam. - Thư mục: tr. 347-354 s617058

1239. Giáo trình Công nghệ màng lọc và ứng dụng / Mai Huỳnh Cang (ch.b.), Nguyễn Bảo Việt, Nguyễn Thị Ngọc Lan, Trần Đỗ Đạt. - H. : Nông nghiệp, 2025. - vi, 202 tr. : minh họa ; 24 cm. - 79000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục cuối mỗi chương s616507

1240. Giáo trình Kỹ thuật thực phẩm 3 / Phạm Thị Hoài Thu (ch.b.), Phạm Thị Thu, Nguyễn Thị Chà, Mai Thị Vân Anh. - H. : Lao động, 2025. - 257 tr. : minh họa ; 24 cm. - 91000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp. - Thư mục: tr. 252-256 s617398

1241. Huỳnh Hải Yến. Bách hương : 100 nguyên liệu - 100 câu chuyện mùi hương / Huỳnh Hải Yến. - H. : Thế giới, 2025. - 363 tr. : hình vẽ, bảng ; 23 cm. - 490000đ. - 1000b s617131

1242. Kha Chân Tuyên. Giáo trình Kỹ thuật ổn định thực phẩm bằng phương pháp đóng hộp / Kha Chân Tuyên. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 332 tr. : minh họa ; 24 cm. - 250000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh. Khoa Công nghệ Hóa học và Thực phẩm. - Thư mục: tr. 323-327. - Phụ lục: tr. 328-332 s617171

1243. Peptide kháng khuẩn từ da ếch - Sinh tổng hợp và phân tích hoạt tính / Lã Thị Huyền (ch.b.), Trần Mạnh Hải, Nguyễn Trọng Linh... - H. : Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, 2025. -

223 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - (Bộ sách chuyên khảo Tài nguyên thiên nhiên và Môi trường Việt Nam). - 190000đ. - 200b

Đầu bìa sách ghi: Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam. - Thư mục: tr. 207-223 s617057

CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT

1244. Chương trình và tóm tắt Hội nghị khoa học toàn quốc về dệt, may, da - giấy lần thứ 4 = Program and abstracts The 4th national scientific conference on textile, apparel and leather engineering (NSCTEX2025) / Phạm Bích Hương, Nguyễn Thị Hải Duyên, Nguyễn Thị Phương... - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - xxviii, 112 tr. : hình vẽ, ảnh ; 21 cm. - 110b

ĐTTS ghi: Câu lạc bộ Khoa học Dệt, May, Da - Giấy Việt Nam s616545

NGHỆ THUẬT, MỸ THUẬT VÀ NGHỆ THUẬT TRANG TRÍ

1245. Bé tập làm họa sĩ - Tô màu : 5 - 6 tuổi / Thiên Ân. - Tái bản lần thứ 6. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh. - 24 cm. - 10000đ. - 5000b

T.4. - 2025. - 23 tr. : tranh vẽ s617562

1246. Bé tô màu - Bé làm cảnh sát / Quang Minh. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2025. - 16 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 12000đ. - 10000b s616303

1247. Bé tô màu Hello Kitty - Đồ vật trong nhà / Little Angel. - H. : Dân trí, 2025. - 16 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 30000đ. - 2000b s616324

1248. Bé tô màu Hello Kitty - Thiên đường ẩm thực / Little Angel. - H. : Dân trí, 2025. - 16 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 30000đ. - 2000b s616325

1249. Bé tô màu sáng tạo - Các loại hoa / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2025. - 20 tr. : tranh vẽ ; 20 cm. - 29000đ. - 5000b s617685

1250. Bé tô màu sáng tạo - Các loại ô tô / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2025. - 20 tr. : tranh vẽ ; 20 cm. - 29000đ. - 5000b s617684

1251. Bé tô màu sáng tạo - Động vật hoang dã / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2025. - 20 tr. : tranh vẽ ; 20 cm. - 29000đ. - 5000b s617682

1252. Bé tô màu sáng tạo - Động vật nuôi / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2025. - 20 tr. : tranh vẽ ; 20 cm. - 29000đ. - 5000b s617688

1253. Bé tô màu sáng tạo - Khủng long / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2025. - 20 tr. : tranh vẽ ; 20 cm. - 29000đ. - 5000b s617687

1254. Bé tô màu sáng tạo - Phương tiện giao thông / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2025. - 20 tr. : tranh vẽ ; 20 cm. - 29000đ. - 5000b s617683

1255. Bé tô màu sáng tạo - Siêu nhân / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2025. - 20 tr. : tranh vẽ ; 20 cm. - 29000đ. - 5000b s617686

1256. Bé tô màu sáng tạo - Trái cây / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2025. - 20 tr. : tranh vẽ ; 20 cm. - 29000đ. - 5000b s617681

1257. Chibi Fashion - Công chúa nghệ sĩ : 100+ stickers dễ thương / Little Rainbow. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 24 tr., 8 tr. stickers : tranh màu ; 15 cm. - 28000đ. - 5500b s615893

1258. Đỗ Phấn. Vọng âm sắc màu : Tập ghi mỹ thuật / Đỗ Phấn. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 197 tr. ; 20 cm. - 93000đ. - 1000b s616689

1259. Em tập tô màu - Chủ đề Các loại trái cây / Chính Bình. - Thanh Hoá : Nxb. Thanh Hoá, 2025. - 16 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 12000đ. - 10000b s616355
1260. Em tập tô màu - Chủ đề Động vật nuôi / Chính Bình. - Tái bản lần 2. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2025. - 16 tr. : hình vẽ ; 28 cm. - 12000đ. - 10000b s616268
1261. Fashion show Công chúa mùa hạ : 100+ sticker siêu đáng yêu / Tiểu Tranh. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 22 tr. : hình vẽ ; 15 cm. - 32000đ. - 10000b s616504
1262. Góc hiên của nắng : Cuốn sách truyền cảm hứng để bạn trở nên hạnh phúc hơn mỗi ngày / @LANT, Nguyễn Uyên. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 95 tr. : tranh vẽ ; 19x24 cm. - 86000đ. - 5000b s616350
1263. 200 miếng bóc dán thông minh : Bé học Toán : Dành cho trẻ em từ 2 - 6 tuổi / Ngọc Linh b.s. - In lần thứ 11. - H. : Văn học, 2025. - 25 tr., 6 tr. đề can : hình vẽ, ảnh ; 26 cm. - (Tủ sách Sáng tạo)(Bóc dán hình thông minh). - 55000đ. - 2000b s617050
1264. 200 miếng bóc dán thông minh - Phát triển chỉ số thông minh IQ : 2 - 6 tuổi / Phùng Vi Diễm, Vương Vĩnh Tuệ ; Tuệ Văn dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 25 tr. : minh hoạ ; 25x26 cm. - (Tủ sách Sáng tạo. Bóc dán hình thông minh). - 55000đ. - 2000b s616383
1265. 200 miếng bóc dán thông minh - Phương tiện giao thông : Từ điển bằng hình cho trẻ em : 2 - 6 tuổi / Phùng Vi Diễm, Vương Vĩnh Tuệ ; Tuệ Văn dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 25 tr. : minh hoạ ; 25x26 cm. - (Tủ sách Sáng tạo. Bóc dán hình thông minh). - 55000đ. - 2000b s616384
1266. Hoa của núi : Tác giả - Tác phẩm : Kỷ niệm 25 năm ngày thành lập Chi hội (2001 - 2025) / Nguyễn Thanh Bình, Nguyễn Thị Hồng Chính, Quách Đình Diệu... - H. : Văn hóa dân tộc, 2025. - 359 tr. : ảnh ; 21 cm. - 500b
ĐTTS ghi: Chi hội Văn học nghệ thuật các Dân tộc thiểu số Việt Nam tại Phú Thọ s616511
1267. Huỳnh Thanh Bình. Tranh kiếng Nam Bộ : Nghệ thuật của mọi nhà / Huỳnh Thanh Bình. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 278 tr. : ảnh ; 24 cm. - 195000đ. - 1000b
Phụ lục: tr. 265-274. - Thư mục: tr. 275-278 s617218
1268. Jenny Nguyễn. Học vẽ các nhân vật hoạt hình được yêu thích nhất : Hướng dẫn vẽ chi tiết từ các bước cơ bản siêu đơn giản / Jenny Nguyễn. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 95 tr. : tranh vẽ ; 25 cm. - 89000đ. - 5000b s617665
1269. Labubu và những trò đùa tinh nghịch / @LANT, Tiểu Tranh. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2024. - 24 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 20000đ. - 10000b s616270
1270. Lê Thị Bạch Vân. Biến đổi của ca trù trong đời sống đương đại tại Hà Nội / Lê Thị Bạch Vân. - H. : Sân khấu, 2025. - 407 tr. : ảnh, bảng ; 21 cm. - 200000đ. - 300b
Thư mục: tr. 267-286. - Phụ lục: tr. 287-402 s617238
1271. Lulu Mayo. Chú chó bên hiên nhà / Lulu Mayo. - H. : Văn học, 2025. - 64 tr. : tranh vẽ ; 23 cm. - 60000đ. - 2000b s616923
1272. Lulu Mayo. Meo meo phơi nắng / Lulu Mayo. - H. : Văn học, 2025. - 64 tr. : tranh vẽ ; 23 cm. - 60000đ. - 2000b s616924
1273. Lulu Mayo. Một triệu chú gấu / Lulu Mayo. - H. : Văn học, 2025. - 64 tr. : tranh vẽ ; 23 cm. - 60000đ. - 2000b s616922
1274. Lulu Mayo. Một triệu thứ li ti / Lulu Mayo. - H. : Văn học, 2025. - 64 tr. : tranh vẽ ; 23 cm. - 60000đ. - 2000b s616921

1275. Lulu Mayo. Triệu thứ dưới đáy sâu / Lulu Mayo. - H. : Văn học, 2025. - 64 tr. : tranh vẽ ; 23 cm. - 60000đ. - 2000b s616920
1276. Mini fashion show - Mèo Mimi : 100+ stickers dễ thương. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 23 tr., 8 tờ đề can : hình vẽ ; 16 cm. - 29000đ. - 5000b s616540
1277. Ngôi nhà nhỏ hạnh phúc to ở đảo mèo / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2025. - 69 tr. : tranh vẽ ; 19x25 cm. - 71000đ. - 5000b s617049
1278. Nguyễn Thị Mỹ Liêm. Viết tiếp khúc ca tự hào - Âm nhạc Thành phố Hồ Chí Minh / Nguyễn Thị Mỹ Liêm. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - xiv, 404 tr. ; 24 cm. - 300b
Thư mục cuối mỗi bài s617543
1279. Nguyễn Thu Trang. Giảng dạy Soạn phần mềm Piano và keyboard - Định hướng năng lực / Nguyễn Thu Trang (ch.b.), Nguyễn Ngọc Diệp. - H. : Hồng Đức, 2025. - 252 tr. : bản nhạc, bảng ; 29 cm. - 250000đ. - 100b
Thư mục: tr. 145. - Phụ lục: tr. 146-252 s616258
1280. Qua lăng kính của một chú mèo - Tô màu mùa hè rực rỡ / Chaiyapat Tongkambunjong ; Bạc Hà dịch. - H. : Văn học, 2025. - 50 tr. : tranh ; 16x20 cm. - 75000đ. - 2000b s616262
1281. Ramstedt, Frida. Thiết kế nội thất - Kiến tạo không gian & ấn định phong cách / Frida Ramstedt ; Thanh Trúc dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 239 tr. : hình vẽ ; 25 cm. - 595000đ. - 1000b s617132
1282. Sách không lò về Tết - Em đi chợ Tết : Với rất nhiều miếng bóc dán sử dụng nhiều lần : Dành cho trẻ em từ 3 tuổi trở lên / Thành Đạt ; Minh họa: Tuyệt Hoàng. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 8 tr. : tranh màu ; 29 cm. - (Tủ sách Tương tác). - 108000đ. - 3000b s617695
1283. Sách trang điểm Jenny - Công chúa Hàn Quốc : 100+ sticker bóc dán trong suốt. Phát triển tư duy màu sắc, thỏa sức sáng tạo! / Minh họa: Thanh Huyền. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 22 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 45000đ. - 2700b s617424
1284. Sách trang điểm Myra - Công chúa Hàn Quốc : Phát triển tư duy, màu sắc, thỏa sức sáng tạo. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 22 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 45000đ. - 4000b s617449
1285. Sổ tô màu Chibi: Thủy thủ mặt trăng và biệt đội ngân hà / Be Muzzi Art. - H. : Lao động, 2025. - 38 tr. : tranh vẽ ; 19x26 cm. - 89000đ. - 2000b s617425
1286. Sprunki - Nốt nhạc sáng tạo : 24 tranh tô màu siêu đáng yêu / Tiểu Tranh. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 24 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 20000đ. - 10000b s616285
1287. Sticker sách bóc dán dành cho bé - Phương tiện giao thông : Dành cho độ tuổi 1 - 6 / Ta Kid. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 12 tr. : tranh màu ; 28 cm. - 42000đ. - 3000b s616334
1288. Sticker sách bóc dán dành cho bé - Thế giới động vật : Dành cho độ tuổi 1 - 6 / Ta Kid. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 12 tr. : tranh màu ; 28 cm. - 42000đ. - 3000b s616335
1289. Sticker sách bóc dán dành cho bé - Trang điểm công chúa : Dành cho độ tuổi 1 - 6 / Ta Kid. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 12 tr. : tranh màu ; 28 cm. - 42000đ. - 3000b s616333
1290. Sticker sách bóc dán dành cho bé - Trang phục búp bê : Dành cho độ tuổi 1 - 6 / Ta Kid. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 12 tr. : tranh màu ; 28 cm. - 42000đ. - 3000b s616336

1291. Sticker tô màu - Capybara chuyên gia ẩm thực / @LANT, Tiểu Tranh. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 12 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 24000đ. - 10000b s616330
1292. Sticker tô màu - Capybara thư giãn / @LANT, Tiểu Tranh. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 12 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 24000đ. - 10000b s616331
1293. Sticker tô màu - Capybara yêu âm nhạc / @LANT, Tiểu Tranh. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 12 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 24000đ. - 10000b s616332
1294. Tập tô màu - Chủ đề: Giao thông : Dành cho bé 3 - 4 tuổi / Dương Lan b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 15 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 10000đ. - 10000b s617640
1295. Tập tô màu - Chủ đề: Kỹ năng sống : Dành cho bé 3 - 4 tuổi / Dương Lan b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 15 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 10000đ. - 10000b s617638
1296. Tập tô màu - Chủ đề: Phát triển IQ : Dành cho bé 3 - 4 tuổi / Dương Lan b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 15 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 10000đ. - 10000b s617639
1297. Thị trấn mèo Kapi / @LANT, Tiểu Tranh. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 68 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 74000đ. - 10000b s616658
1298. Trò chơi dán hình sticker - Đại dương huyền bí : 2 - 8 tuổi / Khánh Huyền. - H. : Văn học, 2025. - 8 tr. : tranh màu ; 25 cm. - 34000đ. - 5000b s616146
1299. Trò chơi dán hình Sticker - Giáng sinh rực rỡ : 2 - 8 tuổi / Khánh Huyền. - H. : Văn học, 2025. - 8 tr. : hình vẽ ; 25 cm. - 34000đ. - 5000b s617043
1300. Trò chơi dán hình Sticker - Khu rừng vui nhộn : 2 - 8 tuổi / Khánh Huyền. - H. : Văn học, 2025. - 8 tr. : hình vẽ ; 25 cm. - 34000đ. - 5000b s617044
1301. Trò chơi dán hình Sticker - Trang trại náo nhiệt : 2 - 8 tuổi / Khánh Huyền. - H. : Văn học, 2025. - 8 tr. : hình vẽ ; 25 cm. - 34000đ. - 5000b s617040
1302. Trò chơi Sticker trang trí - Bé trang trí nhà / Khánh Huyền. - H. : Văn học, 2025. - 8 tr. : hình vẽ ; 25 cm. - 34000đ. - 5000b s617041
1303. Trò chơi Sticker trang trí - Du lịch biển / Khánh Huyền. - H. : Văn học, 2025. - 8 tr. : hình vẽ ; 25 cm. - 34000đ. - 5000b s617045
1304. Trò chơi Sticker trang trí - Gian hàng ẩm thực : 100++ stickers dán hình sáng tạo / Khánh Huyền. - H. : Văn học, 2025. - 8 tr. : tranh màu ; 25 cm. - 34000đ. - 5000b s617047
1305. Trò chơi Sticker trang trí - Rừng xanh vui vẻ / Khánh Huyền. - H. : Văn học, 2025. - 8 tr. : hình vẽ ; 25 cm. - 34000đ. - 5000b s617042
1306. Trò chơi Sticker trang trí - Tập làm bác sĩ / Khánh Huyền. - H. : Văn học, 2025. - 8 tr. : hình vẽ ; 25 cm. - 34000đ. - 5000b s617046
1307. Trò chơi Sticker trang trí - Tiệm thú cưng : 100++ stickers dán hình sáng tạo / Khánh Huyền. - H. : Văn học, 2025. - 8 tr. : tranh màu ; 25 cm. - 34000đ. - 5000b s617048
1308. Trương Thị An Na. Những bước chân trong phòng triển lãm / Trương Thị An Na. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 517 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 500000đ. - 1000b s617776
1309. Trương Văn Món. Nghề thủ công truyền thống Champa / Trương Văn Món. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh. - 24 cm. - 300000đ. - 500b
T.4: Nghệ thuật chế tác, chạm khắc vàng bạc và điêu khắc tượng Kut - Những gì còn sót lại. - 2025. - 345 tr. : minh họa. - Thư mục: tr. 193-200. - Phụ lục: tr. 201-343 s617174

1310. Vẽ hạnh phúc trong an yên : Cuốn sách tô màu lưu giữ thời gian / @LANT, Tiểu Tranh. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 95 tr. : tranh vẽ ; 19x24 cm. - 86000đ. - 5000b s616424

THỂ THAO, NGHỆ THUẬT VUI CHƠI GIẢI TRÍ VÀ BIỂU DIỄN

1311. Châu Nhật Quân. Thờ thật - Thờ giả : Thay đổi nhỏ - khác biệt to: Bí quyết nổi, bơi xa không mệt / Châu Nhật Quân. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 77 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 45000đ. - 1000b s616691

1312. Dương Thị Thanh Huyền. Ngôn ngữ hình thể trong nghệ thuật biểu diễn tuồng / Dương Thị Thanh Huyền. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 151 tr. ; 21 cm. - 186000đ. - 100b
Thư mục: tr. 132-137. - Phụ lục: tr. 138-149 s617318

1313. Đánh giá chương trình đào tạo cử nhân ngành Huấn luyện thể thao Trường Đại học Thể dục Thể thao Bắc Ninh : Sách chuyên khảo / Nguyễn Văn Hòa (ch.b.), Nguyễn Thị Lan Anh, Nguyễn Thị Thanh Vân, Vũ Công Duẩn. - H. : Lao động, 2025. - 267 tr. : bảng, biểu đồ ; 24 cm. - 220000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trường Đại học Thể dục Thể thao Bắc Ninh. - Thư mục: tr. 255-267 s617392

1314. Điện ảnh Pháp với Việt Nam & phong cách sáng tác của đạo diễn Đặng Nhật Minh = French cinema and Vietnam & signature style of director Dang Nhat Minh / Charles Tesson, Trần Hình, Phùng Ngọc Kiên... ; Ngô Phương Lan ch.b. - H. : Thế giới, 2025. - 360 tr. : ảnh ; 21 cm. - 500b

ĐTTS ghi: Viện Văn hóa, Nghệ thuật, Thể thao và Du lịch Việt Nam. Hiệp hội Xúc tiến phát triển Điện ảnh Việt Nam s616508

1315. Giải mã mê cung - Phát triển IQ - Trái đất : Dành cho trẻ em từ 6 tuổi trở lên / Minh họa: The Boy Fitz Hammond... ; Lời: Sam Smith ; Bình Nhi dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 64 tr. : tranh màu ; 25 cm. - (Tủ sách Sáng tạo). - 78000đ. - 2000b s617295

1316. Giải mã mê cung - Phát triển IQ - Vòng quanh thế giới : Dành cho trẻ em từ 6 tuổi trở lên / Minh họa: The Boy Fitz Hammond... ; Lời: Sam Smith ; Bình Nhi dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 64 tr. : tranh màu ; 25 cm. - (Tủ sách Sáng tạo). - 78000đ. - 2000b s617296

1317. Krakauer, Jon. Hồi ký thăm họa Everest = Into thin air : Khi giấc mơ chinh phục nóc nhà thế giới trở thành ác mộng kinh hoàng / Jon Krakauer ; Huỳnh Tĩnh dịch. - H. : Công Thương, 2025. - 365 tr. ; 21 cm. - 179000đ. - 2000b

Thư mục: tr. 364-365 s616432

1318. Nguyễn Thu Hằng. Múa dân gian trong lễ hội vùng Hà Nội: Giá trị văn hóa, lịch sử và vấn đề bảo tồn, phát triển / Nguyễn Thu Hằng ch.b. - H. : Văn học, 2025. - 154 tr. : ảnh ; 21 cm. - 210000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 137-139 s617666

1319. Smit, Sanette. Hướng dẫn tập luyện karate bằng hình ảnh : Triết lý karate: Nghi thức, sự nỗ lực, sự thành thật, sự tự chủ, sự kiên nhẫn / Sanette Smit ; Dịch: Kiến văn, Gia Huy. - Thanh Hoá : Nxb. Thanh Hoá, 2025. - 143 tr. : minh họa ; 21 cm. - 85000đ. - 1000b s616664

1320. Xuân Phượng. Gánh gánh...gồng gồng... : Hồi ký / Xuân Phượng. - In lần thứ 17. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 343 tr. : bảng ; 24 cm. - 160000đ. - 2000b

Tên thật tác giả: Nguyễn Thị Xuân Phượng s617237

VĂN HỌC, TU TỪ HỌC VÀ PHÊ BÌNH VĂN HỌC

1321. A Bình Nho. Khứ linh thám / A Bình Nho. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 349 tr. ; 21 cm. - 169000đ. - 1000b s616782
1322. Alger, Horatio. Tom giẻ rách / Horatio Alger ; Vũ Danh Tuấn dịch. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Lao động, 2025. - 213 tr. ; 21 cm. - 170000đ. - 2000b
Dịch từ nguyên bản tiếng Anh: Tattered Tom s617414
1323. An. Hẹn nhau phía sau tan vỡ / An. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 228 tr. : tranh vẽ ; 20 cm. - 86000đ. - 1000b s617763
1324. An Vi. Ôm những mộng mơ đi qua tuổi trẻ / An Vi. - H. : Văn học, 2025. - 349 tr. ; 21 cm. - 155000đ. - 1500b s617669
1325. Anh Chi. Luận về văn mạch Việt - Nghiên cứu và tiểu luận văn học / Anh Chi. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam
Q.1. - 2025. - 319 tr. s616851
1326. Ánh sao bên tôi : Truyện tranh / Khuyển Nhất ; Nguyễn Thảo Nguyên dịch. - H. : Văn học. - 21 cm. - 175000đ. - 3000b
Tên sách tiếng Trung: 星辰于我
T.2. - 2025. - 213 tr. : tranh vẽ s617668
1327. Aoyama Michiko. Thứ bạn tìm đều nằm trong thư viện / Aoyama Michiko ; Xuân Sinh dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 342 tr. ; 21 cm. - 169000đ. - 2000b s617619
1328. Asato Asato. 86 - Eighty six / Asato Asato ; Minh họa: Shirabii ; Mỹ Trinh dịch. - H. : Lao động. - 18 cm. - 125000đ. - 4000b
T.1: Đôi nét thanh xuân của tử thần. - 2025. - 274 tr. : tranh vẽ s615886
1329. Asato Asato. 86 - Eighty six / Asato Asato ; Minh họa: Shirabii ; Quang Phúc dịch. - H. : Lao động. - 18 cm. - 120000đ. - 1000b
T.2: Băng qua chiến tuyến khai màn. - 2025. - 290 tr. : tranh vẽ s615887
1330. Austen, Jane. Kiêu hãnh & Định kiến / Jane Austen ; Nguyễn Thị Linh dịch. - H. : Văn học, 2025. - 533 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 215000đ. - 2000b
Dịch từ nguyên bản tiếng Anh: Pride and prejudice s616913
1331. Ân Kiện Linh. Môi cầu vồng : Câu chuyện về cô bé Do Thái trên đất Thượng Hải trong Thế chiến II : Truyện thiếu nhi : 10+ / Ân Kiện Linh ; Thiên Thai dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 255 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 108000đ. - 1500b
Dịch từ bản tiếng Trung: 彩虹嘴 s617747
1332. 30 phút cho bé trước giờ đi ngủ / Ngọc Linh dịch. - Tái bản lần thứ 8. - H. : Văn học. - 21 cm. - (Tủ sách Người kể chuyện). - 50000đ. - 1500b
T.2. - 2025. - 83 tr. : tranh màu s617025
1333. 30 phút cho bé trước giờ đi ngủ / Ngọc Linh dịch. - Tái bản lần thứ 8. - H. : Văn học. - 21 cm. - (Tủ sách Người kể chuyện). - 50000đ. - 1500b
T.3. - 2025. - 83 tr. : tranh màu s617026
1334. Bác Gấu Đen và hai chú Thỏ : Tranh truyện thiếu nhi = Uncle Black Bear and two Rabbits : Children's comics / Thủy Trang b.s. ; Minh họa: Đoàn Minh Nghĩa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tủ sách Song ngữ Việt - Anh). - 12000đ. - 10000b s616784

1335. Backman, Fredrik. Những kẻ âu lo = Anxious people : Tiểu thuyết / Fredrik Backman ; Hoàng Anh dịch. - In lần thứ 7. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 543 tr. ; 20 cm. - 180000đ. - 2000b s616737

1336. Bành Tô Hoa. Khi bà nội mặc bikini : Tiểu thuyết / Bành Tô Hoa ; Nguyễn Thị Vân Khánh dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 228 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 83000đ. - 1500b
Dịch từ nguyên bản tiếng Trung: 奶奶們的比基尼 s617714

1337. Bảo Bình. Đồng bằng âm vang và những nốt trầm / Bảo Bình. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 139000đ. - 500b
Tên thật tác giả: Lê Thị Thanh Tuyên

Q.1: Tiểu luận - Phê bình văn học. - 2025. - 228 tr. - Thư mục trong chính văn s616828

1338. Bảo Ninh. Nỗi buồn chiến tranh : Tiểu thuyết / Bảo Ninh. - In lần thứ 28. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 347 tr. ; 20 cm. - 130000đ. - 5000b
Tên thật tác giả: Hoàng Ấu Phương s616730

1339. Bắt mỗi nhanh lên, thần lằn ơi! : Truyện tranh : Sách cho trẻ 0 - 4 tuổi / Kate Stone ; Thu Nga dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 12 tr. : tranh màu ; 15 cm. - (Bộ sách Chuyển động). - 45000đ. - 3000b
Tên sách tiếng Anh: Hungry little lizard s616042

1340. 70+ bài văn mẫu theo công thức nghị luận xã hội : Chương trình SGK mới, dùng chung cho cả 3 bộ sách / B.s.: Đội ngũ GV chuyên Sư phạm Hà Nội, Đậu Ngọt. - H. : Lao động, 2025. - 425 tr. ; 24 cm. - 99000đ. - 8000b s617400

1341. Bé bi bô học nói - Bé khóc, bé cười : Truyện tranh : Dành cho trẻ em từ 0 - 3 tuổi / Sister Xiaoyu ; Tranh: Phạm Nhất ; Thu Trang dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 19 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Tủ sách Cùng con trưởng thành). - 22000đ. - 2000b
Tên thật các tác giả: Tôn Di, Vương Phạm Ý s617291

1342. Bé bi bô học nói - Bé xinh răng trắng xinh : Truyện tranh : Dành cho trẻ em từ 0 - 3 tuổi / Sister Xiaoyu ; Tranh: Phạm Nhất ; Thu Trang dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 19 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Tủ sách Cùng con trưởng thành). - 22000đ. - 2000b
Tên thật các tác giả: Tôn Di, Vương Phạm Ý s617293

1343. Bé bi bô học nói - Bố và mẹ : Truyện tranh : Dành cho trẻ em từ 0 - 3 tuổi / Sister Xiaoyu ; Tranh: Phạm Nhất ; Thu Trang dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 19 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Tủ sách Cùng con trưởng thành). - 22000đ. - 2000b
Tên thật các tác giả: Tôn Di, Vương Phạm Ý s617289

1344. Bé bi bô học nói - Oa oa oa : Truyện tranh : Dành cho trẻ em từ 0 - 3 tuổi / Sister Xiaoyu ; Tranh: Phạm Nhất ; Thu Trang dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 19 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Tủ sách Cùng con trưởng thành). - 22000đ. - 2000b
Tên thật các tác giả: Tôn Di, Vương Phạm Ý s617292

1345. Bé bi bô học nói - Ú oà : Truyện tranh : Dành cho trẻ em từ 0 - 3 tuổi / Sister Xiaoyu ; Tranh: Phạm Nhất ; Thu Trang dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 19 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Tủ sách Cùng con trưởng thành). - 22000đ. - 2000b
Tên thật các tác giả: Tôn Di, Vương Phạm Ý s617288

1346. Bé bi bô học nói - Xin chào và tạm biệt : Truyện tranh : Dành cho trẻ em từ 0 - 3 tuổi / Sister Xiaoyu ; Tranh: Phạm Nhất ; Thu Trang dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 19 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Tủ sách Cùng con trưởng thành). - 22000đ. - 2000b
Tên thật các tác giả: Tôn Di, Vương Phạm Ý s617290

1347. Bé Cẩn. Nhật ký ngày ấy / Bé Cẩn. - H. : Văn học, 2025. - 297 tr. : ảnh ; 20 cm. - 1000b
 Tên thật tác giả: Triệu Văn Bé s616875
1348. Bích Hữu. Mưa bóng mây : Thơ / Bích Hữu. - H. : Văn học, 2025. - 110 tr. ; 21 cm. - 17000đ. - 500b
 Tên thật tác giả: Phùng Thị Bích Hữu s616866
1349. Bỏ đi làm có nhớ con không? : Truyện tranh : Dành cho trẻ em từ 3 - 6 tuổi / Lời: Fang Rui ; Tranh: Hou Ai Jun ; Niệm Vũ dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 35 tr. : tranh màu ; 22 cm. - (Tủ sách Cùng con trưởng thành)(Tình thân diệu kỳ). - 39000đ. - 2000b s617627
1350. Bốn mùa bên nhau : Truyện tranh : Dành cho tuổi 6+ / Lời: Trương Huệ Văn ; Tranh: Lê Hành ; Nguyễn Thùy Dung dịch. - H. : Kim Đồng, 2025. - 47 tr. : tranh màu ; 19x26 cm. - (Gia đình vui vẻ). - 48000đ. - 2000b
 Tên sách tiếng Anh: See! Four seasons s616064
1351. 451 độ F : Nhiệt độ giấy in sách bắt lửa, và bốc cháy... / Ray Bradbury ; Dick Trương dịch. - Tái bản. - H. : Văn học, 2025. - 229 tr. ; 21 cm. - 120000đ. - 1500b
 Tên sách tiếng Anh: Fahrenheit 451 s617018
1352. Buddhadeb Basu. Mưa suốt đêm dài / Buddhadeb Basu ; Lê Phiên Phi dịch ; Thanh Đình h.đ. - H. : Lao động, 2025. - 172 tr. ; 18 cm. - 60000đ. - 5000b
 Tên sách tiếng Ấn Độ: রাত ভরে বৃষ্টি (বুদ্ধদেব বসু) s615894
1353. Bùi Công Minh. Dưới những tán rừng : Trường ca / Bùi Công Minh. - H. : Quân đội nhân dân, 2025. - 167 tr. ; 21 cm. - 67000đ. - 1187b s616447
1354. Bùi Hồng Khanh. Chiến công thầm lặng : Quân Y - Dược Mặt trận 44 đặc khu Quảng Đà / B.s.: Bùi Hồng Khanh (ch.b.), Bùi Huy Thịnh ; S.t., ảnh: Phan Thị Thúy Hương... - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 127 tr. : ảnh, bảng ; 21 cm. - 120000đ. - 300b s616775
1355. Bùi Minh Huệ. Phía quê nhà : Thơ / Bùi Minh Huệ. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 75 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 50000đ. - 500b s616771
1356. Bùi Minh Thao. Chợ quê : Thơ / Bùi Minh Thao. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 47 tr. ; 20 cm. - 35000đ. - 500b s616763
1357. Bùi Minh Vũ. Niềm vui của em : Thơ thiếu nhi / Bùi Minh Vũ. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 143 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 100000đ. - 1000b s616774
1358. Bùi Phúc Thạch. Máu tanh / Bùi Phúc Thạch. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 247 tr. ; 20 cm. - 139000đ. - 1000b s616638
1359. Bungo stray dogs - Văn hào lưu lạc : Truyện tranh : 16+ / Nguyên tác: Asagiri Kafka ; Minh họa: Harukawa Sango ; Phương Thanh dịch. - H. : Lao động. - 18 cm. - 50000đ. - 1000b T.7. - 2025. - 194 tr. : tranh vẽ s615883
1360. Bungo stray dogs - Văn hào lưu lạc : Truyện tranh : 16+ / Nguyên tác: Asagiri Kafka ; Minh họa: Harukawa Sango ; Thanh Trà dịch. - H. : Lao động. - 18 cm. - 50000đ. - 1000b T.12. - 2025. - 191 tr. : tranh vẽ s615884
1361. Bungo stray dogs - Văn hào lưu lạc: Beast : Truyện tranh : 16+ / Nguyên tác: Asagiri Kafka ; Minh họa: Hoshikawa Shiwasu ; Vương Hải Yến dịch. - H. : Lao động. - 18 cm. - 75000đ. - 1000b T.1. - 2025. - 179 tr. : tranh vẽ s615879

1362. Bungo stray dogs - Văn hào lưu lạc: Beast : Truyện tranh : 16+ / Nguyên tác: Asagiri Kafka ; Minh họa: Hoshikawa Shiwasu ; Vương Hải Yên dịch. - H. : Lao động. - 18 cm. - 75000đ. - 1000b
T.2. - 2025. - 189 tr. : tranh vẽ s615880
1363. Bungo stray dogs - Văn hào lưu lạc: Beast : Truyện tranh : 16+ / Nguyên tác: Asagiri Kafka ; Minh họa: Hoshikawa Shiwasu ; Vương Hải Yên dịch. - H. : Lao động. - 18 cm. - 75000đ. - 1000b
T.3. - 2025. - 182 tr. : tranh vẽ s615881
1364. Bungo stray dogs - Văn hào lưu lạc: Beast : Truyện tranh : 16+ / Nguyên tác: Asagiri Kafka ; Minh họa: Hoshikawa Shiwasu ; Vương Hải Yên dịch. - H. : Lao động. - 18 cm. - 75000đ. - 1000b
T.4. - 2025. - 246 tr. : tranh vẽ s615882
1365. Burnett, Frances Hodgson. Khu vườn bí mật / Frances Hodgson Burnett ; Lê Thị Oanh dịch ; Minh họa: Triệu Yên Vy. - H. : Văn học, 2025. - 386 tr. ; 21 cm. - 340000đ. - 2000b s616961
1366. Burnett, Frances Hodgson. Khu vườn bí mật / Frances Hodgson Burnett ; Minh họa: Graham Rust ; Nguyễn Tuấn Khanh dịch. - Tái bản có bổ sung. - H. : Văn học, 2025. - 321 tr. ; 24 cm. - 116000đ. - 3000b
Dịch từ nguyên bản tiếng Anh: The secret garden s617027
1367. Burnett, Frances Hodgson. Khu vườn bí mật : Tiểu thuyết / Frances Hodgson Burnett ; Đăng Ngọc dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 399 tr. ; 21 cm. - 148000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Anh: The secret garden s617733
1368. Các bài văn chuyên sâu nghị luận xã hội Ngữ văn 9 : Sách ôn thi vào lớp 10 và 10 chuyên... / Nguyễn Phước Lợi (ch.b.), Đinh Cẩm Châu, Võ Thị Hồng Chuyên... - H. : Tri thức, 2025. - 143 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 89000đ. - 2300b s616275
1369. Cái ôm kỳ diệu của Bố : Truyện tranh : Dành cho trẻ em từ 3 - 6 tuổi / Lời: Fang Rui ; Tranh: Xiao Guo Cha Hua ; Niệm Vũ dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 35 tr. : tranh màu ; 22 cm. - (Tủ sách Cùng con trưởng thành)(Tình thân diệu kỳ). - 39000đ. - 2000b s617629
1370. Cảm ơn con vì đã sinh ra đời : Truyện tranh : Phù hợp cho bé dưới 18 tháng & mẹ bầu / Miyano Tsukiko. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 26 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Ehon kích thích thị giác cho bé). - 39000đ. - 5000b s617623
1371. Camus, Albert. Người xa lạ : Tiểu thuyết / Albert Camus ; Thanh Thư dịch. - In lần 3. - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2025. - 223 tr. ; 21 cm. - 170000đ. - 500b s617570
1372. Cao Văn Quyền. Hướng Dương Còi ngược nắng : Tập truyện đồng thoại / Cao Văn Quyền ; Minh họa: Đoàn Quách Tùng Hương. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 138 tr. : tranh vẽ ; 20 cm. - (Văn học thiếu nhi). - 65000đ. - 1000b s616690
1373. Cao Xuân Thượng. Dấu lặng : Thơ / Cao Xuân Thượng. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 103 tr. ; 21 cm. - 100000đ. - 200b s616593
1374. Carr, Jack. Danh sách trả thù : Giờ là lúc con mèo trở thành kẻ đi săn / Jack Carr ; Phan Quốc Dũng dịch. - H. : Văn học, 2025. - 422 tr. ; 24 cm. - 209000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Anh: The terminal list : A thriller s616950
1375. Cây gia đình của tớ : Truyện tranh : Dành cho tuổi 6+ / Lời: Trương Huệ Văn ; Tranh: Lê Hành ; Nguyễn Thùy Dung dịch. - H. : Kim Đồng, 2025. - 43 tr. : tranh màu ; 19x26 cm. - (Gia đình vui vẻ). - 48000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Anh: Douding's family tree s616063

1376. Chan Ho Kei. Nghi can giấu mặt / Chan Ho Kei ; Hồng Hạnh dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 488 tr. ; 21 cm. - 180000đ. - 5000b
 Tên sách tiếng Trung: 隱蔽嫌疑人 s617253
1377. Chàng băng giá và nàng lạnh lùng : Truyện tranh : 13+ / Tonogaya Miyuki ; Mạnh Đức dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 21 cm. - 55000đ. - 1000b
 T.1. - 2025. - 126 tr. : tranh vẽ s617609
1378. Chàng băng giá và nàng lạnh lùng : Truyện tranh : 13+ / Tonogaya Miyuki ; Mạnh Đức dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 21 cm. - 55000đ. - 1000b
 T.5. - 2025. - 126 tr. : tranh vẽ s617610
1379. Chanh. Giả đứng đắn / Chanh. - H. : Văn học. - 21 cm. - 185000đ. - 2000b
 T.1. - 2025. - 477 tr. : tranh màu s616902
1380. Chesterton, G. K. Một người tên là Thứ Năm : Một ác mộng / G. K. Chesterton ; Bùi Gia Bin dịch. - H. : Lao động, 2025. - 267 tr. ; 19 cm. - 141000đ. - 1200b
 Dịch từ nguyên bản tiếng Anh: The man who was thursday s615899
1381. Chinh phục đọc hiểu và làm văn - Ngữ văn 6 : 50 đề thi ngữ liệu mở, thiết kế đúng định hướng ra đề hiện nay / Nguyễn Thị Thúy Nga, Bùi Thị Ngọc Trâm, Vi Lương Thảo Tâm. - H. : Văn học, 2025. - 231 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 170000đ. - 20000b s616941
1382. Chơi cùng Giri chú bé cơm nắm - Ngày lễ mặc quần : Truyện tranh : 0 - 6 tuổi / Fuku Mitsu ; Tranh: Tigeru Ao ; Lời: Ngọc Trâm. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Ehon - Nuôi dưỡng tâm hồn cho bé). - 39000đ. - 1000b s617287
1383. Christie, Agatha. Kỳ án bảy mặt đồng hồ = The Seven Dials Mystery / Agatha Christie ; Ngô Thế Vinh dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 309 tr. ; 20 cm. - 132000đ. - 2000b s616726
1384. Christie, Agatha. Vụ mưu sát Ngài Edgware = Lord Edgware dies / Agatha Christie ; Hà Xuân Thu dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 312 tr. ; 20 cm. - 135000đ. - 2000b
 Tên thật tác giả: Agatha Mary Clarissa Miller s616699
1385. Chu Lai. Mưa đỏ : Tiểu thuyết / Chu Lai. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Quân đội nhân dân, 2025. - 372 tr. ; 23 cm. - 205000đ. - 5000b s616454
1386. Chu Thị Hào. Sự thăng hoa của cái đẹp trong tác phẩm văn học : Nghiên cứu tác phẩm văn chương trong nhà trường / Chu Thị Hào. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 173000đ. - 500b
 T.2. - 2025. - 347 tr. s617429
1387. Chung cư chia trung thu : Truyện tranh / Quỳnh Hương, Hoàng Anh ; Họa sĩ: Noh.A. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 23 tr. : tranh màu ; 20x30 cm. - 189000đ. - 1000b s617302
1388. Chuyên đề văn biểu cảm lớp 7 : Dùng chung cho các bộ SGK hiện hành / Kiều Bắc, Nguyễn Quốc Khánh, Nguyễn Thị Hoa. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 240 tr. ; 27 cm. - 148000đ. - 1500b s616217
1389. Con cừu của Schrödinger : Truyện tranh : 13+ / Hải Hạ Miêu Yêu Từ, Đông Hoàng ; Đào Bạch Liên dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 21 cm. - 150000đ. - 2000b
 Dịch từ nguyên bản tiếng Trung: 薛定谔之羊
 T.2. - 2025. - 253 tr. : tranh màu s617274
1390. Con yêu bố rất nhiều! : Truyện tranh : Dành cho trẻ em từ 3 - 6 tuổi / Lời: Fang Rui ; Tranh: Zhao Jing ; Niệm Vũ dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 35 tr. : tranh màu ; 22 cm. - (Tủ sách Cùng con trưởng thành)(Tinh thần diệu kỳ). - 39000đ. - 2000b s617630

1391. Con yêu mẹ rất nhiều! : Truyện tranh : Dành cho trẻ em từ 3 - 6 tuổi / Lời: Fang Rui ; Tranh: Jin Ling Fang ; Niệm Vũ dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 35 tr. : tranh màu ; 22 cm. - (Tủ sách Cùng con trưởng thành)(Tình thân diệu kỳ). - 39000đ. - 2000b s617628
1392. Consrantine, Barbara. Kể trộm cà chua / Barbara Consrantine ; Nguyễn Thị Tươi dịch. - Tái bản. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 246 tr. ; 21 cm. - 96000đ. - 1500b
Dịch từ nguyên bản tiếng Pháp: Tom, petit Tom, tout petit homme, Tom s617706
1393. Cổ Mạn. Sam Sam đến đây ăn nào / Cổ Mạn ; Chân Mỹ Hòa dịch. - H. : Văn học, 2025. - 398 tr. ; 21 cm. - 189000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Trung: 杉杉来了 s616897
1394. Cù Văn Tý. Sơn nhân Bạch my : Thơ / Cù Văn Tý. - Thanh Hoá : Nxb. Thanh Hoá, 2025. - 148 tr. ; 21 cm. - 100000đ. - 520b s616666
1395. Cummings, Becky. Cảm xúc của bé là điều kỳ diệu : Dành cho độ tuổi 6+ / Becky Cummings ; Minh họa: Nejla Shojaie ; Triều Anh dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 32 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Bé có phép màu). - 30000đ. - 2000b s616713
1396. Cummings, Becky. Cơ thể của bé là điều kỳ diệu : Dành cho độ tuổi 6+ / Becky Cummings ; Minh họa: Nejla Shojaie ; Triều Anh dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 30 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Bé có phép màu). - 30000đ. - 2000b s616718
1397. Cummings, Becky. Lời nói của bé là điều kỳ diệu : Dành cho độ tuổi 6+ / Becky Cummings ; Minh họa: Zuzana Svobodová ; Triều Anh dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 30 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Bé có phép màu). - 30000đ. - 2000b s616715
1398. Cummings, Becky. Lựa chọn của bé là điều kỳ diệu : Dành cho độ tuổi 6+ / Becky Cummings ; Minh họa: Zuzana Svobodová ; Triều Anh dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 30 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Bé có phép màu). - 30000đ. - 2000b s616716
1399. Cummings, Becky. Món quà của bé là điều kỳ diệu : Dành cho độ tuổi 6+ / Becky Cummings ; Minh họa: Zuzana Svobodová ; Triều Anh dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 30 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Bé có phép màu). - 30000đ. - 2000b s616717
1400. Cummings, Becky. Tâm trạng của bé là điều kỳ diệu : Dành cho độ tuổi 6+ / Becky Cummings ; Minh họa: Nejla Shojaie ; Triều Anh dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 32 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Bé có phép màu). - 30000đ. - 2000b s616714
1401. Cummings, Becky. Thức ăn của bé là điều kỳ diệu : Dành cho độ tuổi 6+ / Becky Cummings ; Minh họa: Zuzana Svobodová ; Triều Anh dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 30 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Bé có phép màu). - 30000đ. - 2000b s616719
1402. Cún nhỏ nói dối sẽ bị ăn thịt : Truyện tranh : 18+ / Px ; Sơn Từ dịch. - H. : Thế giới. - 21 cm. - 169000đ. - 3000b
Tên sách tiếng Trung: 说谎的小狗会被吃掉的
T.3. - 2025. - 207 tr. : tranh màu s617107
1403. Cùng đi vệ sinh nào : Truyện tranh : Dành cho bé từ 1 - 5 tuổi / Hiroshi Saito. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 27 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Ehon kỹ năng sống. Để con yêu tự lập). - 39000đ. - 1000b s617625
1404. Cùng mặc quần áo nào : Truyện tranh : Dành cho bé từ 1 - 5 tuổi / Hiroshi Saito. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 27 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Ehon kỹ năng sống. Để con yêu tự lập). - 39000đ. - 1000b s617624
1405. Cừ Trích Thuý. Cục điều tra thi thể - Truy tìm bằng chứng thép / Cừ Trích Thuý ; Khoai Tây dịch. - Tái bản. - H. : Lao động, 2025. - 318 tr. ; 24 cm. - 149000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: 尸案调查科 s617423

1406. D'Adamo, Ada. Tựa thình không = Like air / Ada D'Adamo ; Thái Dương dịch. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 195 tr. ; 21 cm. - 110000đ. - 2500b

Tên sách tiếng Italia: Come D'aria. - Thư mục: tr. 191-195 s616783

1407. Danh tác thế giới lầy lội / Trần Lỗi, Lâm Ái Trân, Ngô Chung Minh... ; Lục Bích dịch. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 344 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 208000đ. - 2000b s616777

1408. Dấu chân người lính : Thơ / Đỗ Thanh Hội, Đinh Thị Thơm, Nguyễn Đình Toàn... - H. : Văn học. - 21 cm. - 123000đ. - 150b

T.3. - 2025. - 291 tr. s616959

1409. Diệp Lạc Vô Tâm. Mãi mãi là bao xa : Tiểu thuyết / Diệp Lạc Vô Tâm ; Nguyễn Thị Thại dịch. - Tái bản. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 590 tr. ; 21 cm. - 135000đ. - 1500b

Tên sách tiếng Trung: 把爱错给了你 s617738

1410. Dostoyevsky, Fyodor. Đêm trắng : Một câu chuyện tình lãng mạn theo hồi ức của một kẻ mộng mơ / Fyodor Dostoyevsky ; Đoàn Tử Huyền dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 138 tr. ; 21 cm. - 60000đ. - 3000b

Dịch từ nguyên bản tiếng Nga: Белые ночи s617342

1411. Doyle, Arthur Conan. Những cuộc phiêu lưu của Sherlock Holmes / Conan Doyle ; Dịch: Lê Khánh... - Tái bản lần thứ 8. - H. : Văn học, 2025. - 306 tr. ; 21 cm. - (Classic book collection). - 79000đ. - 2000b s616983

1412. Dumas, Alexandre. Bá tước Monte Cristo / Alexandre Dumas ; Mai Thế Sang dịch. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Văn học, 2025. - 655 tr. ; 21 cm. - 235000đ. - 2000b

Dịch từ nguyên bản tiếng Pháp: Le comte de Monte Cristo s617021

1413. Dumas, Alexandre. Hoa tulip đen / Alexandre Dumas ; Mai Thế Sang dịch. - H. : Văn học, 2025. - 283 tr. ; 21 cm. - 86000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Pháp: La tulipe noire s616865

1414. Dưa Hấu Hạt Tím. Nơi nỗi buồn ngủ yên / Dưa Hấu Hạt Tím. - H. : Văn học, 2025. - 179 tr. ; 21 cm. - 105000đ. - 2000b s616864

1415. Dương Hải Ngân. 100 truyền thuyết đô thị kinh dị Đài Loan : 18+ / Dương Hải Ngân, Tạ Nghi An, Nguyễn Tông Hiến ; Minh họa: Kiya... ; Alian dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 21 cm. - 149000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: 臺灣都市傳說百科

T.2. - 2025. - 300 tr. : tranh vẽ s617257

1416. Dương Hương. Bến không chồng : Tiểu thuyết / Dương Hương. - In lần thứ 14. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 351 tr. ; 20 cm. - 135000đ. - 1000b s616720

1417. Dương Quyên. Đuổi theo một ngôi sao / Dương Quyên ; Khru Nghĩa dịch. - H. : Lao động, 2025. - 220 tr. ; 21 cm. - 130000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Trung: 追星星的少年 s617366

1418. Đào Hữu Phương. Bạn vong niên : Tập truyện ngắn - Bút ký / Đào Hữu Phương. - H. : Văn học, 2025. - 110 tr. ; 21 cm. - 180000đ. - 165b

Bút danh tác giả: Chu Tử Giang s616975

1419. Đào Quốc Vịnh. Mùi rom rạ : Tiểu thuyết / Đào Quốc Vịnh. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 423 tr. ; 24 cm. - 250000đ. - 1000b s616839

1420. Đào Thị Hải Thanh. Người đọc và các không gian tiếp nhận văn học : Về lịch sử tiếp nhận tiểu thuyết Tự lực văn đoàn : Chuyên luận / Đào Thị Hải Thanh. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 415 tr. ; 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam. - Thư mục: tr. 352-373. - Phụ lục: tr. 374-412 s616853

1421. Đặng Bá Giai. Chuyện cũ viết lại : Hồi kí / Đặng Bá Giai. - H. : Văn học, 2025. - 431 tr. : ảnh ; 23 cm. - 210000đ. - 500b

Phụ lục: tr. 425-431 s616917

1422. Đặng Hào. Trà chuyện truyện kỳ 2 : Truyện / Đặng Hào. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 219 tr. ; 21 cm. - 660000đ. - 1000b s616794

1423. Đinh An Phong. Một chút xanh : Thơ / Đinh An Phong. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 119 tr. ; 21 cm. - 120000đ. - 500b s616815

1424. Đinh Lê Hương. Lời từ biệt bầu trời : Tự sự của một cựu tiếp viên hàng không / Đinh Lê Hương. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 296 tr. : ảnh ; 21 cm. - 132000đ. - 1500b

Phụ lục: tr. 239-295 s617708

1425. Đinh Phương. Thị trấn cá bông : Tập truyện ngắn / Đinh Phương. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 265 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 180000đ. - 1000b s617716

1426. Đoàn Hữu Nam. Văn học viết Lào Cai - Khởi nguyên và sự phát triển : Nghiên cứu, giới thiệu chân dung tác giả / Đoàn Hữu Nam. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 219 tr. ; 24 cm. - 300000đ. - 200b s616847

1427. Đoàn Lê Giang. Văn học trung đại Việt Nam trong khu vực văn hóa Đông Á : Chuyên luận / Đoàn Lê Giang. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 419 tr. ; 24 cm. - 320000đ. - 500b

Thư mục: tr. 411-414 s617239

1428. Đỗ Đức. Chuyện quanh tháp ngà / Đỗ Đức. - H. : Văn hoá dân tộc, 2025. - 207 tr. : ảnh chân dung ; 21 cm. - 120000đ. - 300b s616442

1429. Đỗ Đức Thuần. Mạch nguồn Kiến Giang : Tản văn - Bút ký / Đỗ Đức Thuần. - H. : Văn học, 2025. - 459 tr. ; 21 cm. - 235000đ. - 500b s616892

1430. Đỗ Ngọc Thứ. Đọc và cảm : Cảm nhận và bình luận văn học / Đỗ Ngọc Thứ. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 181 tr. : ảnh ; 21 cm. - 150000đ. - 500b s616819

1431. Đỗ Nguyên Thương. Về đẹp văn chương - Chuyện của muôn đời : Lý luận, phê bình văn học / Đỗ Nguyên Thương. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 211 tr. ; 21 cm. - 99000đ. - 1000b s616821

1432. Đỗ Văn Ngoan. Ba tôi / Đỗ Văn Ngoan, Đỗ Đức Thuần. - H. : Quân đội nhân dân, 2025. - 175 tr. ; 23 cm. - 81000đ. - 887b s616452

1433. Đông Hà. Những bài thơ từ xứ hạnh : Thơ / Đông Hà. - Huế : Nxb. Thuận Hoá, 2025. - 97 tr. : tranh vẽ ; 20 cm. - 100000đ. - 500b s616487

1434. Đuối cáo : Truyện tranh : Phát triển ngôn ngữ cho trẻ 0 - 3 tuổi / Nguyễn Thị Thảo. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 15 tr. : tranh màu ; 19 cm. - (Lú lo bé kè). - 18000đ. - 3000b s616049

1435. Đức Dũng. Trăng còn một nửa : Tập thơ / Đức Dũng. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 210 tr. ; 21 cm. - 150000đ. - 500b

Tên thật tác giả: Nguyễn Đức Dũng; Bút danh tác giả: Lam Thanh Kỳ Tử s616768

1436. Đường Tử Khanh. Thương tiễn tử : Tiểu thuyết : Dành cho 18+ / Đường Tử Khanh ; Hy Mã dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 21 cm. - 179000đ. - 5000b
 Tên sách tiếng Trung: 将进酒
 T.7. - 2025. - 445 tr. s617266
1437. Đường Tử Khanh. Thương tiễn tử : Tiểu thuyết : Dành cho 18+ / Đường Tử Khanh ; Hy Mã dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 21 cm. - 179000đ. - 5000b
 Tên sách tiếng Trung: 将进酒
 T.8. - 2025. - 411 tr. s617267
1438. Eliot, George. Người thợ dệt ở Raveloe / George Eliot ; Thanh Yên dịch. - H. : Văn học, 2025. - 303 tr. ; 21 cm. - 145000đ. - 1000b
 Tên thật tác giả: Mary Ann Evans s616901
1439. Faulkner, William. Bất khuất : Tiểu thuyết / William Faulkner ; Phạm Văn dịch. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 280 tr. ; 21 cm. - (Tủ sách Nobel văn chương). - 180000đ. - 2000b
 Dịch từ nguyên tác tiếng Anh: The unvanquished s616827
1440. Fizzy lém lỉnh và Bandit băng nhắng : Sách phù hợp với tiết đọc thư viện : Dành cho lứa tuổi 6+ / Viết lời: Sarah Crossan ; Minh họa: Nicola Colton ; Hoàng Giang Quỳnh Anh dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 100 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 99000đ. - 1500b s617723
1441. Frapié, Léon. Trường mẫu giáo : Giải Goncourt năm 1904 / Léon Frapié ; Nguyễn Văn Dân dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 351 tr. ; 21 cm. - (Văn học kinh điển). - 160000đ. - 1000b
 Dịch từ nguyên bản tiếng Pháp: La maternelle s617734
1442. Gaiman, Neil. Chốn không đâu / Neil Gaiman ; Lê Minh Đức dịch. - H. : Văn học, 2025. - 388 tr. ; 24 cm. - 216000đ. - 2500b
 Tên sách tiếng Anh: Nowhere s616942
1443. Gap Papa - Hết giờ làm việc, tới giờ làm cha : Truyện tranh : 16+ / Utakata ; Anh Huỳnh dịch. - H. : Lao động. - 21 cm. - 90000đ. - 4000b
 T.5. - 2025. - 143 tr. : tranh màu s617382
1444. Gardner, Erle Stanley. Tiếng chó tru trong đêm / Erle Stanley Gardner ; Trần Nguyên dịch. - In lần 3. - H. : Văn học, 2025. - 295 tr. ; 21 cm. - 130000đ. - 1000b
 Tên sách tiếng Anh: The case of the howling dog s617002
1445. Gardner, Erle Stanley. Vụ án mèo Ba Tư / Erle Stanley Gardner ; Ngô Thế Vinh dịch. - In lần 2 có chỉnh sửa. - H. : Văn học, 2025. - 287 tr. ; 21 cm. - 130000đ. - 1000b s617001
1446. Giáng sinh diệu kì : Truyện tranh : Dành cho thiếu nhi / Giuditta Campello ; Minh họa: Arianna Cicciò ; Dịch: Phạm Tú Anh... - H. : Kim Đồng, 2025. - 25 tr. : tranh màu ; 27 cm. - (Câu chuyện nhà thờ). - 45000đ. - 2000b
 Tên sách tiếng Italia: Un magico Natale s616290
1447. Giáo trình Thẻ loại và tác gia tiêu biểu văn học phương Đông / Nguyễn Thị Mai Chanh, Nguyễn Thị Mai Liên (ch.b.), Trần Lê Bảo... - In lần thứ 3. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 443 tr. ; 24 cm. - 160000đ. - 1000b
 Thư mục: tr. 437-441 s616543
1448. Gieo - Câu chuyện về sức mạnh của những lời nói yêu thương : Truyện tranh : Dành cho trẻ 6 tuổi / Brandon Walden ; Minh họa: Kristen, Kevin Howdeshell ; Anh Tô biên dịch. -

Tái bản lần 1. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 23 tr. : tranh màu ; 20x30 cm. - 99000đ. - 1000b s617357

1449. Gieo hạt giống thương yêu - Mẹ yêu con, mãi mãi : Truyện tranh : Dành cho trẻ em từ 0 - 6 tuổi / Lời, minh họa: Caroline Jayne Church ; Jean Pierre D.L.B. dịch. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 23 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Tủ sách Cùng con trưởng thành). - 20000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Anh: I will love you forever s617660

1450. Gieo hạt giống thương yêu - Mẹ yêu mọi thứ ở con : Truyện tranh : Dành cho trẻ em từ 0 - 6 tuổi / Lời: Bernadette Rossetti Shustak ; Minh họa: Caroline Jayne Church ; Jean Pierre D.L.B. dịch. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 27 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Tủ sách Cùng con trưởng thành). - 20000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Anh: I love you through and through s617659

1451. Gieo hạt giống thương yêu - Mình là chị gái rồi nhé! : Truyện tranh : Dành cho trẻ em từ 0 - 6 tuổi / Lời, minh họa: Caroline Jayne Church ; Jean-Pierre D. L. B. dịch. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 23 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Tủ sách Cùng con trưởng thành). - 20000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Anh: I am a big sister s617661

1452. Hà Ngọc Hoàng. Biên cương nơi đầu sóng : Thơ / Hà Ngọc Hoàng. - H. : Lao động, 2025. - 99 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 100000đ. - 1000b s616954

1453. Hà Văn Lâu. Người đi từ bến làng Sinh : Hồi ký / Hà Văn Lâu ; Thể hiện: Trần Công Tấn. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 607 tr. ; 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam s616859

1454. Há mỏ to ra, bồ nông ơi! : Truyện tranh : Sách cho trẻ 0 - 4 tuổi / Kathy Knight, Kate Stone ; Thu Nga dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 12 tr. : tranh màu ; 15 cm. - (Bộ sách Chuyển động). - 45000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Anh: Pelican's bill s616044

1455. Hải Chi. Cha và Con : Tiểu thuyết / Hải Chi. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 419 tr. ; 21 cm. - 115000đ. - 1000b

Tên thật tác giả: Đào Bá Đức s616780

1456. Haruki Murakami. Kafka bên bờ biển / Haruki Murakami ; Dương Tường dịch. - H. : Văn học, 2025. - 531 tr. ; 24 cm. - 188000đ. - 2000b

Dịch theo bản tiếng Anh: Kafka on the shore s617029

1457. Haruki Murakami. Ngôi thứ nhất số ít / Haruki Murakami ; Trương Thùy Lan dịch. - Tái bản. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 203 tr. ; 21 cm. - 108000đ. - 1500b

Tên sách tiếng Trung: 一人称单数 s617767

1458. Hạt dẻ đầu rồi? : Truyện tranh : Dành cho thiếu nhi / Giuditta Campello ; Minh họa: Arianna Ciccio ; Dịch: Phan Văn Việt, Phạm Thị Diễm My. - H. : Kim Đồng, 2025. - 25 tr. : tranh màu ; 27 cm. - (Câu chuyện nhà thơ). - 45000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Italia: Che fine hanno le nocciole? s616291

1459. Hâu Nâu. Trên những đám mây / Hâu Nâu ; Minh họa: Thanh Thảo. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 166 tr. : tranh vẽ ; 20 cm. - (Văn học thiếu nhi). - 70000đ. - 1500b

Tên thật tác giả: Nguyễn Minh Ngọc s616692

1460. Hemingway, Ernest. Ông già và biển cả / Ernest Hemingway ; Lê Huy Bắc dịch. - Tái bản. - H. : Văn học, 2025. - 78 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 78000đ. - 1000b

Dịch theo nguyên bản tiếng Anh: The old man and the sea s617035

1461. Hemingway, Ernest. Ông già và biển cả / Ernest Hemingway ; Lê Huy Bắc dịch. - Tái bản lần 6. - H. : Văn học, 2025. - 147 tr. ; 21 cm. - 42000đ. - 2000b
Dịch theo nguyên bản tiếng Anh: The old man and the sea s617692
1462. Higashino Keigo. Biệt thự cô lập trên núi tuyết / Higashino Keigo ; Ngọc Châu dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 298 tr. ; 21 cm. - 170000đ. - 3000b
Tên sách tiếng Nhật: ある閉ざされた雪の山荘で s617617
1463. Higashino Keigo. Người giáo viên tàn nhẫn / Higashino Keigo ; Thương Chan dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 327 tr. ; 21 cm. - 189000đ. - 2000b s617244
1464. Hoa Di. Quay lại tuổi 17 để cứu rỗi chính mình / Hoa Di. - H. : Văn học, 2025. - 413 tr. ; 21 cm. - 225000đ. - 1500b s617667
1465. Hoàng Bội Giai. Đại Nhị Ngưu mau chạy / Hoàng Bội Giai ; Dịch: Bình An, Khuru Nghĩa. - H. : Lao động, 2025. - 247 tr. ; 21 cm. - 150000đ. - 1000b
Tên sách tiếng Trung: 奔跑的岱二牛 s617364
1466. Hoàng Hải Phương. Chao chát thổi ăn năn : Thơ / Hoàng Hải Phương. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2024. - 142 tr. ; 22 cm. - 99000đ. - 1000b s616796
1467. Học làm bố mẹ tốt : Truyện tranh : Dành cho tuổi 6+ / Lời: Trương Huệ Văn ; Tranh: Lê Hành ; Nguyễn Thùy Dung dịch. - H. : Kim Đồng, 2025. - 43 tr. : tranh màu ; 19x26 cm. - (Gia đình vui vẻ). - 48000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Anh: Mom and dad, don't do this s616065
1468. Hoover, Colleen. Khởi đầu của chúng ta / Colleen Hoover ; Beedham D dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 314 tr. ; 24 cm. - 185000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Anh: It starts with us s617216
1469. Hoover, Colleen. Tình yêu xấu xí / Colleen Hoover ; Du An dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 353 tr. ; 24 cm. - 206000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Anh: Ugly love s617217
1470. Horimiya : Truyện tranh : 13+ / Hero, Hagiwara Daisuke ; Đinh Thị Nhung dịch. - H. : Lao động. - 18 cm. - 50000đ. - 1000b
T.6. - 2025. - 172 tr. : tranh vẽ s615865
1471. Horimiya : Truyện tranh : 13+ / Hero, Hagiwara Daisuke ; Đinh Thị Nhung dịch. - H. : Lao động. - 18 cm. - 50000đ. - 1000b
T.7. - 2025. - 176 tr. : tranh vẽ s615866
1472. Horimiya : Truyện tranh : 13+ / Hero, Hagiwara Daisuke ; Đinh Thị Nhung dịch. - H. : Lao động. - 18 cm. - 50000đ. - 1000b
T.16. - 2025. - 171 tr. : tranh vẽ s615867
1473. Horimiya : Truyện tranh : 13+ / Hero, Hagiwara Daisuke ; Đinh Thị Nhung dịch. - H. : Lao động. - 18 cm. - 50000đ. - 1000b
T.17. - 2025. - 166 tr. : tranh vẽ s615868
1474. Hồ Diên Vân. Không thành kế / Hồ Diên Vân ; Nhượng Lê dịch. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 566 tr. ; 24 cm. - 289000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Trung: 空城计 s616810
1475. Hồ Biểu Chánh. Nghị luận, cảm tác của Hồ Biểu Chánh trên Nam Kỳ tuần báo và Đại Việt tạp chí / S.t., chú giải, giới thiệu: Lê Thị Thanh Tâm, Võ Văn Thành. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 375 tr. ; 21 cm. - 2000b

- ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam s616852
1476. Hồ Chí Minh. Nhật ký trong tù / Hồ Chí Minh. - Tái bản lần thứ 11. - H. : Văn học, 2025. - 299 tr. ; 21 cm. - 80000đ. - 2000b s616978
1477. Hồ Đăng Dung. Truyện Kiều chuyển thể / Hồ Đăng Dung. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 271 tr. ; 21 cm. - 120000đ. - 100b s616594
1478. Hồ Xoa. Bên thềm cỏ tích : Thơ / Hồ Xoa. - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2025. - 95 tr. ; 19 cm. - 89000đ. - 300b s616039
1479. Hồng Thanh Quang. Giác ngộ : Thơ / Hồng Thanh Quang. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 353 tr. ; 23 cm. - 2639000đ. - 500b s616833
1480. Hurston, Zora Neale. Những đôi mắt vọng về Đức Chúa / Zora Neale Hurston ; Nguyễn Thị Hạnh dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 287 tr. ; 21 cm. - 125000đ. - 1000b s617704
1481. Huy Bảo. Đơn giản nhất là biến mất / Huy Bảo. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 125 tr. ; 21 cm. - 89000đ. - 1000b s617764
1482. Huỳnh Mai Liên. Bốn mùa cờ bay : Thơ / Huỳnh Mai Liên ; Minh họa: Mai Khuê. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 106 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 100000đ. - 2000b s616791
1483. Huỳnh Ngọc Ân. Tuyển tập sáng tác: Bản tình ca người lính / Huỳnh Ngọc Ân. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 253 tr. : ảnh ; 21 cm. - 500b
Phụ lục: tr. 213-248 s616644
1484. James, Henry. Washington Square / Henry James ; Thanh Nghi dịch. - H. : Lao động, 2025. - 266 tr. ; 18 cm. - 141000đ. - 1200b s615892
1485. Jang Kiêu. Tuổi thơ lấm chuyên buồn cười / Jang Kiêu. - H. : Văn học, 2025. - 228 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 499000đ. - 500b s616919
1486. Jeong You Jeong. 7 năm bóng tối / Jeong You Jeong ; Kim Ngân dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 479 tr. ; 23 cm. - 229000đ. - 3000b
Tên sách tiếng Anh: Seven years of darkness s617761
1487. Jun Phạm. Xứ sở miền man / Jun Phạm. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 363 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 365000đ. - 5000b s617724
1488. Kanoh Arata. 5 centimet trên giày / Kanoh Arata ; Nguyên tác: Shinkai Makoto ; QC Trang dịch. - H. : Lao động, 2025. - 352 tr. ; 18 cm. - 120000đ. - 1000b s615869
1489. Kanoh Arata. Your name. Another side: Earthbound / Kanoh Arata ; Nguyên tác: Shinkai Makoto ; Quế Đan dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 288 tr. : tranh vẽ ; 18 cm. - 95000đ. - 1000b s615885
1490. Katouh, Zoulfa. Miễn là cây chanh còn mọc / Zoulfa Katouh ; Nguyễn Thúy Quỳnh dịch. - H. : Văn học, 2025. - 375 tr. ; 23 cm. - 226000đ. - 1600b
Dịch từ nguyên bản tiếng Anh: As long as the lemon trees grow s616947
1491. Kawabata Yasunari. Đẹp và buồn / Kawabata Yasunari ; Mai Kim Ngọc dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 262 tr. : ảnh ; 21 cm. - 132000đ. - 1500b
Tên sách tiếng Nhật: 美しさと哀しみと s617344
1492. Kẽ ngây thơ, người từng trải và câu chuyện tình của chúng tôi : Truyện tranh / Nguyên tác: Makiko Nagaoka ; Truyện tranh: Carpaccio Noyama ; Minh họa: Magako ; Gia Bảo dịch. - H. : Lao động. - 18 cm. - 99000đ. - 2000b
T.2. - 2025. - 180 tr. : tranh vẽ s615871

1493. Khinh Âm. Lãng mạn dành cho em : Ngoại truyện : Tiểu thuyết / Khinh Âm ; Linh Phương dịch. - H. : Văn học, 2025. - 478 tr. ; 24 cm. - 315000đ. - 2000b
 Tên sách tiếng Trung: 办公室隐婚 s616949
1494. Không, không, khủng long ơi! : Truyện tranh : Sách cho trẻ 0 - 4 tuổi / Kate Stone ; Thu Nga dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 12 tr. : tranh màu ; 15 cm. - (Bộ sách Chuyển động). - 45000đ. - 3000b
 Tên sách tiếng Anh: No, no, Dinos! s616043
1495. Khuất Quang Thụy. Người ở bến Phù Vân : Tập truyện / Khuất Quang Thụy. - H. : Văn học, 2025. - 198 tr. ; 21 cm. - 43000đ. - 1000b s616882
1496. Khúc danh đề biển cả : Truyện tranh : 16+ / John Tarachine ; Luci dịch. - H. : Lao động. - 18 cm. - 55000đ. - 5000b
 T.1. - 2025. - 158 tr. : tranh vẽ s615872
1497. Khúc danh đề biển cả : Truyện tranh : 16+ / John Tarachine ; Luci dịch. - H. : Lao động. - 18 cm. - 55000đ. - 5000b
 T.2. - 2025. - 157 tr. : tranh vẽ s615873
1498. Kiểm bút truyền gia : Truyện ký. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 288 tr. : ảnh, bảng ; 24 cm. - 1000b s616848
1499. Kim Hồng Hưng. Nhấn con gái tuổi đôi mươi / Kim Hồng Hưng. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 109 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 19x20 cm. - 600b s616062
1500. King, Stephen. Người xạ thủ = The gunslinger / Stephen King ; Đỗ Phan Thu Hà dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 434 tr. ; 24 cm. - (The dark tower; T.1). - 289000đ. - 2000b s617621
1501. Kōtarō Isaka. Lời nguyện bù nhìn rom / Kōtarō Isaka ; Ien Dao dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 459 tr. ; 21 cm. - 219000đ. - 2000b s617243
1502. Ký và tản văn Huế từ năm 2000 / Ngô Cang, Phạm Thị Cúc, Trần Thị Bạch Diệp... - Huế : Nxb. Thuận Hoá, 2025. - 663 tr. : ảnh ; 21 cm. - 150000đ. - 300b
 ĐTTS ghi: Hội Nhà văn thành phố Huế s616482
1503. Kỳ Kinh Nam Khứ. Đừng nhặt bạn trai trong thùng rác : Tiểu thuyết / Kỳ Kinh Nam Khứ ; Diêu Tuyên dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 21 cm. - 189000đ. - 3000b
 Tên sách tiếng Trung: 不要在垃圾桶里捡男朋友
 T.8. - 2025. - 501 tr. s617618
1504. La Quán Trung. Tam quốc diễn nghĩa / La Quán Trung ; Phan Kế Bính dịch ; Bùi Kỳ h.đ. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Văn học. - 21 cm. - 150000đ. - 2000b
 T.1. - 2025. - 611 tr. s617014
1505. La Quán Trung. Tam quốc diễn nghĩa / La Quán Trung ; Phan Kế Bính dịch ; Bùi Kỳ h.đ. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Văn học. - 21 cm. - 150000đ. - 2000b
 T.2. - 2025. - 619 tr. s617015
1506. La Quán Trung. Tam quốc diễn nghĩa / La Quán Trung ; Phan Kế Bính dịch ; Bùi Kỳ h.đ. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Văn học. - 21 cm. - 150000đ. - 2000b
 T.3. - 2025. - 623 tr. s617016
1507. Lã Thị Bắc Lý. Giáo trình Văn học trẻ em / Lã Thị Bắc Lý. - In lần thứ 22. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 199 tr. ; 24 cm. - 70000đ. - 500b s616537

1508. Labatut, Benjamín. Khi ta không còn hiểu thế giới / Benjamín Labatut ; Tôm Giang dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 234 tr. ; 21 cm. - 125000đ. - 2000b
 Tên sách tiếng Tây Ban Nha: Un verdor terrible s617210
1509. Lạc Lâm Lang. Người tìm xác / Lạc Lâm Lang ; Thú Lạ dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - 179000đ. - 2000b
 Tên sách tiếng Trung: 寻尸人
 T.3. - 2025. - 381 tr. : tranh vẽ s617353
1510. Làn. Lê la từ nhà ra ngõ / Làn. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 211 tr. : hình vẽ ; 20 cm. - 99000đ. - 10000b
 Tên thật tác giả: Dương Thùy Dung s617697
1511. Làn. Những em bé đang lớn / Làn. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 267 tr. : tranh vẽ ; 20 cm. - 105000đ. - 1000b
 Tên thật tác giả: Dương Thùy Dung s617762
1512. Lãng Tử Quân. Em mãi là thơ : Tuyển tập thơ tình lãng mạn / Lãng Tử Quân. - Huế : Nxb. Thuận Hoá, 2025. - 147 tr. ; 21 cm. - 99000đ. - 500b
 Tên thật tác giả: Trần Văn Dũng s616485
1513. Lão Cỗ. Về quê làm thầy pháp / Lão Cỗ. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 21 cm. - 159000đ. - 1500b
 T.1. - 2025. - 349 tr. s617741
1514. Lão Cỗ. Về quê làm thầy pháp / Lão Cỗ. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 21 cm. - 129000đ. - 1500b
 T.2. - 2025. - 216 tr. s617742
1515. Lăn lăn lăn : Truyện tranh : Phát triển ngôn ngữ cho trẻ 0 - 3 tuổi / Bùi Thị Ánh Tuyết. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 15 tr. : tranh màu ; 19 cm. - (Lú lo bé kè). - 18000đ. - 3000b s616047
1516. Lee Hayoung. Đọc sách, viết sách, làm sách : Những thước phim về sách trên màn ảnh / Lee Hayoung ; Phương Thảo dịch. - H. : Văn học, 2025. - 198 tr. ; 21 cm. - 119000đ. - 2000b
 Tên sách tiếng Hàn: 책 읽는 책 쓰는 책 만드는 s616869
1517. Lee Miye. Bách hoá giấc mơ của Ngài Dollargut : Giấc mơ bạn đặt hiện đang hết hàng / Lee Miye ; Hồng Liên dịch. - H. : Văn học, 2025. - 298 tr. ; 21 cm. - 130000đ. - 1500b
 Tên sách tiếng Hàn: 달러구트 꿈 백화점 s617693
1518. Lê Anh Phong. Thơ chọn / Lê Anh Phong. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 157 tr. ; 24 cm. - 150000đ. - 1000b s616806
1519. Lê Bá Đức. Yêu thương còn mãi : Thơ / Lê Bá Đức. - H. : Văn học, 2025. - 266 tr. ; 21 cm. - 189000đ. - 1000b s616873
1520. Lê Cảnh Nhạc. Đi về phía mặt trời : Thơ / Lê Cảnh Nhạc. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 231 tr. : tranh vẽ ; 23 cm. - 150000đ. - 1000b s616846
1521. Lê Công Cơ. Người của một thời : Giải thưởng Văn học nghệ thuật Cố đô lần thứ VI (2013-2018) : Ký / Lê Công Cơ, Nguyễn Đông Nhật. - Tái bản, có sửa chữa, bổ sung. - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2025. - 412 tr. : ảnh ; 21 cm. - 500b
 Thư mục cuối chính văn s617556

1522. Lê Duy Hạnh. Hồn thơ ngọc : Tuyển tập tác phẩm / Lê Duy Hạnh. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 385 tr. ; 24 cm. - 500b s616840
1523. Lê Hồng Thiện. Nơi ấy tôi yêu : Thơ / Lê Hồng Thiện. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 73 tr. ; 21 cm. - 100000đ. - 500b s616814
1524. Lê Hữu Lập. Hồn đất - Tình người : Thơ / Lê Hữu Lập. - H. : Văn học, 2025. - 132 tr. : ảnh ; 21 cm. - 96000đ. - 500b s616907
1525. Lê Mai Phương. Kỹ năng viết bài văn nghị luận xã hội / Lê Mai Phương. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 303 tr. : bảng ; 24 cm. - 198000đ. - 2000b s617442
1526. Lê Minh Hà. Gió tự thời khuất mặt / Lê Minh Hà. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2023. - 309 tr. ; 24 cm. - 172000đ. - 1000b s616837
1527. Lê Minh Hà. Phở vẫn gió : Tiểu thuyết / Lê Minh Hà. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2023. - 288 tr. ; 24 cm. - 168000đ. - 1000b s616838
1528. Lê Nhi. Mắt phố : Thơ / Lê Nhi. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 68 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 88000đ. - 1000b s616753
1529. Lê Phương. Chiều hoàng hôn nhạt nắng : Tập thơ / Lê Phương. - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2025. - 85 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 60000đ. - 500b s617590
1530. Lê Phương Liên. Hoàng hôn lộng / Lê Phương Liên. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 207 tr. : tranh màu ; 24 cm. - 140000đ. - 1000b s616809
1531. Lê Tài. Phẩm giá nàng trắng : Thơ / Lê Tài. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2024. - 101 tr. ; 22 cm. - 99000đ. - 1000b
Tên thật tác giả: Lê Tấn Tài s616798
1532. Lê Thanh Sơn. Chút nỗi niềm : Thơ / Lê Thanh Sơn. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 128 tr. ; 21 cm. - 65000đ. - 200b s616604
1533. Lê Vinh Út. Gánh chiêm bao : Thơ / Lê Vinh Út. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2024. - 55 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 80000đ. - 1000b s616789
1534. Lễ hội đèn lồng : Truyện tranh : Dành cho thiếu nhi / Giuditta Campello ; Minh họa: Arianna Cicciò ; Dịch: Đỗ Bảo Phương... - H. : Kim Đồng, 2025. - 25 tr. : tranh màu ; 27 cm. - (Câu chuyện nhà thơ). - 45000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Italia: La festa delle lanterne s616292
1535. Liễu Ngộ. Lặng lẽ / Liễu Ngộ. - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2025. - 335 tr. : ảnh ; 20 cm. - 600b s617569
1536. Lim Sunwoo. Trái tim của hồn ma / Lim Sunwoo ; Hồng Hà dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 271 tr. ; 21 cm. - 165000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Hàn: 유령의 마음으로 s617255
1537. London, Jack. Tiếng gọi của hoang dã / Jack London ; Dịch: Lâm Hoài, Võ Quang. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Văn học, 2025. - 159 tr. ; 21 cm. - 48000đ. - 2000b s617690
1538. Lớp học mật ngữ : Đặc san Hoa học trò : Truyện tranh / B.R.O. Group ; B.s.: Nguyễn Hồ Hưng... - H. : Báo Tiền phong. - 22 cm. - 30000đ
T.14. - 2025. - 47 tr. : tranh màu s617051
1539. Lớp học xả stress - Bí kíp vượt qua kì thi : Truyện tranh / Xiao Pin ; Bích Ngọc dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 160 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 58000đ. - 2000b

- Tên sách tiếng Trung: 女生不好惹 s617721
1540. Lưu Từ Ân. Tam thể / Lưu Từ Ân ; Lục Hương dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 364 tr. ; 24 cm. - 185000đ. - 2000b
Dịch từ nguyên tác tiếng Trung: 三体 s617354
1541. Lưu Văn Bình. Những anh hùng thời đại : Thơ / Lưu Văn Bình. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 200000đ. - 1000b
T.6. - 2025. - 331 tr. s616786
1542. Lycoris recoil : Tuyển tập ngoại truyện "Tiếp nối" : Truyện tranh : 17+ / Nguyên tác: Spider Lily ; Thế Đăng dịch. - H. : Lao động. - 18 cm. - 55000đ. - 4000b
T.1. - 2025. - 170 tr. : tranh vẽ s615858
1543. Lycoris recoil : Official comic : Truyện tranh : 17+ / Minh họa: Yasunori Bizen ; Nguyên tác: Spider Lily ; Thế Đăng dịch. - H. : Lao động. - 18 cm. - 55000đ. - 1000b
T.2. - 2025. - 140 tr. : tranh vẽ s615860
1544. Lycoris recoil : Tuyển tập ngoại truyện "Nhắc lại" : Truyện tranh : 17+ / Nguyên tác: Spider Lily ; Thế Đăng dịch. - H. : Lao động. - 18 cm. - 55000đ. - 4000b
T.2. - 2025. - 140 tr. : tranh vẽ s615857
1545. Lycoris recoil : Tuyển tập ngoại truyện "Tiếp nối" : Truyện tranh : 17+ / Nguyên tác: Spider Lily ; Thế Đăng dịch. - H. : Lao động. - 18 cm. - 55000đ. - 4000b
T.2. - 2025. - 128 tr. : tranh vẽ s615859
1546. Lycoris recoil : Official comic : Truyện tranh : 17+ / Minh họa: Yasunori Bizen ; Nguyên tác: Spider Lily ; Thế Đăng dịch. - H. : Lao động. - 18 cm. - 55000đ. - 7000b
T.4. - 2025. - 162 tr. : tranh vẽ s615861
1547. Lycoris recoil : Official comic : Truyện tranh : 17+ / Minh họa: Yasunori Bizen ; Nguyên tác: Spider Lily ; Thế Đăng dịch. - H. : Lao động. - 18 cm. - 55000đ. - 7000b
T.5. - 2025. - 161 tr. : tranh vẽ s615862
1548. Mã Văn Kháng. Phút giây huyền diệu : Nhà văn và quá trình sáng tạo / Mã Văn Kháng. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 223 tr. ; 21 cm. - 130000đ. - 1000b s616533
1549. Mã Bá Dung. Rừng ngầm Trường An / Mã Bá Dung ; Giang Hạ dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 384 tr. ; 21 cm. - 219000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Trung: 龙与地下铁 s617603
1550. Mã Hộ Tử Quân. Couple này chú không ship sao? : 18+ / Mã Hộ Tử Quân ; Hana dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 21 cm. - 169000đ. - 2000b
Dịch từ nguyên bản tiếng Trung: 这你都不磕?
T.2. - 2025. - 365 tr. : tranh màu s617616
1551. Made in Abyss : Truyện tranh : 17+ / Akihito Tsukushi ; Ngô Quế Đan dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 21 cm. - 50000đ. - 1000b
T.2. - 2025. - 164 tr. : tranh màu s617272
1552. Made in Abyss : Truyện tranh : 17+ / Akihito Tsukushi ; Miro dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 21 cm. - 60000đ. - 1000b
T.10. - 2025. - 164 tr. : tranh vẽ s617273
1553. Mai Nhung. Người qua như tiếng rao : Thơ / Mai Nhung. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 93 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 119000đ. - 300b s616835

1554. Mai Thanh Hạ. Đóa hoa tình thức nở giữa vô thường / Mai Thanh Hạ ; Tranh: Tâm Lê. - H. : Văn học, 2025. - 191 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 109000đ. - 2000b
 Tên thật tác giả: Trần Thị Kim Thoa s616870
1555. Malot, Hector. Không gia đình = Sans famille / Hector Malot ; Như Phong dịch. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Văn học, 2025. - 613 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 215000đ. - 3000b s617696
1556. Malot, Hector. Trong gia đình / Hector Malot ; Như Phong dịch. - H. : Văn học, 2025. - 487 tr. ; 21 cm. - 158000đ. - 2000b
 Dịch từ nguyên bản tiếng Pháp: En famille s616989
1557. Maugham, W. Somerset. Bánh ngọt và rượu bia / W. Somerset Maugham ; Nguyễn Đăng Hồng Chương dịch. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 310 tr. ; 21 cm. - 125000đ. - 2000b
 Tên sách tiếng Anh: Cakes and ale : Or, the skeleton in the cupboard s616823
1558. Mauriac, François. Cung đàn lỗi nhịp / François Mauriac ; Thân Trọng Sơn dịch. - Huế : Nxb. Thuận Hoá, 2025. - 133 tr. ; 20 cm. - 200000đ. - 300b
 Dịch từ nguyên tác tiếng Pháp: Thérèse Desqueyroux s616473
1559. Mặc Bảo Phi Bảo. Cốt cách mỹ nhân : Tiểu thuyết / Mặc Bảo Phi Bảo ; Diệp Từ dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 509 tr. ; 21 cm. - 189000đ. - 3000b
 Tên sách tiếng Trung: 一生一世美人骨 s617248
1560. Mặc Hương Đồng Khứu. Ma đạo tổ sư : Tiểu thuyết / Mặc Hương Đồng Khứu ; Oải Hương Tím dịch. - Tái bản. - H. : Nxb. Hà Nội. - 21 cm. - 179000đ. - 2000b
 Tên sách tiếng Trung: 魔道祖师
 T.2. - 2025. - 463 tr. s617262
1561. Mặc Hương Đồng Khứu. Ma Đạo Tổ Sư : Tiểu thuyết / Mặc Hương Đồng Khứu ; Oải Hương Tím dịch. - Tái bản. - H. : Nxb. Hà Nội. - 21 cm. - 179000đ. - 2000b
 Tên sách tiếng Trung: 魔道祖师
 T.4. - 2025. - 439 tr. s617343
1562. Mật mã văn : Tập san văn học nghệ thuật / Đỗ Hồng Quân, Kim Ba, Nguyễn Nho Khiêm... - Huế : Nxb. Thuận Hoá, 2025. - 339 tr. : ảnh ; 24 cm. - 200b s616627
1563. Mẫu giáo đại chiến : Truyện tranh : 18+ / You Chiba ; Ocharaketa dịch. - H. : Lao động. - 18 cm. - 60000đ. - 6000b
 T.4. - 2025. - 204 tr. : tranh vẽ s615878
1564. Mcfadden, Freida. Bạn trai / Freida McFadden ; Nhím dịch. - H. : Văn học, 2025. - 398 tr. ; 21 cm. - 169000đ. - 2000b
 Tên sách tiếng Anh: The boyfriend s616910
1565. Meia Geddes. Thương gửi thế gian = Love letters to the world / Meia Geddes ; Ililiiowo dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 259 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 125000đ. - 2000b s617707
1566. Mèo con nhút nhát : Truyện tranh : Phát triển ngôn ngữ cho trẻ 0 - 3 tuổi / Nguyễn Thị Thảo. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 15 tr. : tranh màu ; 19 cm. - (Lú lo bé kễ). - 18000đ. - 3000b s616050
1567. Mèo và bên kia đại dương = Sea you there and as : Truyện tranh : 18+ / Monday Recover ; Nguyên tác: Trần Xảo Dung ; Ngọc dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 229 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 85000đ. - 1000b s617654

1568. Miêu Đặc. Nhạc công bí ẩn : Tiểu thuyết dành cho lứa tuổi 18+ / Miêu Đặc ; Nguyễn Thảo Nguyên dịch. - H. : Văn học, 2025. - 462 tr. ; 21 cm. - 198000đ. - 2000b
 Tên sách tiếng Trung: 谜案演奏家 s616908
1569. Mikihiro Renjo. Đêm cho chuột : Tuyển tập những vụ án kì ảo của Mikihiro Renjo / Trang Nguyễn dịch. - H. : Lao động. - 21 cm. - 119000đ. - 2000b
 Tên sách tiếng Nhật: 夜よ鼠たちのために . - Tên thật tác giả: Jingo Kato
 T.1. - 2025. - 222 tr. s617370
1570. Mikihiro Renjo. Đêm cho chuột : Tuyển tập những vụ án kì ảo của Mikihiro Renjo / Trang Nguyễn dịch. - H. : Lao động. - 21 cm. - 119000đ. - 2000b
 Tên sách tiếng Nhật: 夜よ鼠たちのために . - Tên thật tác giả: Jingo Kato
 T.2. - 2025. - 261 tr. s617371
1571. Minh Thành. Hơi ám què nhà : Thơ / Minh Thành. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 122 tr. ; 20 cm. - 75000đ. - 500b
 Tên thật tác giả: Nguyễn Văn Minh s616762
1572. Modiano, Patrick. Tuần trăng mật / Patrick Modiano ; Lâm An dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 183 tr. ; 21 cm. - 112000đ. - 2000b
 Tên sách tiếng Pháp: Voyage de nocces s617256
1573. Monster #8 side B : Truyện tranh : 16+ / Nguyên tác: Naoya Matsumoto, Keiji Ando ; Minh họa: Kentaro Hidano ; Trần Yang dịch. - H. : Lao động. - 18 cm. - 80000đ. - 4000b
 T.1. - 2025. - 438 tr. : tranh vẽ s615863
1574. Monster #8 side B : Truyện tranh : 16+ / Nguyên tác: Naoya Matsumoto, Keiji Ando ; Minh họa: Kentaro Hidano ; Trần Yang dịch. - H. : Lao động. - 18 cm. - 80000đ. - 4000b
 T.2. - 2025. - 380 tr. : tranh vẽ s615864
1575. Montgomery, L. M. Lâu đài xanh / Lucy Maud Montgomery ; Hoàng Khánh Linh dịch. - H. : Tài chính, 2025. - 491 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 168000đ. - 3000b
 Tên sách tiếng Anh: The blue castle s617181
1576. Mộc An. Kẻ trộm Đen ở vương quốc Hoa Mặt Trời : Truyện dài / Mộc An. - H. : Văn học, 2025. - 187 tr. : tranh vẽ ; 20 cm. - 108000đ. - 500b
 Tên thật tác giả: Nguyễn Thị Nguyệt Trinh s616868
1577. Một lát là bao lâu? : Truyện tranh : Dành cho trẻ em từ 3 - 6 tuổi / Lời: Fang Rui ; Tranh: Xiao Pi Hou Cha Hua ; Niệm Vũ dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 35 tr. : tranh màu ; 22 cm. - (Tủ sách Cùng con trưởng thành)(Tình thân diệu kỳ). - 39000đ. - 2000b s617626
1578. Mục Qua. Hồ sơ tâm lý học - Tâm thần hay kẻ điên / Mục Qua ; Tú Phương dịch. - H. : Lao động, 2025. - 439 tr. ; 24 cm. - 189000đ. - 2000b
 Tên sách tiếng Trung: 疯人说: 精神病院医生手记 s617386
1579. Musil, Robert. Những nỗi hoảng hốt của cậu học sinh Törleß / Robert Musil ; Phan Nhu dịch. - H. : Lao động, 2025. - 259 tr. ; 19 cm. - 138000đ. - 1200b
 Dịch từ nguyên bản tiếng Đức: Die verwirungen des zöglings Törleß s615900
1580. Musso, Guillaume. Bí mật của thiên thần / Guillaume Musso ; Phạm Hiền dịch. - H. : Văn học, 2025. - 306 tr. ; 21 cm. - 185000đ. - 3000b
 Tên sách tiếng Pháp: Angélique s616898
1581. Musso, Guillaume. Kẻ khác / Guillaume Musso ; Vĩ Thanh dịch. - H. : Văn học, 2025. - 362 tr. ; 21 cm. - 188000đ. - 3000b

- Tên sách tiếng Pháp: Quelqu'un d'autre. - Thư mục: tr. 359-362 s616909
1582. Mylee. Nhịp điệu xuyên thời gian / Mylee. - H. : Công Thương, 2025. - 407 tr. ; 21 cm. - 69000đ. - 100b s616419
1583. Na Đa. Đưa trẻ giấy : Tiểu thuyết : Dành cho lứa tuổi 18+ / Na Đa ; Ying dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 326 tr. ; 21 cm. - 145000đ. - 2000b
 Tên sách tiếng Trung: 纸婴 s617278
1584. Nam Cao. Chí Phèo / Nam Cao. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Văn học, 2025. - 206 tr. ; 21 cm. - 48000đ. - 3000b s617008
1585. Nam Quảng Từ. Đen, trắng và ánh sáng : Tiểu thuyết / Nam Quảng Từ. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 380 tr. ; 21 cm. - 218000đ. - 300b s616831
1586. Nam Sơn vững bước đi lên : Tập thơ Chào mừng 70 năm thành lập xã Nam Sơn / Nguyễn Quang Hòa, Vũ Đình Thường, Nguyễn Ích Quyết (b.s.). - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 135 tr. ; 21 cm. - 168000đ. - 1000b
 Đầu bìa sách ghi: Đảng ủy xã Nam Sơn s616778
1587. 5 giây đếm ngược, phù thủy được yêu : Truyện tranh : 18+ / Sumiya Zeniko ; Luci dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 126 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 58000đ. - 5000b
 Tên sách tiếng Anh: 5 seconds before the witch fall in love s617608
1588. Nấm Hương. Mùa thu đỏ : Tiểu thuyết / Nấm Hương. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 470 tr. ; 21 cm. - 300000đ. - 200b s617740
1589. Neon genesis evangelion : Collector's edition : Truyện tranh : 17+ / Yoshiyuki Sadamoto, Khara ; Tuyết Quỳnh dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 21 cm. - 200000đ. - 1000b
 T.3. - 2025. - 363 tr. : tranh vẽ s617657
1590. Neon genesis evangelion : Collector's edition : Truyện tranh : 17+ / Yoshiyuki Sadamoto, Khara ; Tuyết Quỳnh dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 21 cm. - 200000đ. - 1000b
 T.7: Cuộc chiến của đàn ông. - 2025. - 361 tr. : tranh vẽ s617658
1591. Nesbit, Edith. Lũ trẻ đường tàu : Tiểu thuyết / Edith Nesbit ; Dạ Thảo dịch. - H. : Văn học, 2025. - 287 tr. ; 21 cm. - 109000đ. - 1500b
 Tên sách tiếng Anh: The railway children s616906
1592. Nét họa giang sơn - Hào khí trời Nam : Tập truyện ngắn / Phong Anh, Mia, Hoa Tre... - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 276 tr. ; 21 cm. - 150000đ. - 1000b s617718
1593. Ngải Ngu. Tàng hạ - Bí mật mùa hạ : Tiểu thuyết / Ngải Ngu ; Bình An dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 21 cm. - 209000đ. - 1500b
 Tên sách tiếng Trung: 藏夏
 T.1. - 2025. - 449 tr. s617735
1594. Ngải Ngu. Tàng hạ - Bí mật mùa hạ : Tiểu thuyết / Ngải Ngu ; Bình An dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 21 cm. - 268000đ. - 1500b
 Tên sách tiếng Trung: 藏夏
 T.2. - 2025. - 493 tr. s617736
1595. Ngọc Giao. Đòi nó thế : Tập truyện ngắn / Ngọc Giao. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 221 tr. ; 20 cm. - 99000đ. - 1000b
 Tên thật tác giả: Nguyễn Huy Giao s616703
1596. Ngọc Khương. Bóng quê : Thơ / Ngọc Khương. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 97 tr. : ảnh ; 23 cm. - 150000đ. - 1000b s616802

1597. Ngọc Thông. Dâng : Thơ / Ngọc Thông. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 103 tr. ; 23 cm. - 12000đ. - 1000b
 Tên thật tác giả: Nguyễn Ngọc Thông s616799
1598. Ngô Tất Tố. Tắt đèn : Tiểu thuyết / Ngô Tất Tố. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Văn học, 2025. - 175 tr. ; 21 cm. - 55000đ. - 1000b s617009
1599. Ngô Tất Tố. Tắt đèn : Tiểu thuyết / Ngô Tất Tố. - Tái bản lần thứ 8. - H. : Văn học, 2025. - 182 tr. ; 18 cm. - 50000đ. - 2000b s616973
1600. Ngô Tất Tố. Trong rừng nho / Ngô Tất Tố. - H. : Văn học, 2025. - 203 tr. ; 21 cm. - 70000đ. - 2000b s616996
1601. Ngõng. Mùi bàng chín / Ngõng. - H. : Công Thương, 2025. - 181 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 118000đ. - 500b
 Tên thật tác giả: Ngô Thị Thanh Huyền s616405
1602. Nguyên Bình. Mật ngữ trắng đen : Thơ / Nguyên Bình. - Huế : Nxb. Thuận Hoá, 2025. - 144 tr. ; 21 cm. - 99000đ. - 200b s616483
1603. Nguyên Bình. Thi thoại đêm : Thơ / Nguyên Bình. - Huế : Nxb. Thuận Hóa, 2025. - 139 tr. ; 21 cm. - 99000đ. - 200b s616489
1604. Nguyên Đức. Dòng sông kể chuyện : Tập bút ký / Nguyên Đức. - H. : Quân đội nhân dân, 2025. - 199 tr. : ảnh ; 21 cm. - 79000đ. - 887b
 Tên thật tác giả: Nguyễn Đức Hà s616448
1605. Nguyên Hồng. Bì vò / Nguyên Hồng. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Văn học, 2025. - 203 tr. ; 21 cm. - (Quốc ngữ thi thư). - 65000đ. - 2000b s616988
1606. Nguyên Hồng. Những ngày thơ ấu / Nguyên Hồng. - H. : Văn học, 2025. - 128 tr. ; 21 cm. - (Quốc ngữ thi thư). - 45000đ. - 1500b s616957
1607. Nguyễn Bá Trính. Dấu chân trên những con đường mới : Tự truyện / Nguyễn Bá Trính. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 266 tr. : ảnh ; 20 cm. - 250000đ. - 500b s616826
1608. Nguyễn Chu Nhạc. Gian truân nghề báo nghiệp văn / Nguyễn Chu Nhạc. - H. : Văn học, 2025. - 238 tr. ; 21 cm. - 99000đ. - 2000b s616863
1609. Nguyễn Chu Nhạc. Giờ thương lại những ngày xưa : Thơ / Nguyễn Chu Nhạc. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 134 tr. ; 21 cm. - 115000đ. - 500b s616813
1610. Nguyễn Công Hoan. Truyện ngắn Nguyễn Công Hoan : Tuyển tập truyện ngắn đặc sắc. - H. : Văn học, 2025. - 191 tr. ; 21 cm. - 46000đ. - 2000b s616867
1611. Nguyễn Công Hoan. Tuyển tập Nguyễn Công Hoan. - Tái bản lần 2. - H. : Văn học, 2025. - 699 tr. ; 21 cm. - 165000đ. - 2000b s617007
1612. Nguyễn Du. Truyện Kiều / Nguyễn Du ; Hiệu khảo: Bùi Kỳ, Trần Trọng Kim. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Văn học, 2025. - 247 tr. ; 21 cm. - 68000đ. - 2000b s616977
1613. Nguyễn Duy. Thơ Nguyễn Duy. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 423 tr. ; 24 cm. - 198000đ. - 1500b s616841
1614. Nguyễn Đăng Kiên. Đặc điểm tạp văn của các cây bút nữ sau 1986 : Chuyên luận văn học / Nguyễn Đăng Kiên. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2024. - 196 tr. : ảnh ; 21 cm. - 120000đ. - 300b
 Phụ lục: tr. 139-192. - Thư mục: tr. 194-196 s616825

1615. Nguyễn Đình San. Sup đồ : Tiểu thuyết lịch sử / Nguyễn Đình San. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 483 tr. ; 20 cm. - 300000đ. - 500b s616817
1616. Nguyễn Đức Hạt. Ngọn đèn của Mẹ : Tập thơ / Nguyễn Đức Hạt. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 85 tr. : ảnh ; 21 cm. - 200000đ. - 500b s616795
1617. Nguyễn Đức Toàn. Bên hẹn : Thơ / Nguyễn Đức Toàn. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 166 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 168000đ. - 1000b s616765
1618. Nguyễn Đức Tùng. Thuyền : Tiểu thuyết / Nguyễn Đức Tùng. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 370 tr. ; 21 cm. - 128000đ. - 2000b
Dịch từ nguyên bản tiếng Anh: Romeo and Tuyet s617769
1619. Nguyễn Hòa Văn. Vì sao yêu : Thơ / Nguyễn Hòa Văn. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 99 tr. ; 21 cm. - 200000đ. - 2000b s616767
1620. Nguyễn Hoài Nam. Những ngày ở Paris : Hồi ức / Nguyễn Hoài Nam. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 252 tr. ; 21 cm. - 99000đ. - 500b s616830
1621. Nguyễn Hùng Phong. Câu hò Bến Tre : Thơ / Nguyễn Hùng Phong. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2024. - 128 tr. ; 20 cm. - 100000đ. - 1000b s616760
1622. Nguyễn Hùng Phong. Về ăn cơm với Má : Thơ / Nguyễn Hùng Phong. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2024. - 129 tr. ; 20 cm. - 100000đ. - 1000b s616759
1623. Nguyễn Hữu Ngại. Mùa xa : Thơ / Nguyễn Hữu Ngại. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 85 tr. : ảnh ; 21 cm. - 100000đ. - 500b
Bút danh tác giả: Phước Nhi s616776
1624. Nguyễn Hữu Quang. Đất nước và tình yêu / Nguyễn Hữu Quang. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 117 tr. ; 21 cm. - 99000đ. - 500b s616773
1625. Nguyễn Khang. Đếm nhịp thời gian : Thơ / Nguyễn Khang. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 98 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 100000đ. - 500b s616756
1626. Nguyễn Khang. Ngọn cỏ thức giấc : Thơ / Nguyễn Khang. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 90 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 100000đ. - 500b s616772
1627. Nguyễn Kim Huy. Những ban mai tinh khiết : Thơ và trường ca / Nguyễn Kim Huy. - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2025. - 273 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 152000đ. - 700b s616629
1628. Nguyễn Minh Hùng. Còn lại mảnh sao rơi : Nghiên cứu, phê bình văn học / Nguyễn Minh Hùng. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 375 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 195000đ. - 500b s616822
1629. Nguyễn Ngọc Thiện. Năng lượng chữ và bút lực : Tiểu luận - Phê bình / Nguyễn Ngọc Thiện. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 391 tr. : ảnh ; 21 cm. - 297000đ. - 1000b
Phụ lục: tr. 191-357. - Thư mục: tr. 358-391 s616793
1630. Nguyễn Nhật Ánh. Cô gái đến từ hôm qua : Truyện dài / Nguyễn Nhật Ánh. - In lần thứ 68. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 221 tr. : tranh vẽ ; 20 cm. - 85000đ. - 3000b s616722
1631. Nguyễn Nhật Ánh. Đi qua hoa cúc : Truyện dài / Nguyễn Nhật Ánh. - In lần thứ 51. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 231 tr. ; 20 cm. - 105000đ. - 3000b s616723
1632. Nguyễn Nhật Ánh. Ngày xưa có một chuyện tình : Truyện dài / Nguyễn Nhật Ánh. - In lần thứ 26. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 342 tr. ; 20 cm. - 135000đ. - 5000b s616725

1633. Nguyễn Nhật Ánh. Quán gò đi lên : Truyện dài / Nguyễn Nhật Ánh. - In lần thứ 46. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 259 tr. ; 20 cm. - 120000đ. - 3000b s616724
1634. Nguyễn Nho Khiêm. Thềm xưa : Thơ lục bát / Nguyễn Nho Khiêm. - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2025. - 231 tr. ; 21 cm. - 250000đ. - 1000b s617574
1635. Nguyễn Phúc Hà. Trở về : Tập kịch ngắn / Nguyễn Phúc Hà. - H. : Văn hoá dân tộc, 2025. - 139 tr. ; 21 cm. - 200b
ĐTTS ghi: Hội Văn học nghệ thuật và Nhà báo tỉnh Lạng Sơn s616444
1636. Nguyễn Phương Dung. Quá giang một khúc sông đời : Tập truyện ngắn / Nguyễn Phương Dung. - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2025. - 282 tr. ; 21 cm. - 148000đ. - 300b
Tên thật tác giả: Nguyễn Thị Phương Dung s616628
1637. Nguyễn Quốc Hùng. Hành trình vượt sóng : Viết về Chuẩn Đô đốc Hải quân Nguyễn Văn Ninh : Truyện ký / Nguyễn Quốc Hùng. - H. : Văn học, 2025. - 382 tr., 22 tr. ảnh màu ; 21 cm. - 255000đ. - 500b s616905
1638. Nguyễn Thành. Chúng ta đã hồn nhiên lâu quá : Thơ / Nguyễn Thành. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2024. - 199 tr. ; 21 cm. - 150000đ. - 300b s616790
1639. Nguyễn Thành Hường. Dưới chân núi Tu Di : Thơ / Nguyễn Thành Hường. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 147 tr. ; 24 cm. - 129000đ. - 1000b s616804
1640. Nguyễn Thi. Người Mẹ cầm súng : Tập truyện, ký / Nguyễn Thi. - H. : Văn học, 2025. - 294 tr. ; 21 cm. - 95000đ. - 1000b s616881
1641. Nguyễn Thị Duyên Sanh. Gió trên non cao : Truyện ngắn & ký / Nguyễn Thị Duyên Sanh. - Huế : Nxb. Thuận Hoá, 2025. - 169 tr. ; 21 cm. - 100000đ. - 300b s616476
1642. Nguyễn Thị Hồng Hạnh. Giáo trình Nguyên lý lý luận văn học / Nguyễn Thị Hồng Hạnh (ch.b.), Bùi Thanh Thảo. - Tái bản lần thứ 1 có chỉnh sửa, bổ sung. - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2025. - 179 tr. ; 24 cm. - 60000đ. - 500b
Thư mục: tr. 177-179 s616630
1643. Nguyễn Thị Kim Khánh. Ngủ trong thức : Thơ / Nguyễn Thị Kim Khánh. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 129 tr. ; 24 cm. - 135000đ. - 6000b s617281
1644. Nguyễn Thị Kim Nhung. Dàn sáng : Thơ / Nguyễn Thị Kim Nhung. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 97 tr. : tranh vẽ ; 23 cm. - 120000đ. - 500b s616807
1645. Nguyễn Thị Kim Nhung. Tiếng lòng : Thơ / Nguyễn Thị Kim Nhung. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 86000đ. - 500b
T.1. - 2025. - 96 tr. : ảnh s616754
1646. Nguyễn Thị Kim Nhung. Tiếng lòng : Thơ / Nguyễn Thị Kim Nhung. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 86000đ. - 500b
T.2. - 2025. - 96 tr. : ảnh s616755
1647. Nguyễn Thị Mỹ Dung. Chuyện tình viên phó sứ : Tiểu thuyết = Histoire d'amour d'un Vice-consul : Roman d'amour / Nguyễn Thị Mỹ Dung. - H. : Thế giới, 2025. - 518 tr. ; 21 cm. - 286000đ. - 500b s617097
1648. Nguyễn Thị Nhuệ. Giếng lòng : Thơ / Nguyễn Thị Nhuệ. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 194 tr. ; 21 cm. - 300b s616824
1649. Nguyễn Thị Thúy. Kỹ năng viết văn bản nghị luận văn học theo đặc trưng thể loại : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Dùng chung cho 3 bộ sách môn Ngữ văn bậc THCS & THPT: Kết nối tri thức với cuộc sống, Cánh Diều, Chân trời sáng tạo / Nguyễn Thị

Thúy, Vũ Thị Trang Nhung. - Tái bản. - H. : Văn học, 2025. - 304 tr. : bìa ; 24 cm. - 199000đ. - 1000b s617034

1650. Nguyễn Thiện. Đứng chết ở tuổi 20! : Tự thuật / Nguyễn Thiện. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 173 tr. : ảnh ; 21 cm. - 145000đ. - 1500b s616820

1651. Nguyễn Thùy Trang. Văn học và y học: Bắt mạch nổi đầu : Chuyên luận / Nguyễn Thùy Trang. - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 379 tr. : ảnh ; 24 cm. - 238000đ. - 1000b
Thư mục: tr. 359-374 s616524

1652. Nguyễn Thụy Kha. Thơ trong số tay / Nguyễn Thụy Kha. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 151 tr. : tranh màu ; 24 cm. - 500000đ. - 300b s616842

1653. Nguyễn Trung Kiên. Vệ nữ vĩnh hằng : Tiểu thuyết : Viết cho tất cả những linh hồn cô độc, nhưng không bao giờ chịu từ bỏ niềm tin / Nguyễn Trung Kiên. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 445 tr. ; 21 cm. - 190000đ. - 200b s617731

1654. Nguyễn Văn Hùng. Hà Nội có hoa anh đào : Tập thơ ba câu / Nguyễn Văn Hùng. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 63 tr. ; 19 cm. - 80000đ. - 150b s616040

1655. Nguyễn Văn Tàu. Nước mắt ngày gặp mặt : Hồi ký / Nguyễn Văn Tàu. - In lần thứ 9. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 248 tr. : ảnh ; 24 cm. - 200000đ. - 1000b

Tên thật tác giả: Trần Văn Quang s617233

1656. Nguyễn Văn Tàu. Trái tim người lính : Truyện ký / Nguyễn Văn Tàu. - In lần thứ 7. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 355 tr., 12 tr. ảnh ; 24 cm. - 200000đ. - 1000b s617235

1657. Nguyễn Việt Hà. Đàn bà uống rượu : Tập văn / Nguyễn Việt Hà. - In lần thứ 6. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 291 tr. : tranh vẽ ; 20 cm. - 120000đ. - 1000b s616727

1658. Nguyễn Việt Lâm. Việt Nam thi tập : Thơ / Nguyễn Việt Lâm. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 159 tr. ; 21 cm. - 89000đ. - 1000b s616752

1659. Nguyễn Vĩnh Tiến. Hồn độn và khu vườn / Nguyễn Vĩnh Tiến. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2024. - 266 tr. : tranh màu ; 24 cm. - 168000đ. - 1500b s616844

1660. Nguyễn Vũ Điền. Tiếng vọng từ rừng khộp / Nguyễn Vũ Điền. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 283 tr. ; 21 cm. - 125000đ. - 1000b s617463

1661. Nguyễn Xuân Hùng. Gã sắt vụn : Tập truyện ngắn / Nguyễn Xuân Hùng. - H. : Văn học, 2025. - 172 tr. ; 21 cm. - 120000đ. - 1000b s616880

1662. Nguyễn Xuân Hương. Phôi pha : Thơ / Nguyễn Xuân Hương. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 117 tr. : ảnh ; 22 cm. - 99000đ. - 1000b s616801

1663. Nguyễn Xuân Thủy. Giữa trận đồ ma túy : Truyện ký / Nguyễn Xuân Thủy. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 287 tr. ; 21 cm. - 610b
Phụ lục: tr. 273-280 s617063

1664. Nguyệt Chu. Ngón mưa : Truyện ngắn / Nguyệt Chu. - H. : Văn học, 2025. - 268 tr. ; 21 cm. - 200000đ. - 1000b s616885

1665. Nguyệt Hạ Điệp Ảnh. Luận kết cục trông mặt mà bắt hình dong : Tiểu thuyết : Dành cho 18+ / Nguyệt Hạ Điệp Ảnh ; Thạch Thảo dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 21 cm. - 189000đ. - 5000b

Tên sách tiếng Trung: 论以貌取人的下场

T.1. - 2025. - 532 tr. s617263

1666. Nguyệt Hạ Điệp Ảnh. Luận kết cục trông mặt mà bắt hình dong : Tiểu thuyết : Dành cho 18+ / Nguyệt Hạ Điệp Ảnh ; Thạch Thảo dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 21 cm. - 189000đ. - 5000b

Tên sách tiếng Trung: 论以貌取人的下场

T.2. - 2025. - 548 tr. s617264

1667. Nguyệt Hạ Điệp Ảnh. Luận kết cục trông mặt mà bắt hình dong : Tiểu thuyết : Dành cho 18+ / Nguyệt Hạ Điệp Ảnh ; Thạch Thảo dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 21 cm. - 189000đ. - 5000b

Tên sách tiếng Trung: 论以貌取人的下场

T.3. - 2025. - 564 tr. s617265

1668. Nguyệt Vy. Mùa dã quỳ năm ấy... / Nguyệt Vy. - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2025. - 98 tr. : ảnh ; 19 cm. - 100b

Tên thật tác giả: Nguyễn Thị Như Nguyệt s615965

1669. Ngữ văn 8 - Làm văn dễ dàng - Viết văn tự tin : Văn kể chuyện - Văn thuyết minh - Nghị luận xã hội - Nghị luận văn học... / Lê Trần Diệu Thu. - H. : Văn học, 2025. - 208 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 349000đ. - 1000b s616940

1670. Ngữ văn 9 - Làm văn dễ dàng - Viết văn tự tin : Văn kể chuyện - Văn thuyết minh - Nghị luận xã hội - Nghị luận văn học... / Lê Trần Diệu Thu. - H. : Văn học, 2025. - 160 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 349000đ. - 1000b s617033

1671. Người chiến sĩ ấy : Tuyển truyện ngắn / Nguyễn Bảo, Vũ Bảo, Triệu Bôn... - H. : Văn học. - 24 cm. - 700b

ĐTTS ghi: Tạp chí Văn nghệ Quân đội

T.1. - 2024. - 711 tr. s616915

1672. Người chiến sĩ ấy : Tuyển truyện ngắn / Lê Lựu, Hữu Mai, Bùi Thanh Minh... - H. : Văn học. - 24 cm. - 700b

ĐTTS ghi: Tạp chí Văn học Quân đội

T.2. - 2024. - 707 tr. s616916

1673. Người tôi để ý không phải con trai : Truyện tranh : 17+ / Arai Sumiko ; Trần Yang dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 21 cm. - 100000đ. - 8000b

T.2. - 2025. - 148 tr. : tranh vẽ s617275

1674. Nhất Thập Tứ Châu. Hoa hồng và Mèo : Tiểu thuyết / Nhất Thập Tứ Châu ; Xuân Ngữ dịch. - H. : Văn học. - 20 cm. - 184000đ. - 500b

Tên sách tiếng Trung: 猫咪的玫瑰

T.1. - 2025. - 390 tr. s616888

1675. Nhất Thập Tứ Châu. Hoa hồng và Mèo : Tiểu thuyết / Nhất Thập Tứ Châu ; Xuân Ngữ dịch. - H. : Văn học. - 20 cm. - 185000đ. - 500b

Tên sách tiếng Trung: 猫咪的玫瑰

T.2. - 2025. - 394 tr. s616889

1676. Nhị Nguyệt Trúc. 52Hz : 18+ / Nhị Nguyệt Trúc ; Xiao Zhuang dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - 189000đ. - 1500b

Tên sách tiếng Trung: 替身受觉醒了

T.2. - 2025. - 494 tr. s617622

1677. Như Thế. Nhện mơ : Thơ / Như Thế. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 80 tr. ; 21 cm. - 99000đ. - 1000b

Tên thật tác giả: Nguyễn Thị Thế s616761

1678. Những khúc tri âm / K. L, Nguyễn Quang Thiều, Đỗ Thành Đồng... ; Đỗ Toàn Diện b.s. - Huế : Nxb. Thuận Hóa, 2025. - 187 tr. : ảnh ; 21 cm. - 150000đ. - 300b s617176

1679. Những ngày xưa thương nhớ : Tuyển tập tản văn / Vân Lam, Lương Mỹ Hạnh, Hà Đan... ; Ưông Triều tuyển chọn. - H. : Văn học, 2025. - 230 tr. : ảnh ; 21 cm. - 130000đ. - 2000b s616883

1680. Những người bạn đáng yêu : Truyện tranh : Sách cho trẻ 0 - 4 tuổi / Heather Brown ; Thu Nga dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 10 tr. : tranh màu ; 15 cm. - (Ú oà, mở ra!). - 50000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Peek-a-boo zoo s616046

1681. Những người bạn đặc biệt : Truyện tranh : Sách cho trẻ 0 - 4 tuổi / Heather Brown ; Thu Nga dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 12 tr. : tranh màu ; 15 cm. - (Ú oà, mở ra!). - 50000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Hatch s616041

1682. Những người bạn khổng lồ : Truyện tranh : Sách cho trẻ 0 - 4 tuổi / Heather Brown ; Thu Nga dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 10 tr. : tranh màu ; 15 cm. - (Ú oà, mở ra!). - 50000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Peek-a-boo zoo s616045

1683. Nuôi dưỡng tố chất thành công - Khả năng lãnh đạo - Đội nào chiến thắng? : Truyện tranh : Sách cho trẻ 4 - 8 tuổi / Lôi, tranh: Tao Chun Ni ; Minh Phương dịch. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 19 cm. - 30000đ. - 3000b s616053

1684. Nuôi dưỡng tố chất thành công - Khả năng tập trung - Cáo con có "ba đầu sáu tay" : Truyện tranh : Sách cho trẻ 4 - 8 tuổi / Lôi, tranh: Tao Chun Ni ; Minh Phương dịch. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 19 cm. - 30000đ. - 3000b s616061

1685. Nuôi dưỡng tố chất thành công - Khả năng thực hiện ý tưởng - Hồ con "mộng mơ" : Truyện tranh : Sách cho trẻ 4 - 8 tuổi / Lôi, tranh: Tao Chun Ni ; Minh Phương dịch. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 19 cm. - 30000đ. - 3000b s616056

1686. Nuôi dưỡng tố chất thành công - Kỹ năng giao tiếp - Bức thư đặt nhầm chỗ : Truyện tranh : Sách cho trẻ 4 - 8 tuổi / Lôi, tranh: Tao Chun Ni ; Minh Phương dịch. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 19 cm. - 30000đ. - 3000b s616057

1687. Nuôi dưỡng tố chất thành công - Kiên nhẫn theo đuổi mục tiêu - Mèo con học múa : Truyện tranh : Sách cho trẻ 4 - 8 tuổi / Lôi, tranh: Tao Chun Ni ; Minh Phương dịch. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 19 cm. - 30000đ. - 3000b s616054

1688. Nuôi dưỡng tố chất thành công - Lựa chọn và ra quyết định - Dê con không do dự : Truyện tranh : Sách cho trẻ 4 - 8 tuổi / Lôi, tranh: Tao Chun Ni ; Minh Phương dịch. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 19 cm. - 30000đ. - 3000b s616055

1689. Nuôi dưỡng tố chất thành công - Tạo dựng niềm tin - Báo con tranh cử làm lớp trưởng : Truyện tranh : Sách cho trẻ 4 - 8 tuổi / Lôi, tranh: Tao Chun Ni ; Minh Phương dịch. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 19 cm. - 30000đ. - 3000b s616060

1690. Nuôi dưỡng tố chất thành công - Tôn trọng sự khác biệt - Nhím con không đáng sợ : Truyện tranh : Sách cho trẻ 4 - 8 tuổi / Lôi, tranh: Tao Chun Ni ; Minh Phương dịch. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 19 cm. - 30000đ. - 3000b s616052

1691. Nuôi dưỡng tố chất thành công - Vượt qua nỗi sợ - Cún con sợ nhảy cao : Truyện tranh : Sách cho trẻ 4 - 8 tuổi / Lời, tranh: Tao Chun Ni ; Minh Phương dịch. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 19 cm. - 30000đ. - 3000b s616058
1692. Nuôi dưỡng tố chất thành công - Xử lý tình huống - Sư tử nhỏ không ngốc nghếch : Truyện tranh : Sách cho trẻ 4 - 8 tuổi / Lời, tranh: Tao Chun Ni ; Minh Phương dịch. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 19 cm. - 30000đ. - 3000b s616059
1693. Ostrovski, Nikolai Alekseevich. Thép đã tôi thế đấy : Tiểu thuyết / Nikolai A. Ostrovsky ; Dịch: Thép Mới, Huy Vân. - Tái bản lần thứ 7. - H. : Văn học, 2025. - 514 tr. ; 23 cm. - 139000đ. - 1000b s617031
1694. Ostrovsky, Nikolai Alekseyevich. Thép đã tôi thế đấy : Tiểu thuyết / Nikolai A. Ostrovsky ; Dịch: Thép Mới, Huy Vân. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Văn học, 2025. - 627 tr. ; 21 cm. - 165000đ. - 2000b s617013
1695. Owens, Delia. Xa ngoài kia nơi loài tôm hát = Where the crawdads sing : Tiểu thuyết / Delia Owens ; Trương Hoàng Uyên Phương dịch. - In lần thứ 11. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 507 tr. ; 20 cm. - 165000đ. - 1500b s616738
1696. Ôn tập thi tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông môn Ngữ văn : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Đỗ Ngọc Thống, Phạm Thị Thu Hiền (ch.b.), Đỗ Thị Hoàng Anh, Đỗ Thu Hà. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 175 tr. ; 24 cm. - 50000đ. - 1000b s617447
1697. Peter Pan : Truyện tranh : Sách chuyển động : Dành cho trẻ em từ 0 - 6 / Minh họa: Miriam Bos ; Thùy Dương dịch. - In lần thứ 4. - H. : Lao động, 2025. - 10 tr. : tranh màu ; 17 cm. - (Tủ sách Tương tác). - 119000đ. - 1000b s615968
1698. Phạm Đức Hữu. Cảnh ngũ sắc trong mơ : Thơ / Phạm Đức Hữu. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 131 tr., 3 tr. ảnh ; 21 cm. - 100000đ. - 200b s616603
1699. Phạm Hồng Đường. Phận cô : Thơ / Phạm Hồng Đường. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 127 tr. ; 21 cm. - 101000đ. - 1000b s616779
1700. Phạm Khắc Lượng. Những người tôi đã gặp / Phạm Khắc Lượng. - H. : Văn học, 2025. - 122 tr. : minh họa ; 24 cm. - 290000đ. - 300b s616962
1701. Phạm Thị Thu Hương. Đọc hiểu và chiến thuật đọc hiểu văn bản trong nhà trường phổ thông / Phạm Thị Thu Hương. - In lần thứ 7. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 243 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 80000đ. - 500b s617452
1702. Phạm Trung Tín. Con chữ tấm lòng : Cảm nhận văn chương / Phạm Trung Tín. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 314 tr. : ảnh ; 22 cm. - 150000đ. - 1000b s616797
1703. Phan Đình Tý. Nhớ lại và suy ngẫm : Hồi ký / Phan Đình Tý. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 279 tr. ; 23 cm. - 186000đ. - 500b
Phụ lục: tr. 265-276 s616834
1704. Phan Ni Tấn. Khúc ru đời tôi : Tuyển tập thơ nhạc / Phan Ni Tấn, Huỳnh Ngọc Thương, Nguyễn Thị Hương ; Tranh: Hiếu Hồ. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 160 tr. : hình vẽ ; 20x21 cm. - 100000đ. - 200b s616849
1705. Phát triển kỹ năng đọc - hiểu và viết văn bản theo thể loại Ngữ văn 6 : Bám sát SGK Chân trời sáng tạo / Nguyễn Thị Thúy, Nguyễn Thị Thu Hà. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 184 tr. : minh họa ; 27 cm. - 110000đ. - 2000b s616246
1706. Phùng Quang Thuận. Đi tìm nơi hoàn hảo : Tập truyện ngắn / Phùng Quang Thuận. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 210 tr. ; 20 cm. - 160000đ. - 500b s617208

1707. Phượng Khinh. Phượng Hồ / Phượng Khinh ; A Ly dịch. - H. : Lao động. - 21 cm. - 199000đ. - 2000b
 Tên sách tiếng Trung: 我在豪门当夫人
 T.3. - 2025. - 567 tr. s617368
1708. Phượng Khinh. Phượng Hồ / Phượng Khinh ; A Ly dịch. - H. : Lao động. - 21 cm. - 199000đ. - 2000b
 Tên sách tiếng Trung: 我在豪门当夫人
 T.4. - 2025. - 573 tr. s617369
1709. Phượng Thy. Những ước mơ không lớn / Phượng Thy. - H. : Văn học, 2025. - 196 tr. ; 21 cm. - 109000đ. - 1000b s616877
1710. Quả trứng : Truyện tranh : Phát triển ngôn ngữ cho trẻ 0 - 3 tuổi / Nguyễn Thị Thảo. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 11 tr. : tranh màu ; 19 cm. - (Lú lo bé kể). - 14000đ. - 3000b s616048
1711. Quang Hoài. Trước hoàng hôn : Thơ và lời bình / Quang Hoài. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 202 tr. : ảnh ; 23 cm. - 198000đ. - 1000b
 Tên thật tác giả: Nguyễn Quang Hoài; Bút danh khác: Hoài Phương, Đào Hoài Phương s616808
1712. Remarque, Erich Maria. Bản du ca cuối cùng : Tiểu thuyết / Erich Maria Remarque ; Vũ Kim Thư dịch. - Tái bản. - H. : Văn học, 2025. - 338 tr. ; 21 cm. - 110000đ. - 2000b
 Tên sách tiếng Đức: Liebe deinen nächsten s616997
1713. Remarque, Erich Maria. Phía Tây không có gì lạ : Tiểu thuyết / Erich Maria Remarque ; Vũ Hương Giang dịch. - Tái bản. - H. : Văn học, 2025. - 267 tr. ; 21 cm. - 100000đ. - 2000b
 Dịch từ nguyên bản tiếng Đức: Im Westen nichts neues s617003
1714. Riu Kushiki. Bệnh án tử hình / Riu Kushiki ; Xuân Sinh dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 427 tr. ; 21 cm. - 209000đ. - 2000b
 Tác phẩm đã được chuyển thể thành phim s617249
1715. Roberts, Lauren. Bất lực = Powerless / Lauren Roberts ; Phi Yến dịch. - H. : Văn học, 2025. - 511 tr. ; 24 cm. - 249000đ. - 2000b s616952
1716. Rowling, J. K. Harry Potter và chiếc cốc lửa = Harry Potter and the goblet of fire / J. K. Rowling ; Lý Lan dịch. - In lần thứ 54. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 921 tr. ; 20 cm. - (Harry Potter; T.4). - 310000đ. - 2000b s616736
1717. Rowling, J. K. Harry Potter và hòn đá phù thủy = Harry Potter and the sorcerer's stone / J. K. Rowling ; Lý Lan dịch. - In lần thứ 64. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 365 tr. ; 20 cm. - (Harry Potter; T.1). - 150000đ. - 5000b s616733
1718. Rowling, J. K. Harry Potter và phòng chứa bí mật = Harry Potter and the chamber of secrets / J. K. Rowling ; Lý Lan dịch. - In lần thứ 59. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 429 tr. ; 20 cm. - (Harry Potter; T.2). - 170000đ. - 3000b s616734
1719. Rowling, J. K. Harry Potter và tên tù nhân ngục Azkaban = Harry Potter and the prisoner of Azkaban / J. K. Rowling ; Lý Lan dịch. - In lần thứ 54. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 559 tr. ; 20 cm. - (Harry Potter; T.3). - 205000đ. - 3000b s616735
1720. Rowling, J. K. Những chuyện kể của Beedle người hát rong = The tales of Beedle the bard / J. K. Rowling ; Lý Lan dịch. - In lần thứ 9. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 122 tr. : tranh vẽ ; 20 cm. - 180000đ. - 1500b s616744

1721. Rowling, J. K. Những sinh vật huyền bí và nơi tìm ra chúng = Fantastic beasts and where to find them / J. K. Rowling, Newt Scamander ; Mẫn Nhi dịch. - In lần thứ 11. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 78 tr. : hình vẽ ; 20 cm. - 150000đ. - 1500b s616743
1722. Rowling, J. K. Quidditch qua các thời đại = Quidditch through the ages / J. K. Rowling, Kennilworthy Whisp ; Mẫn Nhi dịch. - In lần thứ 9. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 75 tr. : hình vẽ, bảng ; 20 cm. - 135000đ. - 1500b s616745
1723. Saint-Exupéry, Antoine de. Hoàng tử bé = Le Petite Prince : Phiên bản minh họa màu đặc biệt / Antoine de Saint-Exupéry ; Jackie Nguyễn dịch. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 82 tr. : tranh màu ; 22 cm. - 60000đ. - 3000b s616652
1724. Sakae Tsuboi. Hai mươi tư con mắt / Sakae Tsuboi ; Nguyễn Hải Hà dịch. - Tái bản lần 1. - H. : Văn học, 2025. - 348 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - (Văn học kinh điển). - 260000đ. - 2000b s617017
1725. Salinger, J. D. Chín truyện ngắn / J. D. Salinger ; Anh Thư dịch. - H. : Văn học, 2024. - 257 tr. ; 21 cm. - 125000đ. - 3000b
Dịch từ nguyên bản tiếng Anh: Nine Stories s616999
1726. Salinger, J. D. Franny và Zooey / J. D. Salinger ; Thiên Nga dịch. - H. : Văn học, 2024. - 205 tr. ; 21 cm. - 118000đ. - 3000b
Dịch từ nguyên bản tiếng Anh: Franny and Zooey s617000
1727. Sắc xuân Ban Mê : Thơ / Phạm Viết Hà, Lưu Quý Đôn, Lê Đình An... ; B.s.: Phạm Viết Hà... - H. : Lao động, 2025. - 204 tr. : ảnh chân dung ; 21 cm. - 95000đ. - 500b
ĐTTS ghi: Câu lạc bộ Thơ hưu trí và Người cao tuổi Đắk Lắk s617372
1728. Shin Kyung Sook. Phút biệt ly / Shin Kyung Sook ; Vương Thúy Quỳnh Anh dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 229 tr. ; 21 cm. - 156000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Hàn: 작별 곁에서; Tên sách tiếng Anh: On the eve of goodbye s617277
1729. Skip and loafer - Nhịp bước tuổi xanh : Truyện tranh / Misaki Takamatsu ; Hồng Minh dịch. - H. : Lao động. - 18 cm. - 58000đ. - 1000b
T.2. - 2025. - 164 tr. : tranh vẽ s615870
1730. So Seorim. Hiệu sách ma mị / So Seorim ; Kyoyeon Duyên dịch. - H. : Văn học, 2025. - 318 tr. ; 21 cm. - 120000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Hàn: 환상서점 s616894
1731. Sói đầu đàn và cún nhỏ : Truyện tranh : 16+ / Ma Vĩ ; Hana dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 21 cm. - 168000đ. - 3000b
Dịch từ nguyên bản tiếng Trung: 捡了东西的狼
T.3. - 2025. - 187 tr. : tranh màu s617352
1732. Song Tuyết Đào. Moses trên bình nguyên / Song Tuyết Đào ; Lục Hương dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 382 tr. ; 21 cm. - 195000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Trung: 平原上的摩西; Tên sách tiếng Anh: Moses on the plain s617268
1733. Sóng ngầm trong đất : Tập văn, thơ, lý luận phê bình của 14 hội viên Hội Nhà văn Việt Nam thành phố Cần Thơ / Nguyễn Bá, Lê Đình Bích, Lê Chí... - H. : Quân đội nhân dân, 2025. - 224 tr. : ảnh chân dung ; 21 cm. - 89000đ. - 887b
ĐTTS ghi: Chi hội Nhà văn Việt Nam thành phố Cần Thơ s616449

1734. Sổ tay kiến thức Ngữ văn trung học cơ sở / Nguyễn Văn Tùng (ch.b.), Nguyễn Văn Ba, Nguyễn Thị Thu Hiền... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 312 tr. ; 18 cm. - 60000đ. - 3000b s616068

1735. Sơn Tùng. Trần Phú : Truyện / Sơn Tùng. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 279 tr. ; 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam s616862

1736. Spyri, Johanna. Heidi / Johanna Spyri ; Majita dịch. - H. : Văn học, 2025. - 243 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 90000đ. - 2000b s616876

1737. Stevenson, Robert Louis. Đảo giấu vàng / Robert Louis Stevenson ; Phạm Văn Tuấn dịch. - Tái bản. - H. : Văn học, 2025. - 349 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - (Tủ sách Văn học kinh điển = Literary classics). - 75000đ. - 2000b s616995

1738. Tạ Văn Sỹ. Thơ chọn : Thơ / Tạ Văn Sỹ. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2024. - 127 tr. ; 22 cm. - 150000đ. - 1000b s616832

1739. Takano Kazuaki. Bóng ma nơi đường ngang / Takano Kazuaki ; Chi Chi dịch. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 285 tr. ; 24 cm. - 182000đ. - 2000b s616843

1740. Take note! Văn 8 : Theo chuẩn kiến thức, kỹ năng, dạng bài yêu cầu với học sinh lớp 6 : Dùng cho cả 3 bộ SGK mới: Cánh Diều, Kết nối tri thức, Chân trời sáng tạo / Nguyễn Thị Thuỷ Anh (ch.b.), Phùng Thị Minh Nguyệt, Hà Thị Thanh Tâm. - Tái bản. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 91 tr. : minh hoạ ; 21 cm. - 75000đ. - 10000b s617663

1741. Tawada Yoko. Hạc trắng xòe cánh / Tawada Yoko ; An Nhiên dịch. - H. : Văn học, 2025. - 303 tr. ; 21 cm. - 168000đ. - 2000b s617670

1742. Tây Tử Tự. Gặp được em thật hưng phấn : Tiểu thuyết / Tây Tử Tự ; Lam Lam dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 500 tr. ; 24 cm. - 219000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: 很荣幸遇见你 s617125

1743. Tây Tử Tự. Ngũ hành của tôi thiếu em : Tiểu thuyết : Dành cho 18+ / Tây Tử Tự ; Mạc Phong dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 21 cm. - 179000đ. - 5000b

Tên sách tiếng Trung: 我五行缺你

T.1. - 2025. - 461 tr. s617258

1744. Tây Tử Tự. Ngũ hành của tôi thiếu em : Tiểu thuyết : Dành cho 18+ / Tây Tử Tự ; Mạc Phong dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 21 cm. - 179000đ. - 5000b

Tên sách tiếng Trung: 我五行缺你

T.2. - 2025. - 445 tr. s617259

1745. Tây Tử Tự. Ngũ hành của tôi thiếu em : Tiểu thuyết : Dành cho 18+ / Tây Tử Tự ; Mạc Phong dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 21 cm. - 179000đ. - 5000b

Tên sách tiếng Trung: 我五行缺你

T.3. - 2025. - 453 tr. s617260

1746. Tây Tử Tự. Ngũ hành của tôi thiếu em : Tiểu thuyết : Dành cho 18+ / Tây Tử Tự ; Mạc Phong dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 21 cm. - 179000đ. - 5000b

Tên sách tiếng Trung: 我五行缺你

T.4. - 2025. - 461 tr. s617261

1747. Tây Tử Tự. Nông trường kỳ ảo : Tiểu thuyết / Tây Tử Tự ; Mèo Béo dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 21 cm. - 179000đ. - 5000b

Tên sách tiếng Trung: 幻想农场

- T.1. - 2025. - 437 tr. s617612
1748. Tây Tử Tự. Nông trường kỳ ảo : Tiểu thuyết / Tây Tử Tự ; Đan Tiêu dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 21 cm. - 179000đ. - 5000b
 Tên sách tiếng Trung: 幻想农场
- T.2. - 2025. - 461 tr. s617613
1749. Tây Tử Tự. Nông trường kỳ ảo : Tiểu thuyết / Tây Tử Tự ; Đan Tiêu dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 21 cm. - 179000đ. - 5000b
 Tên sách tiếng Trung: 幻想农场
- T.3. - 2025. - 445 tr. s617614
1750. Tây Tử Tự. Nông trường kỳ ảo : Tiểu thuyết / Tây Tử Tự ; Đan Tiêu dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 21 cm. - 179000đ. - 5000b
 Tên sách tiếng Trung: 幻想农场
- T.4. - 2025. - 421 tr. s617615
1751. Thạch Lam. Hai đứa trẻ / Thạch Lam. - H. : Văn học, 2025. - 166 tr. ; 21 cm. - 47000đ. - 1000b s616971
1752. Thạch Lam. Tuyển tập Thạch Lam. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Văn học, 2025. - 615 tr. ; 21 cm. - 150000đ. - 2000b
 Tên thật tác giả: Nguyễn Tường Vinh s617006
1753. Thanh Minh Cốc Vũ. Lời hồi đáp của Keanu Reeves : Dành cho 18+ / Thanh Minh Cốc Vũ ; Đặng Hồng Quân dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 21 cm. - 232000đ. - 3000b
 Tên sách tiếng Trung: 奇洛李维斯回信
- T.1: Reply to Keats. - 2025. - 419 tr. s617254
1754. Thảo Thảo. Hôm nay, nếu có thể, hãy về nhà ăn cơm / Thảo Thảo. - H. : Văn học, 2025. - 186 tr. ; 21 cm. - (Tủ sách Người trẻ Việt). - 102000đ. - 2000b s617534
1755. Thảo Trang. 25 độ âm / Thảo Trang. - In lần thứ 6. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 327 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 158000đ. - 3000b s617770
1756. Thâm Lam. Vực thẳm / Thâm Lam ; Mặc Thủy dịch. - H. : Văn học, 2025. - 381 tr. ; 24 cm. - 189000đ. - 2000b
 Tên sách tiếng Trung: 深渊 s617672
1757. Thân Trọng Sơn. Khuôn trăng & dặm trường hạnh ngôn / Thân Trọng Sơn ; Trần Ngọc Trác dịch. - Huế : Nxb. Thuận Hoá, 2025. - 159 tr. ; 20 cm. - 200000đ. - 300b s616474
1758. Thi đàn thứ bảy : Thơ / Trần Kim Anh, Trang Nam Anh, Vinh Anh... - H. : Văn học. - 23 cm. - 229000đ. - 1000b
 T.8. - 2025. - 206 tr. s616918
1759. Thiên quan tứ phúc : Truyện tranh : 18+ / Truyện: Mặc Hương Đồng Khứ ; Tranh: STARember ; Đào Bạch Liên dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 21 cm. - 150000đ. - 3000b
 Tên sách tiếng Trung: 天官赐福; Tên sách tiếng Anh: Heaven official's blessings
- T.2. - 2025. - 243 tr. : tranh màu s617611
1760. Thiên quan tứ phúc : Truyện tranh : 18+ / Truyện: Mặc Hương Đồng Khứ ; Tranh: STARember ; Đào Bạch Liên dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 21 cm. - 150000đ. - 3000b
 Tên sách tiếng Trung: 天官赐福; Tên sách tiếng Anh: Heaven official's blessings

- T.3. - 2025. - 247 tr. : tranh màu s617276
1761. Thiên Thì Vũ. Ép duyên nàng hầu / Thiên Thì Vũ. - H. : Văn học, 2025. - 365 tr. ; 21 cm. - 179000đ. - 1300b s616890
1762. Thòong Dành Kể Chuyện. Muôn trùng xứ sở / Thòong Dành Kể Chuyện. - H. : Văn học, 2025. - 260 tr. ; 21 cm. - 129000đ. - 1000b
Tên thật tác giả: Tống Duệ Uyên s616874
1763. Thỏ con lon ton. Ngày nắng đem nỗi buồn ra phơi / Thỏ con lon ton. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 188 tr. ; 20 cm. - 88000đ. - 1500b s617709
1764. Thơ ở nhà trẻ / Nguyễn Bao, Lê Hồng Thiện, Trần Hồng Thắng... ; Tranh: Phương Hoa... - Tái bản lần thứ 17. - H. : Kim Đồng, 2025. - 35 tr. ; 30 cm. - 55000đ. - 2000b
ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Vụ Giáo dục Mầm non s616211
1765. Thơ văn phủ chúa Trịnh / Đinh Khắc Thuân (ch.b.), Trịnh Khắc Mạnh, Nguyễn Tá Nhí... ; Dịch: Đinh Khắc Thuân, Vương Thị Hương. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam
T.1: Chuyên luận. - 2025. - 623 tr. - Thư mục: tr. 27 s616861
1766. Thrall, Nathan. Một ngày trong đời Abed Salama : Bi kịch của Jerusalem / Nathan Thrall ; Dịch: Vũ Nguyệt... - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 374 tr. : ảnh, bản đồ ; 21 cm. - 230000đ. - 1000b
Tên sách tiếng Anh: A day in the life of Abed Salama : Anatomy of a Jerusalem tragedy s617702
1767. Thu treo vầng trăng đỏ lựng : Truyện tranh / Sáng tác: Quỳnh Hương (Hũ) ; Minh họa: Hương Anh. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 23 tr. : tranh màu ; 20x30 cm. - 189000đ. - 1000b s617303
1768. Thu Viễn. Phi thiên bí lục : Tiểu thuyết dã sử võ hiệp / Thu Viễn. - H. : Văn học, 2025. - 496 tr. ; 24 cm. - 249000đ. - 1000b
Thư mục: tr. 496 s617673
1769. Thù Vi. Phố dài / Thù Vi ; Giang Hạ dịch. - Tái bản. - H. : Văn học, 2025. - 531 tr. ; 24 cm. - 225000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Trung: 长街 s617037
1770. Thụy. Thời gian còn sót lại : Tiểu thuyết / Thụy. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 247 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 148000đ. - 1000b s617717
1771. Thục Linh. Khế ước bán dâu / Thục Linh. - H. : Thế giới, 2025. - 423 tr. ; 21 cm. - 189000đ. - 1000b s617142
1772. Thụy Mang. Tình đầu chọn tôi, tôi rất ngọt : Dành cho 18+ / Thụy Mang ; Uyên Uyên dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 526 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 189000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Trung: 初恋选我我超甜 s617655
1773. Thư Nghi. Từng có người yêu tôi như sinh mệnh : Tiểu thuyết / Thư Nghi ; Greenrosetq dịch. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Văn học, 2025. - 463 tr. ; 21 cm. - 129000đ. - 1000b s616994
1774. Thực hành đọc - viết Ngữ văn 9 : Theo Chương trình 2018 - Dùng ôn tập cho kì thi tuyển sinh vào lớp 10 / Ngô Đình Vân Nhi. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 258 tr. ; 27 cm. - 180000đ. - 1000b s616340

1775. Thường Tiểu Dư. Yêu tình giấy, đừng chạy! / Thường Tiểu Dư ; Thu Trang dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 94 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 79000đ. - 2000b
 Tên sách tiếng Trung: 别跑, 纸精灵 s617748
1776. Tiếng lòng vọng mãi : Thơ / Nguyễn Văn Phòng, Tôn Nhật Hương, Nguyễn Lam Sơn... - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 418 tr. : ảnh ; 21 cm. - 500b
 ĐTTS ghi: CLB Thơ truyền thống - Cam Lâm, Khánh Hòa. - Thơ tập IV s616829
1777. Tiêu Đình. Gió chiều nào cũng mát : Truyện ngắn / Tiêu Đình. - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2025. - 143 tr. ; 20 cm. - 99000đ. - 300b s617568
1778. Tình quê 4 : Thơ / Phạm Âm, Nguyễn Hồng Anh, Trương Bình... ; Tuyển chọn: Phạm Tấn Đường... - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 195 tr. : ảnh chân dung ; 21 cm. - 150000đ. - 300b
 ĐTTS ghi: CLB Thơ họ Phạm tỉnh Quảng Ngãi s616758
1779. Tô Thanh Tùng. Biên Tây Nam - Hải trình của những trái tim yêu nước : Tùy bút / Tô Thanh Tùng. - H. : Lao động, 2025. - 75 tr. : ảnh ; 19 cm. - 86000đ. - 500b s615964
1780. Tô Quyên. Món quà / Tô Quyên ; Minh họa: AI. - H. : Lao động, 2025. - 124 tr. : tranh màu ; 24 cm. - 150000đ. - 500b s617395
1781. Tran Ben. Hậu khoa cử: Nam tính và thẩm mỹ hiện đại ở Việt Nam thời thuộc địa / Ben Tran ; Dịch: Mai Thị Thu Huyền, Đặng Thị Thái Hà. - H. : Thế giới, 2025. - 286 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 199000đ. - 1500b
 Tên sách tiếng Anh: Post-mandarin: Masculinity and aesthetic modernity in colonial Vietnam. - Thư mục: tr. 267-281 s617126
1782. Trang Quỳnh. Cách phá hủy học sinh hệ chuyên : Tiểu thuyết / Trang Quỳnh. - H. : Văn học, 2025. - 377 tr. ; 21 cm. - 219000đ. - 1500b s616884
1783. Trang Thanh. Trên con đường tóc : Thơ / Trang Thanh. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 169 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 168000đ. - 1000b s616811
1784. Trần Công Ngữ. Còn mãi với thời gian : Tạp văn / Trần Công Ngữ. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 251 tr. ; 24 cm. - 700b
 Bút danh của tác giả: Vũ Hoàng s617219
1785. Trần Đăng Suyền. Chủ nghĩa hiện thực Nam Cao / Trần Đăng Suyền. - In lần thứ 2, có sửa chữa, bổ sung. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 327 tr. ; 21 cm. - 170000đ. - 1000b
 Thư mục: tr. 315-323 s616536
1786. Trần Đình Mai. Vượt sóng : Trường ca / Trần Đình Mai. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 147 tr., 2 tr. ảnh ; 21 cm. - 98000đ. - 1000b s616757
1787. Trần Đình Sử. Thi pháp thơ Tố Hữu / Trần Đình Sử. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 263 tr. ; 24 cm. - 150000đ. - 1000b
 Thư mục: tr. 251-257 s617445
1788. Trần Hồng Quân. Hoa đêm : Truyện thơ / Trần Hồng Quân. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 182 tr. ; 21 cm. - 160000đ. - 1000b
 Bút danh tác giả: Lam Hùng s616769
1789. Trần Khánh Phương. Thanh xuân 18 / Trần Khánh Phương. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 147 tr. ; 21 cm. - 60000đ. - 1000b s616766

1790. Trần Lê Khánh. Đồng : Tuyển tập xứ 2 : Giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam 2024 / Trần Lê Khánh. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 223 tr. : ảnh ; 25 cm. - 145000đ. - 1000b s616812

1791. Trần NghiêN Nhất. Lưỡi dao vô hình / Trần NghiêN Nhất ; Không Sơn dịch. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 534 tr. ; 21 cm. - 225000đ. - 2000b
Dịch từ nguyên tác tiếng Trung: 无形之刃 s616788

1792. Trần Ngọc Phương Nguyên. Lời thì thầm của Hoa Sứ / Trần Ngọc Phương Nguyên. - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2025. - 240 tr. ; 20 cm. - 195000đ. - 2000b s617572

1793. Trần Ngọc Phương. Giọt nắng cuối chiều : Thơ / Trần Ngọc Phương. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 339 tr. ; 21 cm. - 200000đ. - 500b s616785

1794. Trần Phú Đa. Thơ chạm phím đàn / Trần Phú Đa. - Huế : Nxb. Thuận Hoá, 2025. - 351 tr. : ảnh ; 21 cm. - 180000đ. - 1000b
Tên thật tác giả: Trần Văn Anh s616477

1795. Trần Văn Quý. Bé hát Quốc ca : Thơ / Trần Văn Quý. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 68 tr. ; 21 cm. - 69000đ. - 500b s616816

1796. Trí Lê. Hồi ức người tình báo / Trí Lê. - H. : Văn học, 2025. - 429 tr. ; 21 cm. - (Tủ sách Văn học Việt). - 169000đ. - 1000b
Tên thật tác giả: Lê Đình Trí s616912

1797. Triều La Vỹ. Bóng tùng : Tập truyện ngắn / Triều La Vỹ. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 215 tr. ; 20 cm. - 150000đ. - 500b s616818

1798. Triệu Nguyễn Huyền Trang. Văn học - Yêu lại từ đầu : Lời mời gọi của thơ ca / Triệu Nguyễn Huyền Trang. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 244 tr. ; 20 cm. - 109000đ. - 1500b s617701

1799. Trong lòng bạn : Ký và tản văn / Đỗ Anh Vũ, Đỗ Quang Hạnh, Nguyễn Ngọc Hạnh... - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 197 tr. : ảnh màu ; 24 cm. - 500000đ. - 300b s616845

1800. Trung Sỹ. Mưa ngang : Tập truyện ngắn / Trung Sỹ. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 163 tr. ; 20 cm. - 80000đ. - 1000b s616704

1801. Truyện kể đêm Giáng sinh - Cây thông hạnh phúc : Truyện tranh : Dành cho trẻ em từ 3 tuổi trở lên / Jane Chapman ; Minh Trang dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 29 tr. : tranh màu ; 26 cm. - (Tủ sách Người kể chuyện). - 55000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Anh: The littlest Christmas tree s617298

1802. Truyện kể đêm Giáng sinh - Điều ước Giáng sinh : Truyện tranh : Dành cho trẻ em từ 3 tuổi trở lên / Lời: M. Christina Butler ; Minh họa: Tina Macnaughton ; Minh Trang dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 29 tr. : tranh màu ; 26 cm. - (Tủ sách Người kể chuyện). - 55000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: One Christmas wish s617300

1803. Truyện kể đêm Giáng sinh - Lễ Giáng sinh đặc biệt : Truyện tranh : Dành cho trẻ em từ 3 tuổi trở lên / Lời: M. Christina Butler ; Minh họa: Tina Macnaughton ; Minh Trang dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 29 tr. : tranh màu ; 26 cm. - (Tủ sách Người kể chuyện). - 55000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: One special Christmas s617301

1804. Truyện kể đêm Giáng sinh - Món quà kỳ diệu đêm tuyết rơi : Truyện tranh : Dành cho trẻ em từ 3 tuổi trở lên / Lời: M. Christina Butler ; Minh họa: Tina Macnaughton ; Minh

Trang dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 29 tr. : tranh màu ; 26 cm. - (Tủ sách Người kể chuyện).
- 55000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: One snowy night s617299

1805. Truyện kể đêm Giáng sinh - Phép màu từ sự sẻ chia : Truyện tranh : Dành cho trẻ em từ 3 tuổi trở lên / Jan Fearnley ; Đăng Ngọc dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 32 tr. : tranh màu ; 26 cm. - (Tủ sách Người kể chuyện). - 55000đ. - 2000b s617297

1806. Trương Minh Hiếu. Đi qua mỗi ngày tôi : Thơ / Trương Minh Hiếu. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 207 tr. ; 21 cm. - 195000đ. - 500b

Tên thật tác giả: Trương Văn Hiếu s616770

1807. Trương Tửu. Trương Tửu - Tuyển tập lý luận phê bình. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam

T.1, Q.2: Nghiên cứu. - 2025. - 463 tr. s616856

1808. Trương Tửu. Trương Tửu - Tuyển tập lý luận phê bình. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam

T.3: Tiểu luận. - 2025. - 231 tr. s616857

1809. Trương Viết Lộc. Ký ức trong tôi : Thơ / Trương Viết Lộc. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 171 tr., 18 tr. ảnh ; 21 cm. - 180000đ. - 500b

Bút danh tác giả: Tài Lộc s616764

1810. Trường học trong rừng : Truyện tranh : Dành cho thiếu nhi / Giuditta Campello ; Minh họa: Arianna Cicciò ; Dịch: Đào Ngọc Lam... - H. : Kim Đồng, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 27 cm. - (Bốn mùa bên nhau). - 45000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Italia: Scuola nel bosco s616286

1811. Tuế Kiến. Không có người như anh / Tuế Kiến ; Tô Ngọc Hà dịch. - In lần 3. - H. : Văn học. - 21 cm. - 180000đ. - 2300b

Tên sách tiếng Trung: 没有人像你

T.1. - 2025. - 334 tr. s617011

1812. Tuế Kiến. Không có người như anh / Tuế Kiến ; Tô Ngọc Hà dịch. - In lần 3. - H. : Văn học. - 21 cm. - 220000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: 没有人像你

T.2. - 2025. - 430 tr. s617012

1813. Tuyển tập khúc ngâm Việt Nam / Tuyển chọn, giới thiệu: Vũ Quang Liễn... - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam

T.1. - 2025. - 527 tr. - Phụ lục: tr. 371-525 s616858

1814. Tự sự học hậu kinh điển ở Việt Nam : Những chuyển đổi hệ hình trong nghiên cứu truyện kể : Chuyên khảo / Cao Kim Lan (ch.b.), Lê Quốc Hiếu, Trần Ngọc Hiếu... - H. : Khoa học xã hội. - 24 cm. - 260000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Viện Văn học

T.1. - 2025. - 679 tr. : ảnh. - Thư mục cuối mỗi bài s616531

1815. Twain, Mark. Những cuộc phiêu lưu của Tom Sawyer / Mark Twain ; Đăng Thư dịch ; Minh họa: Geoffrey Whittam. - H. : Văn học, 2025. - 355 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 330000đ. - 2000b

Dịch theo nguyên tác: The adventures of Tom Sawyer. - Tên thật tác giả: Samuel Langhorne Clemens s616960

1816. Twain, Mark. Những cuộc phiêu lưu của Tom Sawyer / Mark Twain ; Đặng Thu dịch ; Minh họa: Geoffrey Whittam. - H. : Văn học, 2025. - 355 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - (Văn học cổ điển. Dong A Classic). - 110000đ. - 2000b

Dịch theo nguyên tác: The adventures of Tom Sawyer. - Tên thật tác giả: Samuel Langhorne Clemens s616879

1817. Twain, Mark. Những cuộc phiêu lưu của Tom Sawyer / Mark Twain ; Xuân Oanh dịch. - Tái bản lần 2. - H. : Văn học, 2025. - 303 tr. ; 21 cm. - 90000đ. - 2000b

Dịch từ nguyên bản tiếng Anh: The adventures of Tom Sawyer. - Tên thật tác giả: Samuel Langhorne Clemens s617689

1818. Uẩn Tinh. Giữa bão giông ta tìm thấy chính mình / Uẩn Tinh. - Tái bản lần 1. - H. : Lao động, 2025. - 198 tr. ; 21 cm. - 159000đ. - 3000b s617363

1819. Uttley, Alison. Cô Thỏ Xám Nhỏ ở miền thôn dã - Lòng yêu thương và sự dũng cảm : Dành cho trẻ em từ 6 tuổi trở lên / Alison Uttley ; Minh họa: Margaret Tempest ; Thu Trang dịch. - H. : Văn học, 2025. - 180 tr. ; 25 cm. - (Tủ sách Người kể chuyện). - 248000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Little Grey Rabbit's story treasury s616955

1820. Uttley, Alison. Cô Thỏ Xám Nhỏ ở miền thôn dã - Những người bạn : Dành cho trẻ em từ 6 tuổi trở lên / Alison Uttley ; Minh họa: Margaret Tempest ; Thu Trang dịch. - H. : Văn học, 2025. - 179 tr. ; 25 cm. - (Tủ sách Người kể chuyện). - 248000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Little Grey Rabbit and friends s616956

1821. Veil : Truyện tranh : 16+ / Kotteri ; P Pea Peach dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 21 cm. - 109000đ. - 2000b

T.1: Thân nhiệt của sắc cam. - 2025. - 127 tr. : tranh màu s617346

1822. Veil : Truyện tranh : 16+ / Kotteri ; P Pea Peach dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 21 cm. - 109000đ. - 2000b

T.2: Sắc đen trầm lặng. - 2025. - 125 tr. : tranh màu s617347

1823. Veil : Truyện tranh : 16+ / Kotteri ; P Pea Peach dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 21 cm. - 109000đ. - 2000b

T.3: Sắc trắng yêu kiều = Graceful white. - 2025. - 125 tr. : tranh màu s617348

1824. Veil : Truyện tranh : 16+ / Kotteri ; P Pea Peach dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 21 cm. - 119000đ. - 2000b

T.4: Vết bỏng trong veo = Transparent burns. - 2025. - 127 tr. : tranh màu s617349

1825. Veil : Truyện tranh : 16+ / Kotteri ; P Pea Peach dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 21 cm. - 119000đ. - 2000b

T.5: Một thoáng sắc vàng = Golden blink. - 2025. - 127 tr. : tranh màu s617350

1826. Veil : Truyện tranh : 16+ / Kotteri ; P Pea Peach dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 21 cm. - 119000đ. - 3000b

T.6: Sắc đỏ tung bay = Untangled rouge. - 2025. - 128 tr. : tranh màu s617351

1827. Verne, Jules. Bay vòng quanh mặt trăng / Jules Verne ; Thanh Yên dịch. - Tái bản. - H. : Văn học, 2025. - 310 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 110000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Pháp: Autour de la lune; Dịch từ bản tiếng Anh: From the earth to the moon & around the moon s617024

1828. Verne, Jules. Bay vòng quanh mặt trăng / Jules Verne ; Thanh Yên dịch. - Tái bản. - H. : Văn học, 2025. - 310 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 85000đ. - 1000b
 Tên sách tiếng Pháp: Autour de la lune; Dịch từ bản tiếng Anh: From the earth to the moon & around the moon s616998
1829. Verne, Jules. Cuộc thám hiểm vào lòng đất / Jules Verne ; Giang Hà Vy dịch. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Văn học, 2025. - 293 tr. ; 21 cm. - 98000đ. - 2000b s617555
1830. Verne, Jules. 80 ngày vòng quanh thế giới / Jules Verne ; Duy Lập dịch. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Văn học, 2025. - 319 tr. ; 21 cm. - 95000đ. - 2000b
 Dịch từ nguyên bản tiếng Pháp: Le tour du monde quatre-vingts jours collection hetzel s617691
1831. Vẹt con tập nói : Truyện tranh : Phát triển ngôn ngữ cho trẻ 0 - 3 tuổi / Bùi Thị Ánh Tuyết. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 15 tr. : tranh màu ; 19 cm. - (Lú lo bé kè). - 18000đ. - 3000b s616051
1832. Vĩ Ngư. Xương rồng đốt rương / Vĩ Ngư ; Huyền Khur dịch. - H. : Văn học. - 21 cm. - 288000đ. - 2000b
 Tên sách tiếng Trung: 龙骨焚箱
 T.3. - 2025. - 538 tr. s616911
1833. Võ Đình Lam. Miền ký ức : Thơ / Võ Đình Lam. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 103 tr. ; 21 cm. - 100000đ. - 200b s616602
1834. Võ Miên Trường. Lục bát chân mây / Võ Miên Trường. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2024. - 110 tr. ; 22 cm. - 100000đ. - 1000b
 Tên thật tác giả: Võ Thị Miên Trường s616800
1835. Vòng lặp mùa hè = Summer time render : Truyện tranh : 17+ / Yasuki Tanaka ; Anh Huỳnh dịch. - H. : Lao động. - 18 cm. - 58000đ. - 1000b
 T.3: Cộng hưởng quỹ đạo. - 2025. - 199 tr. : tranh vẽ s615874
1836. Vòng lặp mùa hè = Summer time render : Truyện tranh : 17+ / Yasuki Tanaka ; Anh Huỳnh dịch. - H. : Lao động. - 18 cm. - 58000đ. - 8000b
 T.10: Made in black. - 2025. - 188 tr. : tranh vẽ s615875
1837. Vòng lặp mùa hè = Summer time render : Truyện tranh : 17+ / Yasuki Tanaka ; Anh Huỳnh dịch. - H. : Lao động. - 18 cm. - 58000đ. - 8000b
 T.11: All is not lost. - 2025. - 182 tr. : tranh vẽ s615876
1838. Vòng lặp mùa hè = Summer time render : Truyện tranh : 17+ / Yasuki Tanaka ; Anh Huỳnh dịch. - H. : Lao động. - 18 cm. - 58000đ. - 8000b
 T.12: Trở về. - 2025. - 186 tr. : tranh vẽ s615877
1839. Vũ Công Chiến. Chuyện ba người lính : Tiểu thuyết / Vũ Công Chiến. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 282 tr. ; 24 cm. - 150000đ. - 1000b s616711
1840. Vũ Lân. Hoa hái dọc đường : Tản văn, ghi chép báo chí / Vũ Lân. - H. : Văn học, 2025. - 267 tr. ; 24 cm. - 168000đ. - 1000b
 Tên thật tác giả: Vũ Ngọc Lan s617680
1841. Vũ Thanh Thủy. Cơm quê ông thôi : Thơ thiếu nhi / Vũ Thanh Thủy. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 71 tr. ; 24 cm. - 86000đ. - 500b s616805
1842. Vũ Trọng Phụng. Làm dĩ : In theo bản in của Nhà xuất bản Mai Lĩnh 1939 / Vũ Trọng Phụng. - Tái bản. - H. : Văn học, 2025. - 271 tr. ; 21 cm. - (Danh tác văn học Việt Nam). - 75000đ. - 2000b s616980

1843. Vũ Trọng Phụng. Làm đĩ : Tiểu thuyết / Vũ Trọng Phụng. - Tái bản lần thứ 8. - H. : Văn học, 2025. - 223 tr. ; 21 cm. - 55000đ. - 1000b s616974
1844. Vương Phương. Pháp y tổng từ : Tiểu thuyết trinh thám / Vương Phương ; Tú Phương dịch. - In lần 3. - H. : Văn học, 2025. - 518 tr. ; 24 cm. - 299000đ. - 1000b
Tên sách tiếng Trung: 法医宋慈 s617030
1845. Vương quốc vàng - Vương quốc nước : Truyện tranh : Bản đặc biệt : 16+ / Nao Iwamoto ; Phương Quyên dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 305 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 99000đ. - 3000b s616707
1846. Walliams, David. Chú chó Robot / David Walliams ; Minh họa: Adam Stower ; Eve La Lune dịch. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 315 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 160000đ. - 2500b
Tên sách tiếng Anh: Robodog s616781
1847. Weir, Andy. Sứ mệnh Hail Mary = Project Hail Mary / Andy Weir ; Trương Duy Hiệu dịch. - H. : Văn học, 2025. - 588 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 209000đ. - 2000b s616951
1848. Wharton, Edith. Chuyện ngày hạ / Edith Wharton ; Vĩnh Ngân dịch. - In lần 2. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 279 tr. ; 21 cm. - 138000đ. - 1000b s617703
1849. White, E. B. Charlotte và Wilbur / E. B. White ; Minh họa: Garth Williams ; Nguyễn Quế Dương dịch. - H. : Văn học, 2025. - 227 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 70000đ. - 1500b
Dịch từ nguyên bản tiếng Anh: Charlotte's web s616991
1850. White, Jerry. Romeo và Tuyết / Jerry White ; Kim Trâm dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 183 tr. : ảnh ; 21 cm. - 150000đ. - 500b s617768
1851. Wolf Hsu. Fix / Wolf Hsu ; Minh Khang dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 21 cm. - 195000đ. - 2000b
T.1: Mặt nạ a quý. - 2025. - 399 tr. s617251
1852. Wolf Hsu. Fix / Wolf Hsu ; Minh Khang dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 21 cm. - 219000đ. - 2000b
T.2: Bóng ma dưới ngòi bút. - 2025. - 451 tr. s617252
1853. Woods, Evie. Hiệu sách thất lạc = The lost bookshop / Evie Woods ; Matryoshka dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 407 tr. ; 24 cm. - 235000đ. - 2000b
Tên thật tác giả: Evie Gaughan s617279
1854. Woolrich, Cornell. Cô dâu đen = The bride wore black : Tiểu thuyết trinh thám / Cornell Woolrich ; Trang An dịch. - In lần 8. - H. : Văn học, 2025. - 258 tr. ; 21 cm. - 99000đ. - 1000b s616990
1855. Xích Ma ĐL. Nhật ký Hạt Dẻ : Dành cho tuổi trưởng thành / Xích Ma ĐL. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 341 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 309000đ. - 1000b s616787
1856. Xoài non bắt trị : Truyện tranh / Vy Nguyễn. - H. : Lao động. - 20 cm. - 30000đ. - 2000b
Tên thật tác giả: Nguyễn Thái Vy
T.1. - 2025. - 64 tr. : tranh vẽ s617358
1857. Xuân Hải. Lời ru của đất / Xuân Hải. - Huế : Nxb. Thuận Hóa, 2025. - 146 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 200b
Tên thật tác giả: Đào Xuân Hải s616490
1858. Yên Nhân. Nỗi quê : Thơ / Yên Nhân. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 183 tr. : ảnh ; 21 cm. - 100000đ. - 500b
Tên thật tác giả: Nguyễn Đình Chi s616601

1859. Zihua Nguyễn. Những con ma bên trong bức tường : Truyện dài / Zihua Nguyễn. - H. : Văn học, 2025. - 251 tr. ; 21 cm. - 110000đ. - 2000b s616895

LỊCH SỬ

1860. Ánh Dương. Từ đội quân tóc dài tới phòng trào Đông Khởi - Mãi mãi tự hào đáng đứng Bến Tre / Ánh Dương b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 181 tr. ; 21 cm. - 90000đ. - 2000b
Thư mục: tr. 178-181 s617600

1861. Bảo vật quốc gia Việt Nam - Tinh hoa ngàn năm văn vật / Quốc Học tổng hợp, giới thiệu. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 192 tr. : ảnh ; 21 cm. - 95000đ. - 2000b s617602

1862. Biển, đảo Việt Nam trong lịch sử (Từ nguồn gốc đến đầu thế kỷ XXI) : Giáo trình dùng cho hệ cử nhân sư phạm Lịch sử / Nguyễn Văn Dũng, Trần Thị Thu Hà (ch.b.), Chu Thị Thu Thủy... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 330 tr. : ảnh ; 24 cm. - 168000đ. - 100b
ĐTTS ghi: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2. - Thư mục: tr. 316-330 s616468

1863. Chặt xiềng: Những tài liệu lịch sử từ chính biến Tháng Ba đến Cách mạng Tháng Tám năm 1945. - Xuất bản lần thứ 6, có sửa chữa. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 151 tr. ; 19 cm. - 45000đ. - 2000b s616002

1864. Chiến thắng quân Nguyên Mông lần 3 / Trần Bạch Đằng ch.b. ; Lời: Tôn Nữ Quỳnh Trân ; Tranh: Nguyễn Huy Khôi ; Tô màu: Nguyễn Thủy Linh. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 79 tr. : tranh màu ; 23 cm. - (Lịch sử Việt Nam bằng tranh). - 65000đ. - 1500b s616712

1865. Dương Minh Khải. Thần tích - Thần sắc - Hương ước thôn Nguyễn Xá, xã Trịnh Xá, tổng Yên Thường, huyện Đông Ngàn, phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh : Nay là khu phố Trịnh Nguyễn, phường Châu Khê, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh : Du khảo & nghiên cứu / Dương Minh Khải. - H. : Thế giới, 2025. - 136 tr. : ảnh ; 24 cm. - 200b
Thư mục: tr. 132-133 s617135

1866. Đàm Thị Loan. Chuyện người nữ Giải phóng quân kéo cò trong ngày độc lập / Đàm Thị Loan. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 155 tr. : ảnh ; 19 cm. - 53000đ. - 2000b s616001

1867. Đặng Hoài Thu. Giáo trình Các nền văn hoá thế giới / Đặng Hoài Thu (ch.b.), Lê Thị Cúc, Lê Thị Khánh Ly. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 374 tr. ; 24 cm. - 85000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Văn hóa Hà Nội. - Thư mục cuối mỗi chương s616460

1868. Điện Biên diện mạo mới, tầm nhìn mới / B.s.: Trần Quốc Cường (ch.b.), Mùa A Sơn, Trần Tiến Dũng... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 147 tr. : ảnh ; 21 cm. - 500b
Phụ lục: tr. 75-146 s617470

1869. Đồng chí Hoàng Anh trọn đời phục vụ Tổ quốc, phụng sự Nhân dân / Hoàng Anh, Bảo Linh, Hương Nam... - Huế : Thuận Hóa, 2025. - 408 tr. : ảnh ; 24 cm. - 500b s616623

1870. Frank, Anne. Nhật ký Anne Frank / Tạ Huyền dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 439 tr. ; 21 cm. - 118000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Hà Lan: Het achterhuis : Dagboekbrieven 12 Juni 1942 - 1 Augustus 1944 s617039

1871. Hồ Chí Minh tiêu sử bằng hình = Ho Chi Minh - A pictorial biography : Gần 700 tranh ảnh và bản đồ / B.s.: Nguyễn Thị Thùy Chi, Lê Minh Hiếu, Trần Thụy Hân... - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 322 tr. : minh họa ; 30 cm. - 2000000đ. - 510b

Thư mục: tr. 320 s616209

1872. Kecir Lepetit, Emmanuelle. Khám phá quốc kì trên thế giới : Khám phá lịch sử và văn hóa các nước. Giải thích về 194 quốc kì trên thế giới. Hơn 250 hình cắt dán : Dành cho lứa tuổi 7+ / Emmanuelle Kecir Lepetit, Claire Wortemann ; Dịch: Minh Nguyệt, Thu Huế. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Kim Đồng, 2025. - 125 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 27 cm. - 170000đ. - 2000b s616210

1873. Kỳ yếu Những người hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù đày trong kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ / B.s.: Trần Thị Thu Sang, Bùi Thị Kim Hoàng, Ninh Quang Thạnh... - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2025. - 383 tr. : ảnh, bảng ; 24 cm. - 522b

ĐTTS ghi: Huyện ủy Phú Ninh. Ban Tuyên giáo và Dân vận Huyện ủy s617582

1874. La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiếp trong dòng chảy lịch sử - văn hóa Việt Nam : Kỳ yếu Hội thảo khoa học quốc gia Kỷ niệm 300 năm Ngày sinh La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiếp (1723 - 2023) : Tuyển tập các bài viết có phân biện / Phan Ngọc Huyền, Biện Minh Điền, Nguyễn Văn Biểu... - Nghệ An : Đại học Vinh, 2025. - 610 tr. : ảnh, bảng ; 24 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thư mục trong chính văn s616634

1875. Lê Bá Dương. Những bức di thư thành cổ / Lê Bá Dương. - In lần thứ 4. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 118 tr. : ảnh ; 20 cm. - 130000đ. - 2000b s616698

1876. Lê Bá Hiền. Giai thoại các danh nhân Việt Nam : Dành cho tuổi 12+ / Lê Bá Hiền. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 20 cm. - 47000đ. - 2000b

T.4. - 2025. - 109 tr. : tranh vẽ. - Thư mục: tr. 109 s616701

1877. Lê Bá Hiền. Giai thoại các danh nhân Việt Nam : Dành cho tuổi 12+ / Lê Bá Hiền. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 20 cm. - 50000đ. - 2000b

T.5. - 2025. - 117 tr. : tranh vẽ. - Thư mục: tr. 117 s616702

1878. Lịch sử tỉnh Thái Nguyên / B.s.: Trần Thị Nhẫn, Trịnh Sinh, Nguyễn Quốc Sinh... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật. - 27 cm. - 1000b

ĐTTS ghi: Tỉnh ủy - Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên

T.1: Từ khởi nguồn đến năm 1945. - 2025. - 723 tr. : ảnh. - Phụ lục: tr. 676-702. - Thư mục: tr. 703-719 s616151

1879. Lịch sử tỉnh Thái Nguyên / B.s.: Nguyễn Xuân Minh, Nguyễn Văn Thắng, Vũ Thanh Khôi, Trần Thị Nhẫn. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật. - 27 cm. - 1000b

ĐTTS ghi: Tỉnh ủy - Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên

T.2: 1945 - 2025. - 2025. - 763 tr. : ảnh. - Phụ lục: tr. 718-742. - Thư mục: tr. 743-759 s616152

1880. Lịch sử Việt Nam bằng tranh / B.s.: Trần Bạch Đằng (ch.b.), Đinh Văn Liên, Bùi Chí Hoàng ; Họa sĩ: Nguyễn Trung Tín. - In lần thứ 32. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 20 cm. - 35000đ. - 1000b

T.1: Người cổ Việt Nam. - 2025. - 95 tr. : minh họa. - Phụ lục: tr. 75-94. - Thư mục: tr. 95 s616695

1881. Lịch sử Việt Nam bằng tranh / B.s.: Trần Bạch Đằng (ch.b.), Nguyễn Khắc Thuần ; Họa sĩ: Nguyễn Huy Khôi. - In lần thứ 14. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 20 cm. - 35000đ. - 1000b

T.38: Vua Lê Thánh Tông. - 2025. - 99 tr. : minh họa. - Thư mục: tr. 81. - Phụ lục: tr. 82-99 s616696

1882. Lịch sử Việt Nam bằng tranh / Trần Bạch Đằng ch.b. ; Lời: Trần Thị Mai ; Tranh: Lê Tường Thanh. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 20 cm. - 35000đ. - 3000b

T.54: Tây Sơn khởi nghiệp. - 2025. - 88 tr. : tranh vẽ s616697

1883. Lưu Anh Rô. Danh tướng Ông Ích Khiêm (1829 - 1884) - Trung thần buổi vận nước
ngã nghiêng / Lưu Anh Rô. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 431
tr. : ảnh ; 23 cm. - 230000đ. - 1000b
Thư mục: tr. 415-431 s617215
1884. Manvell, Roger. Cuộc đời và cái chết của tiến sĩ Goebbels / Roger Manvell, Heinrich
Fraenkel ; Phạm Bích Lệ dịch. - Huế : Nxb. Thuận Hoá, 2025. - 327 tr. ; 24 cm. - 195000đ. -
1000b
Thư mục: tr. 321-326 s616479
1885. Một thời hoa lửa : Một thế hệ làm nên huyền thoại / Đỗ Minh Quang, Nguyễn Trung
Thu, Nguyễn Hải Như... - Tái bản có bổ sung tư liệu mới. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025.
- 357 tr. : ảnh ; 23 cm. - 150000đ. - 1500b
Phụ lục: tr. 350-357 s616746
1886. Nguyễn Hữu Mạo. Di sản văn hoá tiêu biểu tỉnh Bắc Ninh / B.s.: Nguyễn Hữu Mạo,
Đỗ Thị Thủy. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật. - 24 cm. - 1000b
ĐTTS ghi: Bảo tàng Bắc Ninh
T.1. - 2025. - 827 tr. : ảnh màu. - Phụ lục: tr. 803-815. - Thư mục: tr. 816-822 s617501
1887. Nguyễn Ngọc Tuệ Minh. Đại Việt lược truyện - Từ kỷ Hồng Bàng đến nhà Lê Sơ /
Nguyễn Ngọc Tuệ Minh. - H. : Văn học, 2025. - 199 tr. ; 21 cm. - 100000đ. - 100b s616972
1888. Nguyễn Phương Bảo An. Kể chuyện danh nhân Việt Nam / Nguyễn Phương Bảo
An b.s. - Tái bản lần thứ 12. - H. : Văn học, 2025. - 279 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 21 cm. - 75000đ. -
2000b
Thư mục: tr. 278-279 s616984
1889. Nguyễn Thị Thu Thủy. Việt Nam vươn mình / Nguyễn Thị Thu Thủy ; Minh họa:
ADC. - H. : Văn học, 2025. - 61 tr. : tranh vẽ ; 24x30 cm. - 158000đ. - 5000b s617679
1890. Nguyễn Trang Hương. Kể chuyện danh nhân thế giới / Nguyễn Trang Hương b.s. -
Tái bản lần thứ 13. - H. : Văn học, 2025. - 231 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 21 cm. - 57000đ. - 2000b
Thư mục: tr. 230-231 s616985
1891. Nguyễn Trọng Thực. Địa chí làng Phan Xá / Nguyễn Trọng Thực. - Nghệ An : Nxb.
Nghệ An, 2025. - 254 tr., 12 tr. ảnh : bảng ; 24 cm. - 250000đ. - 200b
Thư mục: tr. 244-249 s616596
1892. Nguyễn Văn Huyền. Địa lý hành chính và tập quán của người Việt cùng 2 di cảo
chưa từng công bố / Nguyễn Văn Huyền ; Dịch: Trần Đình... ; Mai Anh Tuấn b.s., giới thiệu. -
H. : Văn học, 2025. - 304 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 160000đ. - 2000b
Phụ lục: tr. 168-176 s617028
1893. Nguyễn Văn Nọi. Hồi ức lính sinh viên / Nguyễn Văn Nọi. - H. : Văn học, 2025. -
231 tr. : ảnh ; 21 cm. - 120000đ. - 300b s616970
1894. Nguyễn Văn Tàu. Tình báo kể chuyện / Nguyễn Văn Tàu. - In lần thứ 5. - Tp. Hồ
Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 229 tr. : ảnh ; 24 cm. - 200000đ. - 1000b
Tên thật tác giả: Trần Văn Quang s617236
1895. Phạm Công Luận. Sài Gòn ngoảnh lại trăm năm : Hồi ức, sưu khảo, ghi chép về văn
hóa Sài Gòn / Phạm Công Luận. - In lần thứ 3. - H. : Lao động, 2025. - 342 tr. : ảnh, tranh vẽ ;
24 cm. - 218000đ. - 500b
Phụ lục: tr. 325-342. - Thư mục cuối chính văn s617387

1896. Phạm Hồng Tung. Khám phá văn hoá Việt Nam - Từ tiếp cận lịch sử đến tầm nhìn thời đại / Phạm Hồng Tung. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 414 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 226000đ. - 1000b
Thư mục: tr. 405-411 s617483
1897. Phạm Khắc Hòe. Kể chuyện vua quan nhà Nguyễn / Phạm Khắc Hòe. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 118 tr. : ảnh ; 24 cm. - 180000đ. - 1000b s616803
1898. Phạm Phúc Vĩnh. Phong trào tây chay khách trú năm 1919 ở Nam Kỳ : Sách chuyên khảo / Phạm Phúc Vĩnh. - Huế : Nxb. Thuận Hóa, 2025. - 238 tr. ; 21 cm. - 120000đ. - 100b
Thư mục: tr. 143-148 . - Phụ lục: tr. 151-238 s617179
1899. Phạm Thị Thanh Huyền. Hướng dẫn học tập lịch sử văn minh thế giới / Phạm Thị Thanh Huyền, Tống Thị Quỳnh Hương, Ninh Xuân Thao. - In lần thứ 2. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 111 tr. ; 27 cm. - 55000đ. - 1000b s616207
1900. Phan Duy Nghĩa. Hoa Lâm dấu xưa / Phan Duy Nghĩa. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 199 tr. : ảnh ; 25 cm. - 500b s616592
1901. Pomonti, Jean Claude. Một người Việt trầm lặng = Un Vietnamien bien tranquille : Phạm Xuân Ân điệp viên thách thức nước Mỹ! / Jean Claude Pomonti ; Nguyễn Văn Sự dịch. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 203 tr. : ảnh ; 21 cm. - 92000đ. - 2000b
Thư mục: tr. 202-203 s617222
1902. Quanh Lê. Địa chí Axan 2025 / Quanh Lê. - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2025. - 250 tr. : minh họa ; 21 cm. - 1000b
Phụ lục: tr. 195-250 s617578
1903. Sắc phong Hà Tĩnh : Sách tham khảo / Nguyễn Tùng Lĩnh (ch.b.), Phan Đăng Thuận, Nguyễn Trọng Thanh... - Nghệ An : Đại học Vinh. - 24 cm. - 220000đ. - 400b
T.3. - 2025. - 269 tr. : ảnh. - Thư mục: tr. 269 s616635
1904. Smith, Ralph. Mối quan hệ giữa Việt Nam và các nước phương Tây / Ralph Smith ; Hồng Nhung dịch. - Huế : Nxb. Thuận Hoá, 2025. - 237 tr. ; 24 cm. - 145000đ. - 1000b s616480
1905. Sơn Nam. Đất Gia Định xưa. Bến Nghé xưa. Người Sài Gòn : Biên khảo / Sơn Nam. - In lần thứ 10. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 469 tr. ; 20 cm. - 118000đ. - 1000b
Tên thật tác giả: Phạm Minh Tày (Tài) s616740
1906. Tây Sơn khởi nghiệp / Trần Bạch Đằng ch.b. ; Lời: Trần Thị Mai ; Tranh: Lê Tường Thanh ; Tô màu: Nguyễn Thùy Linh. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 87 tr. : tranh màu ; 23 cm. - (Lịch sử Việt Nam bằng tranh). - 65000đ. - 2000b s617405
1907. Thích Đại Sán. Hải ngoại kỷ sự = 海外紀事 / Thích Đại Sán ; Phan Đăng dịch, chú giải. - H. : Thế giới, 2025. - 463 tr. ; 24 cm. - 229000đ. - 1000b
Phụ lục: tr. 451-456 s617115
1908. Trần Đức Tuấn. Hành trình theo chân Bác / Trần Đức Tuấn. - In lần thứ 12. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 351 tr. : ảnh, bản đồ ; 21 cm. - (Di sản Hồ Chí Minh). - 125000đ. - 2000b s616729
1909. Trần Việt Quân. Việt sử kiêu hùng / B.s.: Trần Việt Quân (ch.b.), Thành Châu ; Minh họa: Lê Vũ Quang. - Tái bản lần 2. - H. : Thông tin và Truyền thông. - 25 cm. - (Tủ sách Tinh hoa). - 295000đ. - 5000b
Q.2. - 2025. - 251 tr. : tranh màu. - Thư mục: tr. 249 s617533

1910. Trường Chinh. Cách mạng Tháng Tám - Một trang sử oanh liệt của cách mạng Việt Nam / Trường Chinh. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 198 tr. ; 19 cm. - 56000đ. - 1000b s616000

1911. Tư trị thông giám / B.s.: Tư Mã Quang (ch.b.), Phạm Tổ Vũ, Lưu Thứ, Lưu Ban ; Phạm Thành Long dịch ; Nguyễn Đức Vịnh h.đ. - H. : Văn học. - 24 cm. - 389000đ. - 1000b

Dịch từ nguyên bản Hán văn cổ: 资治通鉴

T.11. - 2025. - 666 tr. : bảng, tranh vẽ. - Thư mục sau trang tên sách. - Phụ lục cuối chính văn s617677

1912. Vai trò của danh nhân Lưu Đình Chất trong lịch sử dân tộc : Kỷ yếu hội thảo khoa học. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 366 tr., 12 tr. ảnh màu ; 24 cm. - 500b

ĐTTS ghi: Hội đồng Khoa học Lịch sử Thanh Hóa... s617482

1913. Võ Thị Mai Chi. Đất nước gấm hoa - Atlas Việt Nam : Dành cho mọi lứa tuổi / Võ Thị Mai Chi b.s. ; Minh hoạ: Hồ Quốc Cường ; Huỳnh Bá Lộc h.đ. - Tái bản lần 3. - H. : Kim Đồng, 2025. - 169 tr. : tranh màu ; 31 cm. - 350000đ. - 3000b

Thư mục đầu chính văn s616299

1914. Vương Hồng Sển. Tả quân Lê và tuồng San Hậu : Di cao / Vương Hồng Sển. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 177 tr. : bảng ; 20 cm. - 190000đ. - 1000b

Phụ lục: tr. 119-175. - Thư mục: tr. 176-177 s616709

1915. Wykes, Alan. Các cuộc mít tinh Nuremberg / Alan Wykes ; Hồng Nhung dịch. - Huế : Nxb. Thuận Hoá, 2025. - 274 tr. ; 21 cm. - 185000đ. - 1000b s616475

ĐỊA LÝ VÀ DU HÀNH

1916. Đào Duy Anh. Đất nước Việt Nam qua các đời : Nghiên cứu địa lý học lịch sử Việt Nam / Đào Duy Anh ; Nguyễn Trọng Đông khảo cứu, bổ chú. - H. : Thế giới, 2025. - 454 tr. : bản đồ, bảng ; 24 cm. - 225000đ. - 1500b

Phụ lục: tr. 369-412 s617144

1917. Hà Văn Thắng. Sử dụng phương tiện dạy học Địa lí / Hà Văn Thắng (ch.b.), Đỗ Thị Thu Hà. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 175 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Tủ sách ĐHSPTPHCM). - 150000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục: tr. 174-175 s616238

1918. Huỳnh Thu Dung. Những ngôi làng cổ tích trên trái đất / Huỳnh Thu Dung. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 127 tr. : ảnh ; 20 cm. - 135000đ. - 1500b s617220

1919. Nguyễn Hữu Hoàng. Giáo trình Tiếng Anh du lịch / Nguyễn Hữu Hoàng (ch.b.), Nguyễn Thị Hồng Nhung, Nguyễn Thị Thúy Huệ. - H. : Lao động, 2025. - 300 tr. : bảng ; 24 cm. - 96000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Học viện Báo chí và Tuyên truyền. - Thư mục: tr. 298-299 s617422

1920. Nguyễn Tam Mỹ. Làng cổ Lộc Yên - Du lịch khám phá và trải nghiệm / Nguyễn Tam Mỹ, Nguyễn Hưng. - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2025. - 103 tr. : ảnh ; 20 cm. - 1020b s617587